

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

CHẾ - ĐỘ TƯ - PHÁP



TỔNG BỘ TƯ - PHÁP

SAIGON

THÁNG 5 NĂM 1967

Lời mở đầu

QUYỀN sách này theo loại của nó không có tham vọng nghiên-cứu khúc-chiết nền Tư-Pháp Việt-Nam. Tuy nhiên, qua các chương từ II tới VIII độc giả ắt sẽ có được những ý niệm chính xác về đại-cương tổ chức Tư-Pháp Quốc-Gia hiện-tại với các thủ-tục tổ tụng hình, hộ. Chương đầu và hai chương chót dành lược dẫn lịch sử nền Tư-Pháp Việt-Nam vào thời cận-đại, và trình-bày đại lược những triển-vọng tương-lai bởi sự chuyển-hướng mãnh-liệt hiện-tại.

Biên soạn vào lúc nước nhà vừa bước sang một giai-đoạn mới mở màn một kỷ-nguyên đầy hứa hẹn cho dân-tộc chúng tôi mong, trong lãnh-vực Tư-Pháp, quyền sách sẽ nói lên những cố gắng không ngừng của toàn thể các luật-gia và nhân-viên Tư-Pháp để canh-tân hoạt-động Tòa-án hầu đáp ứng với những nhu-cầu khẩn-thiết của xứ-sở.

Những cố gắng ấy còn nhằm góp phần xây dựng tinh-thần trọng-pháp trong dân chúng, vì yếu-tố tinh thần rất là thiết-yếu cho sự trường-tồn và lớn mạnh của chánh-hệ dân-chủ tự-do trong thời kỳ tạo lập.

Từ trước đến nay, các hệ-thống pháp-luật tại Việt-Nam đều do giai-cấp chuyên chế hay ngoại-bang thống-trị đặt ra, mục đích tối hậu là để kiểm-soát và cai trị hơn là để bảo đảm, bênh vực và che chở. Vì không có sự tham-gia của người dân, cho nên khó mà được người dân chấp nhận, nói chi được sự tin-tưởng của họ.

Nay đến lúc phải dành cho luật-pháp một địa-vị siêu-dẳng để thiết-lập nền dân-chủ pháp trị. Muốn được địa-vị ấy, hệ-thống luật-pháp phải do dân và vì dân, đúng theo những nguyên-lý của bản Tân Hiến-Pháp.

Thực-hiện được chế-độ dân-chủ chân-chính, với sự nhiệt-thành cộng tác của người dân, thì mới nắm chắc và củng cố được những chiến-thắng quân-sự trên chiến-trường. Nhược bằng không, sẽ khó mà duy-trì những thắng-lợi ấy

Ngay trong việc xây-dựng dân-chủ, nước Việt-Nam sau đệ nhị thế chiến, vừa thoát vòng ngoại thuộc lại phải đương đầu với sự xâm-lược của Cộng-Sản, một chủ-nghĩa tam vô, một chính-sách độc-tài, một chủ trương nô-lệ-hóa con người. Từ lòng đáy Thái-Bình-Dương, ngọn thủy-triều đã bùng dậy, ào-ạt đập vào bờ Việt-Nam, lay chuyển các nước trong vùng và toàn thể thế-giới tự-do.

Thật vậy. Cộng Sản đã phát-động giai-cấp đấu tranh dưới hình thức giải-phóng nhân-dân ; bất chấp luật-lệ quốc-tế và nhân-quyền căn-bản, dùng quân-đội tấn-công miền Nam tự-do, dùng khủng-bố để hủy loại tự-do tư-tưởng và tự-do ý-chí mà chúng mưu toan thay thế bởi một ý-thức tập-thể một chiều. Để giả tạo uy-thế, gây hiểm-họa chung cho các nước ở Thái-Bình-Dương và nền hòa-bình của nhân-loại.

Khắp thế-giới đang đặc-biệt chú ý theo dõi chiến-sự Việt-Nam, vì trần qua được miền Nam tự-do, làn sóng đỏ sẽ lan rộng khắp vùng Thái Bình-Dương, gieo tàn-khốc cho loài người. Thế-Giới Tự-Do còn mong tìm nơi kinh-nghiệm tại Việt-Nam một giải-pháp khả-dĩ đối phó với Cộng-Sản trên mọi mặt trận khác.

Những lo âu chung của các nước đồng-minh những hy-sinh lớn lao của các nước bạn nhận chịu đã giúp cho Miền Nam ngăn chặn các cuộc tấn công về mặt quân-sự của Cộng-Sản. Nhưng vấn-đề là duy-trì một trật-tự vững-bền trên căn-bản luật-pháp, trong sự tôn-trọng tự-do và ý-chí của nhân-dân. Chúng ta phải nhấn mạnh về hai chữ « TỰ-DO », vì phải có tự-do, nhân-dân mới phát-biểu được ý-chí của mình, không thì nguyên-tắc tự quyết chỉ là một biểu-ngữ để Cộng-Sản đục-tài tìm nơi đó một bình-phong che đậy một sự hủy-diệt hoàn toàn khả-năng suy-đoán và quyền lựa chọn của con người.

Chúng tôi mong quyền sách này sẽ thực-hiện được nhịp-cầu thông cảm với các luật-gia yêu chuộng tự-do, và qua những sự trao đổi tài-liệu, ý-kiến dưới mọi hình-thức, cùng rút tĩa nơi kinh-nghiệm của các nước bạn, nền tư-pháp Việt-Nam sẽ được bồi đắp ngày thêm dồi-dào, phong-phú, và tiến-triển theo nhịp của sự tiến-bộ chung của cộng-đồng thế-giới.

Bên trong, muốn xây-dựng một trật-tự vững-bền cho xã-hội, luật-pháp cần nhắm vào ba mục-tiêu, thứ nhất là công-bằng xã-hội để tạo điều-kiện đồng đều cho mọi người phát-huy nhân-phẩm, thứ nhì là ý-chí chung của nhân-dân mà luật-pháp phải thể-hiện qua một chế-độ tự-do dân-chủ chân-chính, và sau cùng là một nền tư-pháp thích-hợp để cho luật nước được tôn-trọng.

Bên ngoài, sự thông-cảm là đầu mối cho sự đồng tình về quan-điểm về chủ-trương tiến-hóa đồng nhịp để thắt chặt mối tương-quan và sự đoàn-kết giữa các nước hữu hòa-hợp hành-động, đặc-biệt trong lãnh vực luật-pháp, nhằm thực-hiện và củng-cố nền hòa-bình vĩnh cửu chẳng riêng cho Việt-Nam, mà chung cho thế-giới. **Hòa-bình phải là một nền hòa-bình bởi luật-pháp trong sự tự-do chứ không phải bởi võ-lực trong sự nô-lệ-hóa con người.**

Saigon, ngày 15 tháng 5 năm 1967

Tổng Ủy-Viên Tư-Pháp

TRẦN - MINH - TIẾT

QUÝ VỊ TỔNG-TRƯỞNG

ĐÃ ĐIỀU-KHIỂN NGÀNH TƯ-PHÁP

từ ngày Việt-Nam thu hồi chủ-quyền Tư-Pháp đến nay



◁ 1.— Ô. NGUYỄN-KHẮC-VÊ

Sinh ngày 24-11-1896 tại Trà-vinh

Tiến-Sĩ Luật-Khoa, Nguyên Chánh-Nhất Tòa Thượng-thẩm
ngạch Pháp Quốc.

Tổng-Trưởng Tư-Pháp từ ngày 1-6-1948 đến tháng 4
năm 1952.

Đã thiết lập các Tòa-án Quốc-Gia Việt-Nam đầu tiên
ngày 1-3-1950.

Ông đã viết : *Le Magistrat dit le Droit à ses semblables,
dicté en cela par son savoir et sa seule conscience. Et
la conscience du magistrat refuse d'accepter la con-
trainte, car là où celle-ci existe, il ne peut y avoir
de juge* ».

2.— Ô. VƯƠNG-QUANG-NHƯỜNG ▷

Sinh ngày 1-1-1902 tại Gò-công. Từ trần tháng 5 năm 1962
tại Saigon.

Tiến-Sĩ Luật-Khoa.

Nguyên Thủ-Lãnh Luật-Sư Đoàn Tòa Thượng-Thẩm Saigon.

Tổng-Trưởng Tư-Pháp từ tháng 4 đến tháng 6 năm 1952.

Đã cải tổ và giản-dị-hóa thủ tục xin án thế-vi khai-sanh

Ông đã viết : *La tradition de la magistrature a été de
donner partout l'exemple de la tenue, de la conduite
et de la moralité. Cette belle tradition doit être la ligne
de conduite de tous les magistrats qui ne doivent
pas perdre de vue tout le prix que j'attache à la
dignité de leur vie privée* ».



◁ 3.— Ô. LÊ-TẤN-NĂM

Sinh ngày 22-4-1899 tại Cao-Lãnh (Kiến-Phong).

Tốt-nghiệp Trường Pháp-Chánh Hà-nội. Nguyên công-chức
cao cấp ngạch Hành-Chánh Nam-Phần và nguyên Đô-
Trưởng Saigon.

Tổng-Trưởng Tư-Pháp từ tháng 6 năm 1952 đến tháng
Giêng năm 1954.

Đã đốc-suất việc soạn-thảo quy-chế ngạch Thâm-Phán Tư-
Pháp và phổ-biến tiêu tự-vưng pháp-lý thống-nhất.
Góp phần vào việc ban hành quy-chế đầu tiên của Luật-
Sư Đoàn.



4.— Ô. NGUYỄN-VĂN-ĐẠM ▷

Sinh ngày 4-2-1904 tại Nam-Vang.

Từ trần ngày 1-3-1966 tại Saigon.

Cử-Nhân Luật-Khoa.

Nguyên Luật-Sư và nguyên Chương-Lý đầu tiên Tòa
Thượng-Thẩm Quốc-Gia Saigon.

Tổng-Trưởng Tư-Pháp từ ngày 1-3-1954 đến ngày 6-7-1954.

Đã tham-gia phái đoàn sang Paris (Pháp-quốc) thương
thuyết về việc bãi bỏ các tòa-án hỗn-hợp Việt-Pháp.





◁ 5.— Ô. BÙI-VĂN-THINH

Sinh ngày 10.12-1913 tại Sa-đéc.

Cử-Nhân Luật-Khoa. Nguyên Thâm-Phán tư-pháp cao cấp
Tổng-Trưởng Tư-Pháp từ ngày 7-7-1954 đến ngày 9-5-1955.
Đã đặt quy-chế các ngạch Thâm-Phán Tòa Phá-Án, Thâm-
Phán Hành-Chánh, Chương - Khế và tổ-chức Tham-
Chính-Viện.

Đã xếp hạng lại các quyền Thâm-Phán vào ngạch Thâm-
Phán các Tòa Sơ-Thâm và Thượng-Thâm thiết-lập do
Dụ số 3 ngày 29.3.1954.

Đại diện Chánh-Phủ Việt-Nam ký-kết Hiệp định tư-pháp
ngày 16-9-1954 bãi bỏ các Tòa-án hỗn-hợp Việt-Pháp.

6.— Ô. NGUYỄN-VĂN-SĨ ▷

Sinh ngày 4-4-1912 tại Trà-Vinh.

Cử - Nhân Luật - Khoa. Nguyên Chánh - Nhứt Tòa
Thượng-Thâm Saigon.

Tổng-Trưởng Tư - Pháp từ ngày 10-5-1955 đến ngày
22-10-1960.

Đại diện Chánh-Phủ Việt-Nam ký kết Hiệp-định Việt-
Pháp ngày 16-8-1955 về quốc-tịch.

Đã viết quyền «Người dân bà Việt-Nam» (1952) và xuất
bản tập-san «Pháp-Luật» (1956-1957).

Đã đề ra phương-châm sau đây để áp-dụng trong
ngành Tư-Pháp :

*« Công-bình tánh tốt ở đời,
Vô tư, liêm-khiết thì Trời độ ta »*



◁ 7.— Ô. NGUYỄN-VĂN-LƯƠNG

Sinh ngày 15-6-1912 tại Nam-Định.

Cử-Nhân Luật-Khoa.

Nguyên Thâm-Phán tư-pháp cao cấp.

Tổng - Trưởng Tư - Pháp từ ngày 23-10-1960 đến ngày
31-10-1963

Đã tổ-chức các buổi hội-thảo các Thâm-Phán, mở lớp
huấn-luyện các Thâm-Phán tập-sự và thiết-lập Phòng
chỉ dẫn pháp-luật tại các tòa-án.

8.— Ô. NGUYỄN-VĂN-MÀU ▷

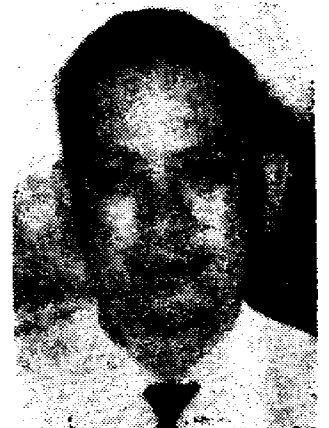
Sinh ngày 18-9-1913 tại Chợ-lớn.

Cử-Nhân Luật-Khoa.

Nguyên Thâm-Phán tư-pháp cao cấp.

Tổng-Trưởng Tư-Pháp từ ngày 1-11-1963 đến ngày 3-11-1964.

Đã góp phần vào việc ban hành Luật Gia-Đình 1964 và
Luật cho phép các Quận-Trưởng Hành-Chánh kiêm nhiệm
chức-vụ Thâm-Phán Hòa-Giải.





◁ 9. — Ông LỮ-VĂN-VI

Sanh ngày 1-2-1905 tại An-Giang.

Tiến-Sĩ Luật-Khoa.

Nguyên Thủ-Lãnh Luật-Sư Đoàn Tòa Thượng-Thẩm Saigon.

Tổng-Trưởng Tư-Pháp từ ngày 4-11-1964 đến ngày 18-7-1966.

Đã góp phần vào việc thiết lập thêm Tòa-án. Đốc suất việc soạn-thảo các Bộ Luật căn bản: Hình, Hộ, Thương-Mãi và Luật Tố-Tụng.

10. — Ô. TRẦN-MINH-TIỆT

Sanh ngày 28-12-1922 tại Gia-định.

Cử-nhân Luật-khoa, Nguyên Thẩm-Phán tư-pháp cao-cấp.

Ủy-Viên Nội-Vụ kể từ ngày 19-6-1965.

Tổng-Trưởng Tư-Pháp từ ngày 29-7-1966 đến nay.

Tham gia khóa Hội-Thảo về Bảo-vệ Nhân-Quyền và điều-hành tài-phán hình-sự tại Wellington (1961) và Hội-Nghị Hòa-Bình Thế-Giới qua Luật Pháp tại Washington (1965), tại Genève (1967).

Tham dự khóa họp đầu tiên của Hiệp-Hội Thế-Giới các Thẩm-Phán tại Genève (7-1967) và Khóa họp thường niên của Liên-Hiệp Luật-Sư Đoàn tại San Francisco (7-1967) và Honolulu (8-1967).

Hướng dẫn một phái đoàn Thẩm-Phán cao-cấp đi quan sát nền Tư-Pháp tại các Quốc-Gia: Phi-Luật-Tân, Trung-Hoa Quốc-Gia và Đại-Hàn Dân-Quốc (6-1967).

Chủ-Tịch Ủy-Ban Soạn-Thảo Bộ Dân-Sự Tố-Tụng và Ủy-Ban Nghiên-Cứu Pháp-Luật.

Chủ-trương «Tòa đến với dân» và Thanh-tra sâu rộng các Tòa-án.

Thiết-lập các phiên xử lưu-động cấp Sơ-Thẩm và Thượng-Thẩm.

Phổ biến sách chỉ dẫn luật-pháp thường thức nhằm giáo-dục dân chúng tại nông-thôn với phương-châm «*Biết Luật mới trọng Luật và tin-tưởng nơi sự che chở của Luật-Pháp*».



CHƯƠNG I

TỔ-CHỨC TƯ-PHÁP QUA CÁC THỜI-ĐẠI

Lược-sử tư-pháp có thể phân ra ba thời-kỳ :

- a) Thời-kỳ chịu ảnh-hưởng Trung-Hoa
- b) Thời-kỳ chịu ảnh-hưởng Âu-Tây
- c) Thời-kỳ phục-hưng

Mỗi thời-kỳ nên xét xem :

- 1) Cách tổ-chức
- 2) Luật-pháp áp-dụng

I. — THỜI-KỲ CHỊU ẢNH-HƯỞNG TRUNG-HOA

Thời-kỳ này phân ra 2 giai-đoạn :

- 1) — *Giai-Đoạn Thượng-cổ và Bắc-Thuộc :*
(2879 trước Tây-lịch — 939 sau Tây-lịch)

Thượng-cổ thời-đại của Việt-Nam khởi từ đời Hồng-Bàng năm 2879 trước Tây-lịch kỷ-nguyên và chấm dứt năm 111 trước Tây-lịch, lúc nhà Triệu bị quân nhà Tây-Hán chiến-thắng. Tiếp theo là Bắc-thuộc thời-đại trong khoảng 111 trước Tây-lịch đến 931 sau Tây-lịch.

Đời sống dân-tộc Việt-Nam mấy ngàn năm đầu từ khi lập quốc chỉ lưu lại trong quốc-sử ít trưng sơ-lược đầy thần-thoại. Nên với tổ-chức thô-sơ của xã-hội thời bấy giờ, chỉ có thể suy-luận rằng những ác-mạng và những vụ tranh-chấp đều do kẻ tôn-trở ỉg có uy-tía nhưt trong vùng phân-xử theo lẽ phải và tục-lệ. Cũng có thể khiêu-nại lên tới tù-trường đứng đầu bộ-lạc.

Rốt thời-đại thượng-cổ, nhà Triệu (207 — 111 trước Tây-lịch) gốc người Tàu khởi đem văn-hóa Trung-Ngu, ến vào lãnh-thổ nước Nam. Lúc ấy nhằm hồi Tân-mạt, Hán Sơ, văn-minh Tàu đã đến trình-độ cao, vượt xa các lân-bang. Chế độ pháp-trị đã thay thế chế-độ nhân-trị từ lâu. Tổ-chức tư-pháp có thể phỏng đoán không khác bao nhiêu với đời sau. Văn-quan cai-trị kiến-lãnh quyền tài-phân từ cấp huyện lên quận. Có thể kháng-cáo lên quan thái-thủ đại-biêu tối-cao của triều-đình trong toàn cõi. Pháp-chế có ngũ-hình : tội chết, tội đồ có hạn, tội đồ không hạn, tội giam, tội phạt tiền. Ngoài ra có phép đánh bằng roi da, tội lưu, phép chặt chân, gọt đầu, bêu đầu, xé thây, lăng trì (chặt tay chân, thẻo thịt lần lần), mổ, muối. Thế nào nhà Triệu và suốt thời-đại Bắc-thuộc, quan-lại Tàu cũng áp-dụng các hình-phạt ấy cho dân-chúng Giao-chỉ là tổ-tiên của nước Nam.

Uy-quyền của kẻ chiến-thắng tạo nên bởi võ-lực. Chính uy-quyền ấy đặt ra pháp-luật. Như vậy, pháp-luật đó cốt yếu để chế-ngự hơn là bảo-vệ dân-tộc bị trị.

2) — *Giai-đoạn Tự-chủ (939 — 1884) :*

A. — NỀN TƯ-PHÁP — ĐẶC-ĐIỂM.

Giai-đoạn tự-chủ khởi năm 939 lúc Ngô-Quyền đánh đuổi quân Tàu về nước nhằm đời Ngũ-Quy. Kết-thúc ngày 6.6-1884 khi Nguyễn-Triều ký hòa-ước Giáp-Thân với Pháp-Quốc như nhận cuộc bảo-hộ của nước này.

Tuy nước Nam thâu-hồi trọn vẹn chủ-quyền về bình-diện chánh-trị khi thời-kỳ Bắc-thuộc kết-liệu, song đã chịu ảnh-hưởng sâu-rộng của Trung-Nguyên đến đờ-bộ trót ngàn năm, trên mọi lãnh-vực. Vì lý-do đó, tổ-chức tư-pháp Việt-Nam trong giai-đoạn này có nhiều điểm giống hệt khuôn-mẫu Tàu, kể ra sau :

— Theo quan-niệm Nho-giáo là nền-tảng xã-hội đờng-bộ Á-Châu, nước được coi như một đại gia-đình, Vua là Chúa-tể của nước, tự xưng « Dân chỉ phụ mẫu », và với sự phò tá của văn-quan, võ-tướng, cai-trị bá-tánh, điều-kiện ba quân, Vua cũng chung quyết các vụ án trọng yếu.

— Nguyên-tắc phân-quyền hành-chánh và tư-pháp không được áp-dụng. Quan cai-trị nắm luôn quyền phân-xử, theo phương-châm là quan đại-diện Vua và cũng như Vua, được coi như « Dân chỉ phụ mẫu ». Cách ấy khó bề tránh sự chuyên-đoan và lạm-quyền, gây nên lắm bất-công.

— Không có pháp-đình riêng-biệt. Công-đường hay công-môn là chỗ hành-sự sửa quan cai-trị biến-thành tụng-đình khi có phiên-xử.

— Không phân-biệt vụ hình và vụ hộ.

Đáng-khác có sự nhận-xét rằng từ giữa thế-kỷ 17 nhằm đời vua Thần-Tông nhà Hậu-Lê (1649—1662) trở về trước, không có tài-liệu đích-xác về tổ-chức tư-pháp nước ta. Từ thời đó về sau, cách tổ-chức tư-pháp mới thấy tấn-triển càng ngày càng khả-quan hơn.

a) *Tổ-chức trước năm 1649 :*

Từ đời nhà Đinh (968—980) trải qua đời nhà Tiền Lê (980—1009), nhà Hậu-Lý (1010—1225) và nhà Trần (1225—1400) tới hồi đầu đời vua Lê-Thánh-Tông nhà Hậu-Lê (1460—1497), không có chi rõ-rệt về vấn-đề này. Còn dưới triều Lê-thánh-Tông, theo sử, Việt-Nam chia ra 12 đạo, mỗi đạo chia ra nhiều phủ, mỗi phủ chia ra nhiều huyện hoặc châu. Mỗi đạo có một tòa Đô coi việc binh, một tòa Thừa coi việc hành-chánh và một tòa Hiến coi việc hình-án. Đứng đầu tòa Hiến có Hiến-sát chánh-sứ và Hiến-sát phó-sứ. Dưới quyền kiểm-soát của tòa Hiến, các quan phủ, huyện, châu đều có quyền xét xử các vụ kiện-cáo.

Ngoài ra có ban hành bộ luật Hồng-Đức còn lưu-truyền tới nay.

b) *Tồ-chức từ 1649 đến 1884 :*

Cần chia thời-kỳ này ra làm ba khoảng :

1. Từ đời vua Lê-Thần-Tông cho đến hết đời Lê (1649—1788).
2. Đời Nguyễn Tây-Sơn (1788—1802).
3. Từ đời vua Thế-Tò, niên - hiệu Gia-Long khai-sáng nhà Nguyễn cho tới ngày nước Nam bị Pháp bảo-hộ (1802—1884).

Khoảng từ đời Lê-Thần-Tông đến mãn đời Hậu-Lê (1649—1788)

Dưới triều vua này, các thẩm-cấp tòa-án được ấn-định ra 6 cấp :

- Tòa đệ-nhứt cấp điều-khiển bởi quan huyện.
- Tòa đệ-nhi cấp chủ-tọa bởi quan phủ.
- Tòa đệ-tam cấp ở mỗi Đạo gọi là Thừa Ty, chỉ-huy bởi Thừa-Chánh-Sứ.
- Tòa đệ-tứ cấp, gọi là Hiến-Ty cũng đặt ở mỗi Đạo, cai-quản bởi Hiến-Sát-Sứ, có phận-sự xét lại các án-vấn của Thừa-Ty.
- Tòa Phúc-thẩm ở mỗi Đạo gọi là Tòa Giám-sát, điều-khiển bởi quan Giám-sát hay quan Cai-Đạo, có nhiệm-vụ xét lại các phán-quyết của các tòa dưới : Hiến-Ty, Thừa-Ty, Phủ-Nha, Huyện-Nha.
- Tòa-án tối cao gọi là Ngự-sử-đài đặt tại Kinh-đô. Thành-phần gồm các quan Ngự-sử.

Dĩ-nhiên, quyền chung-quyết luôn luôn trực-thuộc nhà Vua.

Khoảng đời Nguyễn Tây-Sơn (1788.1802)

Nhà Tây-Sơn trị-vì không bao lâu, trong vòng 14 năm. Máng lo chính-chiến liên-miên, vua quan Tây-Sơn không rảnh tay để xây đắp một nền hành-chánh và tư-pháp mới khác hơn điển-chế nhà Lê. Dầu sao, sử-ký không đề-cập tới địa-hạt đó.

Khoảng đời nhà Nguyễn từ vua Thế-Tò niên-hiệu Gia-Long tới hòa-ước bảo-hộ ký với Pháp-quốc (1802.1884)

So với đời Hậu-Lê, hệ-thống tư-pháp nhà Nguyễn giảm bớt cấp bậc hơn nhiều.

Chỉ có ba cấp tòa-án :

— Tòa sơ-cấp ở huyện và phủ do tri-huyện, tri-phủ phụ-trách. Tòa đệ-nhi cấp ở tỉnh điều-kiển bởi hai sát-sứ xét việc hình và bố-chánh-sứ xét việc hộ, dưới quyền kiểm-soát của quan đầu tỉnh, tổng-đốc hoặc tuần-phủ.

— Pháp-dinh tối-cao là Tam-pháp-ty, cơ-quan tài-phán gồm có các quan các-cấp ở Đại-lý-tự, Đô-sát-viện và Hình-bộ, có phạm-sự phúc-thẩm các án xử phạt từ tội đồ trở lên (như tội lưu, tội tử, nghĩa là tội đi đày, tội chém) do tòa tỉnh theo lệ đệ lên bộ Hình hoặc do đương-sự trực-tiếp khiếu-nại.

— Trên hết có vua chung-quyết vì Hoàng-đế, theo quan-niệm xưa quân-chủ thân-quyền, gồm tất cả quyền hành-pháp, lập-pháp và tư-pháp.

Ngoài ra lúc Nguyễn sơ có ban-hành bộ Hoàng-Việt luật-lệ thường gọi là luật Gia-Long sẽ nói rõ ở sau.

B. — LUẬT-PHÁP ÁP-DỤNG TRƯỚC 1884.

Từ đời nhà Đinh tới đời nhà Nguyễn, đã trải qua các triều đại Tiền-Lê, Hậu-Lý, Trần, Hậu-Lê, nước Nam được tổ chức về mọi phương-diện mô-phỏng theo lân-quốc không lờ phía Bắc, có nền văn-minh tối-cổ và đã từng đó-hộ Việt-Nam suốt ngàn năm. Các triều-đại thế nào cũng có ban-hành luật-pháp thành-văn. Song vì nước Nam vô phúc thường bị ngoại xâm, nội loạn, nên tài-liệu pháp-lý mất-mát phần nhiều, chỉ còn lưu-truyền bộ « Quốc-triều hình-luật » ban-bố dưới niên-hiệu Hồng-Đức (1471-1497) triều Thánh-Tông nhà Hậu-Lê và bộ « Hoàng-Việt Luật-lệ » ban-hành năm 1812 bởi Thế-Tổ nhà Nguyễn, niên-hiệu Gia-Long.

Hai bộ luật kể trên thường gọi là luật Hồng-Đức và luật Gia-Long, theo cổ-tục Đông-Phương, không phân-biệt các ngành luật hình, luật hộ, được xây-dựng trên nền-tảng vừa luân-lý, vừa pháp-luật, chú-trọng đặc-biệt tới việc bảo-vệ cang-thường đạo-nghĩa không kém an-ninh quốc-gia và trật-tự công-cộng. Theo hai bộ luật ấy những vi-phạm hộ-sự cũng bị trừng-trị không khác tội hình. Ví-dụ : không trả nợ bị đánh bằng trượng (thanh tre không bỏ mấu, mắt, dài 3 thước 5 tấc, đầu lớn 5 phân, đầu nhỏ 2 phân 5 ly).

Bộ luật Hồng-Đức hơn bộ luật Gia-Long ở điểm này : luật nhà Lê quy-định rất nhiều điều-khoản liên-hệ đến quyền-lợi tư-nhân, đại-khái về vấn-đề hôn-sản, thừa-kế và hương-hỏa. Điều-khoản về loại tư-sản này có sắc-thái đặc-biệt Việt-Nam, không có điều tương-tự trong cổ-luật Trung-Hoa. Luật Hồng-Đức phản chiếu một cách trung-thành hoàn-cảnh chánh-trị xã-hội của dân-lộc Việt-Nam vào khoảng các thế-kỷ 15, 16, 17 và biểu-lộ một nội-dung phong-phú, một kỹ-thuật pháp-lý khả-quan.

Luật Gia-Long mô-phỏng chặt-chẽ theo khuôn-mẫu bộ luật triều Mãn-Thanh, chỉ chú-trọng đến các vấn-đề an-ninh quốc-gia và trật-tự xã-hội. Vì thế bị bỏ rơi hầu hết các điều đặc-sắc của pháp-chế cũ. Thành-thử, mỗi khi cần-thiết, tòa-án viên-dân những điều-luật nhà Lê bị phũ phàng, song được coi như tục-lệ cổ-truyền.

Ngót hai mươi năm giặc-giã, kỹ-cương đồ-nát, nhân-tảm ly-tán. Ngoài ra, ảnh-hưởng Nho-giáo dương hồi cương-thành, cho nên nhà làm luật lúc Nguyễn sơ, dùng đầu óc Tiên-quan Nguyễn-văn-Thành, vấn võ kiêm văn, nhằm mục-tiêu văn-hồi trật-tự, kiện-toàn xã-hội, phát-huy luân-thường, đặt quyền-lợi quốc-gia lên trên hết. Do đó luật-pháp có màu sắc toán-lý, không có sự phân-biệt hệt hình và luật hộ và mỗi vi-phạm đều được coi có tánh-cách trật-tự công cộng và có kèm hình-phạt thích-ứng. Lại nữa không dung-nạp những điều luật nhà Lê liên-quan tới quyền-lợi tư-nhân, phả-chiếu trung-thành tục-lệ nước Nam. Vì như vấn đề của riêng của đầu bà có chồng là di-tích của chế-độ mẫu quyền thuở xưa.

II. — THỜI-KỲ CHỊU ẢNH-HƯỞNG AU-TÂY.

A. — NỀN TƯ-PHÁP CANH-CẢI (1884—1945)

Hòa-ước Giáp-Thân ngày 6-6-1884 đặt dưới sự bảo-hộ của nước Pháp, một nước Nam còn gồm lãnh-thổ Trung-Kỳ và Bắc-Kỳ mà thôi. Bởi vì Nam-Kỳ đã bị cắt đứt làm thuộc-địa Pháp theo Hiệp-định ngày 5-6-1862.

Năm 1898 ba thành-phố Hà-Nội, Hải-Phòng, Đà-Nẵng trở thành nhượng-địa của Pháp-quốc do một chỉ-du của vua Đồng-Khánh.

Từ khi có cuộc bảo-hộ của Pháp-quốc, tình-trạng chánh-trị, hành-chánh và tư-pháp của nước Nam bị canh-cải rất nhiều tùy vùng và tùy binh-diện. Về mặt thật-tế cũng như về mặt pháp-lý, cuộc đô-hộ này được coi như kết liễu ngày 9-3-1945 và nước Việt-Nam giành lại quyền tự-chủ, vì ngày đó chánh-quyền bảo-hộ bị quân Nhật lật đổ và việc cai-trị do Nam-triều đảm-nhận.

Ở đây chỉ đề-cập tới nền tư-pháp từ 6-6-1884 đến 9-3-1945.

Vậy nên phân-biệt hệ-thống tư-pháp như sau :

a) — Tổ-chức tòa-án Việt-Nam

b) — Tổ-chức tòa-án Pháp.

1) — Tổ-chức tòa-án Việt-Nam

Tại BẮC :

Ở Bắc có 3 cấp tòa-án :

— Các tòa-án sơ-cấp hay đệ-nhứt cấp

— Các tòa-án đệ-nhi cấp

— Một tòa-án đệ-tam cấp.

Các tổ chức tư-pháp này được ấn-định rõ trong bộ Bắc-kỳ Pháp-Viện Biên chế (Code d'organisation judiciaire du Tonkin) ban bố năm 1921.

Đứng đầu các tòa-án Việt-Nam tại Bắc hồi đó có một thẩm-phán Pháp mà bộ luật «Bắc.Kỳ Pháp.Viện Biên.Chế» gọi là quan Nam-Án Thủ-Hiến Bắc.kỳ (Chef de la Justice indigène au Tonkin). Chức vụ này giao cho chương-ly, giám-đốc sở tư-pháp Đông-Dương. Viên-chức này không trực-thuộc triều-đình Huế mà chỉ giao.thiếp thẳng với thống-sứ Bắc-kỳ kiêm lãnh chức kinh-lược-sứ, đại-biêu của Nam-Triều (Du ngày 26.7.1897).

Các tòa-án nói trên có thẩm-quyền về hình-sự, hộ-sự, thương-sự đối với người bản-quốc sanh ngoài thuộc-địa và nhượng-địa Pháp, trong nước Việt-Nam.

Tòa-án sơ-cấp chỉ xử về hình, các tội vi-cảnh, và về hộ các vụ tranh-chấp liên-hệ động-sản tới giá-mục quy-định.

Chủ-tọa tòa-án sơ-cấp có tri-phủ, tri-huyện hoặc tri-châu được phụ-tá bởi một lục-sự.

Tòa-án đệ-nhi cấp thường gọi là tòa-án tỉnh, điều-khiển bởi chánh công-sứ người Pháp kiêm chức chánh-án thiết-thọ. Viên-chức này được thay thế bởi 1 chánh-án dự-khuyết người Nam có trật bổ-chánh-sứ hay án-sát-sứ.

Tòa-án tỉnh thường có thêm một phụ-thẩm chọn trong hàng tri-phủ.

Khi tòa đang-đường, ngoài chánh-án ra, có một phụ-thẩm cử trong hàng quan-lại Việt-Nam và một lục-sự người bản-quốc. Không có đại-diện công-tổ-viện cũng như tại tòa hòa-giải rộng-quyền Pháp.

Tòa-án tỉnh có quyền xét-xử cả những việc tiểu-hình mà cả việc đại-hình.

Tòa đệ-tam cấp cũng gọi là viện kháng-tổ. Ấy là tòa-án duy-nhất tối-cao của Bắc-kỳ. Trên thật-tề, trách-vụ của tòa-án ấy được đảm-nhận bởi phòng-nhi tòa thượng-thẩm Pháp tại Hà-nội mà thành-phần gồm có một chánh-thẩm Pháp (lựa chọn trong hàng chánh-nhứt, chánh-án phòng hoặc hội-thẩm niên-trưởng) và 2 phụ-thẩm trong số đó có một thẩm-phán Pháp và một Nam quan (chọn trong hàng tuần-phủ và tổng-đốc). Dĩ-nhiên tại phiên-xử có một đại-diện công-tổ.viện là người Pháp.

Thẩm-quyền của tòa đệ-tam cấp rất rộng-rãi, vì có quyền xét-xử việc kháng-cáo (appel), việc thượng-tổ và việc phán-định thẩm-quyền.

Chỉ tại tòa cấp này trạng-sư mới được phép biện-hộ.

Tại TRUNG :

Ở Trung có 3 cấp tòa-án :

— Các tòa-án sơ-cấp hay đệ-nhứt cấp

— Các tòa-án đệ-nhi cấp.

— Một tòa-án đệ-tam cấp.

Các tòa-án ấy đều đặt dưới quyền chỉ-huy của Hình-bộ thượng-thơ và sự kiểm-soát của chánh-phủ bảo-hộ Pháp.

Các tòa-án có thẩm-quyền về hình-sự, hộ-sự, thương-sự đối với người bản-quốc saub trường ngoài thuộc-địa và nhượng-địa Pháp và trong nước Việt-Nam.

Tổ-chức tòa-án Trung có vài đặc-diểm :

a) Không có mặt công-lỗ-viện tại các tòa-án bất-cừ ở cấp nào.

b) Quyền biện-hộ của trạng-sư không được chấp-nhận trước bất luận tòa-án nào.

Tòa-án sơ-cấp hay đệ-nhi cấp điều-khiển bởi tri-phủ, tri-huyện hay tri-châu, được phụ-tá bởi một lục-sự, được quyền xử tội tiền-hình và các vụ tranh-chấp liên-quan đến bất-động-sản và nhân-thế như ly-dị, tìm phụ-hệ v. v.. Như vậy thẩm-quyền rộng-rãi hơn tòa đồng cấp ở Bắc.

Thành-phần các tòa đệ-nhi cấp nhiều ít tùy phân-khu hành-chánh lớn nhỏ. Tại tỉnh lớn chánh-thâm là tổng-đốc, con phụ-thâm là án-sát và bổ-chánh. Ở tỉnh nhỏ chánh-thâm là tuần-vũ hay tuần-phủ và phụ-thâm là án-sát. Tại các Đạo ở Cao-nguyên, chánh-thâm là Quận-Đạo. Ở Thừa Thiên, chánh-thâm là Phủ-Doãn, phụ-thâm là Phủ-Thừa.

Tòa-án đệ-nhi cấp có quyền sơ-thâm tội đại-hình và xét các vụ kháng-cáo tiền-hình và các việc tranh-tụng hộ, thường do tòa sơ-cấp đưa lên.

Thành-phần tòa đệ-tam cấp gồm :

a) — Trước cuộc cải-cách năm 1942 :

Chánh-thâm là Thượng-thơ bộ hình và viên quan phụ-tá ; Tham-tri, Thị-Lang, Tá-Lý.

Mỗi khi xử các vụ liên-hệ tới người trong hoàng-tộc, phải có đại-diện Tôn-Nhơn Phủ ngồi ghế phụ-thâm.

b) — Sau cuộc cải-cách 1942, dưới danh-hiệu mới là Tòa phúc-thâm :

Một Chánh-thâm (không phải là thượng-thơ bộ hình), và 3 phụ-thâm đều lựa trong ngạch quan-lại.

Tòa Phúc-thâm chia ra 3 ban có quyền chung-quyết : ban đại-hình, ban tiền-hình và ban hộ thương.

2) — Tổ-chức tòa-án Pháp tại Việt-Nam

Tòa-án Pháp thiết-lập chẳng những trên lãnh-thổ Pháp (thuộc-địa Nam-kỳ và 3 thành-phố nhượng-địa Hà-Nội, Hải-phòng và Đà-Nẵng) mà còn luôn trên đất bảo-hộ Pháp (thị-trấn Vinh ở Trung và Nam-định ở Bắc và các tỉnh ly có công-sứ-quân kiêm lãnh chức-vụ tài-phán).

Cách tổ-chức các tòa-án đó mà-phỏng theo chế-độ tư-pháp của Pháp-quốc và các thuộc-địa cổ-cựu của xứ ấy, xét thấy tấu-bộ hơn cách tổ-chức tư-pháp tại Trung Bắc. Thật vậy, được áp-dụng nguyên-tắc phân công về hình-sự giữa ba cơ-quan : truy-tố, thẩm-cựu và phân-xử trong nội bộ pháp-đình từ tòa sơ-thẩm trở lên và nguyên-tắc phân-quyền hành-chánh và tư-pháp (có ngạch thẩm-phán riêng-biệt). Ngoài ra cũng được tôn-trọng quyền biệ-nhộ của trạng-sư.

Tuy nhiên, vì thiếu người chuyên-môa và vì số vụ thọ-lý ít-oi, có một số tòa-án như tòa hòa-giải rộng-quyền và tòa-án công-sứ (tribunaux résidentiels) thiết-lập không theo đúng các nguyên-tắc nêu ở trên. Tại tòa hòa-giải rộng-quyền, việc truy-tố, thẩm-cựu và phân-xử tập-trung vào tay của chánh-án được phụ-tá nhiều khi bởi một thẩm-phán dự-khuyết. Còn tòa-án công-sứ (tribunaux résidentiels), đặt ngoài quần-hạt tòa-án thuộc hệ-thống tư-pháp thường, được tổ-chức tương-tự tòa Nam-Áo, nghĩa là chủ-tọa bởi công-sứ hoặc phó công-sứ đều là viên-chức hành-chánh.

Các thẩm-cấp tài-phán gồm có :

- Tòa Hòa-giải thường,
- Tòa Hòa-giải Rộng-quyền (gồm có tòa-án công-sứ),
- Tòa Thượng-thẩm,
- Tòa Đại-hình.

Tòa Hòa-Giải thường

Có hai hạng tòa hòa-giải thường :

Tòa hòa-giải do một thẩm-phán Pháp chủ-tọa và tòa hòa-giải do một thẩm-phán Việt-Nam điều-khiển.

Tòa hòa-giải chủ-tọa bởi người Pháp có ba tòa : một ở Saigon, một ở Hà-Nội và một ở Hải-phòng. Ngồi ghế công-tổ-viện là một viên cảnh-sát-trưởng.

Tòa này xét xử về hình các tội vi-cảnh, về hộ thương các vụ tranh-chấp về động-sản và đối nhân theo gia-mục quy-định.

Tòa hòa-giải điều-khiển bởi người Việt-Nam thiết-lập do Nghị-định toàn-quyền ngày 5-7-1928 chỉ chánh-thực hoạt động tại Cà-Mau, Gò-Công, Sa-đéc, Tây-Ninh và Thủ-đầu-Một. Bên cạnh không có công-tổ-viện. Thẩm-quyền tương-tự với tòa hòa-giải Pháp song chỉ đối với người bản-quốc và người đồng-hóa.

Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền

(gồm có tòa-án công-sứ)

Ở Nam có 3 tòa hòa-giải rộng-quyền nằm trong quản-hạt tòa thượng-thẩm Saigon : tòa Bà-Rịa coi luôn Vũng-Tàu, tòa Biên-Hòa quản hạt gồm 2 tỉnh Biên-Hòa và Thủ-dầu.Một, và tòa Tây-Ninh.

Ở Bắc và Trung, có 2 tòa hòa-giải rộng-quyền : một ở Nam-Định quản-hạt gồm 3 tỉnh Nam-Định, Thái-Bình và Hà-Nam ; một ở Vinh quản-hạt gồm 3 tỉnh : Thanh-Hóa, Nghệ-An, Hà-Tĩnh. Hai tòa này đặt trong quản-hạt tòa thượng-thẩm Hà-Nội. Thành phần đơn-giản như đã giải bày ở trước. Tòa này xét-xử về hình các khinh-tội (tiểu-hình) và về hộ, thương, các vụ tranh-chấp về động-sản và đối nhân, luôn về bất động-sản.

Ngoài quản hạt tòa hòa-giải rộng-quyền, các tỉnh lý đều có tòa-án công-sứ hoạt-động như đã giải-thích ở trước.

Tòa Sơ-Thẩm

Thuộc sơ-cấp như tòa hòa-giải rộng-quyền song tổ-chức theo đúng nguyên-tắc phân-nhiệm :

Việc truy-tố phụ-trách bởi đại-diện công-tổ-viện là biện-ly và phó biện-ly.

Việc thăm-cứu giao phó cho dự-thẩm.

Việc phân-xử do chánh-án và thẩm-phán.

Có 3 hạng tòa sơ-thẩm : tòa sơ-thẩm hạng-nhứt đặt tại Saigon, Hà-Nội và Hải-Phòng.

Tòa sơ-thẩm hạng-nhi đặt tại Đà-Nẵng, Mỹ-Tho, Vinh-Long, Cần-Thơ.

Tòa sơ-thẩm hạng-ba đặt tại Bến-Tre, Trà-Vinh, Châu-Đốc, Long-Xuyên, Rạch-Giá, Sóc-Trăng, Bạc-Liêu.

Thẩm-quyền các tòa này ấn-định như các tòa hòa-giải rộng-quyền.

Tòa Thượng-Thẩm

Tổ-chức do sắc-lệnh ngày 19.5-1919, tòa thượng-thẩm đặt tại Saigon và Hà-Nội.

Việc truy-tố do công-tổ-viện hay viện chương-ly, chỉ-huy bởi chương-ly có các phó chương-ly và tham-ly phụ-tá.

Ban phân xử gồm có chánh-nhứt, các chánh-án phòng và hội-thẩm. Chia ra phòng kháng-cáo hộ thương và phòng kháng-cáo tiểu-hình. Phòng hộ thương chủ-tọa bởi chánh-nhứt, hay chánh-án phòng, được phụ-tá bởi hai hội-thẩm. Phòng hình đảm-trách bởi 1 chánh-án phòng chủ-tọa và hai hội-thẩm ngồi ghế phụ-thẩm

Ngoài ra có phòng luận-tội gồm 3 thẩm-phán là cơ-quan thẩm-cứu đệ-nhi cấp, tuyên án-lệnh đưa những vụ trọng-tội ra tòa đại-hình, chung-thâm về sự kháng-cáo chống các án-lệnh của phòng dự-thẩm tòa sơ-cấp.

Phòng luận-tội nhóm họp kín, căn-cứ trên giấy tờ hồ-sơ.

Các phòng kháng-cáo xét-xử công-khai, theo phiên nhóm có định-kỳ.

Án-văn tuyên bởi các phòng kháng-cáo đều có thể thượng-lớ lên tòa phá-án Pháp ở Paris, trừ án-văn của phòng-nhi tòa thượng-thâm Hà-Nội chung-thâm về các phán-quyết của tòa Nam-Áu ở Bắc.

Tòa Đại-Hình

Thành-lập trên nguyên-tắc duy-nhất cấp-thâm, tòa đại-hình hội nhóm tại pháp-đình luật-định tùy quân-hạt, theo định-kỳ ba tháng một phiên, mỗi phiên nhiều ngày. Tòa này gồm có chánh-thâm, hai hội-thâm tòa thượng-thâm, và hai phụ-thâm nhân-dân được lựa chọn theo cách rút thăm trong danh-sách các nhân-sĩ do nhà chức-trách địa-phương hằng năm lập ra.

Tòa này chuyên xét các tội đại-hình.

Án-văn chung-quyết có thể thượng-lớ lên tòa phá-án Pháp ở Paris. Trái với thủ-tục hộ, thượng, sự thượng-lớ chống án-văn hình-sự có hiệu-lực đình-chỉ sự thi-hành.

Theo quy-chế, các tòa-án Pháp kể ở trên đều đặt dưới quyền kiểm-soát về mặt hành-chánh và kỹ-luật của chương-lý giám-đốc sơ tư-pháp Đông-Dương thuộc Phủ Toàn-Quyền.

B.— LUẬT.PHÁP ÁP-DỤNG TRONG KHOẢNG 1884-1945

Do sự tiếp-xúc với văn-minh La-Hy, luật-lệ Việt-Nam mới phế-chỉ hình-phạt tru-di tam tộc (giết chết, ngoài bị.cáo ra, thân-nhan bên nội, bên ngoài và bên vợ) khi phạm tội phản-quốc, thi chừa và trượng-bình (đánh bang thanh tre) khi vi-phạm hình-luật hoặc nô-tuật; áp-dụng nguyên-tắc phân loại hình, bộ; cá-nhân-hóa tội-trọng và hình-phạt; tóm lại khai-phong chế-độ tự-pháp cũ-kỹ và quá nghiêm-khắc nhưt là ở thuộc-địa và nhượng-địa, bằng cách phân-nhiệm giữa hàng thẩm-phán trong nội-bộ pháp-đình, khoáng-đạt-hóa luật-lệ chế-độ lao-tù.

Trái lại chánh-quyền Pháp phức-tạp-hóa nền pháp-chế nước Nam bằng cách tạo ra cho mỗi địa-phương luật-lệ riêng-biệt, với mục-đích chia rẽ và làm suy-nhược dân Việt.

Dưới đây là luật-lệ áp-dụng trước tòa-án của mỗi địa-phương :

Ở NAM

Đối với người bản-quốc và đồng-hóa :

a/ Về Hình, có bộ Hình-Luật Canh-Cải ban-hành ngày 31-12-1912, và bộ Hình-Sự Tổ-Tụng Pháp.

b/ Về hộ, thương, có tập Hộ-Luật G.ân-Yếu 1883, luật Gia-Long (phần chưa bị phê-chỉ) luật Hồng-Đức có giá-trị tục-lệ và khi cần, bộ Hộ-luật, Thương-luật Pháp, bộ Hộ-Sự Tổ-Tụng ban-bố ngày 16-3-1910.

Đối với người Pháp và đồng-hóa :

1) Về hình, có bộ Hình-Luật và bộ Hình-Sự Tổ-Tụng Pháp.

2) Về hộ, thương, có bộ Hộ-luật, bộ Thương-luật; bộ Hộ-Sự Tổ-Tụng Pháp

Ở BẮC

Đối với người bản-quốc và đồng-hóa :

Kể từ 1-11-1918 có 4 bộ luật kể sau đây :

- Bắc-kỳ pháp-viện biên-chế. ✓
- Dân-sự, Thương-sự tổ-tụng. ✓
- Hình-sự tổ-tụng. ✓
- Hình-luật. ✓

Riêng về hộ, trước 1931, các tòa áp-dụng luật Gia-Long.

Kể từ 30-3-1931, ban-hành bộ Hộ-luật mới. ✓

Đối với người Pháp và đồng-hóa :

Tòa-án Pháp áp-dụng các bộ luật Hình, Hộ, Thương của Pháp-quốc.

Ở TRUNG

Đối với người bản-quốc và đồng-hóa :

Về hình, năm 1933 ban-hành bộ Hoàng-Việt Hình-luật (thay thế bộ luật Gia-Long).

Bộ Hình-sự tổ-tụng ra đời năm 1935. ✓

Về hộ, ngày 13-7-1936, ban-hành bộ Hộ-luật. ✓

Năm 1935 ban-bố bộ Hộ, Thương tổ-tụng.

Đối với người Pháp và đồng-hóa :

Tòa-án Pháp áp-dụng các bộ luật Hình, Hộ, Thương của Pháp-quốc.



Các bộ luật mới Trung Bắc có bố-cục phân-minh và nội-dung đầy-đủ, có thể đem so-sánh với các bộ luật của xứ tấn-bộ hơn. Đó là kết-quả của sự chung đùng mấy mươi năm với văn-hóa Pháp. Chỉ hiềm sự tổ-chức tòa Nam-an còn nhiều khuyết-điểm : không có sự phân-biệt hẳn-hỏi giữa ngành hành-chánh và ngành tư-pháp, tức là không có ngành riêng thẩm-phán và cũng không có sự phân-nhiệm trong nội bộ pháp-đình về sự truy-tố, thăm-cứu và phán-xử, tất cả đều tập-trung vào tay một viên-chức.

III.— THỜI KỲ PHỤC HƯNG (từ 1945 về sau)

Thời-kỳ này có thể chia làm 2 giai-đoạn :

- a) Giai-đoạn chuyển-tiếp 1945-1950
- b) Giai-đoạn tân-tạo từ 1950 về sau.

Giai-đoạn chuyển-tiếp 1945 — 1950 :

A.— Tổ-chức

Ngày 9-3-1945 quân Nhật lật-đổ chánh-quyền thực-dân điều-kiện bởi thủy-sur đê-dốc Decoux giữ chức-vụ Toàn-quyền cai-trị Đông-Dương. Nhân cơ-hội này, vua Bảo-Đại, hoàng-đế chót nhà Nguyễn, thâu-hồi chủ-quyền quốc-gia Việt-Nam từ Bắc chí Nam. Chánh-phủ độc-lập đầu tiên ra đời tại cố-đô Huế dưới quyền quản-suất của nhà chí-sĩ Bắc-Hà Trần-trọng-Kim. Tổng-đốc Phan-kế-Toại ở Bắc được cử làm khâm-sai tại Hà-Nội. Chí-sĩ Nguyễn-văn-Sấm ở Nam được phong Khâm-sai tại Saigon.

Ngày 22-8-1945, vua Bảo-Đại thoái-vị, vì áp-lực mạnh-mẽ của Chánh-phủ tự xưng cách-mạng cầm đầu bởi Cộng đảng « Việt-Nam độc-lập đồng-minh » (Việt-minh) và thành lập tại Hà-Nội dưới quyền chỉ-đạo của chủ-tịch Hồ-Chí-Minh. Ở Thừa-Thiên và Saigon thiết-lập Ủy-Ban Nhân-dân Chấp-hành Trung-bộ, Nam-bộ.

Ngày 23-9-1945, quân Pháp tái chiếm Saigon và lần-lượt các tỉnh Nam-kỳ, kể Huế và nhiều thị-trấn Trung-kỳ. Sau rớt ngày 19-12-1946, chánh-quyền Việt-Minh bị quân Pháp đánh bật ra khỏi Hà-Nội. Sau đó Hải-Phòng và các thị-trấn khác bị tái-chiếm bởi quân Pháp.

Ngày 1-6-1946, thành-lập tại Saigon, chánh-phủ lâm-thời Nam-kỳ Cộng-hòa điều-kiện bởi bác-sĩ Nguyễn-văn-Thỉnh.

Hội-đồng chấp-chánh lâm-thời Trung-kỳ ra đời tại Huế ngày 12-4-1947. Hội-đồng chấp-chánh lâm-thời Bắc-kỳ thiết-lập tại Hà-Nội ngày 10-3-1948.

Ngày 23-5-1948 thành-lập tại Saigon chánh-phủ trung-ương lâm-thời Việt-Nam dưới quyền chỉ-huy của thiếu-tướng Nguyễn-văn-Xuân.

Sau khi Hiệp-định Việt-Pháp ký ngày 8-3-1949, cựu-hoàng Bảo-Đại trở về nước lãnh-đạo với tư-cách Quốc-Trưởng.

Trong khoảng từ ngày 6-3-1949 chính-quyền Pháp bị quân Nhật lật đổ cho tới ngày 1-3-1950 các tòa-án quốc-gia bắt đầu hoạt-dộng chiếu Dự số 4 ngày 18-10-1949 ấn-định tán-chế-độ tư-pháp Việt-Nam, ở các thị-trấn lớn đều có tòa-án tạm-lập bởi các nhà-chức-trấn-tại-địa-phương Việt hoặc Pháp.

Tại Nam-kỳ, từ ngày 9-3-1949 tới 23.9.1949, tòa Nam-án được tạm tổ-chức theo khuôn-mẫu Pháp; từ 23.9.1949 tòa Pháp tái-lập tại Saigon, và ít tính như Mỹ-Tho, Vĩnh-Long, Cần-Thơ, Bạc-Liêu, Trà-Vinh. Sau đó tòa Pháp xuất-biên lại ở Đà-Nẵng, Nha-Trang (Trung-kỳ), Hà-Nội và Hải-Phòng (Bắc-kỳ), trong khi các tòa Nam-án tái-thiết theo pháp-chế xưa tại Huế, Hà-Nội và vài ba thị-trấn khác tại Trung, Bắc.

B. — Luật-pháp áp-dụng

Dĩ-nhiên, trong giai-đoạn chuyển-tiếp này chỉ áp-dụng các luật-lệ đã ban-hành trước ngày 9-3-1949.

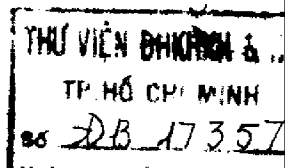
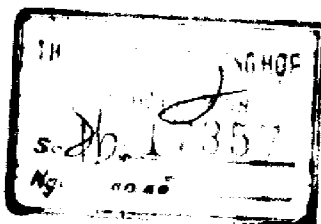
Giai-đoạn tân-tạo từ 1950 về sau:

Giai-đoạn này bắt đầu ngày 1-3-1950 đánh dấu tân-kỷ-nguyên tư-pháp nước Nam.

Trước khi đến ngày ấy, phải trải qua một khoảng đường dài, trên 90 năm.

Cuộc đô-hộ Việt-Nam bởi Pháp-quốc, phát-khởi hồi đầu năm 1859 lúc thành Saigon bị thất-thủ.

Biến-cố lớn-lao xảy ra trên bán-đảo Đông-Dương liền sau khi thế-chiến thứ-bai kết-liệu, gây áp-lực mạnh-mẽ đối với nước Pháp. Tuy nhiên cuộc tranh-đấu trên địa-hạt chánh-trị và ngoại-giao để thâu-hồi chủ-quyền của Việt-Nam rất cam go, gặp nhiều trở-ngại. Để đạt tới mục-tiên, cuộc thương-thuyết bắt đầu ngày 6-12-1947 tại Vịnh Hạ-Long giữa cựu-hoàng Bảo-Đại và thượng-sứ Pháp Bollaert, tiếp-tục ngày 5-6-1948 giữa hai nhân vật đó, thêm Thiếu-Tướng Nguyễn-văn-Xuân, Thủ-tướng chánh-phủ trung-ương lâm-thời Việt-Nam. Kỳ gặp-gỡ này có công-bố một tuyên-ngôn chung. Ngày 8-3-1949 ký Hiệp-ước nhicu-nhận Việt-Nam độc-lập trong Liên-Hiệp Pháp. Chiếu Hiệp-định tư-pháp ngày 30-12-1949 thi-hành hiệp-ước ấy, song song với tòa Nam-án tổ-chức theo Dự số 4 ngày 18.10.1949, có tòa-án hỗn-hợp Việt-Pháp đồng ra đời ngày 1-3-1950.



TÒA-ÁN HỖN-HỢP

A.— Tổ-chức

Tòa-án hỗn-hợp Việt-Pháp gồm có thẩm-phán Việt và Pháp được phân công đồng đều. Tòa-án này tổ-chức theo hệ-thống Pháp, có lương cấp tài-pháo, và thẩm-quyền về hình, bộ, thương đối với người Pháp, người đồng-hóa là người Tàu và lâm-thời, nếu có liên can, người Việt-Nam và người nước khác.

Tòa thượng-thẩm hỗn-hợp đặt tại Saigon và Hà-Nội.

Tòa sơ-thẩm hỗn-hợp lập tại Saigon, Mỹ-Tho, Cần-Thơ, Nha-trang trong quân-hạt Tòa thượng-thẩm hỗn-hợp Saigon và tại Hà-Nội, Hải-phòng và Đà-Nẵng thuộc quân-hạt tòa thượng-thẩm hỗn-hợp Hà-Nội.

Các phúc-quyết của tòa thượng-thẩm hỗn-hợp có thể thượng-tổ qua tòa phá-án Paris. Ban thụ-lý gồm có một thẩm-phán Việt-Nam.

B.— Luật-pháp áp-dụng

Áp-dụng các luật-lệ Pháp chánh-thức ban-hành tại Việt-Nam và phù-hợp với các Hiệp-định Việt-Pháp.



Tòa-án hỗn-hợp Việt-Pháp cáo-chung ngày 16-9-1954. Việc phải đến đã đến. Tòa-án ấy hoạt-động trong một nước Việt-Nam độc-lập thật là một việc dị-thường, trái lẽ phải.

Ngày ấy, một Hiệp-định nhình-nhận chủ-quyền Việt-Nam trọn vẹn trong các địa-hạt lập-pháp, lập-quy và tư-pháp, ký bởi đại-diện chánh-phủ Việt-Nam, Tổng-Trưởng Tư-Pháp Bùi-văn-Thiếu và Phó-sứ Pháp Bordaz. Ấy là hậu-quả của cuộc thương-thuyết hữu-hiệu tại Paris lối tháng 4 và tháng 5 năm 1954, do một phái-bộ của chánh-phủ Saigon gồm có Tổng-Trưởng Tư-Pháp Nguyễn-văn-Đạm. Thêm vào đó áp-lực của Hiệp-định Genève ngày 20-7-1954 liên-quan tới việc đình-chiến và qua-phần Việt-Nam.

Vậy từ ngày 16-9-1954 trên lãnh-thổ Việt-Nam nhứt là từ sông Bến-Hải tới mũi Cà-Mau, chỉ còn tòa-án quốc-gia hoạt-động mà thôi, theo đường lối vạch rõ bởi Dự số 4 ngày 18-10-1949.

Luật-pháp áp-dụng là các luật-pháp căn-bản ban-hành trước 1945 và những văn-kiến pháp-lý chánh-yếu sau đây :

a) Luật có tánh-cách vĩnh-cửu :

— Dự số 4 ngày 18-10-1949 tổ-chức tư-pháp (có điều-khoản mới về hình-sự tố-tung);

— Dự ngày 2-4-1956 ấn-định quy-chế vật-giá;

— Luật số 11/58 ngày 3-7-1958 tổ-chức tòa-án thiêu-nhi;

— Sắc-luật ngày 23-7-1964 ấn-định giá-thứ, tử-hệ, tài-sản cộng-đồng;

— Sắc-luật số 17 ngày 29-7-1964 tổ-chức các phiên tòa lưu-động tại nông-thôn.

b) Luật có tánh-cách thời-cơ:

— Sắc-luật số 16 ngày 29-7-1964 tạm ủy quyền-hạn thẩm-phán hòa-giải cho quận-trưởng hành-chánh tại Nam-Phần;

— Sắc-luật số 4/65 ngày 19-7-1965 đưa ra Tòa-án Mặt-trận các vi-phạm kinh-tế, hối-đoái, nhập-cảng lậu, hối-lộ, biếm-thủ, phá-rối trị-an, tấn-công cảnh-sát;

— Sắc-luật số 3/66 ngày 15-2-1966 đưa ra Tòa-án Đặc-biệt các vụ đầu-cơ, tăng giá hàng quá mức, vi-phạm quan-thuế, hối-lộ, biếm-thủ.

KẾT-LUẬN

Trên mọi địa-hạt, Việt-Nam từ ngàn xưa đã chịu ảnh-hưởng sâu-rộng của văn-hóa, học-thuật Trung-Hoa, chi-phối bởi Nho-giáo là nền-tảng xã-hội Đông-bộ Á-Châu. Vì vậy luật-pháp Việt-Nam trước khi tiếp-xúc với văn-minh La-Hy, chỉ lo bảo-tồn nền-móng quốc-gia, củng-cố cơ-đế vua chúa, coi nhẹ quyền-lợi tư-nhơn và do đó chế-trị hơn là che-chở dân-chúng.

Non một thế-kỷ chung-đụng với Pháp-quốc, thừa-kế trực-tiếp nền văn-minh La-Hy, giúp Việt-Nam khai-phóng luật-lệ và chế-độ tư-pháp, dân-chúng không phải không nhận thấy luật-lệ và chế-độ tư-pháp hiện-thời có nhiều điều-khoản canh-tân theo quan-niệm dân-chủ. Song vì lý-do có ảnh-hưởng của ngoại-bang từng thống-trị quê-hương và không có sự hợp-tác của mình, qua trung-gian của đại-biêu chánh-thức tự tay bầu-cử, nên người dân hình như có chỗ hoài-nghi và chưa thật-tâm duyệt-phục hẳn.

CHƯƠNG II

TỔ-CHỨC BỘ TƯ-PHÁP

TRONG CHÍNH-PHỦ VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Tổ-chức do Sắc-Lệnh số 149 ngày 22-12-1948 và Nghị-định số 584-BTP/ND ngày 19-12-1952, sửa-đổi bởi Nghị-định số 505-BTP/ND ngày 17-6-1955, Bộ Tư-Pháp có nhiệm vụ :

- soạn thảo và thi-hành các luật-lệ về tổ-chức và điều-hành các Tòa-án ;
- soạn-thảo và thi-hành các luật-lệ về việc đào-tạo nhân-viên tư-pháp cùng ấn-định quy-chế các nhân-viên này ;
- soạn-thảo luật-lệ về các nghề-nghiệp tư-pháp cùng kiểm-soát việc hành-sự các nghề-nghiệp này ;
- soạn-thảo và thi-hành các luật-lệ về dân-sự, hình-sự và quốc-tế pháp và nghiên-cứu các vấn-đề pháp-chế thuộc phạm-vi tư-pháp.

I — CHỨC-CHƯƠNG CỦA TỔNG-TRƯỞNG BỘ TƯ-PHÁP

Chức-chương của Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp được ấn-định do Sắc-Lệnh số 26-TP ngày 19-9-1949.

Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp lãnh trọng-trách ấn-định chính-sách về cách tổ-chức và điều-hành guồng máy tư-pháp cùng áp-dụng mọi phương-pháp cần-thiết để cho việc xử-án được hoàn-hảo, kiểm-soát việc hành-sử quyền công-tổ hầu trừng-trị mọi hành-động có phương-hại đến trật-tự chung và đến sự an-toàn nhân-mệnh, bảo-vệ tự-do cá-nhân các công-hữu và tư-hữu tài-sản. Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp còn có nhiệm-vụ thực-hiện việc thông-nhất luật-pháp trên lãnh-thổ quốc-gia.

Ngoài ra, Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp lại còn là Cố-Vấn Pháp-luật cho Chánh-Phủ.

II. — TỔ-CHỨC BỘ TƯ-PHÁP

Bộ Tư-Pháp gồm có các cơ-quan trung-ương sau đây :

- Nha Đồng-Lý Văn-Phòng
- Nha Nhân-Viên và Kế-Toán
- Nha Hộ-Vụ
- Nha Hình-Vụ.

1) — Nha Đổng-Lý Văn Phòng :

Đặt dưới quyền điều-khiển của một Đổng-Lý Văn Phòng, trợ tá có một Chánh-Văn-Phòng, một hay hai công-cán Ủy-Viên, một Bi-thơ, hai Tham-Chánh Văn-Phòng và nhiều Chủ-Sự. Nha này gồm có

— *Văn-Phòng chánh-danh* : phụ-trách công việc có liên quan chánh-trị, cầu nhiệm, mở và phân-tách thư-tin gấp, xem xét và phát-phái công-vấn đến, giao-dịch với Phủ Thủ-Tướng và các Bộ, kiểm-soát việc thi-hành các quyết-định của Tổng-Trưởng, xếp đặt và lưu-trữ văn-khố của Văn-Phòng, phối hợp công-việc các Nha, Sở trong Bộ, giải-quyết các vấn-đề thông-qua và phúc-trình hàng tháng lên Chánh-Phủ.

— *Phòng Bi-thơ* : phụ-trách nghi-lễ, tiếp-kiến, tiếp-nhan, kinh-lý và thư-tin riêng của Tổng-Trưởng.

— *Phòng Liên-lạc với Quốc-hội* : có nhiệm-vụ giao-thiếp với Quốc-Hội, liên-lạc với các Bộ khác để nghiên-cứu các vấn-đề liên-quan đến Quốc-Hội, phụ-trách về các câu hỏi và chất-vấn Chánh-Phủ của các Nghị-sĩ và Quốc-Hội về ngành Tư-Pháp.

— *Phòng Kê-khai tài-sản* : Kiểm-soát và tập-trung các tờ kê-khai tài-sản của nhân-viên Tư-Pháp, giao-thiếp với các Bộ về việc kê-khai tài-sản.

— *Phòng Công-Văn* : phụ-trách việc tiếp-nhan, mở, vào sổ các công-văn thường gửi đến, vào sổ và phát các công-văn thường gửi đi, phổ-biến các chỉ-thị và thông-tư có tính cách chung, canh gác thường trực, in máy ronéo, điện-thoại.

2) Nha Nhân-Viên và Kế-Toán :

Đặt dưới quyền điều-khiển của một Giám-Đốc, trợ tá có nhiều Chánh-Sự-Vụ và Chủ-Sự, Nha Nhân-Viên và Kế-Toán có nhiệm-vụ tuyển-bổ và phân-phối nhân-viên cho tất cả các cơ-quan tư-pháp, thanh-toán lương-bổng và các chi-phi về vật-liệu thuộc các Nha Sở Trung-wong Bộ Tư-Pháp và các Tòa-án trong toàn quốc. Nha Nhân-Viên và Kế-Toán gồm có hai Sở và năm Phòng.

1— SỞ NHÂN-VIÊN có hai Phòng :

Phòng I (Nhân-viên các ngạch) : quản-trị nhân-viên các ngạch tư-pháp và hành-chánh biệt-phái phục-vụ tại cơ-quan tư-pháp : Thẩm-Phán, — Chương-Khế — Chánh-Lục-sự, thư-ký, thư-ký đánh máy, tùy-phái; bổ-dụng, cử-nhiệm, thuyên-chuyển, thực-thu, thăng thưởng, xếp hạng, từ chức, hồi ngạch, biệt-phái.

a) *Phòng II* (Nhân-viên ngoại ngạch) : quản-trị các hạng nhân-viên ngoại ngạch, phù-động, công-nhực, khế-ước thuộc Bộ Tư-Pháp, soạn-thảo và sửa-đổi quy-chế nhân-viên các ngạch tư-pháp, tổ-chức các kỳ thi tuyển, phụ-trách việc hưu-tri và ân-thưởng huy-chương.

2.— SỞ KẾ-TOÁN gồm ba Phòng :

a) *Phòng Kiểm-Soát và Thanh-Toán Trung-Uơng* : dự-thảo ngân-sách Bộ Tư-Pháp, phụ-trách việc ủy-ngân, phân-phối kinh-phi, kiểm-soát các văn-kiện kế-toán của các Sở Tư-Pháp Nam-Phần và Trung-Phần, kế-toán ước-chi và thanh-toán, bổ-nhiệm các phát-ngân-viên, quản-lý kế-toán quỹ ứng trước.

b) *Phòng Lương-Bổng* : phụ-trách việc thanh-toán lương-bổng của tất cả nhân-viên tòng-sự tại Bộ Tư-Pháp và các Tòa-án, nạp khoản khấu trừ hưu-bổng về các nhân-viên chánh-ngạch.

c) *Phòng Vật-Liệu* : quản-lý vật-liệu và khí-mãnh của Bộ Tư-Pháp, mua sắm và cung-cấp vật-liệu, dụng-cụ cho các Tòa-án, tu-bổ và xây-cất các công-thự, thanh-toán các chi-phi về vật-liệu của cơ-quan tư-pháp, mua báo chí, sách luật và in các quyền tập-san pháp-lý do Bộ Tư-Pháp xuất-bản, dự-kiểm và điều-chỉnh án-phi tung-lệ về hình.

3) Nha Hộ-Vụ :

Đặt dưới quyền điều- khiển của một Giám-Đốc, trợ tá có nhiều Chánh-Sự-Vụ và Chủ-Sự, Nha Hộ-Vụ phụ-trách việc thiết-lập, tổ-chức và điều-hành các Tòa-án, sửa-đổi quản-hạt tư-pháp, kiểm-soát các nghề-nghiệp tư-pháp, nghiên-cứu và soạn-thảo các luật-lệ về dân-sự, thương-sự và dân-sự tố-tung, cho ý-kiến về các dự-án luật và Sắc-Lệnh do các Bộ khác chuyển đến, xuất-bản các tập-san tư-pháp. Nha này gồm có ba Sở và bảy Phòng.

1.— SỞ TƯ-PHÁP HÀNH-CHÁNH : chia làm hai Phòng :

a) — *Phòng tổ-chức các Tòa-án* : phụ trách việc thiết-lập và tổ-chức các Tòa-án, sửa-đổi quản-hạt tư-pháp, công-bố các án-vấn về thất-tung và di-sản vô thừa-nhận, các báo cáo tư-pháp và luật-định, kiểm-soát tổng-quát về sự hoạt-động của bộ máy tư-pháp.

b) — *Phòng Pháp-Chế và Kiểm-soát các nghề-nghiệp tư-pháp* : soạn-thảo các bản-vấn về thể-lệ tổng-quát liên-quan đến Luật-sư (quy-chế, kỹ-luật), các công-lại và các viên phụ-tá tư-pháp (thiết-lập và bãi bỏ các văn-phòng, bổ-nhiệm, kiểm-soát, kỹ-luật) ; các thừa-phát-lại, hồ-giá-viên, quản-tài-viên, quản-lý tư-pháp, giám-định-viên.

2.— SỞ PHÁP-CHẾ DAN-SỰ gồm có ba phòng :

a) *Phòng Hộ-Vụ và pháp-chế đặc-biệt* : quản-trị tư-pháp hộ-sự và kiểm-soát hộ-tích, nghiên-cứu tập-quán, phong-tục trong nước, xem xét các vụ tranh-chấp thẩm-quyền, thương-tổ phá-án vì lợi-ích của pháp-luật về hộ-sự, nghiên-cứu về pháp-chế đặc-biệt (nhà cửa, hầm mỏ, lao-động, trưng-dụng, công-sản v. v...), liên-lạc với các Bộ sở-quan.

b) *Phòng Pháp-Chế về Dân-sự trong nước* : nghiên-cứu các dự-án luật, sắc-lệnh về dân-sự, thương-sự và dân-sự tố-tung, cho ý-kiến về các dự-án luật và sắc-lệnh do các Bộ khác soạn-thảo.

c) *Phòng Pháp-Chế ngoại-quốc và quốc-tế pháp* : liên-lạc với các Bộ sở-quan để thi-hành các hiệp-định tư-pháp ký kết với ngoại-quốc, nghiên-cứu các vấn-đề liên-quan đến quy-chế ngoại-kiều, các luật-lệ về quốc-tích, đổi tên, nhập quốc-tích, tố-tụng về quốc-tích.

3.— SỞ SUU-TÀM TÀI-LIỆU TỔNG-QUÁT, XUẤT-BẢN, PHIÊN-DỊCH VÀ THU-VIỆN gồm có hai phòng :

a) — *Phòng Suu-Tầm Tổng-quát và xuất-bản* : phụ-trách việc sưu-tầm và thiết-lập các văn-biên trang-trưng về án-lệ, phân-loại và phân-tích các quyết-định tư-pháp, xuất-bản các loại tập-san tư-pháp hay tác-phẩm pháp-lý, sách luật và sách phổ-thông luật-pháp.

b) — *Phòng Phiên-dịch và Thư-Viện* : phụ-trách việc phiên-dịch các luật-lệ, quy-tắc ; lưu-trữ các đạo-luật, sắc-lệnh, nghị-định ; phân-loại, lưu-trữ và làm mục-lục các sách và tạp-chí.

4) Nha Hình-Vụ :

Đặt dưới quyền điều-kiển của một Giám-Đốc, có nhiều Chánh-Sư-Vụ và Chủ-sự phụ-tá. Nha Hình-Vụ phụ-trách việc nghiên-cứu và ấn-địnhчанh-sách về hình-sự, soạn-thảo các luật-lệ về hình-sự và hình-sự tố-tung, kiểm-soát kết-quả các phiên-xử của các Tòa-án, cứu-xét các đơn xin ân-xá, ân-giảm, phóng-thích có điều-kiện, nghiên-cứu chế-độ lao-xá. Nha này gồm có hai Sở và năm Phòng.

1.— SỞ HÌNH-VỤ gồm có 3 phòng :

a) — *Phòng Hình-Vụ và Pháp-Chế Hình-sự* : phụ-trách về pháp-chế hình-sự, truy-tố các trọng-tội, khinh-tội và tội vi-cảnh, kiểm-soát các thủ-tục và sự chấp-hành các án phạt, thương-tố phá-án vì lợi-ích pháp-luật về hình-sự, nghiên-cứu việc phán-định thẩm-quyền và di-giao án-vụ vì hiềm-nghi chính đáng, cử các phu-thẩm các tòa đại-hình, nghiên-cứu các vấn-đề liên-quan đến cảnh-sát tư-pháp, các tòa-án quân-sự và hải-sự.

b) *Phòng Án-xá và phóng-thích có điều-kiện* : xem xét và lập hồ-sơ về án-xá, đại-xá, phóng-thích có điều-kiện, xét các vụ xin tái-thẩm về đại-hình và tiểu-tình, soạn-thảo và thi-hành các hiệp-định quốc-tế và dân-độ, lập các bảng thống-kê về hình-sự, dân-sự, thương-sự, phụ-trách các vấn-đề pháp-chế về tụng-phi và giám-định tư-pháp.

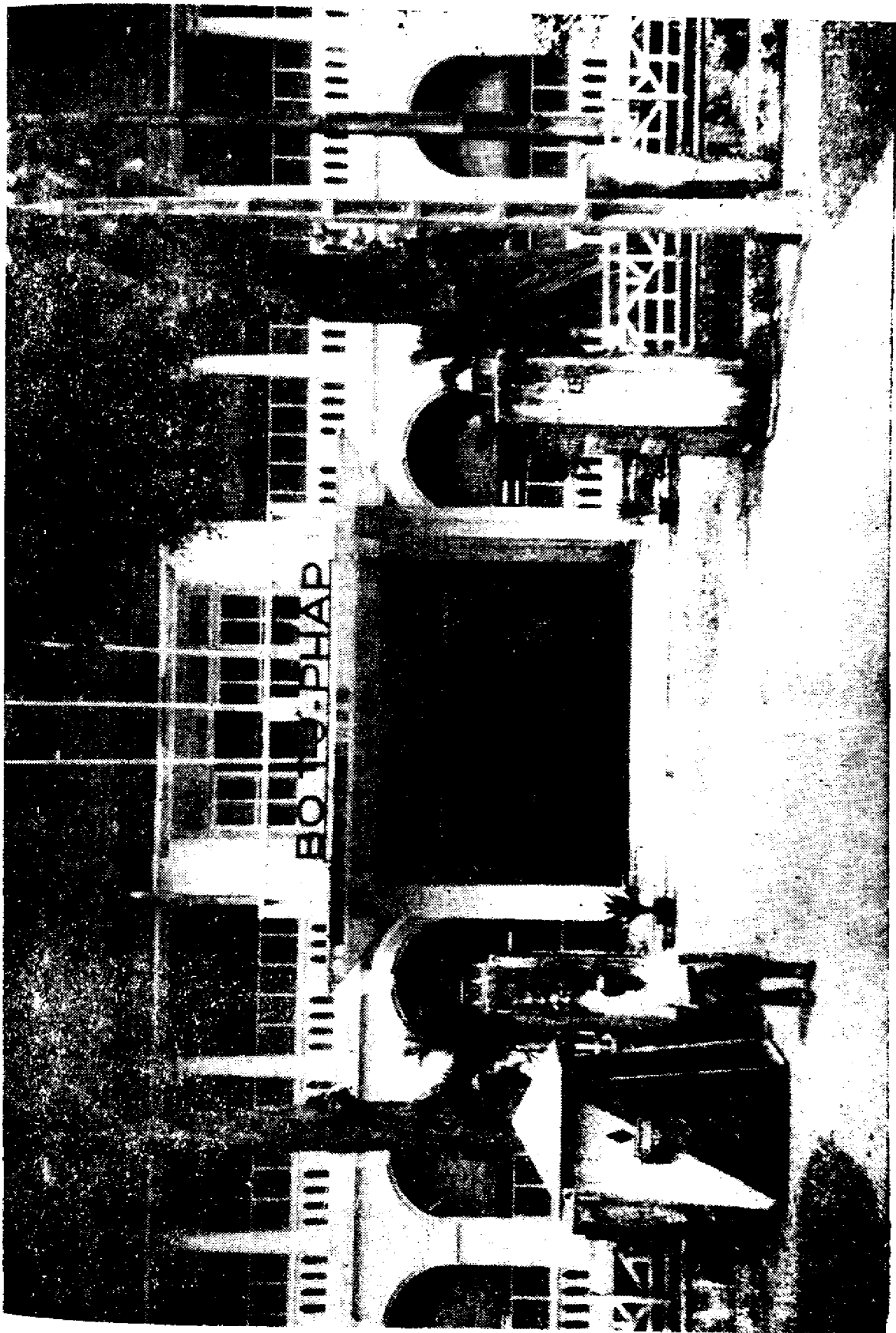
c) *Phòng Văn-Quỹ Tư-Pháp Lý-Lịch Trung-Uơng* : sưu-tầm tài-liệu về tư-pháp lý-lịch, kiểm-soát các phiếu số 1 thâu-nhận được, cấp phát các phiếu số 2 và 3 cho dân-chúng không thuộc thẩm-quyền các tòa-án tỉnh, lập các phiếu số 1 về các vụ quản-thúc và trục-xuất ngoại-kiều.

2.— SỞ QUẢN-TRỊ LAO-XÁ VÀ GIÁO-HUẤN KIỂM-CHẾ :

Gồm có 2 phòng :

a) *Phòng Áp-dụng hình-phạt* : cửu xét-việc áp-dụng các bản-văn quy-định sự thi-hành các hình-phạt bác đợc tự-do, ấn-định chế-độ và kỳ-bạn các hình-phạt, sưu-tầm tài-liệu về pháp-chế và thống-kê về quản-trị lao-xá.

b) *Phòng Giáo-Huấn Kiểm-Chế* : nghiên-cứu pháp-chế về can-phạm thiếu-nhi, bảo-trợ thiếu-nhi về mặt tư-pháp, thiết-lập các tòa-án thiếu-nhi, lập thống-kê về can-phạm thiếu-nhi, ấn-định chế-độ lao-xá đối với can-phạm thiếu-nhi.



19 - SỞ BỘ TƯ - PHÁP
Số 17, Đại-lộ Thống-Nhất SAIGON

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC CÁC TÒA-ÁN

TỪ NGÀY 8-3-1949 ĐẾN NAY

Thỏa-ước Việt-Pháp ký kết ngày 8-3-1949 mặc dầu nhìn nhận nền độc-lập của Quốc-Gia Việt-Nam nhưng còn dành lại về phương-diện tư-pháp nhiều đặc-quyền cho người Pháp và đã đặt ra bên cạnh các Tòa-án Quốc-Gia Việt-Nam các Tòa-án hỗn-hợp Việt-Pháp có thẩm-quyền xét xử những vụ dân-sự, thương-sự và hình-sự đối với người Pháp, dân Liên-Hiệp-Pháp (ngoài người Việt-Nam) và người Trung-Hoa trước đã có ký kết với Pháp quốc hiệp-ước về đặc-quyền tài-phán.

Các Tòa-án hỗn-hợp Việt-Pháp gồm có tại Việt-Nam :

2 Tòa Thượng-Thẩm tại Saigon và Hanoi, 7 Tòa Sơ-Thẩm tại : Saigon, Mỹ-Tho, Cần-Thơ, Nha-Trang, Hanoi, Hải-Phòng và Đà-Nẵng ; và 3 Tòa-án thương-mãi tại Saigon, Hanoi, Hải-Phòng. Ở Pháp-quốc 1 Tòa Phá-Án hỗn-hợp Việt-Pháp tại Ba-Lê.

Thành phần các Tòa-án hỗn-hợp gồm có phân nửa Thẩm-Phán Pháp và phân nửa Thẩm-Phán Việt.

Về ngôn ngữ, Việt-ngữ và Pháp-ngữ đều được thông dụng trước các Tòa-án hỗn-hợp.

Tình-trạng phức-tạp và mâu thuẫn của nền Công-Lý trong một Quốc-Gia độc-lập này kéo dài đến ngày 16-9-1954 thì một Hiệp-Uớc Việt-Pháp được ký kết thủ tiêu các Tòa-án hỗn-hợp đặt trên lãnh-thổ Việt-Nam và đánh dấu sự kiện-toàn nền độc-lập của Quốc-Gia Việt-Nam về phương-diện tư-pháp.

Kể từ ngày 16-9-1954, trên khắp lãnh-thổ Việt-Nam chỉ có các Tòa-án hoàn toàn quốc-gia lãnh nhiệm-vụ điều-hành Công-Lý, áp-dụng luật-lệ Việt-Nam và Việt-ngữ được chuyên dụng trước Tòa-án cũng như trong các án-văn.

Tổ chức do Dụ số 4 ngày 18-10-1949, các Tòa-án Quốc Gia Việt-Nam hiện nay được thiết-lập trên các nguyên-tắc căn-bản sau đây :

- 1- nguyên-tắc phân nhiệm giữa hành-pháp và tư-pháp.
- 2- nguyên-tắc độc-lập của Thẩm-Phán xử án.
- 3- nguyên-tắc lưỡng-cấp tài-phán để bảo-đảm hữu-hiệu quyền-lợi của các tụng-nhân.
- 4- nguyên-tắc phân chia các Tòa-án làm 2 hệ-thống riêng biệt :

- hệ.thống các tòa-án tư-pháp (xét xử các vụ tranh-tụng giữa tư-nhân).
- hệ.thống các tòa-án hành-chánh (xét xử các vụ tranh-tụng giữa tư-nhân và cơ-quan công-quyền).



PHẦN THỨ NHỨT

Hệ.thống các Tòa-án Tư-Pháp

Các Tòa-án Tư-pháp Việt-Nam gồm có Tòa Hòa-Giải, Tòa Sơ-Thẩm, Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền, Tòa Thượng-Thẩm và trên thượng đỉnh là Tòa Phá-Án.

Ngoài ra còn có một số Tòa-án đặc-thâm như : Tòa-án Nhà-Phố, Tòa-án Lao-Động, Tòa-án Thiểu-Nhi, Tòa-án Đặc.Biệt Địa-Điểm, các Tòa-án Quân-sự, Tòa-án Đặc.Biệt.

TIẾT I

Tòa Hòa-Giải

Tổ-chức.— Đây là Tòa-án thấp nhất trong hệ-thống các Tòa-án tư-pháp.

Tại Nam-Phần hiện có 2 Tòa Hòa-Giải được thiết-lập, đặt trụ-sở tại Thủ-Đô Saigon và tại tỉnh-ly Sadec. Tại các nơi chưa thiết-lập Tòa Hòa-Giải, các Tòa-án cấp Sơ-Thẩm (Tòa Sơ-Thẩm và Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền) chiếu quyền toàn thâm, thụ lý và xét xử luôn cả các việc thuộc thâm-quyền Tòa Hòa-Giải về hình-sự cũng như về dân-sự.

Tại Trung-Phần, chỉ có 1 Tòa Hòa-Giải được thiết-lập đặt trụ-sở tại Hội-An (tỉnh Quảng-Nam) do một Thẩm-Phán Hòa-Giải điều khiển. Còn lại, các Tòa-án sơ-cấp cũ do các Quận-Trưởng hay Phủ-Trưởng, Huyện-Trưởng điều khiển đều được đổi tên là Tòa Hòa-Giải. Tại các nơi trước kia không có Tòa-án Sơ-cấp mà cũng chưa thiết-lập Tòa Hòa-Giải, thì các Tòa Sơ-Thẩm hay Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền ở các nơi đó thụ lý và xét xử các việc thuộc thâm-quyền của Tòa Hòa-Giải như tại Nam-Phần.

Thành-phần.—

Mỗi Tòa Hòa-Giải có một thâm-phán hòa-giải và một Lục-sự. Tại Tòa Hòa-Giải không có công-tổ-viện. Nhưng Chương-Lý hay Biện-Lý Tòa-án có quyền quản hạt đối với Tòa Hòa-Giải, có thể gọi đến Tòa Hòa-Giải những bản luận-trạng viết về những vụ kiện đáng lưu ý.

Hiện nay trong khi chờ đợi việc bổ-nhiệm các Thẩm-Phán Hòa-Giải chánh-thức (ngạch Thẩm-Phán này hiện rất thiếu hụt), các vị Quận-Trưởng hành-chánh được cử tạm-thời kiêm-nhiệm chức-vụ Thẩm-Phán Hòa-Giải trong quân-hạt Quận mình.

Thẩm-quyền :

a) *Về vi-cảnh :* Tòa Hòa-Giải hợp thành Tòa-án vi-cảnh xử các tội-phạm vi-cảnh. Án vi-cảnh có thể là án sơ-thẩm và chung-thẩm hay án sơ-thẩm với quyền kháng-cáo lên Tòa Sơ-Thẩm hay Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền.

b) *Về tiêu-hình và đại-hình :* Thẩm-Phán Hòa-Giải chỉ có quyền-hạn về cảnh-sat tư-pháp. Khi được báo cáo về một việc tiêu-hình hay đại-hình phải trình ngay cho Biện-Lý Tòa Sơ-Thẩm hay Chánh-Án Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền biết và đồng thời điều-tra và lập hồ sơ gởi cho các vị Thẩm-Phán này.

c) *Về dân-sự :* xin xem Chương VIII về « Dân-sự Tố-Tụng ».

TIẾT II

Tòa Sơ-Thẩm và Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền

Đây là các Tòa-án cấp Tỉnh, đặt trụ-sở tại đô-thành, tỉnh-ly hay thị-xã. Hiện nay hầu hết các tỉnh trên lãnh-thổ Việt-Nam Cộng-Hòa đều có một Tòa Sơ-thẩm hay Hòa-Giải Rộng-Quyền. Trên nguyên-tắc, quân-hạt của một Tòa Sơ-Thẩm hay Hòa-Giải Rộng-Quyền là địa-hạt hành-chánh của tỉnh trên ấy, Tòa-án được đặt trụ sở. Chỉ trong trường-hợp đặc-biệt vì chưa xây cất được trụ-sở nên một Tòa Sơ-Thẩm hay Hòa-Giải Rộng-Quyền mới có một quân hạt gồm 2 hay 3 tỉnh (tỷ dụ : quân-hạt Tòa Sơ-Thẩm Biên-Hòa gồm có 3 tỉnh : Biên-Hòa, Long-Khánh, Bình-Tuy. Tòa Sơ-Thẩm Quảng-Nam gồm : Tỉnh Quảng-Nam, Tỉnh Quảng-Tín và Thị-Xã Đà-Nẵng ; Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền Đalat gồm có Thị-Xã Đalat và 2 Tỉnh Lâm-Đông và Tuyên-Đức).

Các Tòa Sơ-Thẩm và Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền đều cùng một loại Tòa-án Tỉnh, cùng ở một cấp bậc (cấp sơ-thẩm) và có thẩm-quyền như nhau. Chỉ khác nhau là Tòa Sơ-Thẩm quan-hệ hơn, có ít nhất 3 Thẩm-Phán đảm-nhiệm 3 chức-vụ riêng-biệt : Ông Chánh-Án giữ việc xử án, Ông Biện-Lý đảm-trách quyền công-tố và Ông Dự-Thẩm phụ-trách việc thẩm-cứu.

Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền ít quan-trọng hơn, có một Chánh-Án kiêm-nhiệm 3 chức-vụ : Chánh-Án, Biện-Lý và Dự-Thẩm. Nhiều khi, có thêm 1 Thẩm-Phán giúp việc, phụ tá Ông Chánh-Án.

ĐOẠN I

Tòa Sơ-Thẩm

Khoản 1. — Tờ-chức

Hiện nay có 9 Tòa Sơ-Thẩm tại Việt-Nam Cộng-Hòa : 5 Tòa tại Nam-Phần (Saigon, Định-Tường, Vĩnh-Long, Biên-Hòa, Phong-Dinh) và 4 Tòa tại Trung-Phần (Huế, Khánh-Hòa, Quảng-Nam, Bình-Định). Mỗi Tòa Sơ-Thẩm gồm có 1 Chánh-Án, 1 Biện-Lý, 1 Dự-Thẩm và 1 Chánh-Lực-Sự có nhiều lực-sự và thợ-kỹ giúp việc.

Nếu nhu-cầu công-vụ bắt buộc, Tòa Sơ-Thẩm có thể có thêm một hay nhiều Chánh-Án dự-khuyết và Thẩm-Phán, một hay nhiều Dự-Thẩm, một hay nhiều Phó Biện-Lý.

1. Chánh-Án và các Thẩm-Phán tọa xử

Các Thẩm-Phán tọa xử trong Tòa Sơ-Thẩm gồm có Chánh-Án, Chánh-Án dự-khuyết, Thẩm-Phán và Dự-Thẩm. Trừ Dự-Thẩm có nhiệm-vụ thẩm-cứu, Chánh-Án và các Thẩm-Phán tọa xử khác chủ tọa các phiên Tòa và xử án.

Trên nguyên-tắc, Chánh-Án chủ tọa tất cả các phiên tòa. Tuy nhiên nếu có nhiều Thẩm-Phán xử án, Chánh-Án có thể ủy-nhiệm các vị này chủ tọa các phiên tòa. Trong các việc được ủy-nhiệm xét xử, các vị Thẩm-Phán xử án này có quyền tự-do quyết định theo ý riêng và theo lương-tâm mình.

Chánh-Án là vị chỉ-huy trực-tiếp của các Thẩm-Phán tọa xử trong một Tòa Sơ-Thẩm.

2. Biện-Lý

Ở mỗi Tòa Sơ-Thẩm, chức-vụ công-tổ giao cho Biện-Lý có một hay nhiều Phó Biện-Lý trợ lực, Phó Biện-Lý hành-động với sự ủy-quyền của Biện-Lý.

Quyền-hạn của Biện-Lý

Về hình sự : Dưới quyền Giám-Đốc và kiểm soát của Chương-Lý, Biện-Lý có trách nhiệm tìm nã và truy-lõ các tội phạm về đại-bình và tiểu-bình đã xảy ra trong quần-hạt tòa-án. Biện-Lý giám-sát việc thi-hành luật-pháp, án-vấn và đốc-thúc sự thi-hành đó về những điều-khoản có quan-hệ đến trật-tự công-cộng. Về các việc tiểu-bình hay đại-bình, công-tổ-viện bao giờ cũng đứng chính-tổ khi hành-sử quyền công-tổ.

Về dân-sự : Trong các vụ dân-sự, Biện-Lý đứng chính-tổ hoặc đứng phụ-tổ. Biện-Lý đứng chính-tổ khi thay mặt cho con cháu đẻ kiện ông bà, cha mẹ, nếu không có trưởng-tộc hay trưởng-tộc từ chối hoặc vắng mặt

Biện-Lý đứng phụ-tổ trong các vụ dân-sự khác. Công-tố-Viện bao giờ cũng có thể đòi xem bút lục trong các việc dân-sự. Có những việc bắt buộc phải thông tri cho Công-tố-Viện như các vụ kiện can hệ đến trật-tự chung, đến tài-sản của quốc-gia, đến nhân-thế, đến việc giám-hộ, các việc kiện của vị-thành niên, các vụ liên quan đến những người bị coi là thất-tung.

Về hành-chánh : Biện-Lý kiểm soát công việc của Phòng Lục-sự tòa-án mình và phòng Lục-sự các Tòa Hòa-Giải trong quân hạt.

Biện-Lý cũng có trách nhiệm kiểm soát tất cả các công-chứng và công-lại và coi sóc cho các viên-chức ấy làm tròn chức-vụ chuyên-nghiệp một cách đúng đắn.

3.— Dự-Thăm

Dự-thăm chuyên về việc thăm-sứ, Dự-Thăm có thể tự mình thu lý trực tiếp các vụ phạm-pháp quả-tang. Ngoài trường-hợp này, Dự-Thăm chỉ thu lý do Biện-Lý yêu cầu bằng khởi-tố-trạng hay do đơn khiếu tố của người bị thiệt hại đứng dân-sự nguyên-cáo tại Phòng Dự-Thăm. Nhưng đơn khiếu-tố của người bị thiệt hại phải chuyển qua Biện-Lý để lập khởi-tố-trạng.

Khoản 2.— Sự Điều-Hành

1. Phiên Tòa công khai

Khi Tòa Sơ-Thẩm họp phiên công khai, ghế Chánh-Án do Chánh-Án hay một Thẩm-Phán xử án ngồi, ghế Biện-Lý do Biện-Lý hay một Phó Biện-Lý ngồi, ghế Lục-sự do Chánh-Lục-Sự hay một Lục-sự ngồi.

Chánh-Án có quyền cảnh-ngự phiên Tòa tức là quyền giữ trật-tự trong phiên Tòa. Người tới phiên tòa phải giữ lễ độ. Ai làm rối trật-tự, mà không chịu ra khỏi phòng, mặc dầu đã có lệnh, sẽ bị bắt giam 24 giờ theo lệnh của Chánh-Án.

2. Đại Hội-Đồng

Tất cả các phòng của Tòa Sơ-Thẩm họp thành Đại Hội-Đồng và họp kín để định liệu các công việc hành-chánh nội bộ như định ngày giờ các phiên tòa, hay cho ý kiến về một dự-án luật.

Công-tố-Viện có quyền dự họp nhưng không có quyền bỏ thăm.

3. Phòng Thăm-nghị

Phòng Thăm-nghị là nơi mà Tòa-Án lui vào để xét kỹ một việc quan-trọng trước khi lên án.

Phòng Thăm-nghi cũng là nơi mà Tòa-án nhóm họp để xét xử trong những trường-hợp do luật-dịnh (phê-chuẩn khế-ước lập con nuôi, xử các vụ về nhà phố...)

Tòa xử trong phòng Thăm-nghi gồm có Chánh-Án, Biện-Lý và Lục-sự.

Khoản 3.— Thăm-quyền

1. Về dân-sự — xin xem Chương VIII về « Dân-sự Tố-Tung ».

2. Về hình-sự :

A. Tòa Tiểu-hình

Tòa Sơ-Thẩm xét xử những tội-phạm tiểu-hình được gọi là Tòa Tiểu-hình.

Tòa Tiểu-hình gồm có Ông Chánh-Án Tòa Sơ-Thẩm hay một Thẩm-Phán tọa xử chủ tọa để xét xử, Ông Biện-Lý Tòa Sơ-Thẩm hay một Phó Biện-Lý ngồi ghế Công-Tố-Viện để buộc tội và một Lục-sự giữ bút lục.

Bị can và dân-sự nguyên-cáo có quyền nhờ luật-sư biện hộ.

Một Thẩm-Phán công-tố-viện, sau này được cử giữ chức-vụ Thẩm-phán ngồi xử, không thể xét xử vụ tiểu-hình trước kia chính mình truy-tố.

Về thăm-quyền, trên nguyên tắc, Tòa Tiểu-hình có thăm-quyền để xét xử tất cả những tội-phạm tiểu-hình.

Tuy nhiên, các tội-phạm tiểu-hình liên-hệ với các tội-phạm đại-hình, đều do Tòa Đại-hình xử luôn cả.

Có những tội-phạm tiểu-hình dành cho các Tòa-án đặc-thẩm như tòa-án quân-sự.

Tòa Tiểu-hình cũng có thăm-quyền để xét xử về việc kháng-cáo các án vi-cảnh.

B. Tòa Sơ-Thẩm Đại-Hình

Theo tổ-chức tư-pháp Việt-Nam, do Dự số 4 ngày 18-10-1949 ấn định, các tội-phạm đại-hình cũng được hai cấp tòa-án xét xử, như các tội-phạm tiểu-hình.

Các tội-phạm đại-hình do Ban Đại-Hình Tòa Sơ-Thẩm hay Ban Đại-Hình Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền xử sơ-thẩm.

Tổ-chức :

Ban Đại-Hình Tòa Sơ-Thẩm gồm có :

- Một Chánh-Án
- Hai Thẩm-Phán phụ-thẩm
- 1 Biện-Lý đề buộc tội
- 1 Lục.sự đề ghi chép và giữ bút lục.

Hai Thẩm-Phán phụ-thẩm do Chánh-Nhứt Tòa Thượng-Thẩm cử bằng định-lệnh trong các Thẩm-Phán Tòa-án cấp Sơ-Thẩm hoặc Thẩm-Phán Hòa-Giải ở gần trụ-sở của Tòa-án sở quan.

Các Thẩm-Phán phụ-thẩm này cũng có thể là các viên-chức ngạch hành-chánh ở gần trụ-sở Tòa-án sở quan do Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp cất cử.

Điều-hành :

Các Tòa Sơ-Thẩm Đại-Hình cứ hai tháng họp xử một kỳ. Nếu cần, có thể mở kỳ họp bất thường. Chánh-Nhứt Tòa Thượng-Thẩm ấn định ngày khai mạc phiên xử đại-hình của mỗi Tòa-án cấp sơ-thẩm (Tòa Sơ-Thẩm và Hòa-Giải Rộng-Quyền) trong quân-hạt mình.

Các Thẩm-Phán xử sơ-thẩm đại-hình sẽ quyết định theo đa số về tất cả các khoản liên quan tới tội trạng của bị cáo, các trường-hợp tăng hay giảm tội, về việc áp-dụng hình-phạt và về các khoản bồi thường.

ĐOẠN II

Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền

Cũng như Tòa Sơ-Thẩm, Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền là một Tòa-án cấp sơ-thẩm tức là Tòa-án cấp tỉnh đặt tại các tỉnh-ly hay thị-xã. Chỉ khác là Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền kém quan trọng hơn Tòa Sơ-Thẩm và không có Biện-Lý.

Hiện nay tại Việt-Nam Cộng-Hòa có 22 Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền :

14 tại Nam-Phần (Kiến-Hòa, Vĩnh-Bình, Ba-Xuyên, Kiên-Giang, Tây-Ninh, An-Giang, Phước-Tuy, An-Xuyên, Long-An, Châu-Độc, Bình-Dương, Kiến-Phong, Bạc-Liêu, Gò-Công).

5 tại Trung-Nguyên Trung-Phần (Ninh-Thuận, Bình-Thuận, Phú-Yên, Quảng-Ngãi, Quảng-Tri).

Và 3 tại Cao-Nguyên Trung-Phần (Đà-lạt, Banmethuôt, Pleiku).

Tổ-chức :

Tại mỗi Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền chỉ có một Chánh-Án và nhiều khi có thêm một Thẩm-phán phụ-khuyết phụ lục.

Tại Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền không có Biện-Lý. Nếu xét cần, Chương-Lý Tòa Thượng-Thẩm có quyền quản hạt đối với Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền sẽ ủy cho một Thẩm-phán trong quản-hạt đến Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền để thi hành nhiệm-vụ của Công-Tổ-Viện.

Về các việc dân-sự mà luật buộc phải thông-tri cho Công-Tổ-Viện, Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền xử ngay, không cần phải có Công-Tổ-Viện chứng kiến.

Về hình-sự, Chương-Lý có quyền đòi xem hồ sơ các vụ đại-hình mà Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền đang điều-tra và làm tất cả các công việc mà Công-Tổ-Viện tại Tòa Sơ-Thẩm có thể làm được.

Công việc Phòng Lục-sự tại Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền do một Chánh Lục-sự, có nhiều Lục-sự và Thư-ký phụ lực cũng như tại Tòa Sơ-Thẩm.

Chánh-án Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền có đủ các quyền-hành của Chánh-Án các Tòa Sơ-Thẩm. Ngoài ra, Chánh-Án lại còn kiêm nhiệm luôn các chức-vụ truy-tố và thăm-cứu dành cho Biện-Lý và Dự-Thẩm tại Tòa Sơ-Thẩm.

Trong trường-hợp tại Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền có thêm một Thẩm-phán phụ-khuyết phụ lực, Chánh-Án có thể ủy cho vị Thẩm-Phán này việc chủ tọa các phiên tòa tiểu-hình hoặc việc thăm-cứu.

Khi chủ tọa phiên tòa tiểu-hình, Thẩm-Phán phụ-khuyết có toàn quyền xử đoán theo đúng luật-pháp và lương tâm của mình.

Khi thăm-cứu, vị Thẩm-Phán này cũng có đủ quyền-hành như Dự-Thẩm một Tòa Sơ-Thẩm. Tuy nhiên Thẩm-Phán phụ-khuyết chỉ hoạt động với sự ủy-nhiệm của Chánh-Án Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền, nên vị này có thể giữ lại để chính mình thăm-cứu những vụ đặc-biệt quan-trọng.

Đối với những vụ đã chuyển giao cho Thẩm-Phán phụ-khuyết thăm-cứu, Chánh-Án Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền có quyền, bất cứ lúc nào, giữa cuộc thăm-cứu, lấy hồ sơ lại để tự mình tiếp tục cuộc thăm-vấn và làm tất cả các thủ-lục tổ-tung nếu xét cần-thiết.

Điều-hành và thăm-quyền :

Sự điều-hành của Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền chỉ khác Tòa Sơ-Thẩm là tại các phiên xử công khai cũng như các phiên xử trong phòng thăm-ngi của Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền, ghế Công-tổ-viện bỏ trống, trừ phi Chương-Lý xét cần thì cử một Thẩm-Phán Công-Tổ-Viện ở nơi khác đến để ngồi ghế Biện-Lý. Chánh-Án có quyền cảnh ngự phiên Tòa.

Ghế Công-Tổ-Viện cũng vẫn bỏ trống tại các phiên xử đại-hình. Về thẩm-quyền, Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền cũng có thẩm-quyền như Tòa Sơ-Thẩm.

* * *

TIẾT III

Tòa Thượng-Thẩm

Tòa Thượng-Thẩm là Tòa-án cấp Phần. Tại Việt-Nam Cộng-Hòa hiện nay có 2 Tòa Thượng-Thẩm: một tại Saigon và một tại Huế. Trước kia, khi lãnh-thở Việt-Nam Cộng-Hòa còn toàn vẹn, chưa bị cắt đứt do Hiệp-Định Genève ngày 20-7-1954, còn có thêm một Tòa Thượng-Thẩm tại Hà-Nội mà quản hạt gồm các tỉnh tại Bắc-Phần.

Quản-hạt của Tòa Thượng-Thẩm Saigon gồm có các tỉnh tại Nam-Phần và vài tỉnh tại Cao-nguyên Trung-Phần: Lâm-Đông, Tuyên-Đức, Đalat (thị-xã), Darlac (Banmethuot), Quảng-Đức.

Quản hạt của Tòa Thượng-Thẩm Huế gồm có các tỉnh tại Trung-Nguyên Trung-Phần và vài tỉnh tại Cao-Nguyên Trung-Phần: Pleiku, Kontum, Phú-Bôn.

a. — Tổ-chức :

Mỗi Tòa Thượng-Thẩm có một Chánh-Nhứt, một hay nhiều Chánh-Án Phòng và nhiều Hội-Thẩm.

Chức-vụ công-tổ do một Chương-Lý đảm-nhiệm và tùy theo nhu cầu công-vụ, có một hay nhiều Phó Chương-Lý, một hay nhiều Thẩm-Lý và Túc-Viên Công-Tổ-Viện phụ-lực.

Phòng Lục-sự do một Chánh Lục-sự điều-khiển, có một số Lục-sự và thư-ký giúp việc.

Chánh-Nhứt :

Chánh-Nhứt là vị chỉ-huy của tất cả các Thẩm-Phán tọa xử, không những tại Tòa Thượng-Thẩm mà tại tất cả các Tòa-án trong quản-hạt của Tòa Thượng-Thẩm.

Chánh-Nhứt có quyền sát-ngữ, đề-nghị, bổ-nhiệm, thuyên-chuyển hay thăng-thưởng các vị Thẩm-Phán tọa xử, cũng như có quyền đề-nghị trừng phạt theo kỷ-luật nếu các vị Thẩm-Phán ấy phạm lỗi.

Trong quản-hạt của mình, Chánh-Nhứt có thể cử một Thẩm-Phán xử án để tạm thời giữ chức-vụ xử án tại Tòa Thượng-Thẩm hay tại một Tòa án tỉnh.

Chánh-Nhứt còn phải chính mình hay phái các vị Thẩm-Phán Tòa Thượng-Thẩm đi khám các Tòa-Án trong quản-hạt hoặc có kỳ hạn như định hoặc khám bất thần để kiểm-soát sự tiến hành của công-việc tư-pháp. Mỗi lần đi khám phải gửi tờ trình về Bộ Tư-Pháp.

Mỗi khi có một Thẩm-Phán xử án hoặc một Thẩm-Phán Công-Tổ bị khiếu nại, Chánh-Nhứt sẽ chính mình hoặc ủy-nhiệm cho Chánh-Án Phòng hay cho một Hội-Thẩm mở cuộc điều-tra.

Chương-Lý :

Chương-Lý có hai nhiệm-vụ : Giám-Đốc Sở Tư-Pháp và chỉ-huy Công-Tổ-Viện.

1. — Chương-Lý, Giám-Đốc Sở Tư-Pháp :

Trong quản-hạt mỗi Tòa Thượng-Thẩm, Chương-Lý giữ chức Giám-Đốc Sở Tư-Pháp và được Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp ủy-nhiệm việc tư-pháp hành-chánh trong quản-hạt mình.

Chương-Lý phát biểu ý-kiến về tất cả các việc bổ-nhiệm, thuyên-chuyển các Thẩm-Phán Công-tổ-Viện, đề-nghị việc bổ-nhiệm các Lục-sự và tất cả nhân-viên Sở Tư-Pháp, sát-ngữ phiếu-diềm và đề-nghị thăng-thưởng cũng như trừng-phạt các Thẩm-Phán công-tổ, các lục-sự và nhân-viên kể trên.

2. — Chương-Lý chỉ-huy Công-tổ-viện :

Ở mỗi Tòa Thượng-Thẩm, tất cả quyền công-tổ đều trao cho một mình Chương-Lý. Phó Chương-Lý và Thẩm-Lý chỉ dự vào việc thi-hành quyền công-tổ khi nào được Chương-Lý ủy-quyền. Chương-Lý có quyền đích thân phát biểu ý kiến tại các phiên tòa long-trọng và các phiên tòa đại-hình. Nhưng tại các phiên tòa thường, Chương-Lý thường ủy-quyền cho Phó Chương-Lý hay Thẩm-Lý thay mặt.

Chương-Lý có quyền tổng kiểm-soát các công việc của Công-Tổ-Viện tại các Tòa-án cấp sơ-thẩm thuộc quản-hạt.

Đối với các việc liên-quan đến Chánh-Phủ, khi nhận được lời yêu cầu của Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp, Chương-Lý sẽ tuân theo các huấn-lệnh mà làm các giấy tờ cần-thiết để chuyển giao các việc đó sang tòa-án có thẩm-quyền.

Chương-Lý cũng có quyền kiểm-soát sự tiến hành công việc thẩm-cứu các việc hình tại các tòa-án trong quản-hạt. Chương-Lý có thể kháng-cáo tất cả án-lệnh của Dự-Thẩm lên Phòng Luận-Tội.

Chương-Lý lập các hồ-sơ án-xá, án-giảm, xin tạm tha có điều-kiện, cho ý kiến rồi gửi lên Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp.

Chương-Lý có thể ủy cho một Thẩm-Phán trong quản-hạt đến 1 Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền để thí-bành nhiệm-vụ Công-tố-viện.

Trong phạm-vi thẩm-quyền của mình, Chương-Lý trông nom việc thi hành các đạo-luật, sắc-lệnh và quy-tắc hiện hành. Chương-Lý có quyền thi hành các bản án hình-sự hay dân-sự về các điều-khoản liên quan đến trật-tự chung. Chương-Lý có quyền triệu-dụng binh-lực chiếu theo luật-định.

Cũng như Chánh-Nhất, Chương-Lý phải chính mình hay phái các Vị Thẩm-Phán Tòa Thượng-Thẩm đi khám các Tòa-án trong quản-hạt hoặc có kỳ hạn nhất định hoặc khám bắt thâu, xong báo cáo lên Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp.

Chương-Lý có nhiệm-vụ kiểm-soát và coi sóc việc quản-trị các lao-thất, các nhà trừng-giới trong quản-hạt.

Chương-Lý còn có quyền giám-đốc tất cả các nhân-viên phụ-trách cảnh-sát tư-pháp, các công-lại, công-chứng các quản-lý văn-khố trong quản hạt.

b. — Thành-phần :

Theo thường lệ mỗi Tòa Thượng-Thẩm gồm có hai Phòng: Phòng nhất và Phòng nhì. Tuy nhiên vì lý do công-vụ Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp có thể thiết-lập thêm một hay nhiều phòng nữa.

Phòng nhất do Ông Chánh-Nhất chủ tọa, có 2 Hội-Thẩm phụ-lực. Phòng hai và phòng ba (nếu có) do một Chánh-Án-Phòng chủ tọa, cũng có thêm 2 Hội-Thẩm phụ-lực.

Các Phòng tại Tòa Thượng-Thẩm phân chia nhiệm-vụ xét xử các việc kháng-cáo các bản án dân-sự, thương-sự và hình-sự do các Tòa Sơ-Thẩm và Hòa-Giải Rộng-Quyền trong quản hạt tuyên xử.

Ngoài ra, Tòa Thượng-Thẩm còn có một Phòng Luận-Tội do một Chánh-án-phòng chủ tọa với 2 Hội-Thẩm phụ-lực. Phòng Luận-Tội có thẩm-quyền :

- thẩm-vấn các vụ đại-hình,
- xét xử việc kháng-cáo án-lệnh của Dự-Toàn
- chấp đơn xin khôi-phục công-quyền.

*Phiên Tòa công khai tất cả các phòng hội lại
(phiên Tòa long trọng) của Tòa Thượng-Thẩm*

Phiên Tòa này do Chánh-Nhứt chủ tọa, và gồm tất cả các Chánh-án-phòng và Hội-Thẩm. Chương-Lý ngồi ghế Công-tố-viện. Chánh-Lục-sự Tòa Thượng-Thẩm giữ bút ký.

Phiên Tòa công khai tất cả các Phòng hội lại để nhận lời tuyên-thệ của các Thẩm-Phán Tòa Thượng-Thẩm, để xử một Thẩm-Phán phạm tội tiêu-hình hay đại-hình.

Đại Hội-Đồng Tòa Thượng-Thẩm :

Đại Hội-Đồng gồm có tất cả các Thẩm-Phán xử án và Thẩm-phán công-tố của Tòa Thượng-Thẩm, họp ở trong phòng Nghị-án do Chánh-Nhứt chủ tọa, Chương-Lý ngồi đối diện với Chánh-Nhứt và tuyên bố về mục-dịch phiên họp.

Đại Hội-Đồng phát biểu ý kiến về đơn xin nhậm chức và xét xử các vụ phạm kỷ-luật trong khi thi hành chức-nghiệp của các công-lại (luật-sư, quản-lý văn-khố, thừa-phát-lại, hồ-giá-viên) trong quản hạt.

Ban Đại-Hình Tòa Thượng-Thẩm

Ban Đại-Hình Tòa Thượng-Thẩm do một Chánh-Án phòng chủ tọa, có hai Hội-Thẩm ngồi ghế phụ-thẩm và hai phụ-thẩm nhân dân là công dân Việt-Nam. Chỉ được cử làm phụ-thẩm nhân dân các công-dân Việt-Nam, 30 tuổi chẵn, không có tiền án, có đủ công-quyền và dân-quyền, không phải là nhân-viên các cơ-quan tư-pháp, mục-sư, binh sĩ tại ngũ.

Các Thẩm-Phán Ban Đại-Hình Tòa Thượng-Thẩm và các phụ-thẩm nhân dân cùng nhau quyết định theo đa số về tất cả các khoản liên can đến tội trạng đến các trường-hợp tăng tội hay giảm tội cùng là việc áp-dụng hình-phạt.

Ban Đại-Hình Tòa Thượng-Thẩm họp ba tháng một lần. Tất cả án văn do Ban Đại-Hình các Tòa-án cấp sơ-thẩm xử (Tòa Sơ-Thẩm và Tòa Hòa-Giải-Rộng-Quyền) đều có thể kháng cáo lên Ban Đại-Hình Tòa Thượng-Thẩm.

**TIẾT IV
Tòa Phá Án**

Sau ngày ký kết Hiệp-Uớc Việt-Pháp 8-3-1949, thâu-hồi chủ-quyền tư-pháp đối với người Việt-Nam, một Tối-Cao Pháp-Viện đã được thiết lập do Dự số 5 ngày 18-10-1949 gồm có 3 ban : Ban Tư-Pháp, Ban Hành-Chánh và Ban Thẩm-Tra Kế-Toán. Quản hạt Tối-Cao Pháp-Viện gồm toàn lãnh thổ Việt-Nam.

Mỗi năm, chiếu đề-nghị của Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp, một Viện-Trưởng Tối-Cao Pháp-Viện và một Chương-Lý Tối-Cao Pháp-Viện được bổ-nhiệm, do Sắc-lệnh của Quốc-Trưởng trong nhiệm kỳ một năm. Viện-Trưởng Tối-Cao Pháp-Viện được chọn trong 3 vị Chánh-Nhứt ba Tòa Thượng-Thẩm Harội, Huế, Saigon, hai vị Chánh-Nhứt không được chọn sẽ là Hội-Thẩm trợ lực Ông Viện-Trưởng tại Ban Tư-Pháp. Còn Chương-Lý Tối-Cao Pháp-Viện thì được chọn trong 3 vị Chương-Lý của 3 Tòa Thượng-Thẩm này.

Trên thực tế, từ năm 1950 đến cuối năm 1954 chỉ có Ban Tư-Pháp hoạt động.

Đến năm 1954, Ban Thẩm-Tra Kế-Toán được bãi bỏ và sau ngày ký kết Hiệp-Định Genève (20-7-1954) cắt đôi lãnh thổ Việt-Nam tại vĩ-tuyến 17 và sau khi các Tòa-án hỗn-hợp Việt-Pháp bị bãi bỏ (16-9-1954), Tối-Cao Pháp-Viện được cải tổ lại, một Tòa Phá-Án và một Tham-Cánb-Viện, phỏng theo tổ chức tư-pháp tại Pháp-Quốc, được thiết-lập để thay thế 2 Ban : Tư-Pháp và Hành-Chánh của Tối-Cao Pháp-Viện cũ.

Từ năm 1955 đến nay, một Tòa Phá-Án đã được thiết-lập và hoạt-động thật sự, quản hạt gồm toàn lãnh-thổ Việt-Nam từ vĩ-tuyến 17 trở xuống, trụ sở đặt tại Thủ-Đô Việt-Nam, số 76 đường Hồng-Thập-Tự Saigon.

Tổ-chức :

Tòa Phá-Án gồm có một Chánh-Nhứt, một Chánh-Án Phòng và 6 Hội-Thẩm. Chức-vụ công-tổ giao cho một Chương-Lý đảm-nhiệm, có một Phó Chương-Lý phụ lực.

Phòng Lục-sự do một Lục-sự Trưởng điều khiển, có nhiều Lục-sự và Thư-ký giúp việc.

Tòa Phá-Án chia làm 2 phòng :

1) Phòng Dân-sự do Chánh-Nhứt chủ tọa, có hai Hội-Thẩm phụ lực, xét xử các việc thượng-tổ về dân-sự và thương-sự.

2) Phòng Hình-sự do Chánh-Án Phòng chủ tọa, có hai Hội-Thẩm phụ lực, xét xử các việc thượng-tổ về hình-sự.

Điều-hành :

Mỗi phòng của Tòa Phá-Án sẽ họp ít nhất mỗi tháng một kỳ, các phiên xử đều công khai.

Thẩm-quyền :

Tòa Phá-Án xét xử về tất cả các đơn xin phá các bản án tố-tung chung thẩm về dân-sự, thương-sự và hình-sự.

Tất cả các Tòa-án thuộc hệ-thống tư-pháp, ngoại trừ các Tòa-án Quân-sự tại Mặt Trận và Tòa-án Đặc-Biệt, đều được đặt dưới quyền kiểm-soát của Tòa Phá-Án, về hình cũng như về hồ.

Tòa Phá-Án chỉ xét xem bản án bị thượng-tố có làm đúng theo thể-thức luật-định không, có áp-dụng đúng pháp-luật không chứ không xét đến tình lý vụ kiện.

Chỉ có thể xin phá-án vì 4 lý do kể sau :

— vô thẩm-quyền hay lạm-quyền

— vi-luật

— bất tuân các thể-thức mà luật-pháp đã đặt ra và đã ấn-định rằng nếu không tuân thì sẽ vô hiệu, trong các giấy tờ về thủ-tục tố-tung hay trong các án-văn.

— có sự tương phản giữa 2 bản án cùng xử về một việc của 2 Tòa-án khác nhau.

TIẾT V

Các Tòa-án Đặc-Thẩm

1. Tòa-án Nhà Phố

Tòa-án Nhà Phố được thiết-lập để xét xử các vụ tranh-lung giữa chủ nhà và người thuê qui-định do :

— Dự số 4 ngày 2-4-1953 về nhà thuê để ở hoặc dùng về thủ-công nghệ hay nghề-nghiệp ;

— Dự số 17 ngày 3-6-1953 về nhà thuê để làm thương-mãi hay kỹ-nghệ.

Trên thực tế Tòa-án Nhà Phố do Chánh-Án Tòa Sơ-Thẩm (hoặc một Thẩm-phán được ủy-nhiệm) hay Chánh-Án Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền nơi tọa lạc bất-động-sản xét xử, nhưng thủ-tục được giản-dị-hóa.

Án của Tòa-án Nhà Phố có thể kháng cáo lên Tòa Thượng-Thẩm và thượng-tố lên Tòa Phá-Án như án dân-sự của Tòa-án sơ-cấp.

2. Tòa-án Lao-Động

Thiết-lập do Bộ Luật Lao-Động (Dự số 15 ngày 8-7-1952) gồm có 1 Chánh-Án, 2 bồi-thẩm đại-diện giới chủ-nhân, 2 bồi-thẩm đại-diện giới công-nhân và 1 thư-ký.

Các bồi-thẩm được chỉ định bằng cách rút thăm trong số những người có tên trong các danh-sách do Toanh-Tra Lao-Động cấp Phần thiết-lập sau khi tham-khảo ý-kiến của các tổ-chức: nghề-nghiệp liên-hệ.

Tòa-án Lao-Động xét xử các vụ cá-nhân phân-tranh xảy ra giữa chủ nhân và công-nhân trong dịp thi-hành khế-ước lao-động (các vụ cộng-dồng-phân-tranh do Hội-dồng trọng-tài phán quyết).

Hiện nay có 8 Tòa-án Lao-Động được thiết-lập tại những tỉnh và đô-thị quan trọng về phương-diện kỹ-nghệ và thương-mãi : 5 tại Nam-phần (Saigon, Biên-Hòa, Mỹ-Tho, Cần-Thơ, Dalat) và 3 tại Trung-Phần (Huế, Đà-Nẵng, Nha-Trang).

Tại những nơi chưa thiết-lập Tòa-án Lao-Động thì các vụ phân-tranh kể trên do Tòa-án dân-sự (Tòa Sơ-Thẩm hoặc Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền), áp dụng Bộ Luật Lao-Động xét xử.

Về việc kháng cáo, có 2 trường hợp :

— Nếu bản án bị kháng, do Tòa-án Lao-Động tuyên thì việc kháng cáo sẽ do Tòa Sơ-Thẩm hoặc Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền xét xử chung-thâm ;

— Nếu bản án bị kháng do Tòa Sơ-Thẩm hoặc Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền, áp-dụng Bộ Luật Lao-Động tuyên, thì việc kháng cáo sẽ do Tòa Thượng-Thẩm xét xử chung-thâm.

Những án chung-thâm của Tòa án Lao-Động có thể bị thượng-tố lên Tòa Phá-Án vì lý do lạm-quyền hay vi-luật.

3. Tòa-án Thiếu-nhi

Tòa án này xét xử các thiếu-nhi dưới 18 tuổi can tội đại-hình hay tiểu-hình.

Thành-phần Tòa án Thiếu-nhi gồm có :

a) Cấp Sơ-Thẩm tiểu-hình : 1 Thẩm-Phán ngồi ghế Chánh-Án

b) Cấp Thượng-Thẩm tiểu-hình : 1 Hội-Thẩm Tòa Thượng-Thẩm ngồi ghế Chánh-Án, 2 Thẩm-Phán ngồi ghế phụ-thẩm.

c) Cấp Sơ-Thẩm đại-hình : Chánh-Án Tòa-án Thiếu-nhi (cấp sơ-thẩm tiểu hình) ngồi ghế Chánh-Án, 2 phụ-thẩm nhân-dân.

d) Cấp Thượng-Thẩm đại-hình : 1 Hội-Thẩm Tòa Thượng-Thẩm ngồi ghế Chánh-Thẩm, 2 phụ-thẩm nhân dân.

Các Thẩm-Phán Tòa-án thiếu-nhi do Nghị-định của Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp chỉ định.

Công-tố-viện vẫn là Công-tố-viện trước Tòa Tiểu-hình.

Hiện nay tại Việt-Nam Cộng-Hòa có 4 Tòa-án Thiếu-nhi cấp sơ-thẩm xử việc tiểu-hình và đại-hình tại :

- Saigon
- Định-Tường
- Huế
- Nha-Trang

và 2 Tòa-án Thiếu-nhi cấp Thượng-Thẩm xử về việc tiểu-bình và đại-bình tại :

- Saigon
- Huế.

Tại nơi nào không có Tòa-án Thiếu-Nhi thì Tòa-án thường sẽ xử, nhưng phải áp-dụng thủ-tục đặc-biệt trước các Tòa-án Thiếu-Nhi.

4. Tòa-án Đặc-Biệt Điền-Địa

Tòa án Điền-Địa được thiết-lập để xét xử những sự vi-phạm và tranh tụng xảy ra nhân khi thi hành chính-sách cải-tách điền-địa.

Hiện nay có 4 Tòa-án Điền-Địa được thiết-lập tại Saigon, Long-An, Định-Tường và An-Giang. Trụ-sở và quản-hạt của 4 Tòa-án điền-địa này là trụ-sở và quản-hạt của 4 Tòa-án sơ-cấp tư-pháp tại những nơi kể trên.

Thành-phần Tòa-án Điền-Địa gồm có 1 Chánh-Án và 2 phụ-thâm.

Chánh-Án Tòa-án Điền-Địa là Chánh-Án Tòa-án cấp sơ-thẩm tư-pháp, nhưng 2 phụ-thâm là công-chức hành-chánh. Tòa-án Điền-Địa còn có 1 Ủy-Viên Chánh-Phủ giữ chức công-tố và một thư-ký có mặt tại phiên Tòa công khai giữ bút lục.

Tại những nơi chưa tổ-chức Tòa-án Điền-Địa, Tòa Sơ-Thẩm hoặc Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền sở tại, với thành phần y nguyên của Tòa này, sẽ thay thế Tòa-án Điền-Địa để xét xử.

Án-vấn của Tòa-án Điền-Địa được coi là chung-quyết. Tuy nhiên, muốn có hiệu-lực chấp-bành, các án-vấn đó phải được Hội-Đồng Cải-Cách Điền-Địa chấp-huận. Nếu bác bỏ một án-vấn nào, Hội-Đồng sẽ chỉ dẫn một biện pháp hoặc một đường lối và giao cho một Tòa-án Điền-Địa lân cận xét xử lại vụ kiện.

5. Tòa-án Quân-sự

Tòa-án Quân-sự được tổ-chức do Bộ Quân-Luật. Hiện có 4 Tòa-án Quân-sự tại :

- Saigon
- Huế

— Nha-Trang

— Cần-thơ.

Thành-phần của Tòa-án Quân-sự gồm có 1 Chánh-Thẩm chọn trong số các Thẩm-Phán Dân-sự của Tòa Thượng-Thẩm mà trong quân-hạt có trụ-sở của Tòa-án quân-sự và 4 Thẩm-phán quân-nhân làm phụ-thẩm. Chức-vụ công-tổ được giao cho một Ủy-Viên Chánh-Phủ cũng quân nhân.

Tòa-án Quân-sự xét xử tất cả những vụ phạm pháp do quân-nhân gây ra, các sự phạm pháp chánh-trị và những khinh-tội hay trọng-tội xâm phạm đến nền an-ninh quốc-gia không phân biệt bị can là quân nhân hay thường dân. Bộ Quân Luật cũng minh định những trường-hợp mà can phạm thường dân thuộc thẩm-quyền Tòa-án Quân-sự. Các bản án của Tòa-án Quân-sự đều chung-thần và chỉ được thượng-tổ lên Tòa Paá-Án mà thôi.

6. Tòa-án Quân-Sự tại Mặt-trận

Tại mỗi vùng Chiến-Thuật (4 Vùng) có một Tòa-án Quân-Sự tại Mặt Trận mà thành-phần gồm có :

— 1 Chánh-Thẩm thực thụ và 1 Chánh-Thẩm dự khuyết đều chọn trong số các sĩ-quan có cấp bậc đại tá trở lên, phục-vụ tại Vùng Chiến-Thuật liên hệ ;

— 4 Phụ-Thẩm chọn trong hàng sĩ-quan và hạ sĩ-quan tại Vùng Chiến-Thuật liên hệ ;

— 1 Ủy-Viên Chánh-Phủ chọn trong hàng sĩ-quan thuộc Nha Quân-Pháp ;

— 1 Lục-sự Trưởng, quân nhân, có Lục-sự và Thơ-ký giúp việc.

Tòa-án Quân-Sự tại Mặt Trận xét xử các vụ phạm-pháp quá-tang xảy ra trong suốt thời gian có tình-trạng khẩn-cấp, tại lãnh thổ Vùng Chiến-Thuật.

Với các điều kiện trên, đối với quân nhân và nhân viên Địa-phương-quân Tòa-án Quân-Sự tại Mặt Trận có thẩm quyền để xét xử mọi khinh-tội và trọng-tội ; đối với các thường dân, Tòa-án ấy chỉ có thẩm-quyền xét xử các tội xâm phạm an-ninh Quốc-Gia và các tội mà Bộ Quân-Luật đã minh định rằng can phạm thường dân cũng thuộc Tòa-án Quân-sự.

Về thủ-lục truy-đốt, các bị can bị đưa thẳng ra trước Tòa, không cần thẩm-vấn sơ khởi. Tòa-án Quân-sự tại Mặt Trận xử chung-thần. Mọi phương-chức kháng cáo hay phá-án không áp-dụng.

7. Tòa-án Đặc-Biệt

Tòa-án Đặc-Biệt được thiết lập do Sắc-luật số 3/66 ngày 15.2.1966 trong suốt thời gian bau bố tình-trạng chiến-rauh, quân hạt bao gồm toàn thể lãnh

thờ Việt-Nam, trụ-sở đặt tại Saigon. Nếu cần, Tòa-án Đặc-Biệt có thể xử lưu-dộng.

Thành-phần Tòa-án Đặc-Biệt gồm có :

— 1 Chánh-Thẩm do Chủ-Tịch Ủy-Ban Lãnh-Đạo Quốc-Gia (Quốc-Trưởng) bổ-nhiệm.

— 2 Phụ-Thẩm do Chủ-Tịch Ủy-Ban Hành-Pháp Trung-Uơng (Thủ-Tướng) bổ-nhiệm.

— 1 Ủy-Viên Chánh-Phủ và 1 hay nhiều Phó Ủy-Viên Chánh-Phủ do Chủ-Tịch Ủy-Ban Hành-Pháp Trung-Uơng (Thủ-Tướng) bổ-nhiệm.

— 1 Lục-sự Trưởng có nhiều Lục-sự và Thư-ký giúp việc.

Tòa-án Đặc-Biệt có thẩm-quyền xét xử các tội-phạm liệt-kê sau đây, bất luận bị can là quân-nhân hay thường dân :

— Các tội đầu-cơ, chuyển ngân phí pháp, buôn lậu và các vi-phạm luật quan-thuế nếu tài vật hoặc ngân khoản trị giá từ 50.000\$ trở lên.

— Các tội hối-lộ, hối mại quyền thế, biếm thủ công-quỹ, nếu tài vật hoặc ngân khoản hoặc cả hai trị giá từ 500.000\$ trở lên.

Tòa-án Đặc-Biệt xử chung-thâm và không được thượng-lộ lên Tòa Phá-Án.

8. Các Tòa-án Phong-Tục Thượng

Các Tòa-án này được thiết-lập do Sắc-luật số 6/65 ngày 22.7.1965 tại 7 tỉnh thuộc miền Cao-nguyên Trung-Phần Việt-Nam : Darlac, Quảng-Đức, Tuyên-Đức, Lâm-Đồng, Pleiku, Kontum, Phú-Bồn, dựa trên nguyên-tắc căn-bản là vừa tôn trọng phong-tục tập-quán của đồng-bào thiểu số người Thượng vừa tôn trọng chủ-quyền tư-pháp Quốc-Gia Việt-Nam, nhằm thực-hiện chính-sách đoàn-kết giữa người Thượng và người Kinh (Việt-Nam).

Các Tòa-án phong-tục Thượng trên thực-tế không phải là những Tòa án riêng biệt. Hệ-thống các tòa-án này được thếp vào các cơ-cấu hành-chánh và tư-pháp quốc-gia hiện sẵn có ở tại các cấp.

Ở cấp Xã, thành-phần tòa án phong-tục Thượng gồm có Chủ-Tịch Ủy-Ban Hành-Chánh Xã làm Chánh-Án và 2 phụ-thẩm người Thượng.

Tại cấp Quận, Tòa án Thượng do Quận-Trưởng kiêm Toản-Phán Hòa-Giải làm Chánh-Án, có 2 phụ-thẩm người Thượng phụ tá.

Ở cấp Tỉnh, tại mỗi Tòa-án Quốc-gia (Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền) được

thiết-lập một Ban Thượng-Vụ gồm 1 Chánh-Án Thượng và 2 phụ-thẩm Thượng phụ-tá.

Ở cấp Thượng-Thẩm, mỗi khi xét xử những vụ kiện giữa người Thượng, thành-phần phiên Tòa Thượng-Taâm là thành-phần thường lệ gồm thêm 2 phụ-thẩm người Thượng. Tại Ban Đại-Hội, trong thành-phần thường lệ, hai phụ-thẩm người Thượng thay thế 2 phụ-thẩm nhân-dân người Kinh (Việt-Nam).

Trên nguyên-tắc, các Tòa-án phong-tục hành-sử quyền tài-phán đối với người Thượng, ngoại trừ những trường-hợp mà luật định khác. Đối với những vụ phản nghịch, xâm-phạm an-ninh quốc-gia, hoặc những vụ tranh-tụng về bộ giữa người Thượng và người Kinh và những vụ áa về binh khi có người Kinh liên hệ, Tòa án Quốc-gia các cấp theo thẩm-quyền sẽ xét xử, nhưng thành-phần Tòa án Quốc-Gia sẽ gồm thêm phụ-thẩm người Thượng.

Về luật lệ áp-dụng giữa người Thượng, các Tòa-án phong-tục Thượng áp-dụng những quán-lệ và phong-tục địa-phương, miễn là không trái với trật-tự công-cộng.



PHẦN THỨ HAI

Hệ-thống các Tòa-án Hành-Chánh

Trước thời Pháp thuộc, tại Việt-Nam không có tòa-án hành-chánh nào cả. Mọi quyền-hành đều tập trung trong tay nhà Vua, các quan chức thay mặt vua đề cai trị, dân chỉ chịu trách-nhiệm trước vua mà thôi. Không có tòa-án nào được quyền kiểm-soát tính cách hợp pháp của các hành-vi hành-chánh và xác nhận trách-nhiệm của vua hay của Quốc-gia đối với dân chúng.

Trong thời Pháp thuộc, cũng không có tòa-án nào có quyền chế-tài các hành-vi hành-chánh của Hoàng-đế Việt-Nam hoặc của các quan chức thống thuộc Hoàng Triều.

Tuy nhiên đối với những hành-vi của các cơ-quan Pháp ban hành tại Việt-Nam, như là tại Nam-Poài lúc ấy là một thuộc địa Pháp và tại các nhượng địa (Hanoi, Hải-Phòng, Đ.-Nẵng) thì một hệ-thống tài-phán hành-chánh được Pháp thiết-lập gồm có Tham-Coách-Viện Pháp và một Hội-đồng tài-phán hành-chánh Đông-Dương có thẩm-quyền toàn cõi Đông-Dương.

Từ 1950 đến ngày 16-9-1954 :

Trong khoảng thời-gian này, hai hệ-thống pháp-định hành-chánh tại Việt-Nam có thẩm-quyền xét xử những vụ tranh-tụng hành-chánh, tùy theo quốc-tịch của các đương-sự :

1) — Hệ-thống hỗn-hợp Pháp-Việt gồm có tòa-án hành-chánh hỗn-hợp tại Đalat và một Hội-Đống Thượng-Thẩm hỗn-hợp bên cạnh Tham-chính-Viện Pháp.

2) — Hệ-thống Việt-Nam gồm có Tòa-án Hành-Chánh và Ban Hành-Chánh Tối-Cao Pháp-Viện Việt-Nam.

Sau khi Hiệp-ước Tư-pháp được ký-kết với Pháp-Quốc ngày 16-9-1954 Việt-Nam đã thâu hồi toàn vẹn chủ quyền tư-pháp trên toàn lãnh-thổ quốc-gia, chế-độ pháp-đình hỗn-hợp (tư-pháp lẫn hành-chánh) bị bãi bỏ và do đó chỉ còn lại một hệ-thống tài-phán hành-chánh quốc-gia.

Hệ-thống này gồm có Tòa-án Hành-Chánh và Tham-chính-viện.

Ngoài ra còn có một pháp-đình đặc-biệt có tánh cách hành-chánh là Tòa án cấp-dưỡng thuộc quyền kiểm-soát của Tham-chính-viện.

TIẾT I

Tòa-án Hành-Chánh

Hiện nay tại Việt-Nam Cộng-Hòa chỉ có một Tòa-án Hành-Chánh, trụ sở đặt tại Saigon, quản-hạt gồm toàn lãnh-thổ Quốc-gia.

Thành-phần : Tòa án Hành-chánh gồm có :

- 1 Chánh-Án
- 1 Chánh-Án Dự-khuyết
- 1 Ủy-Viên Chánh-Phủ
- 1 số Hội-Thẩm tùy theo nhu-cầu công-vụ
- 1 Tổng Thư-ký có nhiều thư-ký trợ lực.

Trên thực tế, Tòa-án Hành-Chánh Việt-Nam hiện chỉ có 1 Chánh-Án, 2 Hội-Thẩm và 1 Ủy-viên Chánh-Phủ.

Các Thẩm-Phán tại Tòa án Hành-Chánh đều thuộc ngạch Thẩm-Phán Hành-Chánh.

Thẩm-quyền : Tòa án Hành-chánh xử :

- 1) Sơ-thẩm : a) các vụ đòi bồi thường liên quan đến các pháp-nhân hành-chánh.
- b) các vụ kiện xin tiêu hủy các quyết-định hành-chánh có tánh cách cá nhân, liên quan đến tình-trạng hành-chánh của các viên - chức bỏ - nhiệm do nghị-định của Tổng-Trưởng, Bộ-Trưởng, Đại-biểu Chánh-Phủ và Tỉnh-Trưởng.

- c) các vụ tranh-tụng liên-quan đến mọi cuộc tuyển-cử hàng tỉnh, hàng quận, hàng xã.

2) Sơ và chung thẩm :

Các vụ kiện liên quan đến mọi vấn đề thuế trực-thu và thuế đồng hóa với thuế trực-thu.

TIẾT II

Tham-Chính-Viện

Tham-Chính-Viện là Tòa-án cao nhất trong hệ thống pháp-dinh hành-chánh được thiết-lập và tổ-chức do Du số 38 ngày 9-11-1954 để thay thế Ban Hành-Chánh Tối-Cao Pháp-Viện cũ bị bãi bỏ.

Quản-hạt Tham-chính-viện gồm toàn cõi Việt-Nam. Trụ sở đặt tại Saigon.

I.— Thành-phần :

Tham-Chính-Viện gồm có những cơ-quan sau đây :

- một ban tài phán
- một ban hành-chánh
- một đại-hội đồng Tham-chính-viện
- một phòng Tổng Thư-ký.

Nhân-viên Tham-Chính-Viện gồm có :

- một Chủ-Tịch
- một hay hai Phó Chủ-Tịch
- một số Cố-Vấn và Tham-Nghị
- một Tổng Thư-ký có nhiều thư-ký phụ lực.

A.— Chủ-Tịch Tham-Chính-Viện có nhiệm-vụ :

- a) chủ-tọa ban tài-phán và ban hành-chánh. Chủ-Tịch Tham-Chính-Viện có thể ủy-nhiệm cho Phó Chủ-Tịch chủ tọa ban hành-chánh.
- b) đôn đốc và kiểm-soát hoạt-động tổng quát của Tham-chính-viện.
- c) phân chia công việc cho các ban.
- d) thay mặt Tham-Chính-Viện trong sự giao thiệp với các cơ-quan chính-quyền và tư-nhân.

B. Ban Tài Phán gồm có :

- 1 Chánh-Thẩm
- 2 Hội-Thẩm
- 1 Ủy-viên Chánh-Phủ, đại diện luật-pháp.

Chánh-Thẩm được chọn trong hàng Chủ-Tịch, Phó Chủ-Tịch hay Cố-Vấn Tham-Chính-Viện. Hội-Thẩm và Ủy-Viên Chánh-Phủ chọn trong hàng Cố-Vấn.

C. Ban Hành-Chánh gồm có :

- 1 Chủ-Tịch, chọn trong hàng Phó Chủ-Tịch hay Cố-Vấn
- 2 Cố-Vấn
- một số Tham-Nghị tùy theo nhu-cầu công-vụ.

Nếu xét cần, Chủ-Tịch Tham-Chính-Viện vẫn có thể chủ tọa ban này. Trong mỗi vụ, Chủ-Tịch ban Hành-Chánh cử một cố-vấn làm thuyết-trình-viên.

D. Đại Hội-Đồng Tham-Chính-Viện gồm toàn thể Thẩm-Phán tổng sự tại Tham-Chính-Viện, do Chủ-Tịch Tham-Chính-Viện chủ-tọa.

2. Thẩm-quyền :

A. Ban Tài-Phán có thẩm-quyền :

- 1) phúc-thẩm các bản-án do Tòa-án Hành-Chánh xử sơ-thẩm ;
- 2) xét xử các việc xin phá các bản-án do Tòa-án Hành-Chánh hay những pháp-định có tánh cách hành-chánh xử chung-tâm ;
- 3) sơ và chung-thẩm những việc xin thủ tiêu các quyết-định hành-chánh, cá-nhân hay lập quy, có những lý-tích sau đây :
 - a— lạm quyền (détournement de pouvoir)
 - b— vô thẩm-quyền (incompétence)
 - c— vi luật (violation de la loi)
 - d— không có lý do hay căn cứ vào lý do không xác thực (absence ou inexactitude des motifs).

4) Sơ và chung-thẩm mọi vụ tranh-tụng liên quan đến tình-trạng hành-chánh của các công-chức do Sắc-lệnh hay Nghị-định của Quốc-Trưởng bổ-nhiệm.

Ngoài ra, Ban Tài-phán Tham-Chính-Viện còn có thẩm-quyền xét xử một vài loại tranh tụng do những đạo luật riêng qui định như : xử sơ và chung thẩm những vụ tranh-tụng liên quan đến các cuộc bầu cử vào các hội-đồng toàn quốc y-sĩ đoàn, nha-sĩ đoàn, bộ-sinh đoàn, dược-sĩ đoàn ; xét xử các đơn kháng cáo của y-sĩ, nha sĩ, sản bà, dược-sĩ đối với các quyết-định của Hội đồng đoàn đã từ-chối không ghi tên đương sự vào danh sách đoàn, xét đơn thượng-lỗ của các y-sĩ, nha-sĩ, sản bà và dược-sĩ đối với các phán nghị của Ban Kỹ-Luật Hội-đồng đoàn, xét xử những vụ tranh-chấp liên quan đến việc kiểm lãnh các cấp dưỡng cho các quân nhân và người kể quyền ;

B. Ban Hành-chánh có 2 thẩm-quyền :

- thẩm-quyền cố-vấn
- thẩm-quyền dự pháp

1. Thẩm-quyền cố-vấn :

Ban Hành-Chánh Tham-Chính-Viện phát biểu ý kiến về những vấn kiện sau đây :

- a) nhượng quyền khai thác một nguyên liệu thiên nhiên của Quốc-Gia, một công-vụ hay một độc-quyền thương-mại ;
- b) kế-ước hành-chánh giữa một cơ quan hành-chánh và tư nhân, khi giá trị ngang hoặc hơn 500.000\$00 ;
- c) cho phép các pháp nhân hành-chánh nhận những tặng dũ bằng tiền hay hiện vật, có điều kiện kèm theo.
- d) thiết lập hoặc bãi bỏ các công-cục hành-chánh quốc-gia hay địa-phương.

2. Thẩm-quyền dự-pháp :

Ban Hành-Chánh Tham-Chính-Viện :

- a) Phát biểu ý-kiến về những dự thảo luật, sắc-lệnh, nghị-định nếu cơ quan lập pháp hoặc Chánh-Phủ yêu cầu ;
- b) Phát biểu ý-kiến về những dự thảo luật, sắc lệnh, nghị định mà Chánh-Phủ bắt buộc phải hỏi ý-kiến vì đã được qui định trong một đạo-luật hoặc vì :
 - liên quan đến mọi quyền tự-do công dân ;
 - liên quan đến quy chế công chức, quy chế mọi nghề nghiệp tự do ;
 - liên quan đến việc cải tổ nền hành chính quốc-gia hay địa phương
 - liên quan đến công-thải ;
 - liên quan đến tổ chức Tòa-án hành-chánh và Tham-Chính-Viện.

Nhưng ý kiến của Tham-Chính-Viện không bao giờ bó buộc cơ quan đứng hỏi.

C. — Đại Hội-Đồng Tham-Chính-Viện :

— Phát biểu ý-kiến về việc áp-dụng những khoản trừng phạt đối với các Tham-Posa hành-chánh phạm kỷ luật.

Ngoài ra, Chủ-Tịch Tham-Chính-Viện có thể ủy-nhiệm cho Đại Hội Đồng :

- thăm định những vụ tranh-tụng hành-chánh quan trọng ;
- phát biểu ý kiến về những dự thảo luật, Sắc-lệnh và Nghị-định quan trọng. Nếu xét cần, Đại Hội-Đồng Tham-Chính-Viện có quyền đề nghị lên cơ-quan lập-pháp hay Chánh-Phủ sửa đổi những điểm tối nghĩa, hoặc mâu thuẫn, hoặc khiếm khuyết trong nền pháp-luật hiện tại.

Đại Hội-Đồng Tham-Chính-Viện còn có thể phát biểu ý kiến về những vấn đề hiến-pháp, quốc-tế pháp hay lập-pháp do cơ-quan lập-pháp hay Chánh-Phủ chuyển sang đề lấy ý kiến.



TÒA-ÁN CẤP-DƯỠNG

Có nhiệm vụ xét xử những vụ tranh chấp xảy ra do sự thi hành chế độ cấp dưỡng binh sĩ tàn phế cho các quân nhân Việt-Nam và những người kế quyền của họ, ấn định do Du số 22 ngày 25-11-1952.

Các vụ tranh chấp này được xét xử làm 2 cấp ;

- cấp sơ-thẩm do Tòa sơ-thẩm cấp-duỡng Phần.
- cấp phúc-thẩm do Tòa thượng-thẩm cấp-duỡng Phần.

Cả 2 cấp Tòa-án này đều có bản chất một Tòa đặc thẩm hành chánh mặc dầu đều do một Thẩm-Phán tư-pháp chủ tọa.

1) Tòa Sơ-Thẩm Cấp-Dưỡng Phần

Thành-phần :

Tại quân bặt mỗi Tòa Thượng-Thẩm được thiết lập một Tòa Sơ-Thẩm cấp-duỡng Phần gồm có :

- một Thẩm-Phán của Tòa-án dân-sự do Chánh-Nhất Tòa Thượng-Thẩm cử giữ chức Chánh-Án ;
- một y-sĩ và
- một cựu binh-sĩ đang hưởng cấp-duỡng giữ chức Phụ-Thẩm.
- một Ủy-Viên Chánh-Phủ là một công-chức Sĩ Binh-Lương ;
- Lục-sự là Chánh Lục-sự hay Lục-sự của Tòa-án sơ-thẩm dân-sự nơi thủ-phủ của mỗi Phần.

Thẩm-quyền :

Tòa Sơ-Thẩm cấp-duỡng Phần thu lý những đơn kháng tố các quyết-định của Tổng-Trưởng Bộ Cựu Chiến-Sĩ và Phế.Binh thanh toán tiền cấp dưỡng hoặc bác bỏ đơn xin cấp-duỡng.

Tòa xử công khai, án văn phải ghi rõ lý do và có thể bị kháng cáo lên Tòa Thượng-Thẩm cấp-duỡng Phần.

2) Tòa Thượng-Thẩm Cấp-Dưỡng Phần

Trong quân hạt mỗi Tòa Thượng-Thẩm được thiết-lập một Tòa Thượng-Thẩm Cấp-Dưỡng Phần.

Thành-phần gồm có :

- một Chánh-Án Phòng Tòa Thượng-Thẩm hay một Hội-Thẩm thẩm niên nhất giữ chức Chánh-Án ;
- hai Hội-Thẩm Tòa Thượng-Thẩm.
Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp hàng năm cử 3 vị này còn Tòa Thượng-Thẩm cử ba vị Thẩm-Phán dự khuyết.
- một Ủy-viên Chánh-Phủ do Tổng-Trưởng Bộ Quốc-Phòng cử nhiệm trong các công-chức Sở Binh-Lương.
- Lục-sự là Chánh-Lục-Sự hay Lục-sự Tòa Thượng-Thẩm sở quan.

Thẩm-quyền :

Tòa Thượng-Thẩm Cấp-Dưỡng Phần thụ lý các vụ kháng cáo án của Tòa Sơ-Thẩm Cấp-Dưỡng Phần do đương-sự hay Ủy-Viên Chánh-Phủ kháng cáo.

Các án của Tòa Thượng-Thẩm Cấp-Dưỡng Phần có thể bị thượng-tố trước Tham-Chính-Viện vì vượt-quyền, lạm-quyền, có ti-tích về hình-thức hay vi-luật.

VIỆN BẢO-HIẾN

Viện Bảo-Hiến được thiết-lập do Luật số 7/60 ngày 23-12-1960, chiếu các điều 85, 86, 87 và 88 của Hiến-Pháp ngày 26-10-1956, và có nhiệm-vụ :

- a) phán quyết về tính cách hợp hiến của các đạo-luật, sắc-luật và quy-tắc hành-chánh ;
- b) tham gia ý-kiến về các đề-nghị sửa đổi Hiến-Pháp do Ủy-Ban Quốc-Hội chuyên đến.

Viện Bảo-Hiến gồm có 1 Chủ-tịch và 8 Hội-Thẩm.

Chủ-Tịch do Tổng-Thống chỉ định với sự thỏa-hiệp của Quốc-Hội, còn các Hội-Thẩm thì bốn do Tổng-Thống cử chọn trong các Tuân-Pháp cao cấp hay luật-gia, và bốn do Quốc-Hội cử chọn trong các Dân-Biêu.

Nhiệm-kỳ của Chủ-Tịch và Hội-Thẩm Viện Bảo-Hiến là nhiệm-kỳ của Quốc-Hội tức là 3 năm.

Vị Chủ-Tịch đầu tiên của Viện Bảo-Hiến là Ô. Vương-quang-Nhường, cựu Thủ-Lãnh Luật-Sư Đoàn và cựu Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp và vị Chủ-Tịch kế tiếp là Ông Đình-văn-Huân, cựu Chánh Nhứt và Chương-Lý Tòa Thượng-Thẩm Saigon.

Viện Bảo-Hiến đã thật sự hoạt-động từ đầu năm 1961 cho đến ngày 1-11-1963 thì xảy ra cuộc Cách-Mạng lật đổ chánh-phủ Ngô-Đình-Diệm đồng thời chấm dứt nhiệm-vụ của các cơ-quan do Hiến-Pháp ngày 26-10-1956 thiết-lập.

Với Tân Hiến-Pháp ban hành ngày 1.4.1967, Tối-Cao Pháp-Viện có nhiệm-vụ giải-thích Hiến-Pháp, phán quyết về tánh cách hợp-hiến hay bất hợp-hiến của các đạo-luật, sắc-luật, tánh cách hợp-hiến của các sắc-lệnh, nghị-định và quyết-định hành-chánh ».

✱

KẾT-LUẬN

Sau khi thấu hồi toàn vẹn chủ quyền tư-pháp trên toàn lãnh thổ Quốc-gia, Bộ Tư-Pháp đã cố gắng thực hiện những cải tiến sâu rộng hầu xây dựng một guồng máy tư-pháp thích hợp để cho luật nước được tôn trọng và đáp ứng với nhu-cầu-cùng nguyện vọng của toàn dân.

Chủ trương của Bộ Tư-Pháp là nhằm vào đại chúng bằng cách đem Công-lý đến gần dân.

Thông tư số 9745.BTP/HOV ngày 12.9.1966 áp-dụng sắc-luật số 17 ngày 29-7-1964 tổ chức những phiên tòa lưu động ở cấp sơ-thẩm và nghị-định số 1060.BTP/NĐ ngày 27-10-1966 áp-dụng Du số 33 ngày 14-6-1956



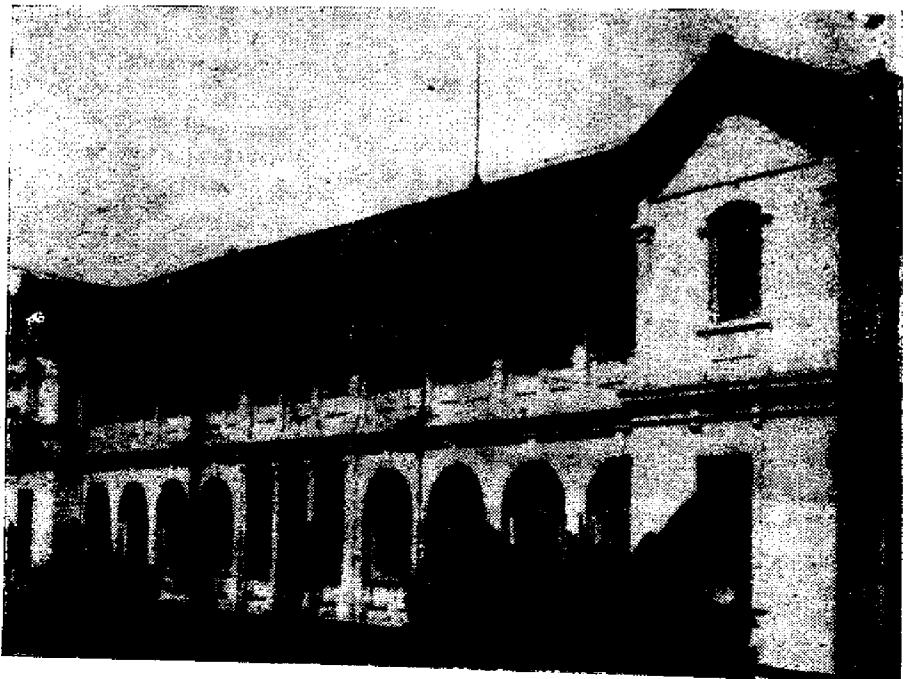
Tòa PHÁ - ÁN SAIGON



THAM - CHÍNH - VIỆN SAIGON



Tòa THƯƠNG - THÂM và SỞ - THÂM SAIGON



Tòa SỞ - THÂM PHONG - DINH



Tòa SỞ THẨM QUẢNG - NAM



Tòa HÒA - GIẢI RỘNG - QUYỀN QUẢNG - NGÃI



Tòa HÒA - GIẢI SAIGON



Tòa LAO - ĐỘNG SAIGON

tổ chức những phiên tòa lưu động ở cấp thượng-thẩm, nhằm vào mục tiêu nói trên. Có đến gần dân, Tòa-án mới gây cho người dân ý thức về sự cần thiết tôn-trọng luật-pháp để củng cố nền pháp-trị, đặt luật-pháp và quyền lợi quốc-gia trên mọi áp lực.

Ngoài ra, với tổ-chức tư-pháp hiện tại, sự phân chia các tòa-án làm 2 hệ thống riêng biệt: hệ thống các tòa án tư-pháp và hệ thống các Tòa-án hành-chánh, với sự hiện diện của một Tòa án Hành-chánh và một Tham-Chính-Viện cho toàn lãnh thổ Việt-Nam, Bộ Tư-Pháp khó có thể thực hiện được chánh sách đã áp-dụng cho các tòa-án tư-pháp.

Trên thực tế, vì các pháp đình hành chánh ở quá xa dân chúng (muốn xin tiêu hủy một quyết-định hành-chánh của Tỉnh-Trưởng người dân ở Quảng-Trị hay ở An-Xuyên phải di-chuyển đến Tòa án Hành-Chánh tại Sài gon, xa xôi tốn kém) nên dù cho Tham-Phán Hành-Chánh có tài ba đức độ, có thâm lượm được kinh nghiệm của các nước văn minh tân tiến, dù cho án lệ hành-chánh có dồi dào phong phú, cũng không giúp ích một cách đặc lực và gây được niềm tin tưởng mãnh liệt trong dân chúng. Và lại, thiết lập cơ quan tài phán hành-chánh mà không thiết lập thêm Tòa Phán-Thẩm (Tribunal des Conflits) thì một khi có sự tương tranh thẩm quyền với cơ quan tài phán tư-pháp, không biết lấy cơ quan nào để mà giải quyết. Vấn đề các pháp đình hành chánh vì vậy cần được đặt lại trong tương lai, nhân sự thiết lập Tối Cao Pháp-Viện có thẩm quyền phán quyết về các vụ thượng-tố các bản án chung thẩm (tư-pháp cũng như hành-chánh) trong Tân Hiến-Pháp.

CHƯƠNG IV

THẨM - PHÁN

Các Thẩm-Phán Việt-Nam chia ra làm 2 ngành : ngành Thẩm-Phán tư-pháp phục-vụ tại các Tòa-Án tư-pháp và ngành Thẩm-Phán hành-chánh phục-vụ tại các pháp-đình hành-chánh.

A — Ngành Thẩm-Phán Tư-Pháp gồm có 3 ngạch :

1.— Ngạch Thẩm-Phán Hòa Giải.

2.— Ngạch Thẩm-Phán các Tòa Sơ-Thẩm và Thượng-Thẩm.

Quy-chế của 2 ngạch trên do Dụ số 3 ngày 29-3-1954 ấn-định.

3.— Ngạch Thẩm-Phán Tòa Phá-Án, do Dụ số 28 ngày 2-9-1954 ấn-định

B — Ngành Thẩm-Phán Hành-Chánh chỉ có một ngạch gọi là ngạch Thẩm-Phán Hành-Chánh do Dụ số 4 ngày 15-11-54 quy-định.

I. — THÈ-THỨC TUYỂN BỒ

Trên nguyên-tắc, các Thẩm-Phán Việt-Nam chỉ được tuyển bổ sau khi đã trúng tuyển một kỳ thi nhập ngạch. Các thí sinh phải có quốc-tịch Việt-Nam, có ít nhất 22 tuổi và nhiều nhất 35 tuổi, có bằng tiến-sĩ hay cử-nhân luật-khoa.

Tuy nhiên đối với ngạch Thẩm-Phán Hòa-Giải, điều-kiện văn-bằng có phần dễ dàng hơn : các thí-sinh không có bằng Cử-nhân luật-khoa nhưng có bằng Luật-học Đông-Dương hoặc tốt-nghiệp trường Pháp-Chính Hanoi hay trường Cao.học Đông-Dương cũ và các Lục-Sự Tòa-Án từ hạng nhì trở lên cũng được phép dự thi.

Riêng đối với các ngạch Thẩm-Phán Tòa Phá-Án, ngoài điều-kiện văn bằng (Tiến-sĩ hay Cử-nhân Luật-khoa, các bằng tương-dương bất khả chấp), các ứng viên còn phải có giữ hay đang giữ chức-vụ :

— Hội-Thẩm Tòa Phá-Án hỗn hợp Ba-Lê

— Chánh-Nhứt hay Chương-Lý Tòa Thượng-Thẩm

— Chánh-Án Phòng hay Phó Chương-Lý Tòa Thượng-Thẩm hạng nhứt (Saigon).

— Chánh-Án hay Biện-Lý Tòa Sơ-Tuần ngoại hạng (Saigon)

— Giám-Đốc Nha ở Bộ Tư-Pháp ít nhất được 3 năm và đã từng giữ chức-vụ Tuần-Phán ở Tòa Thượng-Thẩm ;

— Giáo-Sư Trạc-sĩ Trường Đại-học Luật.khoa.

— Luật-sư các Tòa Thượng-Thẩm ở Việt-Nam có ít nhất 10 năm thâm niên trong nghề kể từ ngày được ghi tên vào danh-biểu luật-sư và đã từng làm Thủ-Lãnh hay Hội-Viên trong Hội-Đồng Luật-Sư.

Các Thẩm-Phán được tuyển bổ do Sắc-lệnh của Quốc-Trưởng và cử đi giúp việc tại các Tòa-Án do Nghị-Định của Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp.

II.— THẨM-PHÁN CÔNG-TỐ VÀ THẨM-PHÁN XỬ ÁN :

Vì số Thẩm-Phán Việt-Nam hiện rất ít, tổng số tính đến ngày 1-5-1967, chỉ có 167 người phân chia như sau :

— Thẩm-Phán Tòa Phá-Án	:	3
— Thẩm-Phán các Tòa Sơ-Thẩm và Thượng-Thẩm	:	149
— Thẩm-Phán Hòa-Giải	:	3
— Thẩm-Phán Hành-Chánh	:	12

Do đó không có chia ra 2 ngành : Thẩm-Phán công-tố và Thẩm-Phán xử án riêng biệt. Vì nhu cầu công-vụ, các Thẩm-Phán có thể được cử giữ chức-vụ công-tố hay chức-vụ xử án hoặc chuyển-chuyển từ chức công-tố qua chức-vụ xử án hay ngược lại do Nghị-định của Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp.

III.— ĐẢM BẢO VỀ NGHỀ-NGHIỆP VÀ NGUYÊN-TẮC ĐỘC-LẬP CỦA CÁC THẨM-PHÁN XỬ ÁN.

Điều 5 Dự số 3 ngày 29-3-1954 ấn-định quy-chế ngạch Thẩm-Phán Hòa-Giải và Thẩm-Phán các Tòa Sơ-Thẩm và Thượng-Thẩm có ghi rằng :

« Các Thẩm-Phán, chiếu theo hình-luật và đạo-luật riêng biệt, được che chở nếu bị hăm dọa, sỉ nhục, mạ lỵ hoặc phỉ báng.

Chánh-Phủ phải bình vực các Thẩm-Phán nếu trong khi thừa-hành chức-vụ hoặc vì thừa-hành chức-vụ mà bị hăm dọa hay bị công kích, dẫu là cách nào ».

Ngoài ra, các Thẩm-Phán xử án trong khi thi-hành nhiệm-vụ tài-phán của mình chỉ tùy thuộc lương-tám và không thể bị chuyển-chuyển hay bãi chức ngoài những trường-hợp do pháp-qui ấn-định.

Trái lại các Thẩm-Phán công-tố-viện được đặt dưới sự điều-khiển và kiểm-soát của các cấp chỉ-huy và dưới quyền của Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp. Nhưng trước Tòa, các Thẩm-Phán công-tố được tự-do kết-luận miệng theo ý riêng của mình.

IV.— ĐẶC QUYỀN TÀI PHÁN :

Các Thẩm-Phán Việt-Nam được hưởng đặc-quyền tài-phán nếu phạm một khinh-tội hay trọng tội trong khi thừa-hành chức-vụ hay ngoài chức-vụ.

Khi nhận được đơn cáo-giác một Thẩm-Phán phạm một khinh-tội hay trọng-tội, Chương-Lý phải báo cáo ngay với Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp và phải tự mình hay ủy một Thẩm-Phán cấp trên bị can mở cuộc điều-tra mặt về đơn tố-cáo. Chính Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp sẽ quyết-dịnh có nên truy-tố hay không. Trong trường-hợp truy-tố, Chánh-Nhứt Tòa Thượng-Thẩm phải chính mình thăm-cứu và chỉ có thể ủy cho một Thẩm-Phán Tòa Thượng-Thẩm cấp trên bị can thay mình, nếu mắc bận.

Việc xét xử do Tòa Thượng-Thẩm, tất cả các phòng hội lại, Chánh-Nhứt ngồi ghế Chánh-Thẩm, Chương-Lý ngồi ghế Công-tố-viện, định đoạt.

V.— PHẦM-TRẬT VÀ LƯƠNG-BỔNG :

1)— Ngạch Thẩm-Phán Hòa-Giải gồm có 13 trật, từ Thẩm-Phán Hòa-Giải hạng 6 hay tập-sự với chỉ số lương 430 đến Thẩm-Phán Hòa-Giải Thượng-hạng ngoại-hạng sau 3 năm với chỉ số lương 1.000.

2)— Ngạch Thẩm-Phán Tòa Sơ-Thẩm và Thượng-Thẩm gồm có 15 trật, từ Tuy-viên Công-tố-viện với chỉ số 430 đến Chánh-Nhứt và Chương-Lý Tòa Thượng-Thẩm với chỉ số lương 1.120.

3)— Ngạch Thẩm-Phán Tòa Phá-Án gồm có 3 trật, Hội-Thẩm với chỉ số lương 1.120, Chánh-Án Phòng và Phó Chương-Lý với chỉ số lương 1.160, Chánh-Nhứt và Chương-Lý với chỉ số lương 1.200.

4)— Ngạch Thẩm-Phán Hành-Chánh gồm có 17 trật, từ Tham-ngự tập-sự với chỉ số lương 430 đến Chủ-Tịch Tham-Chính-Viện với chỉ số lương 1.200.

Mỗi lần thăng trật, chỉ số lương được tăng từ 40 đến 60 điểm.

Ngoài lương căn-bản, các Thẩm-Phán được hưởng thêm như quy-chế chung của công-chức Việt-Nam ấn định, các khoản phụ-cấp sau đây : phụ-cấp đất đai, phụ-cấp gia-đình, phụ-cấp nhà ở, phụ-cấp chức-vụ. Các Thẩm-Phán Tư-Pháp còn được hưởng thêm phụ-cấp đặc-biệt về trách-nhiệm xử đoán.

Hiện nay một Tuy-Viên Công-tố-viện, chỉ số lương 430, độc thân lãnh mỗi tháng 8.802\$67 và một Chánh-Nhứt Tòa Phá-Án, chỉ số lương 1.200, độc thân lãnh 26.964\$86 mỗi tháng.

VI.— TUYÊN THỆ

Trước khi nhậm chức, các Thẩm-Phán phải tuyên thệ như sau : « Tôi xin thề và xin hứa sẽ tận tâm làm tròn nhiệm-vụ của tôi, sẽ giữ hoàn toàn bí-mật những điều bàn cãi trong lúc thẩm-ngiệ và bất cứ về việc gì cũng sẽ cư-xử như một Vị Thẩm-Phán xứng đáng và trung-thành ».

1) Thẩm-Phán Hòa-Giải tuyên thệ trước Tòa-Án Tỉnh (Tòa Sơ-Thẩm hay Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền) có quyền quản hạt đối với Tòa Hòa-Giải này, trong một phiên họp công khai.

2) Thẩm-Phán các Tòa Sơ-Thẩm và Thượng-Thẩm tuyên thệ trước Tòa Thượng-Thẩm trong một phiên họp công khai, tất cả các Phòng hội lại.

Nếu ở xa trụ-sở Tòa Thượng-Thẩm, các Thẩm-Phán có thể viết lời thề ra giấy gửi đến Tòa Thượng-Thẩm.

3) Các Thẩm-Phán Tòa Phá-Án tuyên thệ trong một phiên Tòa Phá-Án họp long-trọng tất cả các Phòng nhóm lại công khai.

4) Các Thẩm-Phán Hành-Chánh tuyên thệ trong một phiên họp công khai toàn Viện của Tham-Chính-Viện.

VII.— BẮT KHẢ KIÊM-NHIỆM

Điều 17, 18, 19 và 20 của Dự số 3 ngày 29-3-54 ấn-định rằng :

« Vợ chồng, thân thuộc hay thích thuộc cho đến bậc bác cháu, chú cháu hay cậu cháu không thể cùng là nhân-viên một Tòa Sơ-Triển hay Thượng-Thẩm với tư-cách Thẩm-Phán xử-án hoặc với tư-cách Thẩm-Phán Công-lỗ, hoặc với tư-cách Lục-Sự, nếu không được Quốc-Trưởng cho phép miễn trừ riêng.

Thẩm-Phán nào vì kết hôn mà có tình thân-thuộc, sẽ không thể tiếp-tục công việc cũ được, nếu không được Quốc-Trưởng cho phép miễn trừ.

Dù có được miễn trừ, vợ chồng hay các người có tình thân thuộc hay thích thuộc với nhau đều không thể cùng ngồi xử tại Phòng án Tòa Thượng-Thẩm được.

Không một Vị Thẩm-Phán nào có thể xét một vụ-án mà kẻ biện-hộ, thụ-ủy hay luật-sư của một bên đương-sự là thân-thuộc, thích-thuộc của mình cho đến bậc thứ ba. Nếu bất tuân, thủ-tục tố-tụng sẽ vô hiệu».

VIII.— THĂNG THƯỢNG

Muốn được thăng lên trật trên, các Thẩm-Phán phải hội đủ các điều-kiện sau đây :

1) — được các cấp chỉ-huy trực-tiếp đề-nghị thăng-thưởng.

2) — có ít nhất 2 năm thâm-niên trong trật hiện tại. Riêng đối với Thâm-Phán Tòa Phá-Án thì phải có ít nhất 3 năm thâm-niên.

3) — được ghi tên vào bảng thăng thưởng do Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp thiết-lập vào khoảng cuối năm, chiếu theo đề-nghị của Ủy-ban Tối-Cao các Thâm-Phán đối với Thâm-Phán Hòa-Giải và Thâm-Phán các Tòa Sơ-Thâm và Thượng-Thâm. Thành-phần của Ủy-ban này được ấn-dịnh do điều 22 Du số 3 ngày 29-3-1954 như sau :

Ô. Chánh-Nhirt Tòa Phá-Án	Chủ-Tịch
— Chương-Lý Tòa Phá-Án	Hội-viên
— Chương-Lý các Tòa Thượng-Thâm Saigon và Huế	—nt—
— Chánh-Nhirt các Tòa Thượng-Thâm Saigon và Huế	—nt—
— Giám-Đốc Nha Nhân-Viên và Kế-Toán tại Bộ Tư-Pháp	—nt—
— 2 Vị Đại-diện do các Thâm-Phán ở Nam-Phần và Trung-Phần bầu cử mỗi năm	—nt—

Được đương nhiên ghi tên vào đầu bảng thăng thưởng những vị Thâm-Phán nào có 4 năm thâm-niên trong trật hiện tại và có một hồ-sơ tốt, không bị trừng phạt về kỷ-luật.

Đối với ngạch Thâm-Phán Tòa Phá-Án, bảng thăng thưởng được thiết-lập do một Ủy-ban gồm có :

Ô. Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp	Chủ-Tịch
Ô. Chánh-Nhirt Tòa Phá-Án	Hội-Viên
Ô. Chương-Lý Tòa Phá-Án	—nt—

Còn đối với ngạch Thâm-Phán Hành-Chánh thì bảng thăng thưởng được thiết-lập do một Ủy-ban gồm có :

Ô. Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp	Chủ-Tịch
Ô. Chủ-Tịch Tham-Chính Viện	Hội-Viên
— 1 Đại-diện các Thâm-Phán Hành-Chánh	—nt—

Việc thăng chức các Thâm-Phán do Sắc-lệnh của Quốc-Trưởng, chiếu đề-nghị của Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp, theo những thể-thức kể trên.

IX.— KỶ-LUẬT

Điều 35 Dự số 3 ngày 29.3-1954 qui-định rằng :

« Bất cứ vị Thẩm-Phán nào (Thẩm-Phán Hòa-Giải hay Thẩm-Phán các Tòa Sơ-Thẩm và Thượng-Thẩm) cư xử không xứng đáng với chức-vụ mình, sẽ bị Ông Chương-Lý, Giám-Đốc Sở Tư-Pháp hay Ông Chánh-Nhứt cảnh-cáo.

Nếu cảnh-cáo vẫn vô hiệu, hoặc nếu việc phạm lỗi có tính cách làm tổn hại đến danh-dự của người ấy, Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp, sau khi nghe lời phân trần của đương-sự, sẽ tuyên phạt khiển trách có ghi vào lý-lịch.

Đối với Thẩm-phán Tòa Phá-Án và Thẩm-Phán Hành-Chánh, quyền cảnh-cáo thuộc Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp.

Trong trường hợp cần áp-dụng những trừng phạt nặng hơn kể sau đây :

- thuyên-chuyển vì kỷ-luật
- chận thăng thưởng một hay hai năm và có thể bị xóa tên trong bảng thăng thưởng đã lập
- giáng xuống một hay hai trật
- tạm huyền-chức từ 3 đến 6 tháng không hưởng lương-bổng.
- cách chức không mất quyền hưu-bổng
- cách chức mất quyền hưu-bổng.

Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp sẽ triệu tập Ủy-Ban Tối-Cao các Thẩm-Phán để hỏi ý-kiến trước.

Vị Thẩm-Phán phạm lỗi phải được xem hồ-sơ của mình và được phép phân trần trước Ủy-ban hoặc viết lời giải-thích gửi đến. Đương-sự có thể viện nhân-chứng hay nhờ luật-sư hoặc một bạn đồng-nghiệp bình-vực cho mình.»

Sau khi nhận được ý-kiến của Ủy-Ban Tối-Cao các Thẩm-Phán, Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp có thể hoàn hồ-sơ lại Ủy-Ban để thảo-luận và đề-nghị lại. Nhưng nếu Ủy-Ban vẫn giữ ý-kiến, Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp phải chấp-thuận đề-nghị về trừng phạt của Ủy-Ban đưa ra và đệ trình Quốc-Trưởng duyệt ký bản sắc-lệnh về sự trừng phạt.

Đối với Thẩm-Phán Tòa Phá-Án và Thẩm-Phán Hành-Chánh, Đại Hội-đồng Tòa Phá-Án và Đại Hội-đồng Tham-Chính-Viện sẽ thay thế Ủy-ban Tối-Cao các Thẩm-Phán để cho ý-kiến về các khoản trừng phạt kể trên.»

X — THƯƠNG HỘI-ĐỒNG THẨM--PHÁN :

Trước ngày Cách-mạng 1-11-1963, Hiến-Pháp ngày 26.10-1956, của năm Đệ-Nhất Cộng-Hòa, đã nhĩa nhận tại các điều 70 và 71, nguyên-tắc độc-lập của Thẩm-Phán xử án và để bảo-đảm sự độc-lập này, một Thượng Hội-đồng Thẩm-Phán đã được thiết-lập, do Luật số 66/1 ngày 15-3-1961, có nhiệm-vụ « góp phần trông coi sự áp-dụng quy-chế Thẩm-Phán xử án ».

Thành-phần : Thượng Hội-đồng gồm có :

- Tổng-Thống hoặc đại-diện Chủ-Tịch
- Hội-viên đương-nhiên
 Chánh-Nhứt Tòa Phá-Án Hội-Viên
- Các Hội-viên tuyên-cử :
- Ba Thẩm-Phán xử án thiết-thọ do các Thẩm-Phán
 xử án Tòa Phá-Án và các Tòa Thượng-Thẩm bầu Hội-viên
- Hai Thẩm-Phán xử án thiết-thọ do các Thẩm-Phán
 xử án các Tòa Sơ-Thẩm, Hòa-Giải Rộng-Quyền và
 Hòa-Giải hầu Hội-viên
- Một nhân-viên cao cấp Bộ Tư-Pháp Thư-ký

Nhiệm kỳ của các Hội-viên đặc cử vào Thượng Hội-đồng Thẩm-Phán là 3 năm.

Quyền-hạn : Đối với Thẩm-Phán xử án, Thượng Hội-Đồng Thẩm-Phán thay thế Ủy-ban Tối-Cao các Thẩm-Phán, Ủy-ban thăng thưởng Thẩm-Phán Tòa Phá-Án và Đại Hội-Đồng Tòa Phá-Án để quyết-định về việc thăng thưởng và trừng phạt các Thẩm-Phán xử án.

Ngoài ra, quyết-định của Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp về việc chuyển chuyên nhiệm sở các Thẩm-Phán xử án cũng như về việc chuyển-chuyên các Thẩm-Phán từ ngành Công-tố sang ngành xử án hay ngược lại đều phải có sự đồng ý của Thượng Hội-Đồng Thẩm-Phán.

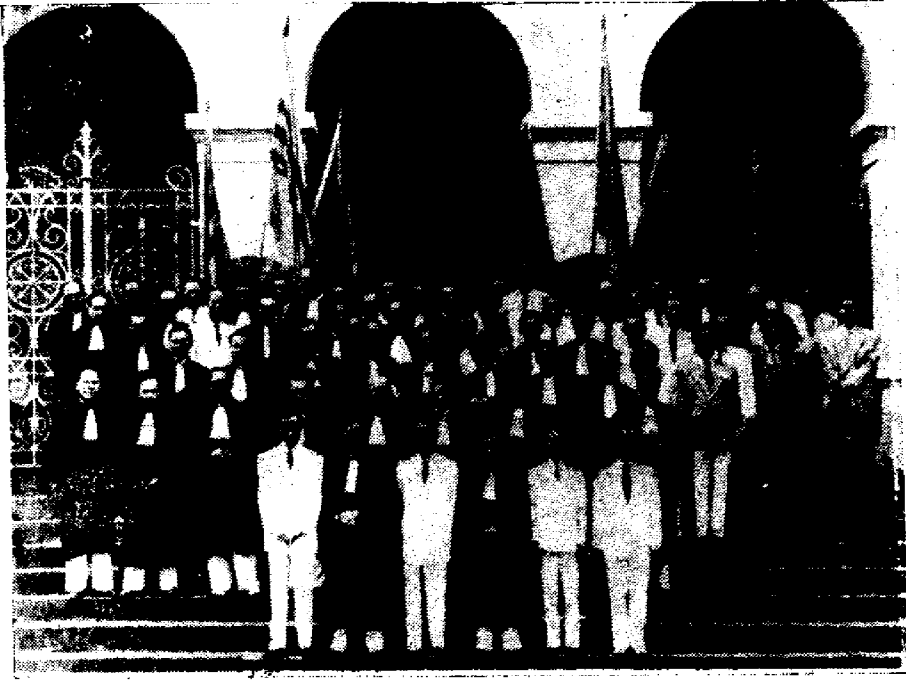
Trên thực-tế từ ngày thành-lập, Thượng Hội-đồng Toà-m-Phán chỉ nhóm họp được có một phiên dưới quyền chủ-tọa của Đại-Diện Tổng-Thống, thì cuộc Cách-Mạng ngày 1-11-63 xảy ra, Hiến-Pháp ngày 26-10-1956 cùng các cơ-quan do Hiến-Pháp này tổ-chức đã ngưng áp-dụng vì không còn hiệu-lực.



Xuyên qua lịch-trình tiến-triển của ngành Tư-Pháp cùng quy-chế các Thẩm-Phán Việt-Nam, ta có thể ghi nhận nhiều cố gắng của Chánh-Phủ Việt-Nam để đảm-bảo sự độc-lập của ngành Thẩm-Phán. Nhưng trên thực-tế, ngành Tư-Pháp vẫn còn phần nào lệ-thuộc vào Hành-Pháp vì chính Hiến-Pháp ngày 26-10-1956 vẫn còn đề đặt không dám công khai nhận nhận nguyên-tắc phân-quyền giữa các cơ-quan Hành-Pháp, Lập-Pháp và Tư-Pháp mà chỉ đặt ra sự phân-nhiệm giữa Hành-Pháp, Lập-Pháp và Tư-Pháp.

Vì vậy cho nên qua các chế-độ độc-tài và qua sự áp-dụng các luật-lệ của thời Pháp-thuộc còn tồn tại, nên Tư-Pháp Việt-Nam đã bị chi-triệt.

Nhưng trong tương-lai, với Tân Hiến-Pháp ngày 1-4-1967, với sự công khai nhận nhận quyền Tư-Pháp độc-lập nơi điều 76, và sự phân-nhiệm rõ rệt giữa 2 ngành Toà-m-Phán xử án và Thẩm-Phán công-tố, sẽ có nhiều triển-vọng để thực-hiện một nền Tư-Pháp độc-lập và vô tư khá dĩ bảo-đảm các quyền tự-do dân-chủ căn-bản của con người và đem Công Lý đến gần dân.



CÁC THÀM-PHÁN VIỆT-NAM ĐẦU TIÊN



LỄ TUYÊN-THỆ
CỦA ÔNG CHÁNH-ÁN BAN THƯỢNG-VỤ TÒA HGRQ DALAT



ỦY-BAN TỐI-CAO CÁC THÀM-PHÁN

CHƯƠNG V

CÁC PHỤ-TÁ CÔNG-LÝ

Ngoài các thăm-phán đề phụng-sự Công-Lý, còn có :

- Luật-sư (tiết 1)
- Chương-khế (tiết 2)
- Lục-sự (tiết 3)
- Thừa-phát-lại (tiết 4)
- Hồ-giá-viên (tiết 5)
- Quản-tài thanh-toán-viên (tiết 6)
- Lâm đơn mượn (tiết 7)

TIẾT I

Tổ-chức nghề Luật-Sư

Ở Việt-Nam, tung-nhân có quyền được luật-sư bình vực quyền lợi của mình trước Tòa-án.

Các luật-sư hợp thành luật-sư đoàn. Chỉ luật-sư có ghi tên trong danh-biểu Luật-sư đoàn mới có quyền hành nghề luật-sư.

Luật số 1/62 ngày 8-1-1962 sửa đổi Sắc-luật số 25/66 ngày 7-7-1966 thiết lập bên cạnh mỗi Tòa Thượng-Thẩm một Luật-sư đoàn hoạt-động cùng một quán-hạt với Tòa Thượng-Thẩm này.

Ở Việt-Nam tự-do có hai Luật-sư đoàn, là Luật-sư đoàn Huế và Luật-sư đoàn Saigon.

Đoàn-thể luật-sư dưới sự điều-khiển của Ông Thủ-Lãnh tự mình quản trị quyền lợi của đoàn-thể và sử dụng quyền xét-xử về kỷ-luật đối với các đoàn-viên.

Tuy nhiên, những quyết định của Hội-đồng Luật-sư về kỷ-luật cũng như về việc ghi tên hay tái ghi vào danh-biểu Luật-sư đoàn có thể bị kháng-cáo lên Tòa Thượng-Thẩm, họp Đại Hội-đồng, phúc xử lại.

Luật-sư đoàn gồm có luật-sư thiết thọ và luật-sư tập sự.

1.— Điều-kiện ghi tên vào danh-biểu Luật-Sư Đoàn.

Muốn được ghi tên vào danh-biểu Luật-sư thiết thọ phải hội đủ các điều-kiện sau đây :

1) Có quốc-tịch Việt-Nam.

Nếu là luật-sư ngoại quốc thì hiệp-ước quốc-tế sẽ quy-định việc ghi tên vào danh-biểu và hành-nghề tại Việt-Nam. Trong trường-hợp không có hiệp-ước, luật-sư ngoại-quốc muốn biện-hộ riêng về một vụ án tại Việt-Nam phải được Bộ Tư-Pháp cho phép.

Theo hiệp-ước Việt-Pháp ký kết ngày 16.9-1954, các luật-sư người Pháp trước kia đã được ghi tên vào danh-biểu luật-sư đoàn bên cạnh các Tòa-án Pháp và hôn-hợp cũ, nếu họ yêu cầu, sẽ được ghi tên vào danh-biểu luật-sư đoàn quốc-gia.

2) Đủ 24 tuổi trọn.

3) Có bằng cử-nhân luật-khoa do một đại-học đường Việt-Nam cấp, bằng cao-học Đông-Dương hay bằng luật-học do một đại-học đường ngoại-quốc cấp mà giá trị được Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục xem như tương-đương với bằng cử-nhân luật-khoa Việt-Nam.

4) Có hạnh-kiểm tốt và không bị án tiết về các tội đại-hình hay về các tội tiêu-hình phạm tới danh-dự và phẩm-giá.

5) Đã trúng tuyển kỳ thi mãn hạn tập-sự.

6) Đã mãn hạn ba (3) năm tập sự tại Việt-Nam và được Thủ-Lãnh Luật-sư đoàn cấp giấy chứng nhận.

Được miễn điều-kiện 5 và 6 các Thẩm-phán ngạch tư-pháp và hành-chánh đã giữ chức-vụ tại các Tòa-án hay tại Bộ Tư-Pháp trong thời gian 3 năm, và các giáo-sư luật-khoa đại-học đường đã giảng dạy trong thời gian liên tục ba năm.

Muốn được ghi tên vào danh-biểu luật-sư tập-sự, phải hội đủ các điều-kiện sau đây, không phân biệt nam hay nữ :

1) Có quốc tịch Việt-Nam.

2) Trên 24 tuổi

3) Có bằng cử-nhân luật-khoa do một đại-học đường Việt-Nam cấp, bằng cao-học Đông-Dương hay bằng luật-học do một đại-học đường ngoại-quốc cấp mà giá-trị được Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục xem như tương-đương với bằng cử-nhân luật-khoa Việt-Nam.

4) Không bị án tiết thường phạm về các tội đại-hình hay các tội tiêu-hình phạm tới danh-dự và phẩm-giá.

5) Luật số 1/62 ngày 8.1.1962 còn buộc thêm một điều-kiện thứ năm nữa là phải trúng tuyển kỳ thi khả-năng hành nghề luật-sư. Bù lại, kỳ thi miễn hạn tập-sự được bãi bỏ, người luật-sư đương-nhiên được thiệthọ sau một thời gian bình thường ba hay bốn năm tập-sự. Chế độ này bị đa số luật-sư chỉ-trích với lý lẽ sau đây :

Sau khi trúng tuyển kỳ thi khả-năng, vì không phải qua một kỳ thi nào khác nữa, người tập-sự dễ chệnh-mãng, không lo trau dồi thêm kiến-thức nghề-nghiệp. Có lẽ nhận thấy lời chỉ-trích này xác đáng, nhà lập-pháp do Sắc-luật số 25/66 ngày 7.7.1966 đã đặt lại điều-kiện thứ năm như sau : đương-sự phải được chấp-thuận tập-sự tại một văn-phòng luật-sư thiệthọ, hay tại văn-phòng tập-sự của luật-sư đoàn. Luật không minh-thị bãi bỏ kỳ thi khả-năng hành nghề luật-sư. Vậy đương-sự vẫn có thể xin qua kỳ thi này và sau một thời gian tập-sự, được đương-nhiên thiệthọ chứ không phải qua kỳ thi miễn hạn tập-sự nữa.

Luật-sư tập-sự trong thời gian 3 năm tập-sự có nhiệm-vụ phải :

- 1) Chuyên cần tham dự các hoạt-động nghề-nghiệp dưới sự điều-khiển của Thủ-Lãnh.
- 2) Thực tập các qui-lắc và tập-quán truyền-thống nghề nghiệp.
- 3) Chuyên cần đến dự các phiên Tòa.
- 4) Chuyên cần làm việc tại văn-phòng luật-sư thiệthọ hay tại phòng tập-sự.

Khi miễn hạn tập-sự, luật-sư tập-sự phải trải qua một kỳ thi, trước một hội-đồng do Tổng Ủy-Viên Tư-Pháp chỉ định vào đầu mỗi năm. Thành-phần Hội-đồng gồm có : Chánh Nhất Tòa Thượng-Thẩm, Chủ-Tịch ; một Thẩm-phán thuộc : quản hạt Tòa Thượng-Thẩm, một luật-sư do Thủ-Lãnh luật-sư đoàn đề cử và một đại-diện sở Trước-Bạ ít nhất là ngang bằng thanh-tra. Chỉ có những thí-sinh nào trúng tuyển kỳ thi ấy mới có thể được ghi tên vào danh-biểu luật-sư thiệthọ.

Tuy nhiên, nếu Ông Thủ-Lãnh nhận thấy luật-sư tập-sự mặc dầu trúng tuyển nhưng không làm đủ các trách-vụ thông thường của luật-sư tập-sự thì Thủ-Lãnh có thể gia thêm thời kỳ tập-sự đến hai lần, mỗi lần 1 năm, sau khi đã nghe luật-sư tập-sự này phân trần.



II.— HỘI-ĐỒNG LUẬT-SƯ.

Luật-sư đoàn ở Việt-Nam được quản-trị bởi Vị Thủ-Lãnh và Hội-Đồng Luật-sư.

Ông Thủ-Lãnh và Hội-Đồng Luật-sư do Đại-Hội Luật-sư bầu ra, trong khoảng 15 ngày đầu tháng Ba mỗi năm.

Đại-Hội Luật-sư gồm có tất cả các luật-sư thiết thọ có tên trong danh-biểu.

Ông Thủ-Lãnh phải được bầu bằng lối bỏ thăm kín và phải có hơn phân nửa số phiếu của các luật-sư hiện diện.

Sau khi bầu ông Thủ-Lãnh, Đại-hội sẽ bầu nhân-viên thiết thọ và nhân-viên dự-khuyết Hội-Đồng Luật-sư.

Hội-Đồng Luật-sư gồm có 11 nhân-viên thiết-thọ và 7 nhân-viên dự-khuyết nếu số luật-sư thiết thọ từ 51 đến 100 người. Nếu số luật-sư thiết thọ trên 100 người sẽ bầu thêm 2 nhân-viên thiết thọ và 1 nhân-viên dự-khuyết, cho mỗi số 20 người trội.

Tuy nhiên Hội-Đồng Luật-sư không thể gồm trên 21 nhân-viên thiết thọ và 13 nhân-viên dự-khuyết.

Chỉ có luật-sư thiết thọ có Việt-lịch và được 10 năm thám niên kể từ ngày tuyên-thệ mới có thể được bầu làm Thủ-Lãnh.

Chỉ có luật-sư thiết thọ có trên danh-biểu thiết thọ ít nhất là 3 năm mới có thể được bầu làm nhân-viên thiết thọ hay dự khuyết.

Ông Thủ-Lãnh thay mặt Luật-sư đoàn, chủ-tọa Hội-Đồng Luật-sư, thăm vấn các vụ án kỷ-luật, quản-tri nội bộ, tòa-giải các vụ tranh chấp giữa đồng nghiệp và bảo-vệ quyền lợi chung.

Hội-Đồng Luật-sư có nhiệm-vụ chánh yếu :

— Theo dõi sự thi-hành quyết-dịnh của Đại-Hội.

— Duy-trì các nguyên-tắc chính-trực, ôn-hòa bất vụ-lợi, giữ vững tinh đồng-nghiệp, bảo-vệ danh-dự và quyền-lợi của đoàn-thể. Lưu-ý đoàn-viên chuyên-cần dự các phiên Tòa và xử-sự như những phụ-tá chân-thành của Công-lý.

— Giải-quyết mọi vấn-đề liên quan đến việc hành nghề. Quản-lý tài-sản của đoàn-thể.

— Tổ-chức và điều khiển phòng tập-sự luật-sư đoàn.

— Tổ-chức và điều-hành việc tập-sự.

Hội-Đồng Luật-sư còn là cơ-quan duy nhất đề-dinh đoạt về sự ghi tên, tái ghi tên trong danh-biểu hay gạt tên ra ngoài danh-biểu luật-sư đoàn.

Hội-Đồng luật-sư xem xét các điều-kiện luật định và hạnh-kiểm của đương-sự xin gia nhập Luật-sư đoàn.

Tuy nhiên đương sự có quyền kháng-cáo quyết-định của Hội-Đồng Luật-sư bác bỏ đơn xin gia nhập và Viện Chương-Lý cũng có quyền kháng cáo những quyết định cho gia nhập luật-sư đoàn.

Sự kháng-cáo sẽ do Tòa Thượng Thẩm nhóm thành Đại-Hội tại Phòng nghị-án xét xử.

Mọi phúc-quyết của Tòa Thượng-Thẩm đều có thể được thượng-tố lên Tòa Phá-Án.



III. — QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ CỦA LUẬT-SƯ.

Luật-sư đoàn Việt-Nam đã được thành-tập căn cứ trên những qui-tắc và truyền-thống của Luật-sư đoàn La-Mã và Pháp-quốc.

Vì vậy mà người Luật-sư Việt-Nam đã lựa chọn truyền-thống và qui-tắc trường-cửu của các luật-sư đoàn Pháp để làm đường lối cho tương lai và vận mệnh của nghề luật-sư ở Việt-Nam.

Các truyền-thống cổ-truyền là các đức tánh :

- Độc-lập.
- Bất vụ-lợi.
- Ngay thẳng và chính-trực.

Vì nghề luật-sư ở Việt-Nam là một nghề tự-do và người luật-sư phải được độc-lập nên nghề luật-sư bất khả kiêm-nhiệm với bất luận nghề nào khác như là nghề có thể phương hại đến tánh-cách độc-lập. Văn-phòng luật-sư bất-khả xâm-phạm.

Luật-sư thiết thọ hành-nghề trước các pháp-đình trong quản-bạt của luật-sư đoàn, kể cả Tòa Phá-Án, Tham-Chính-Viện và Tòa-án Hành-Chánh. Và chỉ luật-sư thiết thọ mới được quyền mở một văn-phòng và làm các việc tở-tụng dưới danh nghĩa luật-sư.

Luật-sư, ngoài quyền khuyên bảo và giúp ý kiến về luật khi có người yêu cầu, còn được quyền thay mặt tung-nhân, mà không cần phải xuất trình ủy-nhiệm, trong tất cả các vụ về dân-sự, thương-sự và hành-chánh. Dự kiến thân-chủ trong các vụ về hình, và biện-hộ trước Tòa. Luật-sư có quyền chọn lựa phương-cách bào-chữa. Không thể truy-tố luật-sư vì tội phi-báng, mạ-lý hay xỉ-mạ vì những lời biện-hộ hay vì những bản biện-minh hay văn-thư khác xuất trình nhân khi biện-hộ.

Luật-sư tự-do qui-định tiền công với thân-chủ nhưng phải tính trước khi lãnh biện-hộ để trang trải tất cả mọi hành-vi tở-tụng cho tới khi Tòa tuyên án, và không được tùy thuộc kết-quả vụ kiện. Được chỉ-định thay thế một thẩm-phán để ngồi xử trong một phiên Tòa, luật-sư không bắt buộc phải tuyên-thệ thêm lời tuyên-thệ danh riêng cho thẩm-phán.

Luật-sư không được nói hay công-bố điều gì trái với lương-tâm, trái với pháp-luật và trái với thuần-phong mỹ-lục, không thể xử sự thiếu tôn kính đối với Tòa-án cũng như đối với các nhà cầm-quyền.

Trong một vụ kiện như định, luật-sư không được nhiệm cách chống một đương-sự trước kia đã đến nhờ chỉ bảo.

Luật-sư phải cư-ngu trong quần-bạt Tòa Thượng-Tribunal, phải giao-thiệp và cư-xử nhã-nhặn, ôn-hòa với bạn đồng-nghiệp.

Luật-sư không được làm những việc có tính-cách thương-mại, hay hành-động giống như những người chuyên-môn chạy việc, hay làm những công việc có nhận tiền thuê mướn hay làm kế-toán-viên.

Luật-sư không thể giành thân-chủ bằng cách dùng người trung-gian có ăn lương hay vụ-lợi, dẫn mối hay quảng-cáo trên báo-chí.

Luật-sư không được quyền từ chối biện-hộ hay yêu sách tiền công những người được hưởng tư-pháp bảo-trợ hay được biện-hộ không thù-lao. Và một khi đã nhận lãnh một vụ kiện rồi thì không bỏ dở nửa chừng mà không có lý do chánh đáng.

Luật-sư không được giữ những chức-vụ công-lại, hay công-chức, trừ chức-vụ giáo-sư luật-khoa đại-học.

Được trao một ủy-nhiệm dân cử, trong thời-gian nhận nhiệm-vụ, luật-sư không được làm một hành-vi gì thuộc chức-nghiệp luật-sư để chống lại quốc-gia và các công-sở, chống lại tỉnh và thị-xã đã bầu luật-sư ấy lên, hay trong những vụ bị đem ra truy-tố về hành vi có tổn hại đến tín-dụng hay tiết-kiệm của công-chúng và đến sự an-ninh quốc-gia.

Luật-sư cựu công-chức, không được làm một hành-vi gì thuộc chức-vụ luật-sư chống lại các cơ-quan trực thuộc nơi mà luật-sư ấy đã giúp việc trước kia.

Luật-sư bắt buộc phải giữ bí mật nghề-nghiệp và phải tôn-trọng sự bí mật thăm-cứu.

IV. — CHẾ-TÀI VỀ KỶ-LUẬT.

Luật-sư thiệt thọ hay luật-sư tập-sự phạm lỗi về chức-nghiệp sẽ bị xét xử và trừng-phạt bởi Hội-Đồng Luật-sư hợp thành Hội-Đồng kỷ-luật.

Hội-Đồng Luật-sư thọ-lý tự mình, hoặc theo lời yêu cầu của Chương-lý hay Thủ-Lãnh, hoặc theo đơn khiếu-tố gửi đến Hội-Đồng.

Sau khi thọ lý, Hội-Đồng Luật-sư sẽ ủy-nhiệm một nhân-viên tiến-hành cuộc điều-trà, nghe nhân-chứng nếu cần và làm phúc-trình cho Hội-Đồng.

Sau đó, Hội-Đồng quyết-định đình-cửu hay truy-tố.

Nếu quyết-định truy-tố, Hội-Đồng sẽ nói rõ những hành-vi bị trách-cử và ấn-định ngày đưa luật-sư bị-cáo ra trước Hội-Đồng kỷ-luật.

Nếu đương-sự là một luật-sư tập-sự, Hội-Đồng kỷ-luật sẽ được tăng cường thêm hai luật-sư tập-sự chọn theo thứ tự thâm-niên.

Luật-sư bị đưa ra Hội-Đồng kỷ-luật có thời hạn 1 tháng để chuẩn bị việc bào chữa. Đương-sự có quyền lựa chọn một đồng-nghiệp trong luật-sư đoàn để hiện-hộ cho mình.

Luật-sư có quyền khảo-tra hồ-sơ đề tại văn-phòng luật-sư đoàn.

Luật-sư có quyền viện dẫn và mời nhân-chứng ra trước Hội-Đồng.

Hội-Đồng kỷ-luật sau khi nghe đương-sự luật-sư biện-hộ sẽ quyết-định nơi phòng kín và theo đa số.

Hội-đồng kỷ-luật có thể áp-dụng các trừng-phạt kỷ-luật sau đây :

- cảnh-cáo
- khiển-trách
- đình-chỉ hành-nghề không quá 1 năm
- gạch tên trong danh-biểu.

Ngoài ra luật-sư bị khiển-trách hay bị đình-chỉ hành-nghề có thể bị tước quyền tham-dự Hội-Đồng luật-sư trong thời hạn không quá 10 năm.

Luật-sư bị trừng phạt có quyền kháng-cáo đối với những quyết-định khiển-trách có tước quyền tham-dự vào hội đồng, đình-chỉ hành-nghề hay tập-sự — gạch tên trong danh-biểu. Thời hạn kháng-cáo là 1 tháng kể từ ngày nhận quyết-định.

Chương-Lý cũng có quyền kháng-cáo các quyết-định của Hội-Đồng kỷ-luật trong thời hạn nói trên.

Tòa Thượng-Thẩm sẽ nhóm Đại-Hội tại phòng nghị án để xét xử các vụ kháng-cáo.

Dù sao, theo điều 43 của Luật số 1/62 ngày 8-1-1962, việc sử dụng quyền trừng phạt về kỷ-luật của Hội-Đồng luật-sư cũng không làm trở ngại đến quyền của Công-tố-viện hay của dân-sự nguyên-cáo khi cho rằng có lý do chính đáng để truy-tố một luật-sư trước Tòa-á để xin trừng phạt các hành-vi phạm pháp về tiêu-hình hay đại-bình của luật-sư đó.

✱

Người luật-sư lý-tưởng Việt-Nam phải là một con người độc-lập và bất vụ lợi, chỉ lấy sự phục-vụ Công-lý làm mục-tiêu cho chức-nghiệp.

Tuy nhiên mặc dầu luật-sư đoàn Việt-Nam có sẵn các truyền-thống cõ-truyền của luật-sư đoàn Pháp làm rường cột nâng đỡ nghề luật-sư nhưng không ai chối cãi được sự non trẻ của luật-sư đoàn Việt-Nam.

Vì sự non trẻ này mà những truyền-thống nặng nề như là đức tánh độc-lập và tánh chất bất vụ-lợi là những gánh nặng đè trên đời sống vật-chất lẫn tinh-thần của nghề luật-sư Việt-Nam.

Dù sao người ta cũng nhận thấy người luật-sư Việt-Nam vẫn luôn luôn có tinh-thần bất vụ-lợi, là sự việc luật-sư sẵn sàng biện-hộ thí cho người nghèo trong các vụ tư-pháp bảo-trợ.

Ở Việt-Nam, Tư-pháp bảo-trợ đã được tổ-chức rất tỉ-mỉ.

Dụ số 1 ngày 8-1-1955 qui-định tư-pháp bảo-trợ tại Việt-Nam.

Những người nghèo không tiền, muốn đi kiện có thể xin tư-pháp bảo-trợ để khỏi trả tung-phí và được luật-sư biện-hộ mà khỏi trả tiền công.

Một cơ quan gọi là phòng tư-pháp bảo-trợ được đặt tại trụ sở của mỗi Tòa Thượng-Thẩm để xem xét đơn của những người nghèo xin kiện khỏi trả tung-phí.

Khi tụng-nhân được tư-pháp bảo-trợ thì một luật-sư được Ông Thủ-Lãnh chỉ-định để biện-hộ thí.

Người luật-sư Việt-Nam cho việc biện-hộ thí không phải là một công-vụ phiền-phức mà là một vinh-dự cho luật-sư được dự không công vào công việc điều-hành công-lý.

Ngoài các vụ tư-pháp bảo-trợ, luật-sư Việt-Nam còn biện-hộ không thù-lao trong những vụ đại-hình, tiểu-hình, thiếu-nhi, và trước các tòa-án quân-sự trên toàn cõi Việt-Nam.

Theo bảng thống-kê của Luật-sư đoàn Saigon thì về phần luật-sư đoàn Saigon, mỗi năm các luật-sư đã biện-hộ thí công cho người nghèo vào khoảng 11.000 vụ.

11.162 vụ	trong năm	1959
11.101	»	1960
11.525	»	1961
11.070	»	1962 v.v..



Số Luật-sư thiết thợ và tập sự thuộc Luật-sư đoàn
Tòa Thượng-Thẩm Saigon và Huế :

	Nơi cư ngụ	Luật-sư thiết thợ	Luật-sư tập sự
Luật-sư-đoàn SAIGON	Saigon	150	24
	Mỹ-Tho	4	
	Cần-Thơ	3	
	Vinh-Long	2	1
	Biên-Hòa	4	1
	Long-Xuyên	4	
	Long-An	1	
	Dalat	3	
	Cộng	171	26
Luật-sư-đoàn HUẾ	Huế	6	1
	Nha-Trang	5	2
	Đà-Nẵng	6	2
	Qui-Nhơn	4	
	Tuy-Hòa	1	
	Cộng	22	5

GHI CHÚ : Theo bảng thống-kê trên đây, hai nhậu xét cần được nêu ra :

1) Tại Việt-Nam hiện chưa có một Luật-sư-đoàn Quốc-Gia, mà chỉ có hai Luật-sư-đoàn địa-phương, một ở Saigon và một ở Huế.

2) Phần lớn luật-sư đều tập-trung về Saigon, một số nhỏ rải-rác ở vài tỉnh lớn. Còn lại trên 30 tỉnh trong toàn quốc hiện không có luật-sư. Vấn-đề cần được đặt lại khi nói đến quyền biện-hộ mà Hiến-Pháp đã đề cập trong điều 7, để cho quyền biện-hộ được thực hiện một cách công-bằng đối với dân chúng tại địa-phương xa.

TIẾT II CHƯƠNG-KHẾ

A.— Hiện-trạng

Tại nước Nam từ xưa các văn-khế và giấy tờ tương-đương đều được thi nhận bởi phường-trưởng, khu-trưởng tại thành-thị và bởi Xã-trưởng tại hương-thôn.

Tổ-chức Chương-khế là định-chế từ phương Tây du nhập. Trước hết ở Nam-kỳ Lục-Tỉnh kể từ Hiệp-định ngày 5-6-1862 cắt đứt miền này làm thuộc địa Pháp. Với Hòa-ước Giáp-thần ngày 6-6-1884 đặt dưới quyền bảo-hộ của Pháp, nước Nam chỉ gồm lãnh-thổ Trung và Bắc mà thôi. Nơi nào có tòa-án Pháp, đều có Chương-khế hoặc có văn-phòng riêng biệt (chương-khế chuyên-nghiệp) như ở Sài-gòn và Hải-phòng, hoặc kiêm lãnh với chức-vu Chánh-lục-sự tòa-án cấp sơ-thẩm. Quy-chế khởi thủy do Sắc-lệnh ngày 22-9-1869 ấn-định. Dĩ-nhiên dưới thời Tây-thuộc, Chương-khế phải có Pháp-tịch. Chế-độ ấy chấm dứt do Thỏa-ước ngày 16-9-1954 sau khi Việt-Nam thu hồi chủ-quyền chiếu Hiệp-ước ngày 8-3-1949.

Ba phòng Chương-khế Pháp hiện hữu tại Việt-Nam bị bãi bỏ và Chánh-phủ đã bồi thường cho các đương-sự hơn 6 triệu bạc.

Chương-khế là công-lại có nhiệm-vụ lập các văn-kiện mà những đương-sự muốn có tánh-cách công-chánh, giữ gìn nguyên-cảo và cấp phát sao-lục với văn-thức chấp-hành.

Dưới chế-độ cũ, Chương-khế là một nghề-nghiệp tự-do, nhưng sau Thỏa-ước ngày 16-9-1954, Chánh-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa thiết-lập ngành Chương-khế do Dụ số 43 ngày 29-11-1954 và Chương-khế Việt-Nam là công-chức có ngạch trật đặt dưới sự chi-phối của Quy-chế chung của công-chức Việt-Nam một cách tổng-quát. Công-chức thuộc hạng A, tuyển-dụng qua hai kỳ thi nhập ngạch và chuyên-nghiệp thiết-thọ trong bảng ứng-thí-viên có khả-năng luật-học (cử-nhân, tấn-sĩ luật-khoa) hoặc chuyên-môn (tốt nghiệp trường Chương-khế) với nhiều điều-kiện khác về quốc-tịch Việt-Nam), tuổi tác từ 25 đến 35 tuổi, đã làm tròn nhiệm-vụ quân-dịch, v.v... Hạn tuổi về hưu định là 60 tuổi, trên hạn tuổi về hưu của các ngạch A khác, trừ ngạch Thẩm-Phán từ cấp sơ-thẩm trở lên và ngạch giáo-sư đại-học. Ngoài lương bổng định theo chỉ-số lương từ 430 đến 1000, Chương-khế bằng tháng còn hưởng tiền huê-hồng bằng 3% trên tổng-số lệ-phí và thù-lao thu-hoạch.

Trong thời-kỳ chuyển-tiếp định là 5 năm kể từ ngày ban-hành Dụ 43 ngày 29-11-1954, có thể được bổ-nhiệm thăng làm Chương-khế không phải thi nhập ngạch và chuyên-nghệp những người sau đây :

- Sinh-viên tốt nghiệp một trường Chương-khế tại Pháp-quốc.
- Thẩm-phán hay Luật-sư đã làm việc ít nhất là 4 năm,
- Tham-tá lục-sự và nhân-viên cao cấp Trước-Ba và Quản-thủ điền-thổ có ít nhất 10 năm thâm niên trong ngạch.

Để ngăn ngừa sự lạm quyền, tham nhũng, biến-thủ, Chương-khế bị ràng buộc bởi nhiều cấm-kỵ và những trách-vụ nghiêm nhặt về sự giữ tiền bạc và sổ-sách kế-toán. Chương-khế chỉ được phép tuyên-thệ sau khi nộp tiền ký quỹ từ 10.000\$ đến 30.000\$ tùy theo sự trọng yếu của Phòng Chương-khế và được ấn-định trong sắc-lệnh bổ-nhiệm. Số tiền này cốt để bảo-đảm các sự lỗi lầm khi hành-sự và chỉ được hoàn lại cho Chương-khế 10 năm sau khi nghỉ việc.

Các chế tài đối với lỗi lầm và vi-phạm của Chương-khế chia ra nhiều bậc tùy trường-hợp từ cảnh-cáo tới cách-chức.

Chương-khế dĩ-nhiên phải chịu trách-nhiệm về mặt hình và họ, nhân bản-vi nghệ-nghiệp. Còn quốc-gia chỉ chịu trách nhiệm dân-sự về những lỗi do Chương-khế phạm khi hành-sự, hay về những công việc được phó thác. Đối với đệ-tam-nhân hoặc đương-sự bị tổn-hại, trách-nhiệm của quốc-gia được bảo-đảm bởi một « Quỹ Bảo-Đảm » mở tại Ngân-khố.

Trong quân-hạt mỗi Tòa-án Sơ-tầm hay tòa Hòa-giải rộng-quyền sẽ thành lập một Phòng Chương-khế do nghị-định Tổng Ủy-Viên Tư-Pháp.

Hiện thời vì tình-trạng chiến-tranh tại Việt-Nam Cộng-Hòa mới có hai phòng Chương-khế : một tại Sài-gòn hoạt-động kể từ ngày 10-1-1955 và một tại Cần-Thơ (Phong-Dinh) thiết-lập năm 1960. Duy có phòng Chương-khế Sài-gòn là trọng-yếu nhất, gồm 4 Chương-khế thiệt-thọ và 3 Chương-khế lập-sự.

Cần nói rõ thêm rằng ngoài địa-phận thành-thị có Chương-khế hành-sự, các viên-chức hương-thôn còn quyền chánh-thức-hóa các chứng-thờ và khế-ước bằng cách thị-nhận theo thể-lệ cổ-truyền.

B. — Dự-liệu về tương-lai

Việc công-chức-hóa ngành Chương-khế, trong 12 năm qua, đã đem lại cho ngân-quỹ quốc-gia một số thu-hoạch đáng kể nhưng thủ-tục hành-chánh rườm rà và thể-lệ cấp-phát ngân-khoản khó khăn làm trở ngại không ít khiến cho việc điều-hành các Phòng Chương-khế có phần chậm-trễ. Nền vấn-đề tư-hữu-hóa chức-nghiệp Chương-khế được đặt ra.

Nhưng đây là một vấn-đề phức-tạp nên lên nhiều khía-cạnh cần được xét kỹ, dung-hòa nhiều quyền lợi tương-phản của quốc-gia, của dân-chúng và của một số Chương-khế còn đang ở trong thời-kỳ lập-sự.

TIỆT III LỤC-SỰ

Tại Tòa Nam-án xưa không có chức-vụ Lục-sự bên cạnh Thẩm-phán. Án-văn cũng như công-văn khác đều chỉ do một mình viên-chức xét-xử ký tên và chịu trách-nhiệm. Tổ-chức phòng lục-sự và ngạch Lục-sự là do Tây-phương đem vào Việt-Nam một lượt với sự thiết-lập Tòa-án dưới thời Pháp thuộc. Tổ-chức này được duy-trì trong hệ-thống Tòa-án Quốc-gia từ khi Việt-Nam thu-hồi độc-lập về phương-diện tài-phán.

Mỗi cơ-quan tài-phán hiện thời đều có một phòng lục-sự điều-khiển bởi một chánh-lục-sự được một hay nhiều lục-sự và một số thợ-ký phụ-lực.

Lục-sự là một thành-phần thiết-yếu đề cùng với Thẩm-phán cấu-tạo Tòa-án khi phân xử. Bồn phạn của Lục-sự là lược-biên cá; lời khai của

đương nhân giữa tòa và soạn-thảo án-vấn theo chỉ-thị của Thẩm-phán chủ tọa. Sự hiện diện của lục-sự cũng cần-thiết cho cuộc thẩm-cứn. Lục sự trong nhiệm-vụ ấy biên chép lời khai của can-nhân và nhân-chứng dưới sự điều khiển của dự-thẩm, hoặc các điều nhận thấy của Thẩm-phán ấy. Án-vấn và biên-bản phải có chữ ký của lục-sự phụ-tá, song song với chữ ký của Thẩm-phán hữu-trách, bằng thiếu sẽ vô-hiệu.

Phòng lục-sự gìn-giữ nguyên-cảo án-vấn, sô-bộ và hồ-sơ các vụ kiện-cáo và cấp phát sao lục luật-dịnh.

Lục-sự thuộc hạng B trong quy-chế chung công-chức Việt-Nam. Ngạch Lục-sự được quy-dịnh do Nghị-dịnh ngày 9-1-1952 sửa đổi do Nghị-dịnh ngày 12.7.1954 và bổ-túc bởi Nghị-dịnh ngày 18.4-1967.

Được bổ vào ngạch Lục-sự, sau khi trúng tuyển một kỳ thi nhập ngạch, (những người có bằng Tú-Tài, bằng khả năng luật-khoa hay tương-dương) hoặc một kỳ thi chuyên-nghiệp (Thơ.ký Tòa-án thẩm niện).

Trong khi thành lập ngạch lục-sự là đầu tiên có thể tuyển bổ vào ngạch này, nhân viên thuộc các ngạch đã có từ trước : ngạch Pháp (chánh lục-sự, Tham-tá lục-sự) lục-sự của các Tòa-án đệ nhị cấp tại Bắc và Trung-Việt, Toam-tá thông ngôn tư-pháp, Thơ.ký thông-ngôn tư-pháp.

Lúc mới vào nhận việc lục-sự phải tuyên-thệ trước Tòa-án được bổ-nhiệm, và khi được cử giữ chức Chánh Lục-sự tại Tòa Thượng.Thẩm hoặc Tòa Phá-án.

Trong các phiên Tòa, lục-sự phải mặc sắc phục riêng : áo dài vải đen tay rộng, có vải trắng rủ trước ngực.

Đề cho công-ly được vô tư, lục-sự không được giữ bút.lục tại các phiên tòa mà Thẩm-Phán hoặc đương-tung là thân thuộc hay thích thuộc đến bực chú cháu, bác cháu hay cậu cháu.

Phòng lục-sự mỗi Tòa-án được đặt dưới quyền điều-khiển của một Chánh Lục-sự. Kể từ ngày ban-hành quy-chế ngạch Lục-sự quốc-gia, Chánh Lục-sự không được hưởng những khoản lệ phí của Phòng lục-sự trước kia ấn-dịnh do Nghị-dịnh ngày 2.8-1933 và các bản văn kế-tiếp, Chánh lục-sự phải thanh toán và thâu nhận các khoản lệ phí trên, nhưng phải ký nạp tất cả vào ngân-sách Quốc-Gia, và chỉ được hưởng phụ cấp chức vụ và phụ-cấp kiểm bạc hoặc phụ-cấp trách-nhiệm ngân quỹ.

TIẾT IV

THỪA.PHÁT-LẠI

Tổ-chức Tòa-Nam-Án xưa rất đơn giản, Việt-Nam không có Thừa phát-lại phụ-tá. Ngành này phát-sinh một lượt với sự thiết-lập tòa-án Pháp và sau khi Việt-Nam thu-hồi độc-lập được qui-dịnh do Nghị-dịnh ngày 4.12.1950

Thừa-phát-lại là công-lại có quyền làm các truyền phiếu, các việc lục-tống có tánh-cách tư-pháp hoặc ngoại tư-pháp, thi-hành các án-vấn, án-lệnh và các văn-kiện luật-dịnh. Được bổ-nhiệm do Nghị-dịnh của Tổng Ủy-Viên Tư-Pháp, sau một kỳ thi chuyên-nghiệp, nếu không đủ điều-kiện được đương-nhiên tuyền-bổ. Trước khi hành nghề, Thừa phát lại phải tuyền-thệ trước Tòa sở quan.

Thừa-phát-lại có bốn phần trông nom nghi-thức tại phiên-xử. Tuy nhiên sự hiện-diện của công-lại ấy không thiết-yếu cho sự xét-xử; sự vắng mặt của viên chức ấy không làm trở ngại sự điều-hành công-lý chút nào cả, không có ảnh-hướng gì tới quyết-định Tòa-án, tức là không gây nên sự vô-hiệu án-vấn như sự khiếm-diện của Lục-sự.

Tại Tòa-án nào nếu không có Thừa-phát-lại hoặc họ vắng mặt, Tòa-án có quyền chỉ-định một nhân-viên trực thuộc trông nom nghi thức tại phiên tòa hoặc chỉ-định Cảnh-sát-trưởng sở tại thi-hành án-vấn và các việc kê-m-
chứng hoặc tổng-đạt giấy tờ theo lời triệu-dụng của tư-nhân hoặc cơ-quan công-quyền.

Thừa-phát-lại chỉ chịu trách-nhiệm về các điều tự mình kiểm chứng ghi trong biên-bản và có thể làm thời bị khiêu-nại tội giả mạo.

Không phải là công-chức, Thừa-phát-lại mỗi khi hành-sự chỉ được hưởng một số tiền thù lao do Bộ Tư-Pháp ấn-định.

Thừa-phát-lại có sắc phục riêng, phải trải qua một kỳ thi nếu không hội đủ điều-kiện được đương-nhiên bổ-dụng; phải tuyền-thệ như đã nói trên, phải đóng tiền ký quỹ từ 5.000\$00 đến 100.000 để bảo-dảm trách-nhiệm hộ-sự; không được hành-sự ngoài quản-hạt của Tòa-án sở tại, ngoại trừ khi có giấy phép; phải chịu sự kiểm-soát của Công-tế-viên như là về việc áp dụng giá biểu lệ-phi và chịu nhiều cấm kỵ và chế-tại từ sự cảnh-cáo tới sự triệt-hối.

Thừa phát lại không có quyền tiền-cử người thừa-kế mình.

TIẾT V HỒ-GIÁ-VIÊN

Hồ-giá-viên là những công-lại phụ-trách việc định giá và bán đấu giá công khai những động-sản và đồ đạc. Qui-chế được ấn-định do nghị-dịnh số 259-BTP/NĐ ngày 26-5-1954 sửa đổi bởi nghị-dịnh số 307-BTP/NĐ ngày 13-4-1957.

Hồ-giá-viên được bổ-nhiệm do nghị-dịnh của Tổng Ủy-Viên Tư-Pháp. Mỗi Hồ-giá-viên chỉ được thiết-lập một văn-phòng mà thôi.

Được tuyền-bổ vào chức-vụ này, người Việt-Nam, đủ 25 tuổi, bành-kiểm tốt, sau một kỳ thi chuyên nghiệp (Thơ-ký thông-ngôn Sở Tư-Pháp và thơ-ký lục-sự Tòa-án Việt-Nam, các thông-sự, thừa-phát-lại, hồ-giá-viên, chương-khế, luật-sư đã làm công việc mình được 5 năm).

Có thể bổ nhiệm thẳng vào chức-vụ Hồ-giá-viên miễn thi các luật-sư, chương-khế và thừa-phát-lại có bằng cử-nhân luật-khoa, lục-sự các Tòa-án, v.v.

Trước khi nhận việc, Hồ-giá-viên phải tuyên-thệ.

Ngoài việc định giá và bán đấu giá công khai các động-sản, hồ-giá-viên có thể :

— lập biên-bản về mọi việc bán chác, các vụ đối kháng, và đưa nội-vụ ra trước nhà chức-trách có thẩm-quyền.

Hồ-giá-viên bị cấm đoán không được làm một số hành-vi : đấu giá các đồ vật mà họ định giá hay phát mai, bán theo lối thỏa-thuận, liên quan đến việc mua bán động-sản hay đồ đạc.

Để bảo-đảm các lỗi lầm vi-phạm trong khi hành-sử chức nghiệp, hồ-giá-viên phải nộp một số tiền ký quỹ từ 40.000\$ đến 100.000\$ gửi tại Nha Tổng Giám-Đốc Ngân-kho và dưới sự kiểm-soát của ông Cảnh-sư-lý.

Ngoài ra, để bảo-đảm việc trang-trái cá: khoản tiền do sự bán chác làm-phát sinh ra, các hồ-giá-viên cùng một Phường thành lập một quỹ chung, để nhậ 1/2 số tiền tỷ-lệ phụ-cấp mà hồ-giá-viên được hưởng mỗi khi bán. Tiền này được ký nộp vào một ngân-quỹ do Bộ Tư-pháp định.

Khi phạm kỷ-luật, hồ-giá-viên có thể bị trừng phạt từ cảnh-cáo, khiển-trách thường đến huyền chức, thay thế hay bãi miễn.

Hồ-giá-viên không được quyền cử người kế chức mình.

TIẾT VI

QUẢN-TÀI THANH-TOÁN-VIÊN

Đối với các phụ-tá công-lý như chương-khế, thừa-phát-lại, hồ-giá-viên v. v.. đều đã có những bản-văn ấn-định qui-chế hành-nghề. Trái lại đối với các quản-tài thanh-toán-viên là các phụ-tá công-lý phụ-trách việc quản-tài và thanh-toán các vụ kháng-lận hay thanh-toán tài-phần thì mãi cho đến nay chưa có một qui-chế pháp-định nào.

Sở dĩ có tình-trạng như vậy là vì các quản-tài thanh-toán-viên không phải là công-chức, cũng không phải là công-lại mà chỉ là những người thu-ủy tư-pháp do tòa-án thương-mãi chỉ định và truất-bãi. Hơn nữa, theo

hiện-trang luật-pháp của nước Việt-Nam ta, các tòa-án dân-sự có quyền toàn-thẩm xét-xử luôn các việc thương-mãi, thủ-tục áp-dụng tại các tòa-án này là bộ dân-sự tổ-tung Pháp, bộ luật thương-mãi Pháp và các luật-lệ cùng sắc-lệnh ban-hành tại Việt-Nam phối-hợp với nghị-định ngày 16-3-1910 trừ những điều-khoản nào trái với tổ-chức tư-pháp Việt-Nam do dụ số 4 ngày 18-10-1949 đặt nền tảng.

Ngay như ở Pháp, từ ngày bộ luật thương-mãi 1807 được ban-hành, thể-thức chỉ-định quản-tài thanh-toán-viên vẫn do các tòa-án thương-mãi có toàn-quyền thẩm lượng và cho mãi tới năm 1955 mới có sắc-lệnh ngày 20-5-1955 ấn-định đại-cương điều-kiện hành-nghề của đoàn-thể này, nhưng sắc-lệnh này vẫn để cho tòa-án thương-mãi năng-quyền chỉ-định và kiểm-soát quản-tài thanh-toán-viên.

Bởi thế, tòa sơ-thẩm Saigon, có quyền toàn-thẩm xử các việc thương-mãi, dựa theo tập-quán và luật-lệ áp-dụng trước các tòa-án thương-mãi Pháp đã nhóm đại hội-đồng ngày 7-12-1964 duyệt y qui-định và thể-thức thành-lập danh-biểu quản-tài thanh-toán-viên. Quyết-nghị của đại hội-đồng này có tính-cách nội-bộ và qui-định đã được đại hội-đồng tòa sơ-thẩm Saigon ngày 7-12-1964 duyệt y không có điều nào trái với tổ-chức tư-pháp Việt-Nam hiện-hành.

Cạnh tòa Sơ-thẩm Saigon được thiết-lập một danh-biểu quản-tài thanh-toán-viên để giúp tòa về những việc thương-mãi ; mỗi văn-phòng do một quản-tài thanh-toán-viên thực-sự điều-khiển và chịu trách-nhiệm. Vào tháng giêng mỗi năm, đại hội-đồng tòa sơ-thẩm Saigon ấn-định tổng-số quản-tài thanh-toán-viên tùy theo nhu-cầu của tòa này và sau khi lấy ý-kiến của đại-diện các quản-tài thanh-toán-viên.

Muốn được ghi tên vào danh-biểu quản-tài thanh-toán-viên, đương-sự ngoài điều-kiện về hạnh-kiểm phải có quốc-tịch Việt-Nam, đủ 30 tuổi, có bằng cử-nhân luật-khoa và trúng tuyển kỳ thi chuyên-nghiệp.

Một số người được miễn điều-kiện về cấp-bằng cử-nhân luật-khoa : các người có bằng tú-tài toàn-phần đã làm việc ít nhất 3 năm liên-tục tại văn-phòng của một quản-tài thanh-toán-viên thực-thụ và có giấy chứng-nhận của người này hoặc các chánh-lục-sự tòa-án đã giữ chức-vụ này ít nhất trong thời-gian ba năm.

Một số người khác được miễn kỳ thi chuyên-nghiệp : các thẩm-phán ngạch tư-pháp, các luật-sư thực-thụ, các chương-khế, các giáo-sư và giảng-sư luật-khoa đại-học có bằng tiến-sĩ đã hành-nghề đủ 3 năm.

Đề bảo-dảm hành-vi của mình, quản-tài thanh-toán-viên phải có tài-sản ước-lượng 1.000.000\$ hoặc có người bảo-dảm số tiền này. Ngoài ra trước khi hành-nghề, quản-tài thanh-toán-viên phải đóng một số tiền ký quỹ là 60.000\$.

Quản-tài thanh-toán-viên phụ-trách việc quản-trị và thanh-toán các vụ khánh-tận hay thanh-toán tài-phần tùy theo sự chỉ-định của tòa-án.

Quản-tài thanh-toán-viên còn có thể được tòa-án giao-phó công-việc giám-định kế-toán quản-trị, cung-thất, hay kiểm-tra và có thể làm sổ-sách kế-toán cùng thâu tiền cho đệ-tam nhân.

Đề tòa-án có thể kiểm-soát công-việc của các quản-tài thanh-toán-viên, các người này phải giữ những sổ-sách sau đây :

— một sổ nhật-ký về tiền bạc trong đó phải thường nhật ghi tất cả số chi thu và kết-toán từng tháng ;

— một sổ tổng chương trong đó quản-tài thanh-toán-viên mở một chương-mục về mỗi vụ và ghi lại những số chi thu mỗi ngày về vụ liên-hệ và kết-toán từng tháng ;

— một sổ biên-nhận tồn-cần.

Đề thi-hành nhiệm-vụ một cách đúng-dẫn, quản-tài thanh-toán-viên không thể làm một số công-việc như hành-vi thuộc về nghề luật-sư, trực.tếp hay gián-tiếp mua tài-sản trong các vụ mà họ làm quản-tài, tự mình hay nhờ trung-gian để thực-hiện những mãi-vụ liên-hệ đến các vụ mà họ làm quản-tài.

Hơn nữa quản-tài thanh-toán-viên còn bị cấm hẳn làm các công việc sau : phát mãi theo lối thỏa-thuận hay bằng cách nào khác hơn cách đấu-giá công khai hoặc đòi hỏi thù-lao quá giá biểu được ấn-định.

Các quản-tài thanh-toán-viên khiếm khuyết trong nhiệm-vụ hay vi-phạm các điều cấm, có thể bị cách-cáo hoặc bãi chức.

Vì có một số quản-tài thanh-toán-viên đã hoạt động từ trước đến nay không hội đủ các điều-kiện bổ-nhiệm kể trên, nên đề cho việc điều-hành công-lý được liên-tục, thể-lệ đã qui-định một số điều-khoản chuyển tiếp để các người này có thể tiếp-tục hành-nghề.

TIẾT VII

LÀM ĐƠN MƯƠN

Qui-chế của những người làm đơn mướn được ấn-định do nghị-định số 915-BTP/ND ngày 9-10-1957 của Bộ Tư-Pháp.

Muốn hành nghề làm đơn mượn, phải là công-dân Việt Nam, trên 25 tuổi, không tiền án, có bằng trung-học đệ nhất cấp, cao đẳng tiểu-học, năng-lực luật-học hoặc một bằng tương đương, phải được ông Chương-lý và ông Chánh-Nhứt tòa Thượng-Tòa án cho ghi tên vào danh-bộ lưu-trữ tại Viện Chương-lý và đóng môn-bài.

Điều kiện văn-bằng được miễn cho một số người (cựu thừa-phá-lại và Lục-sự, cựu thơ-ký các sở tư-pháp hoặc hành-chánh hoặc văn-phòng Chương-khế, luật-sư và thừa-phát-lại đã thực sự làm việc được 5 năm trở lên).

Những người làm đơn mượn chỉ được lấy tiền thù-lao theo giá biểu luật định (từ 30\$ đến 60\$) phải có hai quyền sở: 1 quyền ghi ngày tháng của đơn, tên người mượn, đề-mục của đơn, và quyền kia ghi các số tiền đã thu.

Người làm đơn mượn không được làm quảng-cáo cho nghề-nghiệp bất cứ dưới hình-thức nào; họ chỉ được treo một bảng đề tên họ và hàng chữ « phòng làm đơn mượn ». Người làm đơn mượn cũng không được phép trực-tiếp hay gián-tiếp xúi dục các-chúng kiến-tung đề thủ lợi.

Hoạt-động của người làm đơn mượn phải chịu sự kiểm-soát của viện Chương-lý và Biện-lý-cuộc sở tại.

Trừng phạt về kỷ-luật gồm có: cảnh cáo, khiển trách, cấm hành-sự từ 1 đến 12 tháng, hoặc vĩnh-viễn.



CHƯƠNG VI

NỀN LUẬT-HỌC Ở VIỆT-NAM

SỰ PHÁT-TRIỂN.— Nền luật-học như qui-pháp pháp-lý theo quan-niệm Tây-phương được tổ-chức ở Việt-Nam tương-đối trẻ. Trường y-khoa đã mở cửa ở Hà-nội từ 1905 mà mãi tới 12 năm sau trường luật-học và pháp-chính (Ecole de Droit et d'Administration) mới ra đời cũng tại Hà-nội. Mục-dịch trường này theo Nghị-định thiết-lập ngày 15-10-1917, là hoàn thiện kiến-thức phổ-thông và khả-năng, nghề-nghiệp những người bản xứ muốn được thu-dụng vào ngạch hành-chánh-pháp hay vào ngạch quan-lại. Vì thế nên trình-độ trường có thể coi như chưa đạt đến bậc cao-đẳng được.

Phải đợi khi có nhiều thanh-niên có bằng trung-học phổ-thông rồi mới thay thế trường Pháp-chính trên bằng trường Cao-Học Đông-Dương (Ecoles des Hautes Etudes Indochinoises) để chỉ thu nhận những sinh-viên có bằng tú-tài toàn phần vào học thêm bốn năm nữa. Trình-độ tất nhiên đã cao hơn, nhưng chương-trình vẫn chưa thuần-túy học luật như tại một Đại-Học Đường của Pháp hồi bấy giờ.

Chương-trình luật-khoa đại-học của Pháp chỉ được áp-dụng đúng ở đây với Trường Cao Đẳng Luật-Học (Ecole Supérieure de Droit) dự-liệu do Sắc-lệnh 11/9/1931, nhưng chỉ khai-giảng tại Hanoi vào năm 1933 mà thôi. Nhưng trường vẫn chưa kể được là một Luật-khoa Đại-Học-Đường vì chỉ dạy chương-trình ba năm cử-nhân thôi, chớ không có bằng Tiến-sĩ, mặc dầu Nghị-định 21/7/1935 có đặt thêm một lớp năm thứ tư học lấy chứng-chỉ Luật-học Đông-dương (Certificat d' Etudes Juridiques Indochinoises), lớp này được đổi bởi N.Đ. 30/5/1939 thành Trường Hành-Chánh, một trung-tâm dự-bị cho kỳ thi vào các ngạch Hành-chánh và Tư-pháp.

Từ năm 1941, trường mới được cải thành Luật-khoa Đại-học Đông-Dương với sự thiết-lập ban học tiến-sĩ luật gồm lớp Cao-học Tư-Pháp và lớp Cao-học kinh-tế.

Cho đến năm biến-chuyển 1945, số sinh-viên mới lên đến lối 500 người. Mỗi năm cũng chỉ chừng vài ba chục được cấp bằng cử-nhân, tổng số cử-nhân luật-khoa Hanoi vào tháng ba 1945 là 260 người, trong đó có 220 người Việt-Nam.

Sau năm đó trường Luật-khoa Đại-học được đưa vào Saigon từ đầu năm 1947, rồi tháng 11 năm 1948 lại tái lập tại Hanoi song song với Saigon một trung-tâm dạy cử-nhân luật nữa.

Kế Hiệp-trước Genève 20/7/1954 lại bắt buộc rút hẳn Trường Đại-học Luật-khoa cũng như các phân-khoa khác vào Nam.

Năm sau, với Hiệp-định ngày 11-5-1955, Chánh-Phủ Pháp giao hoàn lại cho Chánh-Phủ Việt-Nam nền Đại-học. Có thể nói kể từ đó nền luật-học tại Việt-Nam phát-triển rất mạnh :

— Số sinh-viên từ năm đầu, kể cả lớp năng-lực luật thiết-lập trước đó vào năm 1948-49 là 764, đến niên học 1966 — 1967 không còn lớp năng-lực, mà cũng lên tới 8.666 người ;



TRƯỜNG ĐẠI-HỌC LUẬT-KHOA SAIGON



LỄ TRÌNH LUẬN-ÁN TIẾN-SĨ tại GIẢNG-ĐƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI-HỌC LUẬT-KHOA SAIGON

— Số trúng-tuyển cử-nhân toàn phần trong thời gian 12 năm qua là 1.261 người;

— Số trúng-tuyển Cao-học 115 người;

— Số Tiến-sĩ là 11 người — ấy là riêng phần Trường Đại-học Luật-khoa Saigon. Ngoài ra để tránh cho các sinh-viên trong nước khỏi phải tập-trung cả về đây, trường Đại-học Luật-khoa Huế đã được mở từ 10 năm nay, do Sắc-Lệnh ngày 1-3-1957 và một trường Đại-học Luật-khoa thứ ba đã được thiết-lập tại Cần-thơ (Phong-Dinh) vào năm nay.



CHƯƠNG-TRÌNH HỌC

1 — BAN CỬ-NHÂN

Trước thời-kỳ nền Đại-học qui hoàn cho Chính-phủ Việt-Nam, chương-trình ba năm Cử-nhân luật dạy hoàn-toàn chương-trình của Đại-học Luật khoa Pháp, không thay đổi cả đến Luật-sử-học Pháp (Histoire du Droit Français) và Luật La-mã (Droit Romain) — Năm 1937 có thêm môn Định-Chế Pháp-Luật Viễn-Đông (Institutions Juridiques d'Extrême-Orient) nhưng đó cũng chỉ là một môn nhiệm-ý phụ thôi. Hồi đó việc giảng dạy, thi-cử cố nhiên là bằng tiếng Pháp.

Từ năm Chánh-Phủ Việt-Nam tự chủ-trương lấy nền Đại-học của mình, trường Luật-khoa Đại-học đã quốc-gia-hóa chương-trình học và dùng tiếng Việt làm chuyên-ngữ trong toàn ban cử-nhân sau một thời-kỳ chuyển-tiếp đặt một phân ban, phân-ban Pháp cho những sinh viên học chương-trình Pháp. Thời-kỳ chuyển tiếp này đã chấm dứt vào niên-khóa 1956-1957.

Tuy nhiên chương-trình mới, với những canh-cải cần-thiết theo nhu cầu riêng của xứ-sở cũng không khác chương-trình cũ mấy trong cách sắp-đặt, phân phối các môn học chính ở ba năm cử-nhân.

Gần đây, muốn cho người cử-nhân luật Việt-Nam có một căn-bản luật-học vững chắc hơn, trường Đại-học Luật-khoa đã tăng thời-gian học tại ban cử-nhân từ 3 năm lên 4 năm. Trường thấy rằng gò bó chương-trình vào thời-gian ngắn 3 năm sẽ không thể thâm cứu nhiều vấn-đề cốt yếu trong những môn luật-học chánh và cũng không thể giảng thêm những môn cần-thiết mới, nhứt là về phương-diện xã-hội-học cùng chánh-trị quốc-tế. Trường cũng thấy cần quân phân lại cho đều thời giờ giảng cho các bộ môn.

Nay các khoa được phân-phối cho ba bộ môn đều như sau :

— Bộ môn Tư-Pháp	16	bán niên
— — Kinh-tế học.....	16	—
— — Chính-trị học....	16	—

Tổng cộng là 48 bán niên trong 4 năm học, mỗi năm chung 12 bán niên, mỗi bán niên gồm từ 35 đến 40 giờ lý-thuyết và 5 giờ thực-tập cùng hội-thảo, thành ra mỗi năm có 500 giờ học trong 32 tuần lễ học, ngoài 20 tuần nghỉ lễ và nghỉ hè, khiến sinh-viên phải học mỗi tuần khoảng 15 giờ tức là mỗi ngày 3 giờ. Như thế có thể coi là một chương-trình học khá đầy đủ.

Chương-trình 4 năm này mới bắt đầu áp-dụng từ niên khóa 1965-1966, nên mới được theo trong năm cử-nhân 1 và cử-nhân 11, còn năm cử-nhân 111 vẫn theo chương-trình cũ. Hiện thời trong khi chờ mở năm thứ Tư cử-nhân vào niên-khoá tới các khóa diễn-giảng trong 3 năm cử-nhân đương học là:

CỬ-NHÂN NĂM THỨ NHỨT :

— Dân-luật	Toàn niên
— Pháp-chế sử	—
— Quốc-tế Công-pháp	—
— Kinh-tế-học	—
— Luật Hiến-Pháp	—

Năm môn trên đây diễn-giảng bằng Việt-ngữ và 2 môn thi viết bắt buộc sẽ rút thăm giữa 5 môn này.

— Danh-từ pháp-lý	Bán niên
— Danh-từ kinh-tế	—

CỬ-NHÂN NĂM THỨ HAI :

— Dân-luật	Toàn niên
— Luật Hành-chánh	—
— Hình-Luật	—
— Kinh-tế học	—
— Tài-chánh học	— (thay vì bán niên trong chương-trình cũ)
— Bang giao quốc-tế	—

Sáu môn trên đây diễn-giảng bằng tiếng Việt và 2 môn thi viết bắt buộc sẽ rút thăm giữa 6 môn này.

— Danh-từ pháp-lý	Bán niên
— Danh-từ kinh-tế	—

Hai môn này chỉ thi khẩu-vấn.

CỬ-NHÂN NĂM THỨ BA :

— Dân-luật	Toàn niên
— Luật Thương-mại	—
— Kinh-tế Việt-Nam	—
— Lịch-trình học-thuyết Chính-trị	Bán niên

— Quốc-tế Tư-pháp	Bán niên
— Dân-sự tố-tụng	—
— Phân-phối lợi-tức	— (khoa mới thêm)

Hai môn thi viết sẽ rút thăm giữa 7 môn trên đây. Ngoài 7 môn này, khi vào vấn đáp, thí-sinh chọn thêm 1 trong 4 môn nhiệm-ý sau đây :

— Kỹ-thuật ngân-sách	Bán niên
— Luật bảo-hiêm	—
— Nghiệp-vụ ngân-hàng	—
— Luật Lao-Động	—

Ngoài ra, vấn đáp còn có thêm 2 môn :

— Danh-từ kinh-tế	—
— Danh-từ chính-trị	—

Cuối năm thứ ba, thi khâu-vấn có hai vấn đáp riêng biệt, phải đạ và hai vấn đáp mới được cấp bằng cử-nhân.

Bổ-túc cho phần lý-thuyết, ban cử-nhân còn có phần thực-tập để sinh-viên quen với việc nghiên-cứu, trình-bày, áp-dụng các nguyên-tắc pháp-lý cho những vấn-đề thực-tiên dưới sự hướng dẫn trực-tiếp của người phụ-tá giảng-tập. Do đó ban giảng-huấn có dịp tiếp-xúc mật-thiết hơn với sinh-viên. Trong công việc chỉ bảo cho sinh-viên này trường đã nhờ cả các giới luật-gia, giới tư-pháp ở ngoài hợp-tác để mang lại cho sinh-viên các kinh-nghiệm của đời sống nghề-nghiệp hàng ngày.

Cách-thức tổ-chức phần thực-tập cũng mềm dẻo để các sinh-viên tiện việc tham-gia, dù là sinh-viên thuần-túy hay là sinh-viên mắc bận vì công, tư-chức hay bôn phận quân-nhân của mình. Vì thế nên các buổi thực tập chia ra làm nhiều nhóm thực tập trong giờ làm việc các sở, thực-tập ngoài giờ làm việc hoặc thực-tập vào cuối năm.

II.— BAN KHẢ-NĂNG HÀNH-NGHỀ LUẬT-SƯ

Trong khuôn-khò và mục-dịch thực-tập đó, cũng nên nhắc đến Ban Huấn-Luyện Khả-Năng Hành-Nghề Luật-sư đã được nhà làm luật giao phó cho trường Đại-học Luật-khoa tổ chức.

Luật-số 1/62 ngày 8/1/1962 ấn-định qui-chế luật-sư đã thiề-lập chứng-chỉ Khả-năng Hành-nghề Luật-sư bắt buộc phải có mới được tập-sự luật-sư.

Chương-trình huấn-luyện này gồm 1 niên-khóa trong đó có lớp học về chức-vụ luật-sư, qui-tắc thực-hành và đạo-đức nghề-nghiệp cùng những buổi diễn-giảng và thực-tập về thủ-tục tố-tụng dân-sự, hình sự và hành-chánh thông dụng. Ban giảng-huấn gồm 2 giáo-sư trường luật, 2 thẩm-phán Tòa Thượng-Thâm và 2 luật-sư để nhấn-mạnh về tính cách chuyên về thực-hành của ban giảng-huấn, thực-hiện sở vọng của người thảo chương-trình muốn ban này là «nhịp cầu diu dắt người sinh viên từ trường Đại-Học đến Pháp-Đình».

Ý-kiến rất hay trên nguyên-tắc và thực-sự đã giúp nhiều cử-nhân có bằng khả-năng khi vào tập sự luật-sư không mấy bỡ ngỡ nữa.

Nhưng trên thực-tế, đó lại là một cản trở cho bước tiến của người thanh-niên cử-nhân luật có chí-hướng theo ngành luật-sư muốn vừa học nghề vừa có công ăn việc làm ngay. Mặt khác có lẽ muốn bù đắp điều đó, Luật 1/62 lại ấn-định bãi kỳ thi mãn khóa và cho người tập sự hầu như đương-nhiên được thực-thụ sau thời-gian bình-thường 3 năm hay sau 4 năm nếu kéo dài tập sự vì thiếu chuyên cần nên người tập sự dễ sa ngã vào đường chèn màng, không lo trau dồi nghề nghiệp nữa. Do đó, cả sinh-viên lẫn luật-sư đoàn đều muốn trở lại chế-độ tập-sự cũ : người cử-nhân có thể tập-sự ngay trong sự thực-hành nghề-nghiệp để rèn luyện khả-năng của mình, cốt sao khả-năng ấy được xác-nhận trong kỳ thi mãn hạn tập-sự khi đủ 3 năm. Chế độ tập-sự cũ này đã được tái lập do Sắc-Luật ngày 7/7/1956, bỏ kỳ thi khả-năng hành-nghề luật-sư đi. Vì vậy ban huấn-luyện khả-năng này cũng bị bãi luôn kể từ niên khóa 1966-1967.

III. — BAN CAO-HỌC

Ban này có ba chứng-chỉ : tư-pháp, công-pháp và kinh-tế. Nhưng muốn đạt trọng tâm vào vấn đề chuyên-môn, ban đã bỏ chế-độ cũ buộc sinh-viên phải có đủ 2 trong 3 chứng-chỉ Cao-học, mỗi chứng-chỉ học 1 năm, mới được đề xuất luận án lấy bằng Tiến-Sĩ. Từ niên khóa 1957-1958, các sinh-viên ban này phải chọn ngay khi vào 1 trong 3 môn, mỗi môn có 2 cấp đề theo trong 2 năm.

Các môn hiện diễn giảng tại ban này là :

I. CAO-HỌC TƯ-PHÁP.

a) Đề nhất cấp :

- Dân-luật tổng quát và thâm-cứu.
- Luật Thương-mãi thâm-cứu.
- Hình-luật tổng quát và riêng biệt.
- Quốc-tế tư-pháp.

MÔN CHỌN :

- Tổ-tụng hành-chánh
- Ấn lệ Mỹ, giảng bằng tiếng Anh

b) đề nhị cấp :

- Dân-luật thâm-cứu
- Luật thương mãi thâm-cứu
- Hình-luật thâm-cứu
- Vấn-đề trách-nhiệm dân sự
- Dân-sự tổ-tụng

II. CAO-HỌC CÔNG-PHÁP

a/ đệ nhất-cấp :

- Luật Hành-chánh thâm cứu
- Luật Hiến-pháp thâm-cứu
- Định-chế quốc-tế công-pháp
- Vấn đề trách-nhiệm trong dân-luật
- Các định chế chánh-trị và hành-chánh ngoại quốc.

b/ đệ nhị-cấp :

- Quốc tế công-pháp thâm-cứu
- Lịch-trình học thuyết chính-trị
- Các vấn-đề chính-trị quốc-tế
- Hành-chính công-quyền học

MÔN CHỌN :

- Chính-trị-học
- Các tổ-chức quốc-tế

III. CAO HỌC KINH-TẾ

a/ đệ nhất cấp :

- Kinh-tế học thâm-cứu
- Toán-học cho các kinh-tế-gia
- Kế-toán quốc-gia
- Lịch-trình học thuyết kinh-tế

MÔN CHỌN :

- Kinh-nông-học
- Nhân-Khẩu-học

b/ Đệ nhị-cấp :

- Lý-thuyết kinh-tế
- Thống-kê-học
- Vấn-đề kinh-tế và tài-chánh
- Tiền-tệ và ngân-hàng.
- Tài-chánh xí-nghiệp (mới thêm)

MÔN CHỌN :

- Kinh kỹ-nghệ
- Địa-dư kinh-tế.



TRÌNH-ĐỘ.—

Khi còn đào luyện những cử-nhân-luật theo chương-trình Pháp, bằng tiếng Pháp, trường Đại-học Luật-khoa Đông-Dương được coi như một phân-cục của Viện Đại-Học Paris và các bằng cấp đều do Viện này phát, nên trình độ bằng cấp đó là trình độ của bằng cấp Pháp.

Sau khi trở thành trường Đại-Học Luật-Khoa của Việt-Nam. trình độ đó vẫn giữ vững, vì ban giảng huấn gồm những giáo-sư thạc sĩ đậu tại Pháp và những giáo-sư tiến-sĩ hầu hết cũng do trường Pháp đào tạo và đã dự nhiều cuộc hội thảo quốc tế về nền Đại-học Luật-Khoa. Còn về phía sinh-viên thì như trên đã thấy, chương trình rất đầy đủ và nhứt là sự chọn lọc rất chặt chẽ. từ lớp này lên lớp trên, như thấy trong bảng kê số sinh-viên trúng tuyển trên số thí sinh ghi danh học dưới đây:

**BẢNG KÊ SỔ SINH-VIÊN TRÚNG TUYỂN TRÊN SỐ THÍ-SINH CHI DANH HỌC
RIÊNG Ở SAIGON từ NIÊN-KHÓA 1954-55 đến NIÊN-KHÓA 1965-66**

Năm học	1954-55	1955-56	1956-57	1957-58	1958-59	1959-60	1960-61	1961-62	1962-63	1963-64	1964-65	1965-66
BAN CAO-HỌC												
— C. H. Tư-pháp	5/26	0/6	2/5	3/18	4/15	4/25	6/45	7/40	12/35	4/33	6/44	3/41
— C. H. Công Pháp	5/28	0/15	3/28	12/46	11/51	6/59	7/29	5/27	7/37	10/52	8/76	10/123
— C. H. Kinh-Tế	4/18	0/35	2/26	3/22	6/28	5/28	8/44	4/44	7/46	8/59	13/99	15/112
— Cử-nhân I	85/298	146/482	103/699	116/632	183/907	170/1365	262/1600	276/1825	374/2035	359/3015	401-2831	455/4285
— Cử-nhân II	35/77	61/104	58/180	86/217	92/221	70/279	95/358	188/485	132/486	171/700	328/730	262/764
— Cử-nhân III	36/72	33/57	63/97	52/75	69/108	68/128	89/134	87/135	108/229	186/253	207/328	273/440

Vi vậy nên Chánh-Phủ Pháp đã chính thức chấp nhận văn bằng cử-nhân Luật do các trường Đại-Học Luật Khoa Việt-Nam cấp tương đương với văn-bằng cử-nhân Luật của Pháp đề theo học tại ban tiến sĩ Luật (B.O.E.N 12-10-1963, tr. 2481).

Trường rất có triển vọng liên lạc và tiến song song với trường Đại-học-Luật Khoa các nước khác, vì luôn luôn tương-mô rộng cửa đón chào giáo sư các nước có thiên chí đến viện trợ thêm, đề sinh-viên đầu thai các hồng ng từ trường Pháp-ly, kinh-tế, chánh-trị mới mẻ của các Đại-học bạn đưa lại. Như niên khóa vừa rồi, trường đã được 3 giáo sư Mỹ và một giáo sư Pháp dạy giúp ở Ban Cao Học, một giáo-sư về tư-pháp và 3 giáo-sư về công-pháp.

CHƯƠNG VII

HÌNH-SỰ TỔ-TỤNG

Vào thế kỷ thứ 18, Vua Lê ban hành bộ luật « Quốc-triều khám tụng điều lệ » là bộ luật tố-tụng đầu tiên của Việt nam đã làm vinh hạnh cho nhà làm luật của Lê triều từ thuở ấy đã biết phân biệt các điều luật về nội dung và điều luật tổ chức nền tư-pháp và cách thưa kiện.

Nhưng bộ luật này đặt ra những nguyên tắc chính yếu, kỳ dư không đi sâu vào chi tiết nên việc tra án còn tùy một phần lớn nơi tài ba của các quan xử kiện khéo tìm chân-lý : vì thế luật tố-tụng của thời vương-đế mang nặng tính cách nhân-trị

Sau đó Việt-Nam được tiếp xúc với thủ tục thăm-cứu của Tây phương qua Bộ luật Hình-sự Tố tụng của Pháp, thăm nhuần chủ-nghĩa cá nhân của thế kỷ thứ 19 dưới trời Âu. Bộ luật này còn biến thể để ứng dụng với tổ chức chính-trị của ba miền với hệ thống quan quyền khác nhau mà tập quán cũng dị đồng : Bắc phần có Bắc-Việt hình-sự tố-tụng, Trung-phần có Hoàng-Việt hình-sự tố-tụng, Nam phần thì lấy Bộ thăm-cứu hình-sự của Pháp làm căn-bản.



Đến khi Việt-Nam khôi phục chủ-quyền, Vua Bảo-Đại ban hành Dự số 4 ngày 18-10-1949 là một bước rứt rờ trên đường thống-nhất diền-chế, mặc dầu có một vài canh-cải cho phù hợp với bản-sắc và trình-độ của dân tộc,

1) Luật tố-tụng hiện-hành tổng-hợp thủ-tục cáo tố và truy-tà. Cơ-quan đại-diện xã-hội (công-ổ-viện) và cá-nhân bị thiệt (nạn-nhân) đều có quyền đưa một vụ án ra trước Tòa xét xử. Nếu Công-tổ-viện đình-cứu một sự-kiện mà cá-nhân tự-xem như là bị thiệt-thòi, thì cá nhân có thể đưa ngay vụ án ra trước Tòa-án, gọi là trực-tố bị-cáo bằng cách nhờ thừa-phát-lại triệu hoán bị-cáo ra trước Tòa Hình ; trong những vụ khó khăn cần phải trình bằng có và nhân-chứng, nạn-nhân có thể xin đứng dân-sự nguyên-cáo trước Dự-thẩm để vị Thẩm-phán này mở cuộc thăm-vấn.

Dù ở trường-hợp nào, cũng phải có công-tổ-viện truy-tố, và truy-tố một lượt với nguyên-cáo, công-tổ luôn luôn lãnh phần chánh-tố, nạn-nhân chỉ phụ-tố mà thôi.

Chẳng riêng gì cá-nhân, những cơ-quan đại-diện quyền-lợi của Chánh-phủ như Thương-Chánh, Tài-chánh, Trước-bạ v.v... cũng có quyền truy-tố trước Tòa những kẻ làm thiệt đến quyền-lợi của Chánh-Phủ. Trong trường-hợp này, công-tổ-viện phụ-tố để kiểm-soát sự áp-dụng tố-tụng và yêu-cầu Tòa tuyên hình phạt

2) Luật tố-tụng hiện-hành dung-hòa quyền-lợi xã-hội và tự-do cá-nhân.

Mỗi vụ án hình đều phải qua hai giai-đoạn :

a) Vi-chứng tội trạng (do các cơ-quan cảnh-sát sĩ-quan hình-cảnh hay tư-pháp cảnh-lại) ; Biện-lý và Dự-thẩm vi-chứng tội-trạng trong trường-hợp quả tang.

b) Tranh - luận trước Tòa.

Trong những vụ án khó, có nhiều phạm-nhân tại-đào, nhiều yếu tố pháp-lý mơ hồ, hay là xảy ra lâu năm, chứng cứ tên mát, thì cần phải được Dự-thẩm kiểm-soát sự-kiện trước khi đưa ra tranh-luận trước Tòa. Giai-đoạn này gọi là thăm-vấn dự-bị tại Phòng Dự-Thẩm, khác giai-đoạn điều-tra sơ-khởi của tư-pháp cảnh-lại.

Giai-đoạn thứ nhất nhằm vào sự truy-tầm thủ-phạm có mục-dịch bảo vệ quyền-lợi cho xã-hội.

Giai-đoạn thứ hai diễn ra công-khai, bị-can được đối-kháng với các đương-sự có mục-dịch bảo vệ phạm-nhân đối với mọi sự truy-tố lầm lẫn.

3) Luật tế-tung hiện-hành giao cho Thẩm-phán trách-nhiệm điều-kiển một vụ án từ lúc khởi đầu cho đến khi kết cuộc

Cảnh-sát chỉ vi-chứng tội-trạng. Biện-lý có toàn quyền dành hậu-quả cho vi-bằng cảnh-sát, hoặc yêu cầu điều-tra bổ-túc, hoặc thân mò cuộc điều-tra rồi đưa bị-cáo ra Tòa, hay xếp nội-vụ.

Gặp những vụ án khó khăn, Dự-thẩm phải kiểm-soát lại sự-kiện ghi trong vi-bằng cảnh-sát và thăm-cứu thêm. Chính ở giai-đoạn này, Luật-sư có quyền theo dõi sự diễn-tiến của vụ án, dự-kiến các hành-vi thăm-cứu, và hỗ-trợ bị-cáo.

Lẽ dĩ-nhiên Luật-sư biện-hộ cho bị-cáo trước các phiên xử luôn luôn công-khai. Trong trường-hợp phải xử kín vì lý-do thuần-phong mỹ-tục thì chỉ bị-cáo, nhân chứng và luật-sư của đôi bên được dự phiên xử.



TIẾT I

SỰ DIỄN-TIẾN CỦA MỘT VỤ ÁN HÌNH

Hiến-Pháp ngày 1-4-1967 tôn trọng các nhân-quyền căn-bản trong những điều khoản sau đây :

— « Quốc-gia tôn-trọng nhân-phẩm.

Luật-pháp bảo-vệ tự-do, sinh-mạng, tài-sản và danh-dự của mọi công dân ». (đ. 6)

— « Quốc-gia tôn-trọng và bảo-vệ quyền an-toàn cá-nhân và quyền biện-hộ.

Không ai có thể bị bắt bớ, giam giữ, nếu không có mệnh-lệnh hợp-pháp của cơ-quan có thẩm-quyền luật-định ngoại trừ trường-hợp quả-tang phạm-pháp.

Bị can và thân-nhân phải được thông báo tội trạng trong thời hạn luật định. Mọi sự câu-lưu phải đặt dưới quyền kiểm-soát của cơ-quan tư-pháp ». (đ. 7 k 1. 2. 3).

1. PHẠM PHÁP QUẢ TANG.

Theo điều 41 và 46-HSTT, bị coi là phạm-pháp quả-tang :

1. Tội phạm hiện đang hoặc vừa mới xảy ra.
2. Trường-hợp phạm-nhân đang bị quần chúng kêu hò đuổi bắt.
3. Khi còn mang trong người đồ đạc, khí-giới, dụng cụ, tài-liệu, khiến có thể bị suy-đoán là thủ-phạm hay tông-phạm, ngay lúc sự phạm-pháp vừa xảy ra.
4. Khi chủ nhà yêu-cầu cảnh-sát đến vi-chứng một trọng-tội hay kinh tội xảy ra trong nhà.

Điều 106 HSTT cho phép mọi nhân-viên công-lực và cả thường dân dù không có trát Tòa cũng được quyền bắt giữ người phạm-pháp quả-tang, nhưng phải dẫn y đến diện trình Biện-lý ngay tức khắc. Mọi sự lạm-dụng bắt giữ quá thời-gian cần thiết đều là phi-pháp. Biện-lý chỉ có thể ra lệnh giam giữ trong trường-hợp phạm-pháp quả-tang, khi sự phạm-pháp có thể bị trừng-trị thể-hình kiêm nhục-hình, khi tội-trạng được xác-nhận và khi có những dấu hiệu rõ rệt về tội-phạm.

2— QUYỀN CỦA DỰ-THẨM.

Ngoại trừ trường-hợp phạm-pháp quả tang, chỉ Dự-thẩm mới có quyền giam giữ người sau khi mở cuộc điều-tra theo luật. Đề hành-sử quyền này, Dự-thẩm có quyền ký-trát (trát đòi, trát dẫn giải, trát bắt giam và trát tổng giam). Những trát do những qui-tắc chung sau đây chi-phối :

Trát chỉ được ký trong những trường-hợp và theo thể-thức luật-định, do Thẩm-phán hữu-quyền, khi có những bằng chứng rõ rệt về tội phạm; trên trát phải ghi chức vụ cùng chữ ký và con dấu của Thẩm-phán, phải ghi ngày, tháng, danh tánh rõ ràng cho riêng từng người có tên trong trát và nếu có thể, ghi chú cả tội danh (d. 95 và 96 HSTT).

3— NHỮNG BẢO ĐẢM NHÂN-QUYỀN TRƯỚC GUỒNG MÁY TRỪNG-TRỊ

Tuy nhiên, đề bảo-vệ quyền tự-do con người, luật-pháp đã qui-định những tiết giảm đối với quyền hành rộng rãi nói trên. Trước hết, tất cả những người bị bắt trong trường-hợp phạm-pháp quả-tang phải được đưa ra một phiên Tòa gần nhất để xét xử hoặc duyệt lại trát giam. Nếu bị can được dẫn qua Phòng Dự-thẩm và bị tổng-giam thì sau đó y còn có thể được tại-ngoại hậu-tra có đóng tiền để chân hay không.

Thứ đến, điều 341 và kế tiếp bộ HLCC trừng-trị nghiêm-khắc tội bắt và giam người trái phép.

Sau cùng, điều 112 và 271 HSTT cho phép khiếu-tố Thẩm-phán nếu họ có những hành-động xáo-trá, gian-lận, hối-lộ hay lăm lỏi nặng trong khi hành sự.

4. - CUỘC ĐIỀU-TRA SƠ-KHỞI.

« Không ai có thể bị tra tấn, đe dọa hay cưỡng-bách thú-tội ». (Điều 7k4 Hiến-Pháp).

Nhà làm luật rất quan-tâm đến việc đối xử nhân-đạo với bị can, nên đã tuân theo một nguyên-tắc quan-trọng của hình-luật là mọi « bị-can được suy đoán là vô tội cho đến khi bản án xác định tội - trạng trở thành nhất định » (đ. 7k8 Hiến-Pháp). Đáng khác, bộ HSTT đã qui-định rõ ràng quyền-hạn của cảnh-sát tư-pháp, Biện-Lý, Dự-thẩm trong từng giai-đoạn khác nhau của cuộc điều-tra và đã che chở bị-can với những bảo-đảm cần thiết.

5 - BIÊN-BẢN ĐIỀU-TRA CỦA CẢNH-SÁT.

Theo điều 11 HSTT, cảnh-sát tư-pháp có nhiệm-vụ điều - tra sơ khởi trước khi Phòng Dự-thẩm mở cuộc thăm-cứu. Cơ-quan cảnh-sát tiếp-nhận tờ trình, đơn tố-cáo và thưa kiện, ghi chú vào biên bản những trường-hợp phạm-pháp, và chuyển ngay đơn tố-cáo và biên-bản đến Biện-Lý. Cảnh-sát không có nhiệm-vụ thăm vấn mà chỉ tìm kiếm, vi-chứng sự kiện và hoàn tất khi chuyển hồ-sơ nội vụ đến Tòa-án thụ-lý.

6. - CÔNG-TỔ-VIỆN HƯỚNG-DẪN CUỘC ĐIỀU-TRA SƠ-KHỞI.

Nhiệm-vụ chính-yếu và quan-trọng của Biện-ly là phát động và hành-sử quyền công-tổ. Đặc biệt trong trường-hợp phạm-pháp quả-tang và vi lý do khẩn cấp, Biện-ly có thể hành-sử quyền của Dự-thẩm là mở cuộc thăm-vấn : thìn đảo trường sở, thăm-vấn, triệu-dụng giám-định-viên, bắt giữ kẻ phạm-pháp, khám xét, sưu-sắc... v.v... nhưng phải chuyển ngay biên-bản đó đến Dự-thẩm là người có nhiệm-vụ duyệt lại các hành-vi tạm thời và chỉ Dự-thẩm mới có nhiệm-vụ hoàn tất cuộc thăm-vấn.

7. - CUỘC THĂM-VẤN DỰ BỊ.

Nhiệm-vụ chính của Dự-thẩm là thăm-vấn. Cuộc thăm-vấn phải tôn-trọng quyền-lợi của bị-can mà luật ngày 8-12-1897 đã bảo đảm như là : thông báo cho bị-can biết ngay khi hỏi cung lần đầu bị-can có quyền không khai cung ; phải hỏi cung bị-can trước sự hiện-diện của Luật-sư biện-hộ hoặc sau khi thông báo đúng luật cho luật-sư ít nhất 24 giờ trước để cho luật-sư biện-hộ được tham-khảo hồ-sơ, và sau cùng thông-tri các án-lệnh cho luật-sư.

8. TỰ-DO KHAI CUNG.

Trong giai-đoạn thăm-vấn cũng như điều-tra sơ-khởi, bị-can được hoàn-toàn tự-do khai cung. Không thể dùng bạo-lực hay áp-bức tinh-thần đối với bị-can. Dự-thẩm phải tránh những cuộc hỏi cung lâu dài, gây mệt nhọc cho bị-can, không được bắt bị-can nhận tội bằng cách đe dọa làm thiệt hại cho bị can, gia-đình, tài-sản của y, hoặc bằng cách hứa những lợi lộc tiền bạc hay bất cứ một hình-thức nào khác, Dự-thẩm cần phải nghiên cứu kỹ lưỡng hồ-sơ để đặt những câu hỏi một cách thành-tin và rõ ràng, phải tránh những câu hỏi xảo-quyệt, quay quắt gây bỡ ngỡ cho bị-can khiến cho lời khai mâu-thuẫn. Tóm lại, Dự-thẩm phải luôn luôn nhớ rằng thăm-vấn không phải là hạch-sách lý lẽ hay gài bẫy bị can bằng những câu hỏi lắt léo, cũng không phải cốt ý tìm kiếm một kẻ phạm-pháp mà vấn-đề chỉ là tìm kiếm một sự thực. Do đó, phải tuyệt đối tránh mọi biện-pháp khiến bị-can không được tự-do khai cung, cũng như những thủ-đoạn đánh lừa bị-can thú-nhận. Không được

dùng thuốc, phương-pháp thời niên, may tìm kiếm sự thực hoặc máy ghi-âm dấu kín. Trái lại, những phương pháp khoa-học (như phân-tích máu trong trường-hợp hiệp dâm, say rượu, phân tích nước tiểu trong trường-hợp giáo-nghiêm tâm-trí) đều có thể áp-dụng một cách rộng rãi để tìm kiếm thủ-phạm về khinh tội và trọng-tội, hầu bỏ-khuyết những điểm nghi ngờ trong lời khai của nhân-chứng.

9 . QUYỀN TƯƠNG-THÔNG VỚI BỊ CÁO.

Mọi sự tương-thông giữa cha mẹ, bạn hữu thân thiết với bị can đều phải được Biện-Lý hoặc Dự-thẩm cho phép ; vì nhu-cầu thăm-vấn, Dự-thẩm có thể cấm bị-can không được tương-thông với bất cứ người nào ; sự cấm đoán này có hiệu-lực trong 10 ngày và chỉ có thể tái-tục một lần (đ. 603-HSTT). Tuy nhiên, bao giờ Luật-sư cũng được tương-thông — kể cả bằng văn thư — với thân-chủ mình.

10. — TƯ-PHÁP BẢO-TRỢ

Sau khi xác-nhận tư-cách bị-can, Dự-thẩm phải báo cho bị-can biết y có quyền chọn 1 Luật-sư biện-hộ. Nếu không, thủ-tục sẽ vô-hiệu. Trường-hợp bị-can chưa chọn và có lời yêu-cầu, Dự-thẩm sẽ chính-thức chỉ định cho y 1 luật sư. (Luật ngày 20-5-1863).

Trong mọi giai đoạn điều-tra và xét xử, bị-can vị-thành-niên dưới 18 tuổi và bị-cáo trước Tòa Đại-hình, Tòa-án Quân-sự cũng như Tòa-án Đặc-biệt đều bắt buộc phải có 1 Luật-sư biện hộ.

Đối với những kẻ tù-phạm mà hình-phạt có thể bị lưu-đày, sự hỗ-trợ của Luật-sư là điều bắt buộc, không có, tất cả thủ-tục tố-tụng đều vô-hiệu (Luật ngày 27-5-1885). Trước Tòa Sơ-thẩm cũng như trước Tòa Thượng-Thẩm, sự hỗ-trợ của Luật-sư cũng phải có, mặc dầu bị-cáo không kháng-cáo cũng vậy.

11. — THÔNG-DỊCH-VIÊN.

Chiếu những điều 332 và 333 Bộ Hình-sự tố-tụng, phải có thông-dịch-viên mỗi khi cần thiết. Những điều khoản nói trên không có tính cách hạn-chế ; còn phải chỉ-định thông-dịch-viên khi bị-can hay nhân-chứng không nói được tiếng Việt-Nam, khi họ câm và điếc và không biết viết, khi họ nói nhỏ quá, không nói được rõ ràng, hoặc tỏ ra đần độn quá.

Nếu thông-dịch-viên không đáng tin, Công-tố-viên cũng như các người can-cửa có quyền từ-khước. Thông-dịch-viên ít nhất phải tuyên-thệ dịch đúng những lời các người ngôn-ngữ khác nhau.

12. — TỰ-DO TẠM TRƯỚC VÀ SAU VỤ KIẾN.

Theo nguyên-tắc, sự tạm giam có thể được kéo dài tới ngày tuyên xử, tuy nhiên bị can cũng có thể được tự-do tạm trong các trường hợp ;

1. thu hồi lệnh giam giữ không bắt đóng tiền thế chân, nếu Biện-Lý-cuộc

đồng ý (đ. 94, đoạn 3 Hình-sự Tô-tụng); việc thu-nói này không thể kháng-án được, nhưng Dự-thẩm vẫn có quyền phát một lệnh giam giữ khác ;

2. đương-nhiên được tự-do, 5 ngày sau khi thẩm-vấn lần đầu, nếu hội đủ 3 điều kiện : a) cư-trú tại Việt-Nam ; b) hình phạt có thể được tuyên tối-đa là 2 năm giam ; c) chưa bị tuyên-xử vì đã phạm 1 trọng-tội hoặc chưa bị xử giam quá một năm, không treo ; (điều 113 B) Luật Hình sự Tô-tụng — điều này không áp-dụng trong trường-hợp quá-tang ;

3. có đơn xin được tự-do tạm và được Phòng Dự-thẩm, hoặc Tòa xử, hoặc Phòng Luận-Tội chấp-thuận ; (đ. 116 B) Hình-sự Tô-tụng). Trong trường-hợp này hoặc phải đóng tiền thế-chân, hoặc có người đảm-bảo rằng bị-can có mặt nếu cần, khi diễn-tiến thủ-tục tô-tụng và đi thi-hành bản-án. Biện-pháp này có thể bị thu-hồi. Có thể kháng-cáo án-lệnh chấp-thuận hoặc bác bỏ đơn xin tự do tạm.

13. — VIỆC ĐIỀU-TRA VÀ VỤ VIỆN DIỄN-TIẾN NHƯ THẾ NÀO ?

Các vị phụ-tá Ông Biện-Lý, Quận-trưởng Canh-sà và Công-an, một vài viên chức hành-chánh ; điều-tra sơ-khởi trong 24 giờ sau khi bắt bị-can, xong dẫn tới Biện-Lý định đoạt.

Nếu không có bằng chứng gì về những sự-kiện khả-trách đương-sự, hoặc những sự-kiện ấy không cấu-thành một trọng hoặc khinh-tội, nội-vụ sẽ được miễn-cứu và đương-sự được tự-do ngay. Cũng có trường-hợp, tuy có bằng-chứng phạm khinh-tội, nhưng Biện Lý xét không cần hay không thể bắt giam, thì trực-tố trước Tòa, lệnh trực-tố sẽ chỉ rõ tội-trạng bị-can. Nếu là quá-tang và phải phạt giam, Biện-lý-cuộc sẽ điều-tra qua, nghe nhân-chứng, hỏi bị-can, kết-luận tội-trạng, phát lệnh giam và đưa việc ra một phiên Tòa sắp tới.

Nếu cần điều-tra thêm, hoặc gặp một trọng-tội, Biện-Lý do khởi-tố-trạng sẽ yêu-cầu Dự-thẩm thẩm-vấn ; công việc thẩm-cứu kết-cục hoặc bằng lệnh miễn-tố, hoặc bằng lệnh đưa ra Tòa. Trong trường-hợp sau, các nguyên, bị và các nhân-chứng sẽ được mời ra Tòa ; Chánh-thẩm thẩm-vấn lại, Công-tố-viện kết tội, bị-can hoặc người biện-hộ sẽ biện-minh và được quyền nói sau cùng, trước khi Tòa chiếu luật hội-bàn.

14. — VỤ VIỆN PHẢI ĐƯỢC MAU CHÓNG.

Ông Chương-Lý kiểm-soát việc điều-hành các việc về hình-sự để được giải-quyết mau chóng.

15. — XÉT XỬ CÔNG-KHAI.

Những phiên tòa phải công-khai, nếu không sẽ vô-hiệu (đ. 153 và 310 Bộ Hình-sự Tô-tụng). Tuy nhiên, Chánh-thẩm có thể họp kín trong trường-hợp việc tranh-tụng công-khai có hại cho phong-hóa hoặc trật-tự công-cộng. Nhưng trong tất cả các trường-hợp, phải tuyên-án công-khai.

16.— TRÁCH NHIỆM DẪN CHỨNG

Công-tổ-viện có trách-nhiệm tìm chứng cớ về vụ vi-phạm và tội-trạng nếu bị-cáo nại trường-hợp khoan-miễn hay xá-miễn, y phải xuất-trình bằng-chứng. Giá-trị của các bằng-chứng do Tòa định đoạt (đ. 342 Hình-sự tố-tụng).

17.— TÒA CÓ TRÁCH-NHIỆM TÌM SỰ THẬT.

Tòa có trách-nhiệm điều-tra, đề gỡ tội cũng như đề buộc tội bị-can. Chánh-thẩm phải tìm những yếu-tố để có lập-trường trong kết-quả điều-tra sơ-khởi, kết-quả của điều-tra lý-khám, của việc khám xét nhà, trong các nhận-xét của các chuyên-viên, trong những tài-liệu viết trong lời khai của nhân-chứng và lời thú-nhận trước Tòa, cũng như trong những dấu-vết và những điều khả nghi như luật định.

Lời thú-nhận trước Tòa hay ngoài Tòa, chỉ có giá-trị để giúp thẩm-phán có lập-trường, nếu có những chứng-cớ khác phụ giúp vào.

18.— XUẤT-TRÌNH BẰNG-CHỨNG.

Bằng-chứng phải được xuất-trình như luật định nghĩa là với những sự đảm-bảo mà luật-lệ bắt buộc phải có. Quyền điều-tra của thẩm-phán rộng-rãi thật, nhưng cũng bị giới-hạn vì lý-do mỹ-tục và tôn-trọng nhân-phẩm. Nếu bị tra-tấn về thể-xác hay tinh-thần mà phải thú-nhận, hoặc phải thú-nhận vì hậu-quả của những biện-pháp y-khoa làm cho đương-sự mất tự-chủ, thì sự thú-nhận ấy không có hiệu-lực gì. Các chuyên-viên và nhân-chứng phải tuyên-thệ, những chứng-cớ viết phải được đề vào hồ-sơ và bên nguyên cũng như bên bị có quyền kháng-biện.

19.— NHÂN-CHỨNG.

Nhân-chứng cần phải mắt thấy tai nghe, những người không đủ tư-cách (vị-thành-niên dưới 15 tuổi, người loạn trí, già, say rượu) những người mất nhân-cách (bị tước công-quyền), những người vì chức-vụ mà không có đủ tư cách (thẩm-phán, phụ-thẩm nhân-dân, lục-sự, công-tổ-viện, thông-dịch-viên trong vụ), hoặc những người bị khước-từ vì có liên-hệ gia-đình với bị-cáo; tất cả những người ấy không thể làm nhân-chứng được. Những nhân-chứng phải ra trước Tòa, tuyên-thệ và khai, nếu không sẽ bị trừng-phạt theo luật hình (đ. 80 Bộ Hình-sự tố-tụng), làm chứng gian sẽ bị trừng-phạt nặng (đ. 301 và tiếp theo Bộ Hình-luật).

Những người, vì bí-mật nghề-nghiệp, đâu có phải đòi ra trước Tòa, không những có quyền, con có bổn-phận không được khai về những sự gì nhờ hành-nghề mà được biết (đ. 378 Hình-luật).

20.— HỎI CUNG BỊ-CÁO.

Bị-cáo không thể tuyên-thệ, tuy nhiên có thể tự bào-chữa và được tự-do trả lời hay không những câu hỏi của Chánh-thẩm. Phải trả lời miệng, nhưng bị-cáo có thể dựa vào ghi-bút để giúp trí nhớ trong khi trả lời. Luật-sư không được phép trả lời thay cho thân-chủ.

21.— KHÁNG-CÁO.

Kháng-cáo là một phương-cách tố-cầu thường. Các đương-sự được quyền kháng-cáo mọi án-lệnh của Dự-thẩm, các bản án của Tòa vi-cảnh đã tuyên phạt tù hoặc phạt bạc, tiền bồi-thường và mọi bồi-khoản khác quá 20\$, các phán-quyết của Tòa Sơ-thẩm Tiêu-hình và đại-hình. Tuy nhiên có những ngoại-lệ sau đây :

1. Án văn của Tòa HGRQ, và sơ-thẩm xử về vi-cảnh cũng như phán quyết của Tòa-án Quân-sự đều là chung-thâm.
2. Đối với các bản án tiêu-thâm, chỉ được kháng cáo sau khi có án xử về nội-dung như vậy chỉ sẽ được kháng-cáo cùng một lúc với sự kháng-cáo toàn bản án sau này.
3. Dân-sự nguyên-cáo chỉ được kháng-cáo các phán quyết làm thiệt hại đến quyền-lợi dân-sự của mình.
4. Công-tổ-viện không thể kháng-cáo các án vi-cảnh.

Người kháng-cáo phải khai báo tại phòng Lục-sự trong hạn 2 ngày kể từ khi được tổng đạt các án-lệnh của Dự-thẩm và 10 ngày đối với án vi-cảnh, tiêu-hình và đại-hình. (Ở Trung, thời hạn kháng-cáo là 15 ngày HSTT Trung Kỳ). Sự kháng-cáo phụ-đối được hưởng thêm 5 ngày nữa. Khi kháng-cáo án-lệnh của Dự-thẩm, Viện Chương-Lý phải báo cho các bị-can và trách-nhiệm dân-sự trong hạn 15 ngày kể từ khi tiếp nhận hồ-sơ. Đối với các án tiêu-hình và đại-hình, thời hạn kháng-cáo sẽ là 1 hay 2 tháng tùy theo Viện Chương-Lý có được thông-báo kết-quả phiên xử hay không. Theo nguyên-tắc, sự kháng-cáo có hiệu-lực đình chỉ, trừ khi Viện Chương-Lý kháng-cáo.

Phòng Luận-Tội xử kháng-cáo đối với án-lệnh Dự-thẩm, Tòa Tiêu-hình đối với án vi-cảnh, phòng kháng-cáo tiêu-hình đối với án tiêu-hình, phòng kháng-cáo đại-hình đối với án đại-hình. Các Tòa kháng-cáo phải tuân theo quy tắc :

«Tantum devolutum, quantum appellatum».

Khi chỉ có mình bị-can kháng-cáo, Tòa không thể tăng hình phạt.

Nếu không bằng lòng phán-quyết của Tòa Thượng-Thẩm, các đương-sự còn có quyền thượng-tố trong hạn 3 ngày trước Tòa Phá-Án, tuy nhiên trước tòa Phá-Án không thể viện cớ là Tòa nhận xét không đúng, mà phải viện-dẫn lý-do là Tòa xử trái luật nội-dung hay luật hình-thức, trái thẩm-quyền, hoặc xử trái với một Tòa khác cùng thụ lý một việc.

22.— TÁI-THẨM.

Tái-thẩm là một phương-pháp tố cữu bất thường không áp-dụng cho các án vi-cảnh mà chỉ được sử-lụng trong 4 trường-hợp sau đây :

1. Nếu có án Tòa phạt người nào về tội sát-nhân mà về sau tìm được bằng cớ rằng nạn-nhân còn sống.
2. Nếu đồng thời hai Tòa-án xử phạt hai thủ-phạm trong một vụ giết người, như vậy là có sự tương phản giữa hai bản án cần phải giải-quyết.

3. Nếu án đại-hình đã tuyên theo lời khai của một nhân-chứng rồi về sau, nhân-chứng này bị Tòa xử phạt về tội làm chứng gian.
4. Nếu sau khi có án Tòa, tìm ra sự-kiện mới, giải oan cho người bị xử phạt.

Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp, bị-can, người đại diện hợp pháp hoặc thừa kế, có quyền nạp đơn tại Bộ Tư-Pháp xin tái-thẩm trong hạn 1 năm kể từ ngày phát giác sự-kiện có thể chứng-minh bị-can vô tội. Hình phạt được hoãn thi-hành kể từ ngày đơn xin tái-thẩm được chuyển tới Tòa Phá-Án. Phòng Hình-sự có thẩm-quyền xét đơn xin tái-thẩm. Nếu đơn tái-thẩm được chấp nhận, Tòa có thể tùy trường-hợp truyền đi-giao hồ sơ nội-vụ.

23.— AN-XÁ.

Chỉ có Quốc-Trưởng mới có quyền ân-xá và ân-giảm hình-phạt các phạm-nhân, bất luận do cơ-quan tài-phán nào xử phạt, dân sự, quân-sự, Tòa thường luật hay Tòa đặc-biệt. Hiến-Pháp ngày 1-4-1967 cũng xác-nhận việc này nơi điều 61. Theo Dự số 5 ngày 6-4-1950, có hai thể-thức xin ân-xá, hoặc tội-nhân đứng xin, hoặc Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp đứng xin chiếu đề-nghị của Quản-Đốc khám đường chứng nhận hạnh-kiểm và mức-độ cải-hóa của tội-nhân trong thời-gian thọ-hình. Trừ trường-hợp bị kêu án tử-hình, thì tội-nhân phải đệ đơn trong thời hạn 3 ngày tròn sau khi có án, các tội-nhân khác có quyền xin ân-xá lúc nào cũng được. Hội-đồng Ân-xá dưới sự chủ-tọa của Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp, gồm 4 nhân-viên khác là : 2 Thẩm-phán chỉ-huy là Chương-Lý và Chánh-Nhất Tòa Thượng-Thẩm, 1 đại-dien Tổng Bộ An-Ninh và Giám-Đốc Nha Hình-Vụ của Bộ Tư-Pháp. Hội-đồng có phận sự xét hồ-sơ xin ân-xá và trình đề-nghị lên Quốc-Trưởng. Quốc-Trưởng sẽ ban-hành Sắc-Lệnh ân-giảm toàn phần hay một phần hình phạt.

Ngoài ra, tội-nhân còn có thể được Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp ký nghị-định phóng-thích có điều-kiện nếu đã tỏ ra ăn-năn hối-cải, không phải là kẻ tái-phạm, đã thụ-hình được hơn phân nửa án đã tuyên, và được Chương-Lý đề-nghị sau khi một Hội-đồng phóng-thích có điều-kiện cứu-xét hồ-sơ và chấp-thuận việc phóng-thích.

Phóng-thích có điều-kiện khác ân-xá, là trong trường-hợp người được phóng-thích sau đó tỏ ra vô-hạnh, hoặc làm trái với điều-kiện ghi trong nghị-định phóng-thích, thì nghị-định sẽ được thu-hồi, phạm-nhân bị bắt trở lại thụ-hình cho hết phần còn lại kể từ ngày được tạm tha (Dự số 5 ngày 6-4-1950).



TIẾT II

NHỮNG THỦ-TỤC ĐẶC-BIỆT

Ngoài thủ-tục tổ-tụng thông-thường, luật dự-liệu những thủ-tục đặc-biệt, một đáng là vì tính-cách nghiêm-trọng của vụ phạm-pháp hay cá-nhân người phạm-pháp chưa đúng tuổi trưởng-thành, đáng khác là vì tình-thể đặc-biệt đe-dọa an-ninh công-cộng cần đối-phó cho kịp thời.

1. — TÒA ĐẠI-HÌNH

Tòa-án Đại-hình được thiết-lập do Dự ngày 20-6-1950 để xét xử những trọng tội mà hình phạt là cấm-cố, khổ sai hoặc tử-hình. Nguyên-ác chung là vụ phạm-pháp đại-hình phải được Phòng Luận Tội soát lại cuộc thẩm vấn của Dự-thẩm, và nội-vụ được đưa ra xét xử hai cấp như vụ phạm-pháp tiểu hình.

a) — CÁO-TRẠNG CỦA CHƯƠNG-LÝ.

Sau khi nghe đọc hồ-sơ do Dự-thẩm kết-thúc cuộc thẩm-vấn và đệ trình, Chương-Lý lập cáo-trạng tường thuật sự-kiện, kể luôn trường-hợp gia-trọng và trường-hợp giảm-khinh, rồi chiếu-luật qui kết tội-trang. Những điều luật phải được hải ra.

b) — AN-LINH PHÒNG LUẬN-TỘI.

Phòng Luận-Tội xét hồ-sơ và cáo-trạng của Chương Lý. Sau khi đồng ý, Phòng Luận-Tội xuất án-lệnh chuyển tổng bị-cáo ra trước Tòa Đại-hình, đồng thời hạ trát câu-lưu bị-cáo. Án-lệnh này được tổng-đạt cho đương-sự một lượt với bản cáo-trạng của Chương-Lý để bị-cáo tìm phương chữa mình. Nếu nghi-phạm đang bị giam tạm tại đê-lao thì sĩ-quan tư-pháp phải đến tận khám-đường tổng-đạt và lập vi-băng hợp-pháp chớ không được phép chuyển giao cho Giám đốc đê-lao nhờ báo-thị theo thủ-tục hành-chánh. Sau đó, bị-cáo có thể được áp-giải đến một đê-lao khác, gần trụ sở Tòa Đại-hình nhất. Luật ngày 7-2-1935 định rằng bị-cáo nào được tại-ngoại hầu tra, cũng phải bị câu-lưu tại khám hai mươi bốn giờ trước ngày xử, trừ ra khi nào đương sự tự-động đến chịu giam.

c) — TÒA SƠ-THẨM ĐẠI-HÌNH.

Trước Tòa Sơ-thẩm xử về việc đại-hình, thủ-tục có điểm khác khi xử về tiểu-hình. Thành-phần Tòa gồm 1 Chánh-thẩm và 2 Thẩm-phán phụ-thẩm; ở nơi nào không đủ số Thẩm-phán thì Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp ra nghị-định bổ-nhiệm hai viên-chức hành chánh địa-phương ngồi ghế phụ-thẩm.

Sau khi hỏi lý-lich của các bị-can, Chánh-án truyền cho Lạc-sự đọc bản cáo-trạng, kể đó, Tòa hỏi nhân-chứng đã được đòi ra.

Sau đó, theo qui-tắc thông thường, dân-sự nguyên-cáo sẽ được Chánh-án trao lời trước.

Sau dân-sự nguyên-cáo, Biện-Lý sẽ đứng lên trình bày nội-vụ cho Tòa và buộc tội.

Sau cùng bị-can sẽ được tự mình hoặc nhờ luật-sư trình bày lý-do bào-chữa cho mình. Bị-can luôn luôn được nói lời nói cuối cùng.

Các Thẩm-phán Tòa Sơ-thẩm đại hình sẽ quyết định theo đa-số về tất cả các khoản liên-quan tới tội-trạng của bị-can, các trường-hợp tăng tội hay giảm tội, về việc áp-dụng hình phạt cùng là về các khoản bồi-thường thiệt-hại.

Sau khi tuyên án, trong trường-hợp bị-can bị hình phạt, Chánh-án phải cho y biết rằng y có 10 ngày để kháng-cáo.

đ) — TÒA THƯỢNG-THẨM ĐẠI-HÌNH.

Khởi đầu, 5 ngày trước phiên xử, Chánh-thẩm rút tên phụ-thẩm nhân-dân trong danh-sách 12 vị được chọn trong giới thân-hào nhân-sĩ cuối năm trước, trước sự hiện diện của công-tổ-viện, nguyên-cáo, bị cáo và luật-sư.

Sau khi có đủ số 2 phụ-thẩm thiệi-họ, Chánh-thẩm rút thêm tên hai phụ-thẩm dự-khuyết, để phòng ngừa sự thay thế bất ngờ. Muốn thay thế phụ-thẩm, Chánh-án phải tôn-trọng thứ tự khi rút thăm, bằng không án Tòa sẽ bị hủy. Công-tổ-viện và bị-cáo có quyền cáo-tị phụ-thẩm nhân-dân. Ông Chánh-thẩm nếu xét có lý-do chính đáng, thì ra định-lệnh quyết-định rằng vị phụ-thẩm dự-khuyết thứ nhất sẽ ngồi thay vị phụ-thẩm bị cáo-tị. Như vậy thành-phần Tòa Thượng-thẩm Đại-hình gồm 1 Chánh-thẩm, 2 Hội-thẩm phụ-thẩm và 2 phụ-thẩm nhân-dân.

đ) — THỦ-TỤC TẠI PHIÊN XỬ.

Đúng ngày giờ ghi trên trát đòi, bị-cáo thông thả đến Phòng xử, không bị còng tay. Từ khi bị-cáo không klúng ra trước Tòa thì cơ-quan công-lực phải áp tểg. Tiếng tuồng-hợp bị-cáo làm rối loạn trật-tự, Tòa vẫn tiếp-tục nhém hợp tại Phòng xử, nhưng bị cáo được giữ ở một căn phòng kế cận, rồi thừa-phát-lại lần hồi thông-báo cho đương-sự biết những giai-đoạn của cuộc tranh-luận (Luật ngày 9-9-1835).

Chánh-thẩm có quyền đặc-biệt mà các hội-thẩm không có ; trái lại toàn thể Tòa Đại-hình có năng-quyền của Tòa mà riêng Chánh-thẩm không thể có. Quả vậy, Chánh-thẩm giữ cho sự trật-tự trang-nghiêm được kính nề, điều-kiện cuộc tranh-luận và có toàn-quyền nghe nhân-chúng nào cũng được, dầu chúng có được trát đòi hợp lệ hay không, nhiều khi lại còn nhất-định khám-nghiệm trường-sở mà cả Tòa phải tuân theo.

Nhưng Chánh-án không phép tự-động truyền nhém phiên xử kín, hay xử phạt người nào phạm tội tại phiên xử. Hai quyết-định này phải là quyết-định chung của ban đại-hình.

Phụ-thẩm nhân-dân có bõn-phận theo dõi cuộc tranh biện mà không được trực-tiếp can-cứ, muốn hỏi điều chi cũng phải trình trước với Chánh-thẩm tùy-nghi phán hồi. Suốt phiên xử, phụ-thẩm nhân-dân không quyền liên lạc với bất cứ người nào ngoài Chánh-án và hai vị hội-thẩm, nếu bất tuân phải bị xử phạt (điều 344-HSTT). Hơn nữa, luật ngày 16-12-1933 bắt buộc các phụ-phẩm nhân-dân giữ bí mật, không những trong khi xử án mà lại suốt cả đời.

Tòa lần lượt nghe luật-sư nguyên-cáo, Chương-Lý buộc tội, luật-sư biện-hộ cho bị-cáo. Bao giờ trước Tòa Đại-hình, bị-cáo cũng được luật-sư biện-hộ ; nếu bị-cáo không nhờ luật-sư riêng thì Chương-lý yêu cầu thủ-lãnh hội-đồng trạng-sư đề cử một vị luật-sư biện-hộ thí. Cuộc tranh-biện kết-thúc với lời nói chót của bị-cáo xong ; Chánh-thẩm tuyên-bố chấm dứt (chiếu điều 335 HSTT) để Tòa lui vào phòng nghị-án.

e) — CHIẾU LUẬT HỘI BAN.

Không ai được rời khỏi phòng nghị-luận, và không một đệ-tam-nhân nào được phép bước chân vào phòng, kể luôn cả Chương-lý và Lục-sự. Người nào phạm-pháp sẽ bị giam 24 giờ (điều 344-HSTT).

Các nhân-viên ban đại-hình phải trả lời những câu hỏi của Chánh-án :

- về mỗi tội-trạng.
- về trường-hợp gia-trọng cho mỗi tội-trạng.
- về trường-hợp giảm khinh cho mỗi tội-trạng.

Nếu cuộc tranh-biện trước Tòa đem lại bằng-chứng về một " sự kiện mới " liên-hệ tới hành-động bị truy-tố và khả-di đối tội-danh của bị-cáo, thì Chánh-thẩm đặt thêm câu hỏi mới, ngõ hầu đối tội-danh cho đúng luật.

Nhưng Chánh-thẩm không để cập " tội trạng khác " tuyệt-vô-liên-hệ với tội-trạng đang xét-xử, mặc dầu cuộc tranh-luận phát-giác thêm tội mới, cũng như không thể xử phạt người nào không có tên trong án-lệnh Phòng Luận-Tội và bản cáo-trạng. Toàn-thể nhân-viên ban đại-hình trả lời bằng cách biểu-quyết theo đa-số.

Định xong tội trạng, Tòa cũng biểu-quyết hình phạt theo đa-số.

g) — TUYÊN-ÁN.

Tòa tái nhóm với sự hiện-diện của Chương-Lý và Lục-sự. Chánh-án đọc lại những câu vấn-đáp, rồi tuyên-án. Điều 358-HSTT. định rằng bị-cáo nào được tha bổng được phóng-thích lập tức, các thê-thức sẽ thi-hành sau. Chánh-thẩm báo cho phạm-nhân bị xử-phạt biết rằng thời hạn xin phá-án là 3 ngày.

Sau nhiều năm kinh-nghiệm thực-hành, nhà lập-pháp ắt cũng phải nhận thấy một trong những khuyết-điểm của tổ-chức Tòa Thượng-thẩm Đại-hình là không đặt nặng phần xét đoán của phụ-thẩm nhân-dân : ở Tòa Sơ-thẩm, không có phụ-thẩm nhân-dân, thì có nhân-chứng ra cung-khai, còn ở Tòa Thượng-thẩm có phụ-thẩm nhân-dân thì không có nhân-chứng, vì Tòa kháng-cáo theo nguyên-tắc chỉ xét-xử chiếu bút lục hồ-sơ do Tòa sơ-cấp chuyển đệ. Vốn không phải là thẩm-phán chuyên-nghiệp, phụ-thẩm nhân-dân cần thấy tận mắt và nghe tận tai các nhân-chứng thì mới có thể có một tâm-chứng về sự phạm-pháp.

2. TÒA-ÁN THIỂU-NHI

Thủ-tục xét-xử trước Tòa-án Thiểu-nhi khác thủ-tục thường. Những thủ-tục quả-tang hay trực-tố chỉ áp-dụng như biệt-lệ nếu xét có lợi cho bị-can. Còn ngoài ra, bao giờ cũng phải có cuộc thẩm-cứu sơ-khởi.

Mỗi thiểu-nhi phải xử riêng, can-phạm các vụ khác cũng như các người không liên-hệ đều không được có mặt trong phiên xử. Chỉ được dự phiên Tòa các nhân-chứng, thân-thuộc của đứa trẻ, luật-sư, đại-diện các cơ-quan to về thiểu-nhi và những người Tòa xét cần phải có mặt. Tòa-án Thiểu-nhi tuyên-án trong phiên nhóm công-khai.

Không ai được tường-thuyết cuộc tranh-luận trước Tòa-án Thiểu-nhi hoặc đăng hình hay tên của bị-can dù là chữ viết tắt.

3. — TÒA-ÁN QUÂN-SỰ THƯỜNG

Công-tờ-quân do Tổng Trưởng Quốc-Phòng phát-động bằng một khai-tố-lệnh hoặc một trực-tố-lệnh truyền đưa bị can ra xử thẳng trước Tòa-án mà không cần phải thẩm-cứu. Các văn-kiện truy tố đó được gởi cùng hồ-sơ cho Ủy-viên Chánh-Phủ Tòa-án quân-sự có thẩm-quyền đề thi-hành.

Nhận được khai-tố-lệnh Ủy-viên Chánh-phủ chuyển giao hồ-sơ ngay cho Dự-thẩm quân-sự kèm theo luận-trạng của mình. Dự-thẩm đòi bị-cáo đến hỏi cung, lấy lời khai của nhân-chứng và sử-dụng nhiều phương-tiện khác (như tịch-thâu, giám-định) để tìm kiếm sự thực. Nếu không đủ bằng cứ phạm tội, Dự-thẩm ra án-lệnh miễn-tố. Trường-hợp trái lại, Dự-thẩm ra án-lệnh truyền đưa bị-can ra trước Tòa xét-xử.

Các phiên xử của Tòa-án Quân-sự đều công-khai, ngoại-trừ trường-hợp Tòa tuyên bố xử kín, nếu xét thấy xử công-khai có hại cho trật-tự công-cộng.

Tòa-án Quân-sự xử chung-thâm, nghĩa là không có sự kháng-cáo lên Tòa Thượng-Thẩm nhưng có thể thượng-tố lên Tòa Phá Án. Tòa Phá-Án chỉ xét lại vụ án về điểm pháp-lý mà không xét về nội-dung. Nếu đơn thượng-tố được Tòa Phá-Án chấp-nhận, thời bản-án của Tòa-án Quân-sự bị thủ-tiêu, nội-vụ sẽ đưa ra Tòa nguyên-thẩm xử lại với một thành-phần khác.

4. — TÒA-ÁN QUÂN-SỰ TẠI MẶT-TRẬN

Tòa-án Quân sự tại Mặt-trận được tổ-chức do SL. 11/62 ngày 21-5-1962.

Tòa-án Quân-sự tại Mặt-trận có thẩm-quyền xét-xử các tội-phạm sau đây do bị-can phạm quả-tang trong suốt thời-gian có tình-trạng khẩn-cấp tại lãnh-thổ vùng chiến-thuật :

— Đối với quân-nhân và địa-phương-quân (Bảo-an) : tất cả mọi tội phạm dự-liệu trong Bộ Quân-luật và các luật-lệ hiện-hành.

— Đối với thường-dân : các tội xâm-phạm an-ninh quốc-gia và các tội mà Bộ Quân-luật đã minh-định rằng can-phạm thường-dân cũng thuộc thẩm-quyền Tòa-án Quân-sự.

Tổng-số Tòa-án Quân-sự tại Mặt-trận tùy theo nhu-cầu.

Các can-phạm bị truyền đưa ra xét-xử thẳng trước Tòa không cần thẩm-vấn sơ-khởi mặc dầu việc phạm-pháp có thể đưa đến hình phạt tử-hình.

Sự tổng-dạt trái đòi bị-can ra trước Tòa này không cần tuân theo một thời-hạn nào. Ủy-Viên Chính-Phủ có thể chỉ-định người biện-hộ cho bị-can ngoài danh-sách các luật-sư. Các bản-án của Tòa-án Quân-sự tại Mặt-trận đều chung-thâm. Mọi phương-chức kháng-án hay phá-án không áp-dụng.

Sắc-luật số 4/65 ngày 19-7-1965 của Chính-Phủ Quân-sự đưa ra Tòa-án tại Mặt-trận những vụ phạm kinh-tế, bán quá giá, chuyển ngân phi pháp, nhập-cảng lậu để bảo-vệ kinh-tế quốc-gia, cũng như những vụ hối-lộ, biển-thủ công-quỹ để thanh-loc hàng ngũ nhân-viên chính-quyền, và những vụ phá rối trị-an, và nhất những vụ côn-đồ tấn-công cảnh-sát, để bảo-vệ trật-tự công-cộng.

Đúng ra Sắc-luật này không thiết lập 1 cơ-quan tài-phán đặc-biệt, mà chỉ giao cho Tòa-án Quân-sự tại Mặt-trận quyền xét xử một số phạm-pháp nguy-hiểm cho sự tồn-vong của Tổ-quốc trong tình-trạng chiến tranh.

5.— TÒA-ÁN CÁCH-MẠNG

Sau cuộc Cách-mạng ngày 1-11-1963, Chính-phủ Cách-mạng đã ban-hành Sắc-luật số 4/64 ngày 28-2-1964 thiết-lập Tòa-án Cách-mạng với thành-phần đặc-biệt gồm 1 Chánh-thẩm dân-sự, 4 phụ thẩm nhân-dân và 4 sĩ-quan phụ-thẩm, một Chương-Lý do Thủ-Tướng chỉ-định, để xét xử những tội ác gây ra trong khoảng thời gian từ 26-10-1955 đến 1963, bởi những cán-bộ mật-vụ, kinh-tài, những viên-chức cao-cấp cùng nhân-vật quan-trọng dưới chế-độ Ngô-đình-Diệm ; tuy nhiên Tòa-án Cách-Mạng xét-xử theo thủ-tục thường, phán-quyết chung-thâm và chỉ hoạt-động trong thời gian ngắn ngủi là 3 tháng sau ngày ban-hành.

6.— TÒA-ÁN ĐẶC-BIỆT

Cuối cùng, Chính-Phủ Quân-sự phải thiết-lập một Tòa-án Đặc-biệt do Sắc-luật số 3/66 ngày 15-2-1966 để xét-xử những vụ đầu-cơ và tăng giá hàng-hóa quá mức luật định, vi-phạm quan-thuế, hối lộ, biển-thủ công-quỹ vì những loại tội-phạm này càng ngày càng nhiều, làm giảm tiềm-lực tranh-đấu của quốc-gia.

Thủ-tục trước Tòa-án Đặc-biệt là thủ-tục áp-dụng trước Tòa-án Quân-sự tại Mặt-trận.

KẾT-LUẬN

TRIỂN-VỌNG Ở TƯƠNG-LAI

Hiến-Pháp ngày 1 - 4 - 1967 của Việt-Nam Cộng-Hòa nhằm bảo-vệ quyền-lợi của bị-cáo hơn nữa, khi cho phép Luật-sư được hỗ-trợ thân-chủ từ lúc lấy lời khai tại cảnh-sát-cuộc. Mặc dầu luật tố-tụng hiện-hành bắt buộc thẩm-phán soát lại mọi hành-vi điều-tra của cảnh-sát, tân Hiến-Pháp còn thêm bảo-đảm cho bị-cáo ngay ở giai-đoạn điều-tra sơ-khởi của cảnh-sát, và như vậy đã thực-hiện một cuộc cách-mạng luật-pháp quan-trọng, trên lãnh-vực bảo-vệ nhân-quyền.

Sáng-kiến này tỏ ra vô cùng hữu-ích để bảo-đảm công-lý trước những cơ-quan tài-phán đặc-biệt nào thiết-lập để ứng-phó với tình-trạng chiến-tranh, mà thủ-tục được giản-dị-hóa để khỏi làm mất thời-gian-tính, là Tòa xét-xử theo vi-bằng điều-tra sơ-khởi những vụ phạm-pháp mà không qua giai-đoạn thẩm-cứu của Dự-thâm, như thường-luật.

Hiện tại, số cơ-quan tài-phán đặc-biệt này cũng không nhiều, mặc dầu Việt-Nam đang chiến-tranh với Cộng-sản, và cần bảo-đảm an-ninh trật-tự đến mức tối-đa.

Kết-luận, trên phương-diện điều-hành công-lý nói chung, Hiến-Pháp ngày 1-4-1967 khi nhìn nhận quyền của bị-can được Luật-sư dự-kiến trong mọi cuộc điều-tra sơ-khởi, đã thêm một bảo-đảm cho nhân-quyền trước guồng máy trừng-trị. Tuy nhiên, về mặt hình-sự tố-tụng, công việc còn phải làm là nghiên-cứu sự dung-nhập thủ-tục mới trong hệ-thống luật hiện hành, sao cho khỏi trùng-dụng hay mâu-thuẫn làm gây đố sự điều-hợp tự-do con người với quyền-lợi xã-hội, gia-đĩ là tiên-đề của tam-đoạn-luận trong mọi chính-sách trừng-phạt tội-ác.

Quả vậy, theo hệ-thống luật hiện-hành, mọi vụ án phải qua 2 lần thăm-vấn dự bị là Dự-thẩm và Phòng Luận-Tội (nếu có kháng-cáo hành-vi thăm-vấn của Dự-thẩm) rồi qua 2 lần xét xử là Tòa Sơ-Thẩm và Tòa Thượng-Thẩm.

Ở giai-đoạn điều-tra sơ-khởi, Cảnh-sát chỉ có phận-sự thu thập tài-liệu về sự phạm-pháp, mà thăm-phán có quyền tin hay không tin.

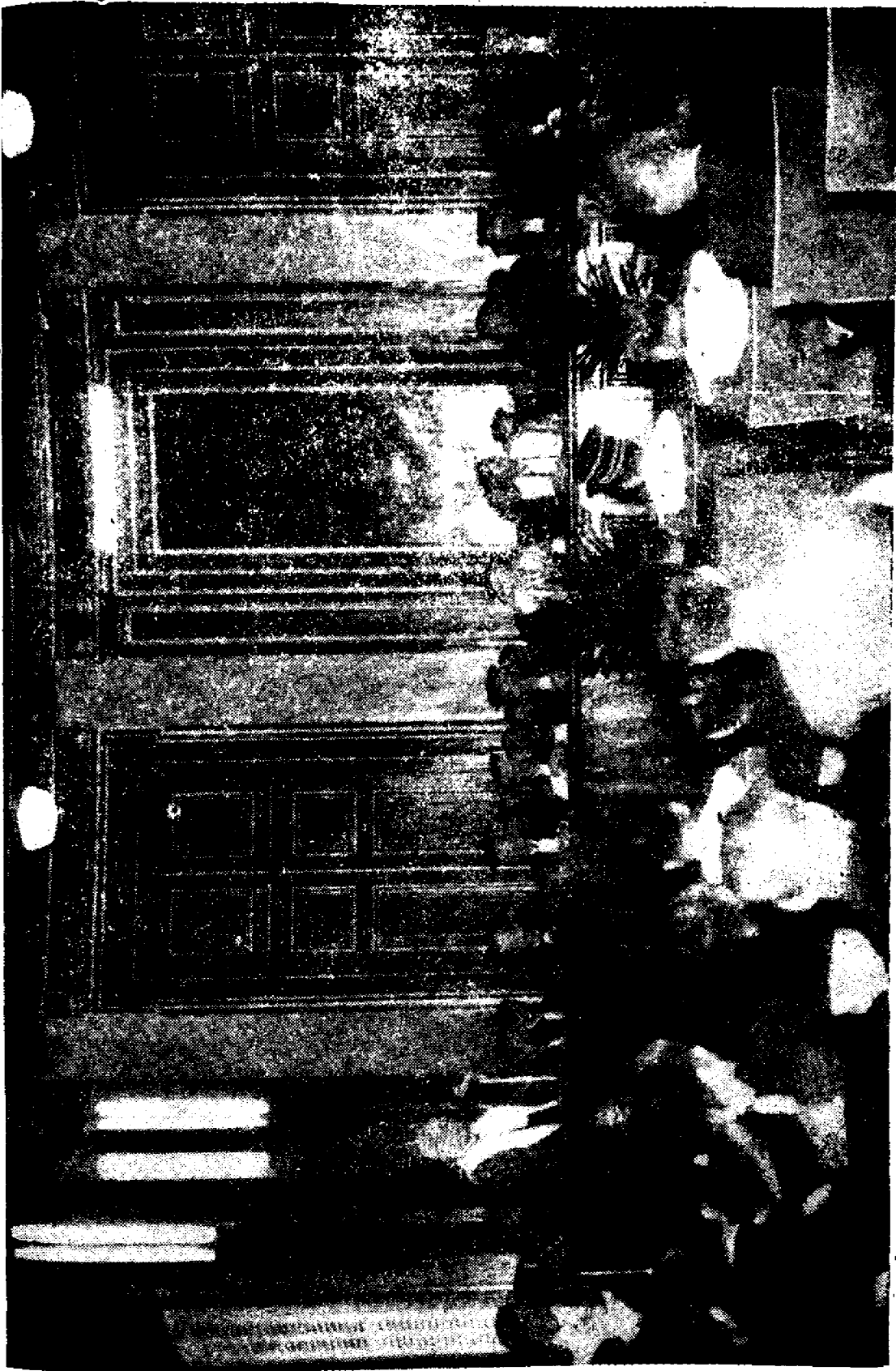
Trái lại, trong tổ-chức hình-vụ không có Dự-thẩm và Phòng Luận-Tội, thì Cảnh-sát làm phận-sự của Dự-thẩm và lập vi-băng đưa ngay ra tòa xét ; do đó, sự kiểm-soát của Biện-lý và hỗ-trợ của Luật-sư ngay ở giai-đoạn điều-tra Cảnh-sát là điều-kiện cần-thiết để bảo-đảm công-lý.

Nay chấp-nhận thủ-tục này thì hai giải-pháp được đặt ra : một là bãi bỏ vai trò của Dự-thẩm và Phòng Luận-Tội ; hai là giữ nguyên hai định-chế này ; mà giữ nguyên hai cơ-quan thăm-vấn này là đặt cho mỗi vụ án 3 lần thăm-vấn, ngoài ra còn phải nâng giá-trị của hành-vi điều-tra của Cảnh-sít lên ngang hàng với hành-vi thăm-vấn của Dự-thẩm. Sự điều-hành công-lý về hình-sự có thể bị đình-trệ trái với nguyên-tắc « Justice delayed is justice denied » (công-lý trễ-nài, tức là không có công-lý) vị-tất đã là điều mong ước của nhà lập-hiến ?

Cũng theo đà tiến-triển này, cần duyệt lại vấn-đề tư-pháp bảo-trợ, sao cho sự hỗ-trợ của luật-sư không chỉ là nguyên-tắc suông, mà là một thực-tế như Hiến-Pháp đã ghi rõ nơi điều 7 đ. 6 : « Bị-can có quyền được luật-sư biện-hộ. »

Muốn được vậy, luật-sư-đoàn cần tổ-chức thế nào cho có ít nhất 1 Luật-sư ở cạnh mỗi Tòa-án, và trang-bị một tinh-thần cách-mạng là sốt-sắng chàm lo quyền-lợi của mỗi bị-cáo nhờ tới tư-pháp bảo-trợ với đầy đủ sự tận-tâm chức-nghệp.





PHIÊN TÒA LONG-TRỌNG CỦA TÒA THƯỢNG-THẨM SAIGON
NHẬN LỜI TUYÊN-THỆ NHẬM-CHỨC CỦA Ô. CHƯỜNG-LÝ LƯU-ĐÌNH-VIỆP

CHƯƠNG VIII

DÂN-SỰ TỔ-TỤNG

PHẦN THỨ NHỨT

NGUỒN GỐC LUẬT TỔ-TỤNG

I. — VỀ MẶT DÂN-SỰ :

Việt-Nam có tất cả bốn bộ luật dân-sự tổ-tụng đến nay vẫn chưa được thống nhất thành một bộ luật duy nhất : Bộ Dân-luật tổ-tụng Bắc-tan-hành năm 1917, bộ Hộ-sự Thuong-sự tổ-tụng Trung-Việt năm 1942, Nghị-định 16.3.1910 áp-dụng tại Nam-Phần và bộ Dân-sự tổ-tụng của Pháp ban hành năm 1807 được áp dụng trước các Tòa-án Pháp cũ tại Việt-Nam, một phần còn được các cơ-quan tài-phán của ta viên-dẫn như thành-văn lý-tính để bổ-túc các vấn-đề thủ-tục khiếm-khuyết. Chính cũng vì sự thiếu sót rầy rà mà một đôi khi các Thẩm-phán còn phải tham-chiếu lại Sắc-lệnh tổ-chức tư-pháp trước ngày độc-lập, tức Sắc-lệnh 19.5.1919 và 16.2.1921.

Bản văn có thể coi như nguồn gốc chính yếu về luật tổ-tụng là Dự số 4 ngày 18.10.1949 tổ-chức tổng-quát nền Tư-pháp Việt-Nam Ngoài ra, còn có Dự số 5 ngày 18.10.1949 tổ-chức Tối-Cao Pháp-Viện trong đó có Ban Tư-pháp được thay thế bằng Tòa Phá-Án do Dự số 27 ngày 2.9.1954, và Ban Hành-Chánh được thay thế bằng Tham-Chính-Viện do Dự số 38 ngày 9.11.1954; cũng phải kể thêm Nghị-định ngày 7.3.1924 thiết-lập các Tòa Hòa-Giải Đông-duơng đến nay vẫn còn được áp-dụng. Dự số 2 ngày 5.1.1950 sửa đổi bởi Dự số 36 ngày 8.11.1954 thiết-lập và tổ-chức Tòa-Án Hành-Chánh. Dự số 22 ngày 15.11.1952 thiết-lập và tổ-chức các Tòa-Án Cấp-Dương. Dự số 27 ngày 22.10.1956 và Sắc-lệnh ngày 27.11.1957 thiết-lập và tổ-chức Toà-án Điền-Địa, Dự số 4 ngày 2.4.53 thiết-lập Toà-án Nhà Phố, Dự số 15 ngày 8.7.1952 thiết-lập và tổ-chức Toà-án Lao-Động. Sau cùng, còn có các bản văn ấn-định quy-chế các ngạch thuộc Bộ Tư-Pháp như Thẩm-phán, Chương-khế, Lục-sự và quy-chế các nghề liên-quan đến tư-pháp như Luật-sư, Thừa-phát-lại, Hồ-giá-viên v.v. . .

A) *Bộ Luật Hộ-Sự, Thương-Sự Tố-Tụng* : cùng với các Bộ Trung-kỳ Pháp-Viên Bên-Cliê, Hình Sự Tố-Tụng và Luật Thương-Mại, được ban-lành cho Trung-Phần (trừ Đà-răng Lôi đó còn là nhượng-địa của Pháp) do Dự số 46 ngày 12-6-1942 nhưng đến ngày 25-6-1944 mới bắt đầu áp-dụng. Toàn thể gồm 11 chương, 351 điều, phần nhiều là những định-lê miêu tả, vạch sẵn tỉ mỉ những lẽ-lối phải theo như trong một thông-tư hành-chánh, chớ ít có những điều-khoản chính-xác định-thức một nguyên-tắc pháp lý tổng quát.

Luật soạn cho các Tòa-án thuộc Nam-Triều, nhưng theo điều 106 Dự số 4 tổ-chức trên tư-pháp mới, Bộ Hộ-Sự Thương-Sự Tố Tụng vẫn được tạm thời giữ lại cho đến khi nào thống nhất luật-pháp trong toàn cõi Việt-Nam, trừ những điều-khoản nào trái với tổ-chức chính-trị, hành-chánh và tư-pháp hiện thời. Như vậy tiết 3 chương VII của Bộ H.S.T.S.T.T. nói về thể-lệ riêng khi Quan Thượng-Thư Bộ Tư-Pháp đứng kiện và tiết 4 nói về Phủ Tôn-Nhon và Bộ Lễ Công hội duyệt-án phải coi như bị luỵ bỏ. Và những điều luật đề cập đến quyền-tận các Chánh-Phủ Nam-Triều, Bắc-Hộ (như điều 118) hoặc Nhậm-Sự Đại-Trần (như điều 78) cũng không còn hiệu-lực.

B) *Nghị-định ngày 16.3.1910* — Tại Nam-Phần, Hà-Nội, Hải-Phòng và Đà-nẵng, trước năm 1945 chỉ có các Tòa-án Pháp được tổ chức theo 2 Sắc-lệnh 1919 và 1921 nói trên. Các cơ-quan tài-phán này xét xử kiểu-dân Pháp và những người Âu-hoa lẫn dân bản xứ và các người đồng-hoa với dân-tộc Á-châu nên đã dùng tới 2 Bộ Tố-Tụng : Bộ Dân-Sự Tố - Tụng Pháp năm 1807 ban-hành tại Việt-Nam cho hạng người thứ nhất và Nghị-định 16.3.1910 ấn-định một thủ-tục giản-đơn áp-dụng khi Tòa xử các việc hộ bản xứ.

Kể từ ngày 16.9.1954 ký-kết Hiệp-Định thâu hồi hoàn toàn chủ-quyền tư-pháp, Việt-Nam chỉ còn duy-trì Nghị-định 16.3.1910 như Luật Tố-Tụng duy nhất áp-dụng cho tất cả mọi tụng-nhân có việc kiện thưa trước Tòa án quốc-gia, bất kể quốc-tịch nào.

II. — VỀ MẶT HÀNH-CHÁNH.

Trước thời Pháp-thuộc tại Việt-Nam không có Tòa-án Hành chánh nào cả ; mọi quyền.hành đều tập-trung trong tay nhà Vua, các quan-lại thay mặt Vua đề cai-trị, dân chỉ chịu trách-nhiệm trước Vua mà thôi.

Trong thời Pháp-thuộc cũng không có Tòa-án nào có quyền chế-tài các hành-vi hành-chánh của Hoàng-Đế Việt-Nam hoặc của các quan-chức thống - thuộc Hoàng-triều

Nếu có một hệ-thống tài-phán hành-chánh ở Đông-Dương gồm Tham-Chính-Viên Pháp và Hội-Đồng Tài-Phán Hành-Chánh Đông-Dương do Pháp thiết-lập, thì

hệ-thống cũng chỉ có thẩm quyền chế-tài các hành-vi hành-chánh của các cơ-quan Pháp mà thôi, còn các Quyền-định của các nhà chức-trách ở Bắc và Trung-Phần, lệ-thuộc Hoàng-Đế, cũng đều bị chế-trích. Và nguyên-tắc trách-nhiệm hành-chánh của quốc-gia Việt-Nam cũng không được công-nhận. Hơn nữa, cũng không thể kháng-tố đối với các hành-vi của các công-chức Pháp hành-động với tư-cách là đại-diện của Hoàng-Đế Việt-Nam.

Từ năm 1950, một hệ-thống tài-phán hành-chánh quốc-gia đã được thiết-lập để xét xử những vụ tranh-tụng hành-chánh : Toà-án Hành-Chánh Việt-Nam thiết-lập do Dự số 2 ngày 5.11.1950 và Ban Hành-Chánh Tối-Cao Pháp-Viện thiết-lập do Dự số 5 ngày 15.10.1954, sau đó được cải sửa thành Tham-Chánh-Viện do Dự số 38 ngày 9.11.1954. Ngoài ra còn có một pháp-định quan-trọng có tánh-cách của một Toà Đạc-Thẩm Hành-Chánh là Toà Cấp-Đỡng, thiết-lập do Dự số 22 ngày 15.11.1952.

X

X X

PHẦN THỨ HAI

THẨM-QUYỀN CỦA CÁC CƠ-QUAN TÀI-PHÁN

I. — THẨM QUYỀN CỦA CÁC CƠ-QUAN TÀI-PHÁN TƯ-PHÁP.

A) THẨM-QUYỀN PHÓ-DỮ CÁC TÒA-ÁN CẤP NHẤT.

Các Toà-án cấp nhất là Toà được thụ-ly đầu tiên trước khi nội vụ bị chống án lên Toà cấp trên để phúc-xử lại lần thứ nhì theo nguyên-tắc lưỡng-cấp tài-phán.

Theo thường-lệ thì Toà Sơ-Thẩm được thụ-ly lần thứ nhất, nhưng cũng có thể ở Toà Hoà-Giải hay Toà Lao-động.

Một ý-kiến chủ chốt cần được nhấn mạnh là Toà Sơ-Thẩm dân-sự và Toà Hoà-Giải Rộng-Quyền là Toà thường-tụng xử tất cả các vụ tranh-tụng trước tiên với tư-cách Toà cấp nhất, trừ những việc mà luật-pháp minh-thị phó-dữ thẩm quyền cho một toà-án khác ; Toà này được gọi là Toà Đạc-Thẩm. Trong số Toà Đạc-Thẩm, nên kể Toà Thương-Mại, Toà Cấp-Thẩm, Toà Nhà Phố, Toà Điện-Địa, Toà Lao-Động, Toà Hoà-Giải.

I. — Tòa Sơ-Thẩm và Hòa-Giải Rộng-Quyền.

Thẩm-quyền phó-dữ các Tòa này được ấn-định bằng hai tiêu-chuẩn : giá-ngạch thẩm-quyền và bản-chất vụ kiện.

1- Về giá-ngạch :

a) Tại Trung-Phần, Tòa Sơ-thẩm và Hòa-Giải Rộng-Quyền xử chung-thầm các việc tranh-động-sản, hoặc đối với người, việc thương-sự, việc đòi hoàn tiền hay bồi-thường với giá-ngạch trên 500\$ nhưng dưới 1500\$, về bất-động-sản theo giá-ngạch lợi-tức đồng-niên không quá 150\$; xử sơ-thẩm các việc trên đây với giá-ngạch 1300\$ hoặc huê-lợi quá 150\$ và các việc tranh-tranh không định rõ được là bao nhiêu, cùng các việc công-sản, nhân-thể, căn-cước, thừa tự, hoặc khánh-tận.

b) Ở Nam-Phần, Tòa xử sơ-thẩm và chung-thầm các tố-quyền đối-nhân và động-sản đến mức 750\$ hay 750 gạ lúa (mỗi gạ trọng lượng độ 20 kí-lô), các tố-quyền bất-động-sản lợi-tức đồng-niên 40 gạ lúa hay 30\$ mỗi năm ; xử sơ-thẩm tất cả vụ nói trên mà giá-ngạch quá các số bạc hay lúa vừa định hay không thề định giá-ngạch được.

2- / Về bản-chất vụ kiện : các Tòa Sơ-thẩm và Hòa-Giải Rộng-quyền có đặc-quyền toàn-thẩm, nghĩa là có thẩm-quyền xử tất cả các vụ tranh-tụng mà luật-pháp không minh-bạch dành riêng thẩm-quyền cho các Tòa Đặc-Thẩm, Hậu-quả là đối với các việc đáng lẽ phải đưa các Tòa Đặc Biệt mà Tòa thường-tụng lại thụ-lý, thì Tòa này chỉ có một thẩm-quyền phụ-lý, nghĩa là các đương-sự có thể thỏa-hiệp để Tòa xét xử, hoặc nếu không đồng-tình trước mà một bên nại ra vô thẩm-quyền thì phải nêu vấn đề ra ngay ngưỡng cửa vụ tranh-tụng trước khi kết-luận về nội-dung.

Ngoài thẩm-quyền tổng-quát vừa nói, Tòa Sơ-Thẩm và Hòa-Giải Rộng-Quyền còn có đặc-quyền xét xử những vụ tranh-tụng dân-sự sau đây :

a) Các việc kiện thuộc về quyền sở-hữu bất-động-sản bất-cứ giá-ngạch bao nhiêu.

Quyền này bị suy-giảm nhiều từ ngày có Dự-số 57 ngày 22-10-1956 và SL, ngày 27-11-1957 dành cho các Tòa-á-Điền-Địa xử các việc ruộng đất khi thi-hành hay nhân khi thi-hành chánh-sách cải-cách điền-địa.

b) Các vụ tranh-tụng liên-quan đến thân-trạng và năng-lực, như hôn-thú, tử-hệ và quốc-tịch.

c) Tranh-trọng về giáo-tự (điều 93-101 Nghị-Định 1910, điều 195-203 H.S.T.S.T.T.) và đăng-cáo giá-nạp (điều 101-110 Nghị-Định 1910, điều 204-209 H.S.T.S.T.T.).

d) Tranh-tụng về quyền sở-hữu bằng sáng-chế (điều 24 Luật số 12/57 ngày 1-8-1957).

e) Các vụ kiện hộ liên-quan đến thuế Trước-Bạ và thuế Gián-Thâu (Nghị-Định 6-11-1929 về Trước-Bạ ; điều 202 Nghị-Định 1-5-1940 về thuế Gián-Thâu).

f) Các sự khó-khăn vì thi-hành án-văn kể cả án-văn của Tòa Đặc-Thẩm.

g) Các vụ tai-nạn Lao-Động (Nghị-dinh 31-1-1944 và điều 248 Bộ Luật Lao-Động), nhưng Tòa Sơ-Thẩm chỉ xét đơn xin bồi-thường nếu có bất-năng-lực vĩnh-viễn của nạn-nhân (còn về tiền chôn cất phụ-cấp hằng ngày, bác-sĩ, thuốc men thì do Thẩm-Phán hòa-giải nơi xảy ra tai-nạn).

h) Sau hết, Tòa Sơ-Thẩm có thẩm-quyền chuyên hữu cho lệnh chuẩn-hành các bản-án ngoại-quốc xin chấp-hành tại Việt-Nam.

Ngoài ra, không nên quên quyền tài-phần phi-tặng của Tòa Sơ-Thẩm Dân-sự và Hoà-Giải Rộng-Quyền; quyền này thường lệ được hình-sử trong phòng Thẩm-nghi, công-chúng không được tới dự-thính.

Luật thuần-tuý Việt-Nam không tổ-chức Toà-án Thương-mại mặc dầu ta có một Bộ Luật Thương-mãi ban-hành tại Trung-Phần do Dự số 46 ngày 12.6.1942.

Ngay hồi còn Toà-án Pháp, ngoại trừ Hi-Nộ, Hi-Phần, và Sngon các Toà Dân-sự Sơ-Tầm hoặc Hoà-Giải Rộng-Quyền các tỉnh xử cả việc thương-mại.

Dự số 4 ngày 18.10.1919 không đi động gì đến vấn-đề tổ-chức Toà Thương-Mãi và luật-lệ áp-dụng trước Toà này.

Cho nên ở Trung-Phần, tình-trạng không thay đổi nghĩa là không có Toà Thương-Mãi riêng, Toà Sơ-Thẩm và Hoà-Giải Rộng-Quyền xử cả việc thương-mãi, theo Bộ Luật Thương-mãi ban-hành năm 1912. Ở Nam-Phần cũng vậy, nhưng luật-lệ được áp-dụng là các bản-vấn nói trong điều 122 Sắc-lệnh 1921 nói trên, phối-hợp với Nghị-lệnh 16.3.1919 nếu không trái với tổ-chức tư-pháp do Dự số 4 đặt nền tảng.

Trên nguyên-tắc, Toà Thương-Mãi có thẩm-quyền xét xử các vụ tranh-tụng giữa các thương-gia hoặc liên-quan đến các hành-vi thương-mại của mọi người, hành-vi này có thể do bản-chất hoặc do thuyết gia-phu. Nếu có một hành-vi hỗn-tạp giữa thương-gia và thường-nhân thì nội vụ được đưa ra Toà Dân-sự thường-tụng hay Toà Thương-Mại tùy theo tư-cách của bị-đơn. Toà Thương-Mại còn có thẩm-quyền xét xử những vụ kiện xảy ra giữa hội-viên một hội buôn, và những vụ khánh-tận.

Những định-lệ thẩm-quyền phó đư vừa kể chỉ có giá-trị phần nào đối với các Toà-án ở Nam-Phần, vì Toà-án thụ-lý như ở Sngon chỉ là một phòng của Toà Dân-sự, còn ở các tỉnh nhỏ tất cả các vụ dân-sự và thương-sự đều được gọi ra một phiên Toà Hộ, nên khi đem làm đơn khởi-tổ vào Toà Dân-sự thay vì Toà Thương-Mại, hay ngược lại, không phải vì vậy mà có sự vô thẩm-quyền.

2. - Chánh-Án Tòa Sơ-Thẩm hay Hòa-Giải Rộng-Quyền.

Chánh-Án Tòa Sơ-Thẩm hay Hòa-Giải Rộng-Quyền có một địa-vị đặc-biệt và

những quyền-hạn vừa rộng-rãi vừa phức-tạp, làm vị Thẩm-Phán đó một mình đã là cả một cơ-quan tài-phán, khác biệt và độc-lập với Tòa Sơ-Thẩm mà Chánh-Án chỉ là một đơn-vị.

Chánh-Án có hai quyền-hạn chính : tuyên xử các quyết-định cấp-thẩm và ban các án lệnh phê-đơn.

Điều 249 Nghị-định 16-3-1910 đặt ra một nguyên-tắc tổng quát cho phép các Thẩm-Phán ra các án- lệnh phê-đơn mỗi khi phải quyết-định tức khắc nhưng không thích-hợp với thủ-tục cấp-thẩm.

Luật Tố-Tụng Trung-Phần không có một điều-khoản chung như điều 249 nói trên, nhưng dự-liệu rất nhiều trường-hợp lẽ lẽ phải quyết-định như vậy Sau đây là những thí-dụ thường gặp nhất :

- án-lệnh dạy sửa chữa những sự lẫn lộn vật chất trong giấy tờ hộ-tịch,
- án-lệnh cho phép chủ nợ tịch-biên tạm thời động-sản của con nợ,
- án-lệnh cho phép tiên-chú đơn khởi-tố về chánh-vụ,
- án-lệnh cho phép nhờ thừa-phát-lại lập biên-bản kiểm-chứng sự phạm-gian.

3. — Tòa Cấp-Thẩm.

Tòa này do một mình Ông Chánh-Án hoặc một vị Thẩm-Phán Tòa Sơ-Thẩm hay Hòa-Giải Rộng-Quyền thay thế chủ-tọa được tổ-chức sơ-lược trong điều 175, 245, 248 Nghị-định ngày 16-3-1910. Bộ D.S.T.S.T.T. Trung và Dự số 4 ngày 18-10-1949 đều không đề-cập đến.

Thủ-tục cấp-thẩm có mục-đích đưa ra xét xử tạm-thời và mau chóng những sự khó khăn trong các vụ cấp-bách hay khó khăn vì những động-tác thi-hành.

a) Trường-hợp khẩn-cấp là trường-hợp thông-thường nhất Nhưng khẩn-cấp là một vấn-đề sự-kiện, Tòa-án có toàn-quyền xét-định, chứ không theo quan-niệm riêng của một trong hai bên đi kiện.

Tòa Khẩn-Cấp chỉ có thẩm-quyền quyết-định nếu phương-sách ban-bố không làm thiệt hại đến chánh-vụ, nghĩa là phán-quyết chỉ ban ra tạm-thời, không được phạm vào nội-dung quyền-lợi. Những điều thỉnh-cầu chính phải thuộc thẩm-quyền Tòa Sơ-Thẩm Dân-sự Nếu có sự tranh nại quan-trọng, Tòa Khẩn-Cấp cũng vô thẩm-quyền.

b) Về trường-hợp thi-hành khó khăn, nếu sự khó khăn liên-quan đến một chứng-khoản chấp-hành hay một bản án-văn thì án-lệ không bắt buộc phải có sự khẩn cấp.

Trường-lệ trong tất cả các vụ cấp-phối án-lệnh phê-đơn. Chánh-Án đều

dự-phòng trước các sự khó khăn thi-hành và ghi trong án-lệnh " Nghị rằng trong trường-hợp khó khăn, Tòa sẽ xét cấp-thẩm ».

Trong lúc thi-hành một bản-án cũng vậy, Thừa-phát-lại gặp khó khăn phải tới trước Thẩm-Phán cấp-thẩm để xin lệnh mới. Tòa Khẩn-Cấp thường căn cứ vào biên-bản ghi những sự khó-khẩn đã vấp phải mà quyết-định, nên trường-hợp này còn được gọi là cấp-thẩm trên vi-bảng.

4 - Tòa Nhà Phố

Tòa Nhà Phố do Chánh-An Sơ-Thẩm, Hòa-Giải Rộng-Quyền hay một Thẩm-Phán được ủy-nhiệm phụ-trách riêng làm Chánh-Thẩm xét xử một mình không có đại diện Công-Tổ.

Dù là nhà ở, thủ-công, nghề-nghiệp, hay nhà để buôn bán, Tòa có thẩm-quyền vẫn là nơi có bất-động-sản tọa-lạc.

a) Về các nhà ở, Tòa Nhà Phố chỉ có thẩm-quyền về các nhà xây cất trước ngày 1-7-1947 và đối với một số người (Việt-Nam, Pháp-kiều và Kiêu-dân Liên-hiệp Pháp).

Dự số 4 ngày 2-4-1953 có dự liệu mấy trường-hợp chủ nhà lấy lại bất-động-sản để ở, để xây cất lại hoặc nói rộng thêm, nhưng quyền đòi nhà cũng còn tùy thuộc vào nhiều điều-kiện khá khó-khẩn

b) Về các nhà buôn bán, luật-pháp khoan-hồng hơn đối với chủ phố cho phép tăng tiền thêm, cho phép đòi nhà, nhưng với những điều-kiện và thủ-tục nhất-định để không gây thiệt-thòi cho người thuê.

Một vấn-đề đáng chú-trọng nhất trong pháp-chế nhà phố là phân-biệt xem bất-động-sản thuộc loại nhà buôn bán (lấy lại được), hay dùng để ở, dùng làm thủ-công-nghề (người thuê được quyền lưu-cư) án-lệ lấy khái-niệm ưu-thế của sự dụng-dịch làm tiêu-chuẩn.

5. - Tòa Điền-Địa

Tòa này đặt dưới quyền của hai Bộ Tư-Pháp và Canh-Nông để xét xử những vụ vi-phạm và tranh tụng liên-quan đến việc cải-cách điền-địa và nhân khi thi-hành chánh-sách cải-cách điền-địa.

Theo văn-từ của luật-lệ ấn-định thẩm-quyền thì Tòa Đặc-Thẩm này có quyền hạn khá rộng-rãi. Tuy-nhiên ta không nên quên nguyên-tắc chính-yếu là Tòa Sơ-thẩm Dân-sự vẫn còn đặc-quyền chuyên-hữu xét xử các vụ bất-động-sản : vậy nếu tính-cách cải-cách ruộng đất không được nêu ra thì vụ tranh-tụng vẫn thuộc thẩm-quyền Tòa thường-tụng.

Hiện nay mới thiết-lập có bốn Tòa Điện-Địa : Saigon, Định-Tuong, Long-An và An-Giang. Tại những nơi chưa đặt Tòa Điện-Địa riêng thì Tòa Sơ-Thẩm dân-sự hay Hòa-Giải Rộng-Quyền sẽ xét xử những vụ thuộc phạm-vi Dự số 57.

Quản-hạt của Tòa Điện-Địa cũng cũng quản-hạt của mỗi Tòa Sơ-Thẩm hay Hòa-Giải Rộng-Quyền.

6. — Tòa-Án Lao-Động.

Đây là một Tòa Đặc-Thêm do Bộ Luật Lao-Động thiết-lập để phân xử những vụ cá-nhân phân-tranh xảy ra giữa chủ-nhân và công-nhân trong dịp thi-hành khế-ước lao-động.

Cá-nhân phân-tranh là những vụ liên-quan đến một số thuộc-viên hay thợ thuyền dưới 10 người, trên số này, và nếu cuộc tranh-chấp gồm ít ra một phần tư công-nhân hoặc nếu cuộc đình-công làm ngưng nề hoạt-dộng của xí-nghiệp thì sẽ kể như có sự cộng-đồng phân-tranh, thuộc thẩm-quyền của Hội-Đồng Trọng-Tài giải-quyết.

Luật còn định 10 tư-cách công-nhân được bảo-vệ phải là thợ thuyền, thuộc việc dạy học nghề trong các xí-nghiệp kỹ-nghê, khoáng-sản, thương-mại và trong các ngành tự-do chức-nghiệp.

Không thuộc thẩm-quyền Tòa-Án Lao-Động những gia-nhân, nông-plu, nhân-viên vận-hành đường hàng-không và hàng-hải mà sau này sẽ có luật-lệ riêng chi-phối.

Gia-nhân, theo luật, là những người làm thuê trông coi người chủ hay tài-sản của chủ, họ không thường xuyên giúp chủ trong sự hoạt-dộng về nghề-nghiệp của chủ.

Toà-Án Lao-Động có thẩm-quyền là Toà tọa-lạc nơi mà khế-ước lao-động được thi-hành.

Hiện nay mới có 8 Toà được tổ-chức xong : Saigon, Cần-thơ, Mỹ-tho, Đalat, Biên-hoa, Huế, Đà-nẵng và Nha-trang. Nếu có kháng-cáo thì nội-vụ sẽ được đưa ra Tòa Sơ-Thẩm dân-sự hay Hoà-Giải Rộng-Quyền phúc-quyết lại với tư-cách thượng-thẩm. Trong địa-phận nào chưa lập Toà Lao-Động thì các vụ phân-tranh sẽ đưa ra Tòa dân-sự phổ-thông xét xử ; nếu có kháng-cáo thì nội-vụ sẽ đưa lên Tòa Thượng-Thẩm.

7. — Tòa Hòa-Giải.

Điều 86 Dự số 4 ngày 18.10.1949 định rằng tại Nam-Phần, thẩm-quyền các Tòa Hoà-Giải được ấn-định do Nghị-định ngày 7.3.1934 và các bản văn tu-chính, còn ở Trung-Phần, Tòa Hoà-Giải có thẩm-quyền của các Tòa Sơ-Cấp cũ, được ấn-định do Nghị-định của Hội-Đồng chấp-chánh lâm-thời Trung-Kỳ số 9 ngày 23.4.1947 và số 877 ngày 20.11.1947.

Mặc dầu các Nghị-định năm 1924 và 1947 có nhiều điều sai-biệt, thẩm-quyền của các Tòa Hòa-Giải ở Nam-Phần và Trung-Phần có nhiều khoản tương-đồng.

a) Về quyền tài-phán phi-tụng :

— Tòa Hòa-Giải có thẩm-quyền hòa-giải tất-cả các vụ tương-tranh dân-sự và thương-sự bất cứ giá ngạch là bao nhiêu.

— Tại Trung-Phần, Thẩm-Phán Hòa-Giải có thẩm-quyền triệu-tập và chủ-tọa Hội-Đồng gia-tộc và coi sóc cách tổ-chức việc giám-hộ những người vô tư-cách

— Tại Nam-Phần, Thẩm-Phán Hòa-Giải có quyền làm nhiều việc khác như lập chứng-chỉ thế vì khai-sinh, khai-tử, niêm-phong hay gỡ niêm, lập biên-bản kê-khai tài-sản v.v...

b) Về quyền tài-phán hữu-tụng :

1.— Tại Trung-Phần, Thẩm-Phán Hòa-Giải có thể xử :

— sơ-thẩm và chung-thẩm các việc sau này mà giá ngạch không quá 150\$ kiện về thương-sự, kiện về dân-sự thuộc động-sản hoặc đĩ-nhân, đòi tiền hoàn hay bồi thường tổn hại do sự phạm-pháp sinh ra mà chưa do Tòa-án Hình xử đến.

— sơ-thẩm với quyền kháng-cáo các việc vừa kể mà giá ngạch trên 150\$ và không quá 500\$.

2.— Tại Nam-Phần, Thẩm-Phán Hòa-Giải có thể xử :

— sơ-thẩm và chung-thẩm các tố-quyền đối-nhân và động-sản mà giá ngạch không quá 150\$.

— sơ-thẩm với quyền kháng-cáo các tố-quyền nói trên mà giá ngạch không quá 450\$ và các tố-quyền chấp-hữu. Tố-quyền này có ba thứ : *chấp-hữu cáo.tổ* (complainte) là tố-quyền đề cho một người chấp-hữu bất-động-sản sử-dụng trong lúc sự chiếm cứ bị kẻ khác làm náo động ; *tổ-giác tân-tạo* (dénouciation de nouvelles oeuvres) là tố-quyền dùng để ngăn chặn một sự hỗn độn vị-lai, nhưng lâm thời có thể tới được, *phục-hồi chấp-hữu* (réintégrandes) là tố-quyền dùng cho người chấp-hữu, bị kẻ khác tước đoạt sự chiếm cứ, xin lập lại tình-trạng cũ.

Tố-quyền chấp-hữu nói trên không được đề-cập trong Nghị-định 1947.

Về tai-nạn lao-động, Tòa Hòa-Giải chỉ có quyền xét đơn xin trả tiền chôn cất, phụ-cấp hằng ngày, tiền nhà thương, bác-sĩ, thuốc men.

Hiện nay, tại Nam-Phần chỉ còn có Tòa Hòa-Giải Saigon và Sadéc, còn tại Trung-Phần chỉ có Tòa Hòa-Giải Hội-An, nhưng theo Sắc-luật số 16 ngày 29.7.1964 thì các Quận-Trưởng Hành-Chánh đều được kiêm-nhiệm chức-vụ Thẩm-Phán Hòa.

Ngoài ra, ở những nơi nào không có Tòa Hòa-Giải, các Tòa Sơ-Thẩm hay Hòa-Giải Rộng-Quyền vẫn có thể thụ-lý và xét xử các vụ thuộc thẩm-quyền của Tòa Hòa-Giải.

B— THẨM-QUYỀN PHÓ-DŨ CÁC TÒA-ÁN CẤP NHÌ.

Nguyên-tắc chung của thẩm-quyền pháp-tính là mỗi vụ chỉ được xét xử một lần. Nhưng nguyên-tắc lưỡng-cấp tại-phần không phải tuyệt-đối. Một đôi khi một-pháp-tỷ lấy không cần-thiết cho xử hai lần, vì cần có một giải-pháp mau lẹ (như xin bồi thường tạm thời hay tiền chôn cất trong các vụ tai-nạn lao-động theo Nghị-định 511.1944) hoặc vì bản-chất vụ tranh-tụng (vụ điền-địa) hoặc vì tính-cách phi-tụng của quyết-định (điều 250 Nghị-định 1910).

Ngoài ra còn có lý-do đáng kể là giá-ngạch vụ tranh-tụng.

Theo nguyên-tắc thì Tòa-án cấp-nhì có quyền phúc-xử lại các vụ án là Tòa Thượng-Thẩm. Ngoài việc phúc-xét gần như toàn-thể các vụ đã xử ở Tòa Sơ-Thẩm, Tòa Thượng-Thẩm lại được quyền phúc-xử nhiều trường-hợp khác, như các việc kháng-cáo án-vấn của Tòa Thương-Mại hay Dân-Sự xử việc thương-mại, kháng-cáo ár-lệnh phê-đơn có tính-cách tranh-tụng, các quyết-định của Thẩm-Phán cấp-thâm, Thẩm-Phán nhà-phổ, kháng-cáo các bản-án của Tòa Sơ-Thẩm xử việc lao-động tại các nơi chưa chính-thức thiết-lập Tòa Lao-động. Tất cả các điểm kháng-biên về thẩm-quyền nài ra ở Tòa cấp-nhất, dù giá-trị tranh-nại lớn nhỏ thế nào cũng được phép kháng-cáo.

Nhưng Tòa Sơ-Thẩm hay Hòa-Giải Rộng-Quyền cũng có quyền phúc-xử lại với tư-cách Tòa-án cấp-nhì trong các trường-hợp sau đây :

— Các việc đã xử tại Tòa Lao-động (thiết-lập theo điều 249 Bộ luật Lao-động) bị kháng-cáo.

— Các việc đã xử tại Tòa Hòa-Giải tở-chức trong Dự số 4 được kháng-cáo theo giá-ngạch.

C.— THẨM-QUYỀN QUẢN-HẠT.

Tại Nam-Phần, theo điều 9 Nghị-định 16-3-1910 thì " về tổ-quyền đối-nhân và động-sản, đơn phải nộp ở Phòng Lục-sự Tòa-án nơi trú-sở bị-đơn hoặc nơi trú-sở một trong các bị-đơn, nếu có nhiều người mà mỗi người cư-trú một nơi khác ".

Tại Trung-Phần, Dự số 55 ngày 2-8-1933 cũng chấp-nhận một định - lệ như vậy.

Nguyên-tắc " *Actor sequitur forum rei* " được đem áp-dụng cho cả các Tòa Đặc-Thẩm lẫn Tòa Thường-Tụng

Tuy-nhiên, đây chỉ là một đặc-án cho bị-đơn ; đương-sự này có thể khước-từ sự hậu-đãi ấy mà bằng lòng đề Tòa-án khác nơi mình cư-ngụ xét xử.

Vả lại, luật-pháp con đặt ra nhiều biệt-lệ :

1) Về các vụ kiện hành-sử quyền đối-vật trên bất-động-sản, Tòa-án có thẩm-quyền là Tòa-án nơi tọa-lạc bất-động-sản tranh-tranh (điều 9 đoạn 3 Nghị-định 16-3-1910).

2) Về hội-xã, trong những vụ tranh-tụng giữa các hội-viên với nhau, án-lệ áp-dụng điều 58 đoạn 5 Dân-sự Tố-tụng Pháp như thành văn lý-tính, định rằng Tòa-án có thẩm-quyền là Tòa nơi hội được thiết-lập.

Đối với đệ-tam-nhân, biệt-lệ chỉ có ích-lợi nếu tư-nhân muốn kiện hội ngoài nơi có trụ-sở chánh. Án-lệ công-nhận thẩm-quyền của Tòa-án nơi có chi-nhánh, chi-điểm (succursales, agences) của hội bị đơn. Nơi này được hiểu nghĩa rộng và có thể bất cứ là nơi nào hội có người đại-diện hợp-pháp giao-dịch với khách hàng.

3) Trong những vụ tranh-chấp giữa các thừa-kế, hoặc giữa chủ nợ và thừa-kế hoặc giữa những người thụ-di và thừa-kế chánh-thức, điều 9 Nghị-định 1910 không đề-cập đến vấn-đề, nhưng ở Nam, án-lệ theo giải-pháp của Bộ Dân-sự Tố-Tụng Pháp định Tòa-án có thẩm-quyền là Tòa-án nơi khai-thác di-sản. Điều 20 Bộ Hộ-sự Thương-sự Tố-tụng Trung cũng theo giải-pháp ấy. Điều 311 Dân-luật Bắc và 309 Dân-luật Trung lại nói rõ rằng di-sản khai phát nơi trú-sở sau cùng của người quá cố.

4) Về những tố-quyền liên-quan đến luật bảo-kê, điều 3 Luật 13.7.1930 buộc phải đưa bị-đơn ra trước Tòa án nơi cư-trú của người được bảo-hiêm. Tuy nhiên luật cũng dự-liệu hai ngoại-lệ :

— nếu bảo-kê hỏa-hoạn, bất cứ về nhà cửa hay động-sản, thì phải kiện ở nơi có những tài-sản đó.

— nếu là bảo-kê các tai-nạn khác, người đứng bảo-kê có thể kiện ở nơi đã xảy ra tai-nạn.

D — GIỚI-HẠN CỦA CÁC ĐỊNH-LỆ VỀ THẨM-QUYỀN.

Nguyên-tắc là : Tòa xử về chánh-vụ có quyền xét các kháng-biện. Tuy nhiên, bị-đơn có thể lấy cơ luật cho phép Tòa xét cả các phương-chước kháng-biện, sẽ nhân cơ-hội nêu ra những điểm không thuộc thẩm-quyền của Thẩm-phán thụ-lý.

Cho nên định-lệ không được chấp-nhận một cách tuyệt-đối.

1) Trước Tòa thường-tụng giải-pháp cổ-truyền là tất cả phương-chước kháng-biện được nêu lên, dù liên-thuộc đến quyền-hạn của các Tòa Đặc-Thẩm, vẫn phải để cho Thẩm-Phán thường-tụng xét luôn.

Cũng thuộc thẩm-quyền Tòa-án thường-tụng đã thụ-lý một đơn chánh, nếu

các phương-chức kháng-biến được nêu ra theo lệ thuộc thẩm-quyền quản-hạt một Tòa-án thường-tung khác.

Ngoài ra, trước Tòa thường một vụ theo qui ngạch đơn xin phải xử sơ-thẩm và chung-thẩm nêu bị-đơn nêu ra để không đủ, một thỉnh-cầu vô định, theo lệ bị-đơn có quyền kháng-cáo, nhưng vì là kháng-biến nên chỉ được xét có một lần, bị-đơn không được hưởng nguyên-tắc lưỡng-cấp tái-phán. Nhưng nếu bị-đơn nêu lên kháng-biến vô thẩm-quyền thì bất cứ cũng có thể kháng-cáo.

Có một vài trường-hợp không thể áp-dụng nguyên-tắc Tòa xử về chánh-vụ sẽ xét luôn các kháng-biến trước Tòa thường-tung, khi nguyên-tắc này phạm tới qui-giai các Tòa-án.

a) Bị-đơn nại một điểm thuộc thẩm-quyền Tòa-án Hành-chánh, Tòa thường-tung phải đình chỉ nội-vụ để chuyển qua cơ-quan tái-phán hành-chánh xét xử điểm đó trước, xong mới được tiếp-tục xử hồ-sơ dân-sự.

b) Bị-đơn nại một điểm thuộc thẩm-quyền Tòa-án Hình, tòa Hộ cũng phải tạm ngưng để Tòa Hình xử trước theo nguyên-tắc Hình hoãn Hộ.

c) Một tương-hợp tiền-quyết như ba nửa là Tòa Hộ buộc phải đình hoãn vụ xử để Ông Bộ-Trưởng Ngoại-Giao giải-thích nếu bị-đơn nêu lên khước-biến liên-quan đến một điều-khoản có tính-cách chính-trị trong Hiệp-định quốc-tế.

2) *Trước Tòa Đặc-Thẩm*: luật-pháp do đặt hơn tương việc áp-dụng nguyên-tắc nơi trên.

a) Đối với các phương-chức kháng-biến và các phụ-đời thủ-tục liên-quan đến thẩm-quyền được nêu ra trước Tòa Đặc-Thẩm, người ta công-nhận rằng cơ-quan này có quyền phán-quyết về những điểm, theo lệ, thuộc quyền xét xử của Tòa cung bản chất được thiết-lập ở nơi khác.

b) Như có một bản văn minh-thị phó-dữ cho Tòa thường-tung dân-sự thẩm-quyền chuyên-hữu thì Tòa Đặc-Thẩm dân-sự hay các cơ-quan tái-phán trong qui-giai khác không được xâm phạm tới, bất-cứ dưới hình thức nào, và phải hoãn xử để những Tòa thường-tung giải-quyết như những vấn-đề tiền-quyết.

Cho nên có thể kết-luận rằng nguyên-tắc Tòa xử về chánh-vụ có quyền xét các kháng-biến trước các Tòa Đặc-Thẩm có một phạm-vi áp-dụng nhỏ hẹp hơn trước các Tòa thường-tung.

II — CÁC TÒA-ÁN PHONG-TỤC THƯỢNG

Để thỏa-mãn nguyên-vọng của đồng-bào Thượng và cũng để thắt chặt thêm tinh đoàn-kết Kinh-Thượng, Sắc-Luật số 65 ngày 22-7-1935 đã tổ-chức lại các Tòa-án

Phong-Tục Thượng tại Cao-Nguyên Trung-Phần có thẩm-quyền xét xử về dân-sự, thương-sự cũng như về hình-sự trong những trường-hợp mà tất cả các đương-tụng đều là người Thượng. Tuy nhiên, theo điều 2 đoạn 2 của Sắc-luật, nếu có lời yêu cầu của các đương-tụng, vụ tranh-chấp sẽ được đưa ra xét xử trước Tòa-án quốc-gia

1) Ở cấp dưới, có *Tòa-án phong-tục Xã*, mà thành-phần gồm có Chủ-Tịch Ủy-Ban Hành-Chánh Xã làm Chánh-Án và hai Phụ-Thâm người Thượng do dân cử. Ở cấp Quận, có *Tòa-án Thượng-vụ* gồm có Quận-Trưởng kiêm Thâm-Phán Hòa-Giải làm Chánh-Án và hai Phụ-Thâm người Thượng do dân cử.

Tòa-án phong-tục Xã xử sơ-thẩm những vụ tranh-tụng mà giá ngạch không quá 500\$.

Tòa-án Thượng-vụ Quận có thẩm-quyền :

a) xử chung-thâm những vụ kháng-cáo các phán-quyết sơ-thẩm về dân-sự và thương-sự của các Tòa-án phong-tục Xã thuộc địa-phận Quận.

b) xử sơ-thẩm và chung-thâm các vụ kiện về dân-sự và thương-sự mà giá ngạch trên 500\$ và không quá 1500\$.

c) xử sơ-thẩm với quyền kháng-cáo các vụ kiện về dân-sự và thương-sự mà giá ngạch trên 1500\$ hoặc không định rõ được là bao nhiêu.

2) Tại mỗi Tòa-án Quốc-gia cấp sơ-thẩm ở Cao-Nguyên Trung-Phần được thiết-lập một Ban Thượng-Vụ gồm có một Chánh-Án Thượng và hai Phụ-Thâm cũng người Thượng. Các Phụ-Thâm do dân cử ; còn Chánh-Án Thượng do các Phụ-Thâm thiết-thọ và dự-khuyết tại các Tòa-án Thượng-vụ Quận trong quản-hạt Tòa-án Tỉnh họp lại bầu ra. Ban Thượng-Vụ Tỉnh có thẩm-quyền :

a) xử chung-thâm những vụ kháng-cáo phán-quyết sơ-thẩm của các Tòa-án Thượng-vụ Quận.

b) xử sơ-thẩm tất cả các vụ kiện không thuộc thẩm-quyền Tòa-án phong-tục Xã và Tòa-án Thượng-vụ Quận.

3) *Tại cấp thượng-thâm*, mỗi khi xét xử những vụ kiện-tụng giữa người Thượng, thành-phần thường lệ của Tòa Thượng-Thâm sẽ gồm thêm hai Phụ-Thâm Thượng do dân cử.

Tòa Thượng-Thâm với thành-phần này, có quyền tự ý mang ra xử lại những vụ mà Tòa cho rằng các Tòa Thượng-vụ cấp Quận và các Ban Thượng-vụ Tòa-án cấp Tỉnh đã xử sai lầm. Đó là quyền di-thâm.

Thời-hạn để hành-sử quyền này là 30 ngày tròn kể từ ngày mãn hạn kháng-cáo đối với những án sơ-thẩm ; còn đối với những án chung-thâm, thời-hạn 30 ngày sẽ kể từ ngày tuyên án.

Tòa Thượng-Thâm sẽ xét xử về hình-thức cũng như về nội-dung trong thời-hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ-sơ.

Các vụ tranh-chấp về hộ giữa người Thượng và người Kinh cũng như các vụ án về hình có người Kinh liên-hệ, sẽ do Tòa-án quốc-gia các cấp chiếu thẩm-quyền mà xét xử. Trong trường-hợp này thành-phần của Tòa-án quốc-gia sẽ là thành-phần thường-lệ, gồm thêm hai Phụ-Thâm, một Kinh một Thượng.

III.— THẨM-QUYỀN CỦA CÁC CƠ-QUAN TÀI-PHÁN HÀNH-CHÁNH.

A.— THẨM-QUYỀN CỦA TÒA-ÁN CẤP-DƯỠNG.

Ấn-định chế-độ cấp-dưỡng binh-sĩ tàn-phế cho các quân-nhân Việt-Nam và những kẻ-quyền của họ, Dự số 22 ngày 15.11.1952 thiết-lập các Tòa-án Cấp-Dưỡng để xét-xử các vụ tranh-tụng xảy ra do sự thi-hành Dự vừa kể.

Tại quân-hạt mỗi Tòa Thượng-thâm, có một Tòa Sơ-Thâm Cấp-Dưỡng Phần và một Tòa Thượng-Thâm Cấp-Dưỡng Phần.

Tòa Sơ-Thâm Cấp-Dưỡng Phần thụ-lý những đơn kháng-tố các quyết-định của Ô. Ủy-Viên Bộ Cựu Chiến-Binh thanh-toán tiền cấp-dưỡng hay bác bỏ đơn xin cấp-dưỡng.

Đương-sự cũng có thể kháng-tố những quyết-định chung của Ô. Ủy-Viên Bộ Cựu Chiến-Binh và Ô. Ủy-Viên Tài-Chánh tu-chính những quyết-định nói ở đoạn trên của Ô. Ủy-Viên Bộ Cựu Chiến-Binh.

Tòa Thượng-Thâm Cấp-Dưỡng Phần thụ-lý các vụ kháng-cáo án của Tòa Sơ-Thâm Cấp-Dưỡng Phần do đương-sự hay Ủy-Viên Chánh-Phủ kháng cáo.

Các án của Tòa Thượng-Thâm Cấp-Dưỡng Phần có thể bị thượng-tố lên Tham-Chính-Viện vì vượt-quyền, lạm-quyền, có ti-tích về hình-thức hay vi-luật.

B.— THẨM-QUYỀN CỦA TÒA-ÁN HÀNH-CHÁNH.

Hiện nay tại Việt-Nam chỉ có một Tòa-án Hành-Chánh trụ-sở đặt tại Saigon. Tòa này xử sơ-thâm :

a.— Các vụ kiện đòi bồi-thường liên-quan đến các pháp-nhân hành-chánh.

b.— Các vụ kiện xin tiêu-hủy các quyết-định hành-chánh có tánh-cách cá-nhân liên-quan đến tình-trạng hành-chánh của các viên-chức bổ-nhiệm do Nghị-định của Tổng Ủy-Viên, Ủy-Viên, Đại-Biểu Chánh-Phủ và Tỉnh-Trưởng.

c.— Các vụ tranh-tụng liên-quan đến mọi cuộc tuyên-cử hàng Tỉnh, hàng Quận, hàng Xã.

Tòa-án Hành-chánh xử sơ và chung-thâm các vụ liên-quan đến mọi vấn-đề thuế trực-thâu và thuế đồng-hóa với thuế trực-thâu.

C.— THẨM-QUYỀN CỦA THAM-CHÍNH-VIỆN.

Quản-hạt Tham-Chính-Viện gồm toàn cõi Việt-Nam. Trụ-sở đặt tại Saigon.

Cơ-quan này gồm có hai Ban : Ban Tài-Phán và Ban Hành-Chánh. Trong phạm-vi bài này, chỉ cần đề-cập đến Ban Tài-Phán mà thôi.

Ban Tài-Phán có thẩm-quyền :

a.— phúc-thẩm các bản-án do Tòa-án Hành-chánh xử sơ-thẩm.

b.— xét-xử các việc xin phá các bản-án do Tòa-án Hành-chánh hay những Pháp-định có tánh cách hành-chánh xử chung-thâm.

c.— sơ-thẩm và chung-thâm những vụ xin thủ-tiêu các quyết-định hành-chánh, cá-nhân hay lập-qui, có những tí-tích sau đây : lạm-quyền, vô-thâm-quyền, vi-luật, không có lý-do hay căn-cứ vào lý-do không xác-thực.

d.— sơ-thẩm và chung-thâm mọi vụ tranh-tụng liên-quan đến tình-trạng hành-chánh của các công-chức do Sắc-lệnh hay Nghị-định của Quốc-Trưởng bổ-nhiệm mà không phân-biệt vụ-kiện thuộc tố-tụng xin thủ-tiêu hay thuộc tố-tụng toàn-tập tài-phán.

Tham-Chính-Viện còn xét-xử những loại tranh-tụng đặc-biệt sau đây :

1.— Theo điều 31, 48 và 53 Dự số 57/3 ngày 22-10-1956 qui định thể-lệ hành-nghề Y-sĩ, Nha-Sĩ và Hộ-sinh và điều 90 Luật số 1/58 ngày 10-1-1958 qui-định việc hành-nghề Dược-sĩ, Ban Tài-Phán có thẩm-quyền xét-xử sơ và chung-thâm những vụ tranh-tụng liên-quan đến các cuộc bầu-cử vào các Hội-Đồng toàn-quốc Y-sĩ đoàn, Nha-sĩ-đoàn, Hộ-sinh-đoàn và Hội-Đồng Quốc-Gia Dược-sĩ-đoàn.

2.— Theo điều 25, 48 và 53 Dự số 57/3 ngày 22-10-1956 và điều 83 Luật số 1/58, Ban Tài-Phán có thẩm-quyền xét-xử các đơn kháng-cáo của Y-sĩ, Nha-sĩ, Nữ Hộ-sinh và Dược-sĩ đối với các quyết-định của Hội-Đồng-Đoàn đã từ chối không ghi tên đương-sự vào danh-sách Đoàn.

3.— Theo điều 40, 48 và 53 Dự số 57/3 và điều 100 luật số 1/58, Ban Tài-phán có thẩm-quyền xét-xử các đơn thượng-tố của các Y-sĩ, Nha-sĩ, Nữ Hộ-sinh và Dược-sĩ can-cứu đối với những phán-nghị của ban kỷ-luật Hội-Đồng-Đoàn.

4.— Theo điều 73 Dự số 22 ngày 15-11-1952, Ban Tài-phán có thẩm-quyền xét xử trực-tiếp những vụ tranh-chấp xảy ra khi áp-dụng điều 92 Dự nói trên, quy-định thể-lệ tổng-quát về việc kiểm-linh các cấp-dưỡng vĩnh-viễn hay tạm-thời, các tăng-khoản và trợ-cấp.



PHẦN THỨ BA

THỦ-TỤC TỐ-TỤNG TRƯỚC CÁC CƠ-QUAN TÀI-PHÁN

A.— Thủ-tục tố-tụng dân-sự giống thủ-tục tố-tụng Hành-chánh ở những điểm sau đây :

1.— CÁC VỤ TRANH-CHẤP CÓ TÍNH-CÁCH ĐỐI-TỊCH :

Nguyên-tắc cho hai người đi kiện đối-tụng nhau là một yếu-tố an-toàn cho họ và cũng là một điều-kiện khiến cho Tòa hiểu rõ nội-tình.

2.— CÁC VỤ TRANH-CHẤP ĐƯỢC CÔNG-DIỄN.

Đây là nguyên-tắc công-khai tranh-luận. Định-lệ này cần-thiết không những cho hai tụng-nhân theo dõi sự tiến-triển vụ kiện của chính mình mà còn có mục-đích để dư-luận kiểm-soát.

Sự công-diễn thể-hiện bằng nhiều cách : phiên Tòa được mở cho công chúng vào xem, án-văn được tuyên đọc trước mặt mọi người, cửa phòng xử mở rộng.

Tuy nhiên, nguyên-tắc công-diễn cũng có trường-hợp tiết-giảm, khi luật vì lý-do đạo-đức không muốn có cuộc tranh-luận công-khai và báo-chí đáng-tài, thí-dụ các vụ ly-thân và ly-hôn (điều 72 và 95 Sắc-luật số 15/64 ngày 23-7-1964).

3.— CÁC VỤ TRANH-TỤNG DO THÂM-PHÁN ĐƠN-ĐỐC.

Nhà lập-pháp Trung-Phần thừa-nhận quan-niệm này trong điều 72 đoạn 1 Bộ H.S.T.S.T.T. «Chánh-Thâm phải đơn-đốc làm thủ-tục vụ kiện».

Trong Nghị-định 1910 không có điều khoản nào có một tầm áp-dụng khái-quát như vậy, nhưng Chương 1 nói về đơn khởi-tổ, sau khi buộc nguyên đơn nộp các giấy tờ chứng-minh quyền-lợi của mình cùng một lúc với đơn kiện (điều 10), nhà lập-pháp để quyền cho Thâm-Phán kiểm-soát ngay hồ-sơ xem đầy đủ không, nếu cần, truyền lèm mọi bên-phần hữu-ích để vụ kiện có thể đưa ra phiên Tòa xét xử.

Trong thủ-tục hành-chánh, Thâm-Phán ra lệnh thông-báo các giấy tờ thủ-tục cho đương-sự, định kỳ-hạn cho họ xuất-trình biện-minh, lại tự-động thi-hành các hành-vi thăm-cứu cần-thiết mà không cần phải có lời thỉnh-cầu của các đương-sự, trừ trường-hợp có điều luật định khác. Thâm-Phán cũng quyết-định lúc nào cuộc thăm-cứu kết-hiệu và vụ kiện có thể cho đăng-đường xét-xử. Thâm-Phán lại lập tờ trình và dự-thảo án-văn.

4— TUY-NHIÊN, THÂM-PHÁN VẪN PHẢI GIỮ THAI-ĐỘ TRUNG-LẬP CỦA MỘT NGƯỜI XỬ-ĐOÁN, CHỚ KHÔNG CÓ QUYỀN TRUY-TÀM RỘNG-RÃI NHƯ THÂM-PHÁN HÌNH-SỰ.

Luật chỉ muốn Tòa tìm cách giải-quyết mau chóng vụ kiện chớ không cho phép thăm-phán dẫn-chứng hộ một bên. Một đôi khi luật để Thâm-Phán kiểm-soát xem người xin dẫn-chứng có đưa ra sự-kiện xác-định không và được quyền bác bỏ ; hoặc giả buộc một bên phải thế để bồi-túc chứng cứ không đầy đủ, nhưng đó chỉ là phương-sách giúp Tòa xét-định để tự tìm lấy một xác-tín (conviction) trước khi phán-quyết. Trong công việc truy-tầm sự thật, chỉ có công-bằng nếu Tòa căn-cứ vào hình-thức tố-tụng đã vạch sẵn và cách dẫn-chứng được luật-pháp minh-định. Tòa không thể viện-dẫn lý-do dựa vào những điều hiểu biết và nhận-xét cá-nhân về vụ kiện hoặc vào kết-qua sự truy-tầm làm ngoài Pháp-định và vắng mặt đương-sự.

B. — Những thủ-tục tố-tụng hành-chánh khác thủ-tục tố-tụng dân-sự ở điểm sau đây :

1. — Thủ-tục Hành-Chánh *giản-dị và ít tốn kém* hơn thủ-tục trước các Tòa án Dân-sự.

2. — Thủ-tục trước Tòa Hành-Chánh là *thủ-tục viết*. Tất cả đơn khởi-tố, lý-lẽ biện-minh, kháng-biện, tranh-luận của đôi bên đương-sự đều phải trình-bày trên giấy tờ để nộp vào hồ-sơ. Lời nhận-xét của các đương-sự ở phiên Tòa chỉ là để giải-thích thêm các lý-do đã ghi trên các biện-minh-trạng và kháng-biện-luận chớ không được thêm lý-do nào khác.

Trước Tòa Dân sự, cũng phải có đơn khởi-tố, kết-luận-trạng v.v... nhưng thủ-tục không hẳn toàn là viết. Thỉnh-thoảng Luật-sư có thể xin biện-hộ miệng trước Tòa, chẳng hạn trong trường hợp có một đôi-tranh phải ứng-khẩu trả lời ngay đối-phương đã nại ra những luật điểm bất ngờ.

3. — *Thờ-thức thông báo*

Trong tố-tụng hành-chánh, các đơn khởi-tố, giấy tờ thủ-tục, biện-minh-trạng, kháng-biện-luận được thông-báo cho đương-sự theo thờ-thức hành-chánh, nghĩa là do sự trung-gian của một viên-chức (thí dụ tùy-phái, tổng-thơ-văn) hay của nhà chức-trách hành-chánh (Tỉnh-trưởng, Quận-trưởng, Hội-đồng-xã v...)

Trong tố-tụng dân-sự chỉ có trát đòi hầu Tòa và báo-thị án-văn mới phải tống-đạt. Có nhiều cách tống-đạt :

a/ hoặc bằng thơ bảo-đảm có hồi-báo (trong các vụ tranh-chấp lao-động: điều 261 Bộ luật Lao-động; trong các vụ xử tại Tòa Nhà Phở : điều 30 Dự số 4 ngày 2-4-1953).

b/ hoặc giao cho chức-dịch hương-thôn (điều 26 Bộ H.S.T.S.T.T. nói đến lý-trưởng, điều 252, 256 Nghị-định ngày 16-3-1910 nói đến hương-hào, nhưng theo tổ-chức hành-chánh xã hiện nay thì chỉ có một mình Ủy-Viên Cảnh-Sát và An-Ninh Xã đảm-trách việc này).

c/ hoặc giao cho các Thừa-phát-lại. Theo điều 18 Nghị-định số 111 ngày 4-2-1950, các công-lại này không thể làm công việc lục-tổng hay thi-hành việc gì trước 5 giờ sáng và sau 7 giờ chiều, họ cũng không thể làm công việc trên trong những ngày lễ hợp-pháp, trừ các việc thuộc về hình-sự. Nhưng bất-luận về việc nào và bất cứ đối với đương sự nào, nếu có Thâm-Phán cho phép thì có thể được miễn không phải tuân theo các điều-lệ trên.

I. — THỦ-TỤC DÂN-SỰ THƯỜNG, KHÔNG CÓ ĐỐI-TRANH.

A. — KHỞI-KIỆN

1) ĐƠN KHỞI-TỐ

Một vụ tranh-tụng bao giờ cũng được phát động bằng một đơn khởi-tố. Nguyên đơn phải viết đơn đề rõ tên tuổi, nghề-nghiệp, sinh-quán, trú-quán, thưa về chuyện gì, duyên-cớ thế nào, thỉnh-cầu ra sao, kể tên họ địa-chỉ của bị-đơn (điều 14 H.S.T.S.T.T. và điều 6 Nghị-định 1910).

Phải đính theo đơn các giấy tờ liên-quan đến vụ kiện đề chứng-minh lời thỉnh-cầu.

Giấy tờ sẽ nộp tại Phòng Lục-sự Tòa-Án có thẩm-quyền. Lục-sự sẽ ghi-chú ngày tháng thu đơn: đó là ngày chính-thức khởi-tổ. Đương sự phải đóng một số tiền dự-phí tùy theo vụ lớn nhỏ. Đương-sự được miễn đóng tiền này nếu được hưởng tư-pháp bảo-trợ.

2) PHƯƠNG-SÁCH BẢO-THỦ

Từ ngày khởi-tổ, muốn tránh sự phân-tán tài-sản của bị-đơn, luật tổ-tụng cho phép nguyên-đơn xin những phương-sách bảo-thủ để bảo-đảm việc thi-hành phán-quyết sau này nếu được thắng kiện.

a/ Tại những nơi áp-dụng chế-độ tân điền-thổ, nguyên-đơn có thể xin một án-lệnh phê-đơn để ghi-chú đơn kiện vào sổ điền-thổ và bằng-khoảng điền thổ thuộc bất-động-sản của bị-đơn. Thủ-tục này gọi là tiên-chú (prénotion) được dự-liệu trong điều 398 Sắc lệnh 21-7-1925. Sự tiên-chú có hiệu-lực làm bất-động-sản trở thành bất-khả-dụng và là các việc chuyển-dịch quyền đối-vật thành vô-hiệu đối với nguyên-đơn. Nếu đơn kiện bị bác, nguyên-đơn có thể bị xử phạt bồi-thường thiệt hại cho bị-đơn sở-hữu-chủ.

b/ Tại Trung-Phần, theo điều 52, 71 H.S.T.S.T.T., có thể tịch-biên bảo-thủ động-sản hay bất-động-sản của bên nguyên hay bên bị để đảm-bảo đơn khởi-tổ và đơn phản-tổ.

c/ Tại Nam-Phần, theo điều 167 Nghị-định 1910, trái-chủ một món nợ thanh-xác và khả-sách có thể xin một án-lệnh ban các biện-pháp bảo-thủ. Là một sự tịch-biên tạm nhưng án-lệ chỉ chấp-nhận sai-áp bảo-toàn động-sản mà thôi.

Phương-sách có thể là một sự cung-thắc, nhưng nhiều Thẩm-Phán thận-trọng thường buộc đưa nội-vụ ra trước Tòa Khẩn-cấp để có dịp nghe bị-đơn biện minh.

3) HÒA-GIẢI

Luật Nam-Phần có dự-liệu thủ-tục thử điều-giải hai bên, nhưng việc hòa-giải không có tính-cách bắt buộc. Đương-sự có thể nhờ thẩm-Quận-Trưởng hay Chủ-Tịch Ủy-Ban Hành-Chánh Xã thử dàn xếp hay đề Tòa-án tùy-nghị (điều 3 và 4 Nghị-định 1910). Tại các nơi có Tòa Hoà-giải, dĩ-nhiên các Thẩm-Phán Hòa-giải có quyền dàn xếp cho đương-sự.

Luật Trung-Phần kỳ-vọng nhiều hơn vào thủ-tục hòa-giải trước Tòa khi nội-vụ chưa đăng-đường xét-xử và qui-định việc này trong trọn Tiết V, Chương 3. Nguyên-tắc là bất cứ về việc gì, Thẩm-Phán Hòa-giải phải thử hòa-giải hai bên, trừ ra khi nào luật định miễn hòa-giải thì không kể. Biên-bản hòa-giải do Tòa-án làm có giá-trị lời giao ước của hai bên.

4) TRÁT ĐÒI

Hòa-giải không xong, hồ-sơ đã đầy đủ, giấy tờ vô số rồi, chỉ còn một việc là gửi giấy đòi hai bên nguyên bị ra Tòa để nghe xử kiện.

B. — TÒA XỬ

1) XUẤT-TỊCH

Luật-sư được luật-pháp cho phép đại-diện thân-chủ trước Tòa. Nhưng luật không bắt buộc đương sự phải nhờ đến Luật-sư. Đương-sự có thể tự mình ra Tòa tự bênh-vực lấy quyền-lợi hoặc chiếu điều 36 Nghị-định ngày 16-3-1910 được cha mẹ, con cái, anh em, vợ hay chồng thay mặt bằng một tờ ủy quyền hợp-lệ.

Một trường-hợp đặc-biệt : con cái kiện cha mẹ Điều 13 Nghị-định 1910 dạy phải để Trưởng-Tộc đứng ra hành-sử tố quyền ; nếu không có Trưởng-Tộc hoặc người này từ chối, Công-tổ-viện sẽ đứng chánh-đơn theo lời yêu-cầu của đương-sự.

2) TRANH-NGHỊ

Nếu các đương-sự đích-thân xuất-tịch hay có đại-diện hợp-pháp, việc làm trước nhất là kiểm-soát căn-cước của đương-sự hay giấy ủy-quyền của người đại-diện.

Luật dạy Tòa phải thăm-vấn ngay các đương-sự. Nhưng đương-sự có thể trình Tòa các lời kết-luận viết. Lời khai của hai đảng được ghi vào cuốn sổ bút-ký của Lục-sự.

Nếu đương-sự có Luật-sư thay mặt, việc kiểm-soát căn-cước hay giấy ủy-quyền không thành vấn-đề và cuộc tranh-luận trước Tòa rút lại chỉ là một cuộc trao đổi lý-đoán giữa Luật-sư.

Ý-chí của nhà làm luật là Tòa phải xử ngay (điều 43 Nghị-định 1910, điều 78 H.S.T.S.T.T.). Việc đã đủ lẽ xử rồi thì không thể đình-hoãn và luật coi như có thể xử được khi đương-sự đã ra trước Tòa. Cho nên nếu sau đó có đương-sự mệnh một, việc đòi thừa-kế dự-sự sẽ không cần-thiết (điều 24, 25 Nghị-định 1910, điều 72, 75 H.S.T.S.T.T.).

3) THỦ-TỤC KHUYẾT-TỊCH.

a) Chỉ có nguyên-đơn vắng mặt :

Ở Nam, Tòa lên án khuyết-tịch và buộc nguyên-đơn phải chịu án-phí. Án-văn sẽ được Lục-sự báo-thị cho đương-sự nội trong 48 giờ. Nguyên-đơn có quyền kháng-tố trong hạn 30 ngày tròn kể từ ngày nhận được giấy báo ; quá hạn, y chỉ còn có cách kháng-cáo lên Tòa Thượng-Thẩm nếu vụ kiện quá giá-ngạch chung-thầm.

Luật Trung gặt-giao hơn. Theo điều 96 Bộ H.S.T.S.T.T. không những Tòa bãi bỏ vụ kiện mà còn phạt vi-cảnh nguyên-đơn và có thể bắt y bồi-thường cho bị đơn đã tổn công xuất-tịch vô-ích (điều 98).

Luật Trung còn đề-cập đến trường-hợp có nhiều nguyên đơn mà chỉ có một số xuất-tịch cùng với bị-đơn : Tòa có thể tách rời nội-vụ ra để xét về phần các người có mặt và hành-động như trên đối với nguyên-đơn khuyết-tịch.

b) Cả nguyên-đơn lẫn bị-đơn đều vắng mặt :

Trường-hợp này, luật Trung (điều 95 đoạn chót) và Nam (điều 54) có một giải-pháp đồng-nhất là xóa bỏ vụ kiện.

c) Chỉ có bị-đơn vắng mặt :

Điều 59 Nghị-định 1910 nói : khuyết-tịch được tuyên ngay lúc vụ kiện được gọi ra và những điều thỉnh-cầu trong đơn khởi-tổ sẽ được chấp-nhận nếu có đủ căn-cứ.

Điều 99 H.S.T.S.T.T. cũng nói tương-tự và còn thêm rằng nếu trong lời nguyên-đơn có xin điều gì quá-đáng hay không hợp-lệ thì bác đi.

Nếu trong các bị-đơn chỉ có một số vắng mặt, Tòa sẽ làm một bản án khuyết-tịch hợp-tổ xác-nhận sự vắng mặt của bị-đơn không xuất-tịch và truyền cho đời lại trong một phiên xử sau; lần này nếu tái-khiếm bản án sẽ kể như đương tịch đối với tất cả các đương-sự.

4) KẾT-ÁN.

Mục-dịch tự-nhiên của một thủ tục tranh-tụng là đi đến tuyên-phán một bản án kết-thúc.

Nhưng có khi vụ án lại chung-mãn bằng một giải-pháp-khác, nguyên-đơn xin bãi nại lúc còn nửa chừng; hoặc bị-đơn thuận-tuân vô-diều-kiện những yêu-sách của đơn khởi-tổ; hoặc hai bên thỏa-hiệp nhân-nhưng lẫn nhau để điều-đình mỗi bên chịu thiệt một chút; hay nếu chưa có giải-pháp ngay thì xin Tòa di-lý nội-vụ để nhờ một người trọng-tài phân xử.

Vụ án cũng kết-liều không án-ván nếu nguyên-đơn vì vô-tình hay hữu-ý để vụ kiện thành ra thất-hiệu (péremption) hoặc bị tiêu-diệt bằng thời-gian (prescription).

Theo Điều 77 H.S.T.S.T.T. nếu nguyên-đơn xin hoặc hai bên thuận-tin xin hoãn mà đề quá 18 tháng, tố-quyền bị coi như trước-tiêu. Tòa phải tự truyền xóa bỏ vụ kiện.

Nghị-định 1910 nói rõ hơn : sự thất-hiệu được thi-đặc nếu nguyên-đơn bất-động trong 6 tháng kể từ ngày có hành-vi thủ-tục cuối cùng (điều 29). Bị-đơn phải xin chớ không đương-nhiên được hưởng. Tòa có quyền xem sự bề-trở của nguyên-đơn có đáng trách-cứ hay không, và điểm nại ra có đáng được chấp-nhận hay không. Nguyên-đơn không thể tái-khiếm bằng một đơn khởi-tổ mới (điều 31).

II. — THỦ-TỤC DÀN SỰ THƯỜNG, CÓ ĐỐI-TRANH

Đối-tranh theo nghĩa rộng, chỉ-định mọi nhiều-sự, mọi việc xảy ra làm gián đoạn sự tiến bước đều đặn của vụ tranh-tụng.

Những đối-tranh thủ tục có thể liên-quan đến :

— Châu-vi địa-hạt tranh-nại, làm thay đổi cục-diện giữa các đương-sự sau khi khởi-tổ (đơn phân tố; đơn xin dự-sự v.v.);

— Thành-phần Tòa-án (di giao vì lý-do hiếm-ngại chính đing, hồi-tự hoặc cioty v.v...);

— Tư-cách tụng-nhân (karôc-biêu ngoại-kiểu án qaly);

— Thủ-tục bắt hợp-thức (khước-biện diện-tri, khước-biện thông-tri hồ-sơ, các khước-biện về vô-hiệu v.v...).

Ngoài ra còn có những đối-tranh xảy ra lúc Tòa-án thụ-lý đang ở trong thời kỳ cứu-xét và thăm-vấn ; đó là các đối-tranh về bằng-chứng.

1) ĐÍCH-THÂN TRÌNH DIỆN

Một trong những phương-pháp dẫn-chứng giản-dị và hiệu-nghiệm như: có lẽ là gọi đương-sự đích-thân trình-diện để Tòa trực-tiếp đặt-vấn về tình-lý vụ kiện.

Chỉ cần ghi lệnh vào bút-ký của Lục-sự chứ không phải lên án. Đương-sự sẽ được Phòng Lục-sự đặt giấy gọi. Tới ngày trình-diện, hai bên được thăm-vấn công-khai, một biên-bản làm ngay có chữ ký của đương-sự, Chánh-thẩm và Lục-sự. Nguyên-bản sẽ đính ngay vào hồ-sơ.

2) THÂN-ĐÁO TRƯỜNG-SỞ

Nhiều khi Thăm-phán xử-đoán cần được « đích-mục sờ-thị », tới tận nơi xem xét, nhất là trong các vụ kiện về bất-động-sản, cần phải quan-sát tường chung, thông-hành địa-dịch hay dịch-quyền vọng-cảnh.

Hai bên nguyên bị được gọi đến trường-sở vào ngày tháng do Tòa-án định và được ghi vào bút-ký. Một biên-bản được thiết-lập có đủ chữ ký của Tòa-án và đương-sự dự kiện. Sự hiện-diện của Công-tổ-Viện không cần thiết.

3) GIÁM-ĐỊNH

Đây là một phương-pháp thăm-cứu kỹ-lưỡng rất thông-dụng.

Tòa muốn được chuyên-gia giúp ý-kiến trong vụ kiện nên tuyên-án tiên-thẩm truyền mở cuộc giám-định. Phán-quyết phải ghi rõ đối-tượng và các điều cần giám-xét, thời-hạn phải làm tờ trình.

Theo thường-lệ, cứ một Giám-định-viên là đủ ; nhưng trong các việc khó khăn, Tòa có thể, với sự thỏa-thuận của hai đảng, chỉ-định Ban Giám-định-viên.

Theo nguyên-tắc, ý-kiến của Giám-định-viên không bao giờ bó buộc Tòa-án (điều 31 Nghị-định 1910 và 194 H. S. T. S. T. T.)

Trước khi phán-xử về nội-dung, Tòa có thể hỏi lại Giám-định-viên như một nhân-chứng, yêu-cầu giải-thích thêm, hoặc sau khi nghe hai đảng kết-luận về kết quả chuyên-môn, mở một cuộc phản-giám-định để làm sáng tỏ thêm vụ kiện.

4) KHẢO-TRA HỒ-SƠ

Đây là một thủ-tục cho phép Tòa-án đòi hỏi mọi giấy tờ nguyên-bản thuộc loại công-chính chứng-thư lưu-trữ tại các công sở, văn-phòng công-lại (chương-khế, lục-sự) hoặc cho phép đương-sự xin với Tòa thụ-lý truyền cấp một trích-sao các tài-liệu trên trong những vụ mà chính họ không tham-dự. Việc tra-cứu hồ-sơ hình-sự (điều 211 H.S. T. S. T. T. và điều 113 Nghị-định 1910) là trường-hợp thường gặp.

Phải có một bản-án tiên-thầm, do đơn xin của nguyên hay bị-đơn hay do lệnh tự-động của Tòa.

Nếu là một vụ hình đã được đình-cứu tại Phòng Biện-Lý hoặc kết-thúc bằng một án-lệnh miễn-tố, việc khảo-tra hồ-sơ chỉ có thể thực-hiện nếu Ông Chương-Lý Tòa Thượng-Thẩm cho phép.

5) PHÁT-THỆ

Luật tố-tụng phân-biệt hai lối thề-thốt khác nhau :

— *Phát-thệ quyết tụng*, có hiệu-lực quyết-định kết-quả vụ kiện, vì thiếu bằng-chứng nên bên nọ thách bên kia thề. Nếu thề rồi, Thẩm-Phán không còn quyền nghi-hoặc sự thực-tâm của người đã thề.

— *Phát-thệ bổ-trợ* là một thề-thức giúp Thẩm-Phán quyết-định nếu xét cần phải tăng-cường xic-tin bằng lời thề của đương-sự xem ra có vẻ thành-tâm.

Điều 89 H.S.T.S.T.T. dự-liệu trường-hợp phải thề, qui-chiếu vào Bộ-Dinh-luật Trung ; Bộ Luật này trong các điều 1669, 1677 đã minh-thị công-nhận có hai lối phát-thệ như trên.

Về cách-thức thề, luật ấn-định một cách tổng-quát phải làm theo nghi-lễ thuộc tôn-giáo người phát-thệ (điều 1677 D.L.T. và điều 45 Nghị-định 1910).

Người Việt-Nam đã đi thề thì thường ra trước đình, chùa, đền, miếu thiêng-liêng, vắn cổ gà lấy máu hòa với nước mà uống, sau khi đọc lời thề được ghi sẵn trong bản án tiên-thầm

6) ĐIỀU-TRA

Theo luật tố-tụng Việt-Nam, Tòa có thể truyền mở cuộc điều-tra dân-sự trong tất cả mọi vụ kiện.

Nếu có đơn xin điều-tra, Tòa sẽ xét xem những điều nại ra, nếu chứng-minh được, có đem lại ánh sáng để giải-quyết nội-vụ hay không, những lý-do viện dẫn để chấp nhận hay bác bỏ đơn xin điều-tra phải được ghi trong bản án (điều 64 Nghị-định 1910, 159 H.S.T.S.T.T.)

Tòa có trọn quyền định-đoạt cho mở cuộc điều-tra hay không và sẽ bác bỏ nếu xét đơn xin vô-ích, chỉ có mục-đích kéo dài vụ kiện.

Có hai thề-thức điều-tra, hoặc trong Phòng Thẩm-nghị hoặc ngay tại Phiên Tòa.

Trước Tòa thì Chánh-Thẩm hỏi lấy nhân-chứng nhưng tại Phòng Thẩm-nghị, án-văn thường chỉ-định một vị Thẩm-Phán thừa-uy.

Luật Trung còn dự-lệ trường-hợp Tòa ủy-nhiệm cho Tòa hay Thẩm-Phán ở quán-hạt khác hỏi thay, không có mặt đương-sự. Nguyên đơn xin điều-tra rồi, sau đó bị-đơn có quyền xin phản điều-tra để đem lại phản-chứng, chứng-minh rằng các sự-kiện do nguyên-đơn đã nêu ra là thất-thiệt.

Điều-tra là một thủ-tục rất nặng-nề-thức sự bất tôn-trọng có thể gây những vô-hiệu về thủ-tục.

Nghị-định 16-3-1910 chỉ vắn-vẹn có một câu « có thể xét về vô-hiệu điều-tra cùng một lúc với nội-dung vụ kiện » (điều 77). Bộ Luật Tố-Tụng Trung-Phần giữ im lặng về vấn-đề này.

7) KIỂM-TRA TỰ-DẠNG

Một tư-thư chứng-thư có thể bị phủ-nhận. Người cầm giấy, trong khi vụ kiện đương tiến-hành, xin Tòa kiểm-tra và tuyên-nhận là chân-thật. Hai Bộ Luật Tố-Tụng Việt-Nam đều qui-định vắn-đề gần như nhau (điều 93, 99 Nghị-định 1910, điều 195, 203 Bộ H.S.T.S.T.T.).

Thường-lệ thì Tòa cử Giám-định-viên. Có một điều đặc-biệt là luật Trung buộc phải có đủ ba người để xét tự-dạng.

Ấn-tiền-thâm cho phép kiểm-tra tự-dạng truyền ký-thác tại Phòng Lục-sự bút-lục bị tranh-nại, sau khi Chánh-Thâm, Lục-sự và hai đương-sự ký tên trên đó để khỏi có sự thay-đổi. Phải có một biên-bản mô-tả văn-kiện bị nghi-ngờ để lưu vào hồ-sơ.

Nội trong 15 ngày (theo Luật Nam) hay 20 ngày (theo Luật Trung) hai bên phải nộp trình các văn-kiện dùng để đối-chiếu.

Nếu có sự bất-đồng ý-kiến về những bút-lục đem so-sánh thì Giám-định-viên chỉ được căn-cứ vào chứng-thư công-chính hay tư-pháp hay chứng-thư tư-nhân được xác-nhận.

Giám-định-viên có thể buộc đương-sự viết một vài hàng chữ hay ký tên đem dùng để so-sánh.

Trong trường-hợp Giám-định-viên kết-luận và được Tòa tin là đúng tự-dạng của người đã chối, người này sẽ bị xử phạt-vạ dân-sự và bồi-thường thiệt-hại cho đối-phương.

8) GIẢ-MẠO PHỤ-ĐỐI DÂN-SỰ

Ở đây, văn-thư bị tranh-nại là một công-chính chứng-thư.

Khởi sự, người tranh-nại có bổn-phận đặt-vấn đối-phương xem có còn muốn xử-dụng văn-thư ấy hay không (điều 102 Nghị-định 1910, 204 H.S.T.S.T.T.).

Nếu đối-phương xin rút giấy tờ về, Tòa sẽ bỏ qua. Tòa cũng sẽ bỏ qua nếu xét việc giả-mạo nêu ra không có lý-do tin-cậy.

Nếu đối-phương nhất-quyết dùng tài-liệu bị dị-nghị, Chánh-thâm sẽ hiệu-thị cho người muốn đăng-cáo giả-mạo về những khó khăn, trách-nhiệm và hậu-quả của hành-động của y. Nếu y giữ nguyên ý-định, Tòa sẽ cho phép nộp đơn thưa về giả-mạo tại phiên xử hình sự để chuyển qua Biện-lý-cuộc (theo Luật Nam) hay cho một thời-gian để quyết-định đề thưa (theo Luật Trung).

Tòa sẽ đình nội-vụ để đợi kết quả đơn thưa về mặt hình. Nếu sau đó, nguyên-đơn nghĩ lại không hành-động nữa thì Tòa sẽ bỏ qua để xét luận về nội-dung, vụ đối-tranh kể như chấm dứt.

Thí dụ Tòa Hình đã thụ-lý và kết thúc. Vụ tranh-chấp dân-sự lại trở ra Tòa-án Hộ. Quyết-định của cơ-quan tài-phán hình-sự bó buộc Tòa dân-sự. Tòa này hoặc bác đơn đăng-cáo hoặc gạt ra ngoài hồ-sơ văn-kiện giả-mạo, tùy theo kết-quả vụ hình.

Cả hai Bộ Luật Tố-Tụng đều dạy nguyên-cáo đấng-cáo thất-kiện phải phạt vạ dân-sự và bồi-thường thiệt-hại cho đối-phương, cũng như trường-hợp kiểm-tra tự-dạng.

III.— THỦ-TỤC DÂN-SỰ ĐẶC-BIỆT

1.— THỦ-TỤC TRƯỚC TÒA XỬ VỀ LY-THÂN VÀ LY-HÔN.

a) Đơn khởi-tố.

Khi nhận đơn, Thẩm-Phán sẽ nghe nguyên-đơn trình-bày và sẽ khuyên-cáo người này ; nếu vô-hiệu-quả, mới ký án-lệnh dưới đơn, ấn-định ngày giờ cho đôi vợ chồng đến hòa-giải ; ngay trong án-lệnh, Thẩm-Phán có thể cho nguyên-đơn ra ở riêng, nếu có lý do đặc-biệt.

Trát đòi sẽ do Thừa-phát-lại tổng-đạt cho bị-đơn cùng với bản sao đơn khởi-tố 3 ngày tròn trước ngày hòa-giải. chưa kể sự gia-tăng thời-hạn vì đường xa. Trát đòi không đúng thủ-tục này sẽ vô-hiệu.

b) Hòa-giải.

Đến ngày hòa-giải, nếu nguyên-đơn vắng mặt, Thẩm-Phán sẽ cho đòi lại ; nếu vắng mặt nữa thì đơn kiện sẽ bị bãi bỏ, sau đó một năm mới có thể nộp lại đơn khác.

Nếu bị-đơn vắng mặt hay nếu hòa-giải bất thành, Tòa sẽ truyền cho hòa-giải một lần thứ nhì, cách 3 tháng sau. Nếu bị-đơn cư-ngụ ở quận-hạt Tòa-án khác, Thẩm-Phán có thể ủy-quyền cho Chánh-Án Tòa-án ấy tiếp-nhận lời khai của bị-đơn.

Nếu hai lần hòa-giải bất thành, Thẩm-Phán ra án-lệnh cho phép nguyên-đơn tiếp-tục thủ-tục trước Tòa-án. Trong án-lệnh, Thẩm-Phán có thể quyết-định về nơi tạm trú của hai vợ chồng trong « thời kỳ kiện thưa, về việc giao hoàn quần áo, đồ dùng riêng của mỗi người, về việc tạm giữ con và quyền thăm viếng của vợ chồng và về tiền cấp-dưỡng ».

Án-lệnh có thể bị kháng-cáo trong hạn 8 ngày tròn nhưng đương-nhiên được thi-hành tạm.

Mọi biện-pháp tạm thời dự-định trong án-lệnh có thể do Tòa sửa đổi hay bổ-túc trong thời-kỳ thủ-tục tiến hành.

Ngay từ lúc có án-lệnh đầu tiên, vợ hay chồng đều có quyền xin thi-hành mọi biện-Pháp bảo-thủ để bảo-đảm quyền-lợi, nhất là xin niêm-phong tài-sản chung. Thẩm-phán sẽ ra án lệnh cho phép niêm-phong, ngoại trừ quyền phản-kháng của bị-đơn bằng thủ-tục cấp-thâm. Việc niêm-phong sẽ giao cho Thẩm-Phán Hòa-Giải phụ-trách.

Người vợ dù không ở chế-độ cộng-đồng tài-sản cũng có quyền xin niêm-phong như trên, đối với những tài-sản do người chồng hưởng-thụ hay quản-trị. Vợ hay chồng đều có quyền xin bỏ niêm-phong để lập bảng kê-khai và trị-giá các tài-sản ;

sau đó tài-sản sẽ giao cho người phối-ngẫu hiện chấp-hữu được coi giữ, trừ phi Thẩm-Phán định khác.

c) Tổ quyền và thủ-tục trước Tòa.

Tổ-quyền ly-hôn bị tiêu-hủy nếu vợ chồng tái-hợp sau ngày được phép ở riêng. Tuy nhiên vẫn có thể kiện lại nếu có những nguyên-nhân khác xảy ra từ khi tái-hợp và trong thủ-tục mới nguyên-đơn vẫn có thể nại ra những nguyên-nhân cũ.

Tổ-quyền ly-hôn cũng bị tiêu-hủy nếu vợ hay chồng mệnh-một trước khi án-văn ly-hôn thành nhất-định.

Nên ghi thêm rằng trái với nguyên-tắc thường lệ, bất cứ lúc nào nguyên-đơn cũng có thể xin đòi đơn ly-hôn ra đơn ly-thân. Bị-đơn có thể phản-tố xin ly-hôn bằng lý-đoán nạp trước Tòa.

Luật cấm báo-chí không được tường thuật các vụ ly-hôn mà chỉ được đăng tin về kết quả các vụ ấy.

Nếu trát đòi bên bị không được tổng-đạt đến đích-thân cho người này, Tòa có thể truyền cho công bố bản trát vào 3 tờ nhật-báo xuất-bản ở nơi Tòa tọa-vị hay ở nơi cư-ngụ cuối cùng của đương nhân.

Trước khi Tòa xét xử về một thủ-tục phụ-đời hay về nội-dung vụ ly-hôn, hồ-sơ phải được thông-tri cho Công-tổ-viện để cho biết ý-kiến.

Nếu những sự-kiện viện-dẫn làm căn-cứ cho đơn ly-hôn bị phủ-nhận, Tòa sẽ mở cuộc điều-tra. Gia-nhân và thân-thuộc của mỗi bên, trừ con cái, đều có thể gọi ra làm chứng.

d) Án ly-hôn.

Án ly-hôn sau khi thành nhất-định sẽ phải chuyển-tà vào sổ hộ-tịch ở nơi hôn-lễ đã cử-hành, theo lời yêu-cầu của Công-tổ-viện; án-văn cũng sẽ được ghi-chú vào bên lề giấy giá-thú và giấy khai-sanh của hai đương-sự.

Án ly-hôn có hồi-tiền hiệu-lực giữa hai vợ chồng về tài-sản của họ kể từ ngày khởi-tổ, nhưng đối với đệ-tam-nhân, sẽ chỉ có hiệu-lực kể từ ngày chuyển-tà.

Án ly-hôn sẽ phải công-bố vào một tờ báo xuất-bản ở nơi Tòa-án tọa-vị hoặc nơi gần nhất.

Án ly-hôn khuyết-tịch có thể bị kháng trong hạn 1 tháng nếu đã tổng-đạt đích thân cho người phối-ngẫu bị xử khuyết-tịch; nếu không, thời-hạn kháng-án sẽ là 6 tháng kể từ ngày án-văn thành nhất-định (điều 83 Sắc-Luật số 15/64 ngày 23-7-1964).

Đơn phản-tố có thể nộp lần đầu trước Tòa Thượng-Thẩm.

Sự thượng-tổ sẽ có hiệu-lực đình-chỉ.

2. - THỦ-TỤC TRƯỚC TÒA CẤP-THẨM

Vì tính-cách cấp-bách, thủ-tục xử cấp-thẩm rất giản-dị và mau chóng. Đơn phải đưa ra phiên Tòa riêng; nếu là việc thượng-khàn, Thẩm-Phán có thể xét bất-cứ lúc nào, ngay tại tư-dinh (điều 246, 247 Nghị-định 1910).

Trong án-lệnh khẩn-cấp, Tòa thường cho phép thi-hành trên nguyên bản, nghĩa là không cần phải đem trước-bạ và đợi cấp toàn cao rồi mới thi-hành như đối với bản án thường; thừa-phát-lại lấy ngay nguyên-cáo án-lệnh để thi-hành, xong rồi mới hoàn về Phòng Lục-sự để đưa đi trước-bạ.

Bị-đơn vụ khẩn-cấp có thể xuất-tịch hay không cũng chỉ có một phương sách tối-ưu là kháng-cáo lên Tòa Thượng-Thẩm. Thời-hạn kháng-cáo là 10 ngày kể từ ngày Lục-sự tổng-đạt án-lệnh.

Nên ghi rằng thủ-tục cấp-thẩm chỉ được qui-định nhưng rất sơ-lược, trong Nghị-định 16-3-1910. Tại Trung-Phần có lẽ đời sống bình-thản nên nhà biên-tập Bộ Hộ-sự Thương-sự Tổ-tụng thấy không cần-thiết phải giải-quyết vấn-đề này. Dự số 4 ngày 18-10-1949 không bỏ-khuyết sự thiếu sót ấy. Trước nhu-cầu cấp-bách hàng ngày, án lệ Trung-Phần phải quyền-biến, tự cho có thẩm-quyền để xét-xử khẩn-cấp.

3. — THỦ-TỤC TRƯỚC TÒA NHÀ PHỐ

Ở đây, trát đòi được thay bằng thơ bảo-đảm có hồi-báo gọi 15 hôm trước ngày xử. Ra trước Thẩm-Phân, bắt buộc phải có một cuộc hòa-giải; nếu bất-thành thì lập biên-bản có văn-thức chấp-hành; nếu không thành mới xét-xử được.

Phán-quyết được tuyên trong Phòng Thẩm-nghị và được gọi là quyết-định. Nếu là một quyết-định khuyết-tịch thì phải tổng-đạt bằng thơ bảo-đảm nội trong 5 ngày (thay vì 10 ngày theo thường luật); bị-đơn có thời-hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được giấy báo-thị để kháng-tố.

Nếu là án-lệnh đương-tịch, đương-sự có thời-hạn 20 ngày để kháng-cáo. Nội vụ sẽ chuyển lên Tòa Thượng-Thẩm phúc xử lại.

4. — THỦ-TỤC TRƯỚC TÒA ĐIỀN-ĐỊA

Về thủ-tục trước Tòa này, sự tản-mác các bản văn và ý-kiến đã chủ-trương gây nhiều khó khăn cho cơ-quan tài-phán có nhiệm-vụ giải-thích.

Trước hết điều 24 Dự số 20 ngày 8-1-1955 sửa đổi Dự số 20 ngày 4-6-1953 ấn-định qui-chế tá-diễn, có ấn-định như sau « Trước khi khởi-tổ việc xung đột hay tranh-chấp, phải được Ủy-Ban Nông-Vụ Tỉnh hòa-giải trước ».

Nhưng Sắc-Lệnh số 558-ĐT/CCĐĐ ngày 5-12-1958 lại thêm rằng « Trong mọi vụ tranh-chấp về điền-địa, nếu tại nơi nào không có Ủy-Ban Nông-Vụ Xã hay Ủy-Ban Nông-Vụ Tổng hay vì một lý do gì mà các Ủy-Ban Nông-Vụ này không xét đơn của đương-nhân để cho ý-kiến hay không hòa-giải thì sau thời-hạn 10 ngày kể từ ngày nộp đơn tại Ủy-Ban Nông-Vụ sở-quan, đương-đơn có quyền khởi-tổ thẳng trước Tòa-án Điền-địa. Trong các vụ tranh-tụng này, tá-diễn đương-nhiên được hưởng tư-pháp bảo-trợ ».

Điều 11 và 12 Sắc-lệnh số 498-ĐT/CCĐĐ ngày 27-11-1957 thiết-lập Tòa-án Điền-Địa, định rằng Tòa này sẽ áp-dụng một thủ-tục tương-tự như thủ-tục của các Tòa-án cấp sơ-thẩm.

Mỗi vụ tranh-tụng tại Tòa-án này được miễn tụng-lệ và án-phí.

Nếu không có lý-do gì đích-dáng thì trong thời-hạn 40 ngày kể từ ngày đương sự đệ đơn tại Tòa Điện-Địa sở-quan, vụ án phải được xét xử.

Các án-văn của Tòa-Án Điện-Địa phải được coi là chung-quyết. Tuy nhiên, muốn có hiệu-lực chấp-hành, các án-văn đó phải được Hội-Đồng Cải-Cách Điện-Địa thành-lập do Sắc-lệnh số 74 ĐT/CCĐĐ ngày 4-4-1957 chấp-thuận.

Sắc-lệnh số 588 ĐT/CCĐĐ nói trên thêm rằng trong việc xét án-văn, nếu bác bỏ một án-văn nào, Hội-Đồng sẽ chỉ dẫn một biện-pháp hoặc một đường lối và giao cho một Tòa-án Điện-Địa lân-cận xét xử lại vụ kiện.

Lẽ tất nhiên cơ-quan tài-phán thứ nhì này phúc xét không phải với tư-cách một Tòa kháng-cáo mà chỉ với tư-cách một Tòa-Án Đặc Biệt đồng bản-chất, đồng cấp-bậc được luật-pháp triển-khoảng thẩm-quyền và giao cho xét xử một vụ ngoài quản-hạt.

Một câu hỏi : Nếu Tòa-án Điện-Địa thứ hai không theo ý-kiến Hội-Đồng thì sao?

Ta không nên quên rằng Hội-Đồng Cải-Cách Điện-Địa không phải là một cơ-quan tài-phán cấp trên ; Hội-Đồng không cho thi-hành án-văn vì lý do chính-trị, còn việc áp-dụng và giải-thích luật-pháp vẫn thuộc thẩm-quyền của Tòa-án.

Có lẽ vì không ngờ có thể có trường-hợp Tòa-án thứ hai cưỡng lại, nên luật-pháp không đề-cập đến. Dù sao một vụ kiện xử tới ba lần và theo lý-thuyết có thể xử tới bốn năm lần, là một điều không nên và giải-pháp duy nhất để tránh sự bất-đồng ý-kiến là nhà lập-pháp nên tu-chỉnh lại điều luật nói trên.

5) THỦ-TỤC TRƯỚC TÒA LAO-ĐỘNG.

Trước Tòa Lao-Động đơn khởi-tố khởi gấn con niêm, nộp tại Phòng Thư-ký Tòa.

Đương-sự cũng có thể trình đơn cho Thanh-Tra Lao-Động ; Viên-chức này sẽ cố gắng hòa-giải cuộc phân-tranh và nếu không thành, sẽ đệ đơn ấy qua Tòa Lao-Động. Đương-sự sẽ được đòi đến hầu bằng thư bảo-đảm do Phòng Thư-ký Tòa gửi 10 ngày trước phiên xử. Thư đòi hầu phải biên ngày tháng năm, tên họ, nghề-nghiệp và trú-quán của nguyên-đơn, thừa kiện việc chi, và ngày giờ đến hầu Tòa, nếu thề-thức này không được tuân-hành thì sự đòi vô-hiệu.

Đến ngày xử mà nguyên-đơn vắng mặt thì vụ tố-tụng sẽ được bãi bỏ và chỉ có thể đem ra Tòa một lần nữa, sau thời-hạn 8 ngày và theo thề-thức như trên.

Nếu ngược lại bị-đơn vắng mặt thì Tòa sẽ kê là khiếm-diện và thăm-xét ngay vụ kiện.

Khi đương-sự đến hầu đầy đủ, Tòa thử hòa-giải hai đảng. Nếu có sự thỏa-thuận Tòa lập biên-bản liền : biên bản này có đủ lực chấp-hành và sẽ được thi-hành như một bản án.

Khi nào không hòa-giải được, Tòa sẽ giữ lại để xét đoán ngay. Tòa luôn luôn có thể lên án, có ghi duyên-cớ ra lệnh điều-tra, đến khám xét nơi xảy ra việc phân-tranh cùng các phương-pháp thăm-vấn khác.

Trừ khi nào có kháng-cáo, án được thi-hành 8 ngày sau khi tuyên án. Nếu có kháng-cáo thì phải làm trong thời-hạn 8 ngày sau ngày tuyên án.

Thuộc-viên hay thợ-thuyền đương nhiên được hưởng tư-pháp bảo trợ bất cứ về tình-trạng nào trước Tòa Sơ-Thẩm và khi đứng về mặt bị-kháng trước Tòa kháng-cáo. Các đơn từ, văn-kiện nộp vào hồ-sơ đều được miễn dán con niêm đăng-ký khỏi tốn phí.

IV — PHƯƠNG-SÁCH TỔ-CẦU DÂN-SỰ.

1.— KHÁNG-TỐ.

Phương-sách này đã được đề-cập khi bàn về thủ-tục khuyết-tịch nói ở đoạn trên ; vậy xin miễn nhắc lại.

2.— KHÁNG-CÁO.

Vì là một tổ-cầu thường-luật, quyền kháng-cáo được mở rộng cho tất-cả các phán-quyết có tính-cách tranh-tụng, nếu không có một bản văn đặc-biệt ngăn cấm, như trường-hợp án-văn của Tòa-Án-Điền-Địa. Ngoại-nhân không có quyền kháng-cáo, nhưng được hành-sử thủ-tục đệ-tam kháng-tố nói ở đoạn sau.

Chỉ đương-sự bị thất kiện ở sơ-thẩm mới được quyền kháng-cáo, dù chỉ thất có một phần.

a) Về hình-thức và thời hạn

Luật tổ-tụng phân-biệt kháng-cáo chính và kháng-cáo phụ-đối. Kháng-cáo chính là do người thất kiện ở sơ-thẩm ; kháng-cáo phụ-đối do bị-kháng làm theo, khi nội-vụ đã bị kháng-cáo rồi.

Nếu là kháng-cáo chính, lời khai của nguyên-kháng hay người ủy-nhiệm có giấy đại-quyền phải ghi trong một cuốn sổ riêng để tại Phòng Lục-sự Tòa nguyên-thẩm (điều 116 Nghị-định 1910).

Luật Trung đã dễ-dãi hơn về vấn-đề hình-thức ; có thể kháng-cáo bằng lời khai miệng hay làm đơn với Thẩm-phán và Lục-sự, bằng thơ hay điện-tin hay bằng đơn khiếu gởi đến các cơ-quan khác (điều 117, 118 H.S.T.S.T.T).

Thời-hạn kháng-cáo chính là 60 ngày tròn ở Nam và 30 ngày tròn ở Trung.

Muốn kháng-cáo một bản án khuyết-tịch, phải đợi hết thời-hạn kháng-tố.

Đương-sự mệnh-một thì thời hạn được đình-chỉ và bắt đầu khởi-diêm kể từ ngày thừa kế bắt đầu nhận được tổng-đạt án (điều 120 H.S.T.S.T.T) hoặc được gia hạn 60 ngày kể từ ngày tổng-đạt (điều 115 N.Đ. 1910).

Nếu là kháng-cáo phụ-đối thì luật không buộc một hình-thức hay thời-hạn nào cả, và có thể chống lại cả những khoản chi-văn không làm đối-trợng cho sự kháng-cáo chính.

Nếu có bãi-nại kháng-cáo chính, sự kháng-cáo phụ-đối vẫn còn hiệu-lực. Nhưng nếu kháng-cáo chính bị tiêu-hủy, chẳng hạn vì có hù-ti về hình-thức, lúc đó kháng-cáo phụ-đối không còn dựa trên căn-bản nào nữa, sẽ vô hiệu-lực luôn.

b) Hiệu-lực kháng-cáo

Trừ phi Tòa dưới cho thi-hành tạm bản án nguyên-xử, sự kháng-cáo có hiệu-lực làm đình-chỉ sự thi-hành phán-quyết bị kháng-cáo.

Tòa kháng-cáo có quyền xét lại toàn thể nội-vụ, đó là hiệu-lực phó-thâm (effet dévolutif). Tuy nhiên, Tòa phúc-thâm chỉ có quyền xét lại các khoản bị kháng-cáo, chớ không được xét ra ngoài, theo nguyên-tắc « tantum devolutum, quantum appellatum ». Ngoài ra, nguyên-kháng chỉ có thể đưa ra những phươg-chươc mới trước Tòa kháng-cáo, chớ không có quyền đưa ra những thỉnh-cầu mới.

Tòa kháng-cáo còn có một đặc-quyền đặc-biệt: đó là quyền đi-thâm (droit d'évocation). Tòa này được phép nhận luôn hồ-sơ để xét-xử toàn thể vụ kiện về nội-dung, sau khi đã phúc-xét và sửa lại một bản án của Tòa dưới. Đây là một giải-pháp trừ lệ đối với hai nguyên-tắc đã học: nguyên-tắc « tantum devolutum, quantum appellatum » và nguyên-tắc lưỡng-cấp tài-phán. Dù sao luật Việt-Nam cũng chỉ chấp-nhận quyền này trong hai trường-hợp: án-vấn sơ-thần bị hủy vì bất hợp-thức và vô-thâm-quyền (điều 130 Nghị-định 1910, điều 129 H. S. T. S. T. T.).

3.— ĐỆ-TAM KHÁNG-TỐ.

Người ngoại-cuộc, không phải là đương-sự hay không được thay mặt trong vụ kiện, muốn tránh thiệt-hại gây ra do hiệu-lực của một bản án, được luật-pháp đặc-biệt cho phép kháng phán-quyết đó: đây là quyền đệ-tam-nhân làm đệ-tam kháng-tố.

Theo nguyên-tắc bất cứ phán-quyết nào làm thiệt-hại quyền-lợi của đệ-tam-nhân cũng có thể làm đối-tượng của phươg-pháp tố-cầu này. Tuy nhiên, các án-vấn phi-tụng và các phúc-quyết của Tòa Phi-Án không thể bị đệ-tam kháng-tố.

Luật không buộc đệ-tam-nhân phải kháng-tố trong thời-hạn nhất định nào.

Về hình-thức, Nghị-định 16-3-1910 không đề-cập đến, nhưng luật Trung nói rõ trong điều 233 rằng đơn đứng đệ-tam kháng-tố phải làm theo hình-thức một đơn khởi-tố.

Tố-cầu này không có hiệu-lực đình-chỉ phán-quyết bị chỉ-trích Nhưng Thâm-Phán có thể truyền đình-chỉ nếu xét thấy nguyên-đơn đứng đệ-tam kháng-tố có hy-vọng thắng kiện (điều 136 Nghị-định 1910, điều 234 H.S.T.S.T.T.).

Nếu thất kiện, nguyên-đơn sẽ bị phạt vạ và phải bồi-thường thiệt-hại cho đương-sự có bản án bị chỉ-trích vô căn-cứ.

Nếu thất kiện, bản án bị chỉ-trích sẽ tùy trường-hợp bị thâu-hồi hay bị sửa lại. Nhưng việc chuẩn-chấp đệ-tam kháng-tố chỉ có hiệu-lực đối với người đệ-tam kháng-tố và bản văn vẫn có giá-trị đối với các đương-sự khác (điều 137 Nghị-định 1910, điều 236 H.S.T.S.T.T.).

4 — ĐƠN XIN PHIÊN ÁN.

Nghị-định 16-3-1910 chấp-nhận những trường-hợp xin phiên - án (điều 139, 140) sau đây :

- nếu có tri-trá cá-nhân làm Tòa mắc lầm ;
- nếu vì không tôn-trọng hình-thức mà bị vô - hiệu thủ-tục, trước hay lúc nghị-xử, miễn là vô-hiệu không được sự bao-yểm ;
- nếu đã phán-xét về những điều không thỉnh-cầu ;
- nếu đã phán-xử quá lời thỉnh-cầu ;
- nếu có án-văn mâu-thuẫn, trong các vụ án đồng tụng-nhân, do một Tòa xét xử ;
- nếu trong một bản án có những điều khoản trái ngược nhau ;
- nếu đã căn-cứ vào những văn-kiện xét ra là giả-mạo hay bị tuyên-bố giả-mạo sau ngày có án-văn ;
- nếu từ ngày xét-xử lại tìm ra những văn-kiện quyết-định do đối-phương nắm giữ.

Bộ Hộ-sự Thương-sự Tổ-tụng Trung, trong điều 212 cũng chấp-nhận những trường-hợp trên đây trừ trường-hợp thứ nhất (đương-sự tri-trá lừa dối Tòa).

a) Điều-kiện xin phiên-án :

Trừ phán-quyết của Tòa Phá-Án, bất cứ án văn Tòa thường-tụng và đặc-thẩm nào cũng có thể xin thu-hồi được.

Điều 139 Nghị-định 1910 và 211 H.S.T.S.T.T. chỉ nói đến án-văn đối-tịch chung-thâm của Tòa Sơ-Thẩm và Thượng-Thẩm cùng án-văn khuyết-tịch không còn kháng tố được nữa.

Đương-sự được quyền xin phiên-án cũng là những người có thể xin kháng-cáo, nghĩa là : phải là tụng-nhân hoặc là người được đại-diện có lợi-ích trong vụ kiện và đủ năng-lực.

Thời-hạn xin phiên án là *hai tháng* theo luật Nam và *một tháng* theo luật Trung. Theo luật này, trong trường-hợp giả-mạo giấy tờ hay khám phá ra văn-tự mới, thời-hạn được tính kể từ ngày sự giả-mạo được cáo-giác hay tuyên-nhận hay từ ngày có bằng-chứng viết rằng văn-kiện mới được khám phá ; về các trường-hợp khác thời-hạn sẽ khởi-điểm từ ngày tuyên-án đương-tịch hay từ ngày án khuyết-tịch không còn kháng tố được nữa. Theo luật Nam, về các trường-hợp giả-mạo giấy tờ hay khám phá ra văn-tự mới, thời-hạn tính như ở Trung ; nếu có án-văn mâu-thuẫn, ngày tháng tổng đạt bản án sau sẽ được kể để tính thời-hạn ; về các trường-hợp khác thì thời-hạn được tính kể từ ngày tổng đạt đích-thân hay tới nhà ; thời-hạn cũng được kéo dài cho đến ngày thành-niên đối với người dưới 21 tuổi.

b) Thủ-tục :

Nội-vụ phải trở về Tòa nguyên-thẩm để xét lại những sự lầm-lẫn vô-tình.

Phải có đơn xin thu-hồi, lại phải đóng tiền dự phạt tương đối khá nặng (thua kiện sẽ mất). Ở Nam, nguyên-đơn còn phải trả cả tiền bồi-thường ; đơn chỉ được thu-nhận nếu đã đóng đủ số tiền này.

Ngoài ra, còn phải có một bản ý-kiến thuận về việc đệ-nạp đơn khiếu ; bản ấy do 3 Luật-sư thâm-niên nhất trong Luật-sư đoàn ký tên ; nếu thiếu, đơn cũng không được thu-nhận (điều 152 Nghị-định 1910). Luật Trung thay thế thể-thức này bằng việc thông-tri hồ-sơ cho Bộ Tư-Pháp Nam-Triều chiếu-khán và trả về Tòa với luận-trạng cần thiết trong thời-hạn 20 ngày ; không rõ nay có Luật-sư đoàn, án-lệ thích nghi ra sao.

Việc xét xử chia làm 2 giai-đoạn :

Giai-đoạn I : Tòa cứu-xét trước xem đơn xin thu-hồi có đáng chuẩn-chấp không, hay phải hủy bỏ.

Giai-đoạn II : Tòa họp lần nữa đề lên bản án thứ hai thay thế bản án đã bị hủy-bỏ trong giai-đoạn trước nếu đơn xin thu-hồi nguyên-án được chấp-nhận.

Bản án kết-thúc giai-đoạn nhất, cũng như bản án kết-thúc giai-đoạn nhì là những phán-quyết chung-thâm ; do đó chỉ có thể xin thượng-tố lên Tòa Phá-Án chứ không thể lại xin thu-hồi lần nữa.

Nếu là trường-hợp án-văn mâu-thuẫn, án-văn kết-thúc giai-đoạn I hủy-bỏ một trong hai bản án bị chỉ-trích đã chấm-dứt thủ-tục, nên không cần phải bước qua giai-đoạn hai

Theo nguyên-tắc, đơn xin phiến-án không có hiệu-lực đình-chỉ ; nhưng Bộ Hộ-sự Thương-sự Tổ-tụng cho phép Thâm-Phán Trung-Phần quyền ra án-lệnh đình chỉ việc thi-hành phán-quyết bị chỉ-trích (điều 217).

5.— THƯỢNG-TỐ XIN PHÁ-ÁN.

Pháp-chế Việt-Nam mới đặt ra thủ-tục phá-án riêng cho các Tòa-án quốc-gia kể từ ngày có Dụ số 5 ngày 18-10-1949

a) Lý do thượng tố.

Chỉ có thể xin phá các bản án chung-thâm về dân-sự và thương-sự vì những lý do sau đây :

- vô thẩm-quyền hay lạm quyền,
- vi-luật,
- trong các hành-vi thủ-tục và án-văn có sự bất-tuân các thể-thức tổ-tụng được đặt ra với chế-tài vô-hiệu,
- có sự tương-phản giữa 2 bản án cùng xử về một việc của hai Tòa-án khác nhau.

b) Hiệu-lực sự thượng-tố.

Trước hết sự thượng-tố không có hiệu-lực đình-chỉ, trừ phi luật-định khác.

Thượng-tố cũng không có hiệu-lực phổ-thâm. Tòa Phá-Án chỉ có quyền kiểm-soát các vấn-đề luật-lệ mà đương-sự xin xét tính-cách hợp - pháp và duy-chỉ vì lý-do được nại ra mà thôi. Tòa Phá-Án không phải là một cơ-quan tài-phán đệ-tam-cấp ; Tòa Phá-Án chỉ có nhiệm-vụ xử bản án chứ không xử nội-dung vụ kiện.

Các sự-kiện, nhà lập-pháp coi như đã thẩm-định xong xuôi trước Tòa xử chung-thâm, Tòa Phá-Án không được quyền trở lại vấn-đề này.

Phương-chước mới cũng không được phép đệ-trình Tòa Phá-Án. Tuy nhiên, án-lệ chấp nhận 2 biệt-lệ :

— Phương-chước mới được nêu lên lần đầu nếu trước kia không có dịp bàn tới vì lẽ phương-chước đó rút ở ngay các bản án bị thượng-tố ra. Chẳng hạn thượng-tố vì khiếm-khuyết lý-do, vì thiếu căn-bản pháp-lý ;

— Phương-chước mới lại có thể nêu lên lần thứ nhất nếu là những phương-chước liên-hệ đến trật-tự công-cộng, miễn là ngay trong các văn-kiện xuất-trình Tòa nguyên-thâm đã có sẵn rồi.

c) Điều-kiện thượng-tố.

— án-văn xin thượng-tố phải là một phán-quyết tranh-tụng ;

— án-văn tuyên-xử đương-tịch hay khuyết-tịch không quan trọng, miễn là án chung-thâm. Đối với án khuyết-tịch, thời-hạn kháng-tố phải đã mãn ;

— đương-sự được phép thượng-tố là những người được hành-sử quyền kháng-cáo và thu-hồi nguyên-án.

Luật có đề-cập đến trường-hợp thượng-tố của Ông Chương-Lý Tòa Phá-Án. Nếu có vi-luật hay bất-hợp-thức tố-tụng, Vị này có thể tự-động xin phá-án. Nhưng nếu có lạm - quyền, thì phải đợi lệnh Ông Tổng Ủy-Viên Tư-Pháp.

d) Thời-hạn và thể-thức thượng-tố.

Muốn xin phá-án, đương-sự phải khai-trình tại Phòng Lục-sự Tòa-án nguyên-thâm, trong hạn 15 ngày sau ngày tổng-đạt bản-án ấy đến đích-thân hay trú-sở của đương-sự ; có thể khai miệng hay làm đơn đề xin phá-án.

Đương-sự phải đóng một số tiền dự phạt 200đ ; điều-kiện này không áp-dụng cho Công-tổ-viện đứng ra thượng-tố.

Trong hạn 1 tháng, Lục-sự Tòa nguyên-thâm phải báo cho bên kia biết việc xin phá-án bằng thư bảo-đảm có hồi-báo.

Ba tháng sau là chậm nhất, hồ-sơ phải được chuyển lên Tòa Phá-Án.

Biện-minh của nguyên-đơn xin phá-án và kháng-biện-luận của bên kia trao đổi lẫn nhau qua trung-gian phòng Lục-sự Tòa Phá-Án.

Theo Sắc-Luật số 14/65 ngày 17-9-1965 nếu nguyên thượng-tố không có bản biện-minh thời 3 tháng sau khi hồ-sơ lên đến Phòng Lục-sự, Tòa Phá-Án có thể đem việc ra xét xử được. Về phần bị thượng-tố, nếu được báo có bản biện-minh của nguyên thượng-tố, mà 2 tháng sau chưa kết-luận thì Tòa cũng sẽ xét xử.

Ông Chánh-Nhất cử một vị Hội-Thẩm làm tờ thuyết-trình trong hạn 2 tháng ; sau khi có bản thuyết-trình. Công-tố-viện sửa soạn kết-luận trong một thời-gian ngắn và hoàn Phòng Lục-sự chậm nhất 3 ngày trước phiên Tòa.

e) Án-Vấn.

Phán-quyết của Tòa phá-án bao giờ cũng viện dẫn lý do. Nếu đơn thượng-tố bị bác, nguyên-cáo không những gánh chịu án-phí, mất tiền dự phạt mà còn phải trả cho bị-cáo một số tiền bồi thường bằng 1/2 số tiền phạt dự ký.

Nếu bản án thượng-tố bị phá, nguyên-cáo được hoàn lại tiền dự phạt. Nội vụ được di giao cho một Tòa khác đồng qui-giai, bản-chất và cấp bậc với Tòa nguyên-thẩm để xét lại về tinh-lý.

Nhưng có trường-hợp không có di-giao trong án đã bị phá :

— Khi sự thượng-tố vi lợi-ích luật-pháp, do Ông Chương-Lý Tòa Phá-Án làm, cốt cho án-lệ được duy nhất.

— khi Tòa Thượng-Thẩm nguyên-xử đã phán xét trong một vụ có kháng-cáo bất hợp-lệ hoặc quá hạn, và bản án thượng-tố bị phá vì lý do này. Nếu di-giao về Tòa khác sẽ làm sống lại các điểm bất hợp-pháp đã được giải quyết.

— Khi có sự tương-phản giữa 2 phán-quyết, chỉ cần phá một án-vấn là đủ.

Tòa di-giao theo nguyên-tắc, có thể không theo quan-điểm của Tòa Phá-Án. Trong trường-hợp này, nếu nội-vụ trở lại Tòa Phá-Án thì Tòa sẽ hợp tất cả các phòng để xử chung-thâm.

V. — THỦ-TỤC ĐẶC-BIỆT TRƯỚC CÁC TÒA-ÁN PHÒNG-TỤC.

Về dân-sự và thương-sự ở cấp Xã, tất cả các vụ tranh-tụng không phân biệt giá-ngạch phải đưa ra thử hòa-giải trước. Chủ-Tịch Ủy-Ban Hành-Chánh Xã sẽ một mình đảm-trách cuộc hòa-giải ; nếu cần, vị này có thể tham-khảo ý-kiến của các Phụ-Thẩm Thượng. Nếu hòa-giải được, biên-bản ghi những điều-khoản ghi những điều thỏa-thuận sẽ có hiệu-lực chấp-hành và không được thượng-cáo nơi đâu cả. Khi nào hòa-giải bất thành mới đưa nội vụ ra trước Tòa-án xét xử.

Các Tòa-án Thượng các cấp sẽ áp-dụng những qui-nệ và phong-tục địa-phương, miễn là không trái với trật-tự công-cộng.

Nếu các đương sự do các phong-tục khác nhau chi-phối thì sẽ áp-dụng tục-lệ nơi tọa-lạc vật tranh-tụng đối với những tổ-quyền đối vật và tục-lệ nơi cư-sở của bị-đơn đối với những tổ-quyền đối-nhân.

Thời-hạn kháng-cáo là 15 ngày tròn đối với các án sơ-thẩm của Tòa-án phong tục Xã và 30 ngày tròn đối với các phán-quyết sơ-thẩm của Tòa-án

Thượng-vụ Quận và của Ban Thượng-Vụ Tòa-án cấp Tỉnh, thời-hạn tính từ ngày tuyên-án.

Phán-quyết chung-thâm của Tòa-án Thượng-Vụ Quận và Ban Thượng-Vụ Tòa-án cấp Tỉnh sẽ thành nhất-định và có hiệu-lực chấp-hành sau khi mà thời-hạn 30 ngày kể từ ngày tuyên-án Tòa Thượng-Thâm không hành-sử quyền di-thâm.

Các phương-sách tố-cầu, kháng-tố và thượng-tố, không áp-dụng đối với án-văn của Tòa-án xử theo phong-tục.

Tụng-nhân được miễn trả tất cả các loại dự-phí. Nhưng khi tuyên-án, Tòa-án sẽ chiếu lỗi và tập-quán phong tục của đương-tụng để quyết-định về sự gánh chịu án-phí.

VI— THỦ-TỤC TRƯỚC CÁC CƠ-QUAN TÀI-PHÁN HÀNH-CHÁNH.

1.— Thủ-tục trước Tòa Hành-Chánh.

A. ĐƠN KHỞI TỐ

Đơn khởi-tố phải nộp tại Phòng Tổng Thư-Ký Tòa-án Hành-Chánh.

Đơn phải ghi rõ tên họ, nghề-nghiệp và trú-quán của nguyên-đơn và bị-đơn, trình-bày nội-vụ, viện dẫn các lý lẽ, các lời thỉnh cầu, liệt-kê các giấy tờ đính theo đơn, ghi rõ trú-quán tuyến-trách tại nơi thiết-lập Tòa-án.

Đơn khiếu-nại về một quyết-định hành-chánh phải nộp trong thời-hạn 3 tháng kể từ ngày nhận tổng-đạt quyết-định. Nếu nguyên-đơn không có trú-quán trong nước, thời-hạn sẽ gấp đôi (6 tháng).

B. THỦ-TỤC TẠI TÒA.

Sau khi đơn khởi-tố được đăng-ký tại phòng Tổng Thư-Ký, Chánh-Án chỉ-định trong số Hội-thâm một Ủy-viên thuyết-trình. Vị này phụ-trách điều-khiển, đốc-biên cuộc thâm-cứu dưới quyền Chánh-Án, đề-nghị các biện-pháp thâm-cứu cần-thiết lập tờ-trình sơ-lược và đề-nghị thông-báo đơn khởi-tố cho bị-đơn.

Chánh-án ra án-lệnh thông-báo, định kỳ hạn để bị-đơn xuất-trình kháng-biện-luận, kỳ-hạn này không được dưới 2 tháng.

Kháng-biện-luận sẽ thông-báo cho nguyên-đơn và người này có thể, trong hạn 15 ngày, nộp một biện minh-trạng, và bị-đơn trong hạn 15 ngày sau khi được tổng-đạt, có thể nộp kháng-biện-luận thứ hai về vụ này.

Khi vụ kiện có thể đem ra xử, Ủy-viên thuyết trình sẽ lập tờ-trình và dự-thảo án-văn. Hồ-sơ, tờ-trình và dự-thảo này sẽ được chuyển cho Ủy-Viên Chánh-phủ để lập kết-luận-trạng.

Bản kê các việc đăng-đường trong mỗi phiên Tòa sẽ do Chánh-Án ấn-định theo đề-nghị của Ủy-viên Chánh-phủ.

C.— PHIÊN TÒA CÔNG-KHAI.

Ngày phiên Tòa phải báo-thị cho đương-sự biết ít nhất là 8 hôm trước.

Tại phiên Tòa, sau khi Phụ-thẩm thuyết-trình, các đương-sự có thể trình miệng để giải-thích rõ những điều kết-luận viết. Ủy-viên Chánh-phủ kết-luận sau cùng. Sau đó, Tòa tuyên án sau khi thảo-luận, hoặc nghị án để tuyên-án trong một phiên Tòa sau.

D.— ĐƠN XIN TẠM HOÃN THI-HÀNH.

Việc kháng-nại tại Tòa-án Hành-Chánh về một quyết-định hành-chánh không làm đình-chỉ sự thi-hành quyết-định ấy.

Tuy nhiên, trong trường-hợp mà việc thi-hành quyết-định có thể gây ra một sự thiệt hại không đền bù được, Tòa-án có thể, chiếu lời yêu cầu của đương-sự, sau khi đã thông-báo cho đối-phương biết, ra lệnh cho hoãn sự thi-hành hay truyền cho tạm thời thi-hành nhưng bắt buộc phải có người bảo lãnh.

Việc xin hoãn thi-hành phải đồng-thời thỉnh-cầu cùng trong một lá đơn với chánh-vụ. Bị-đơn có thể phản kháng đơn xin hoãn thi-hành.

E.— KHÁNG-TỐ LÊN THAM-CHÍNH-VIỆN.

Muốn kháng-tố các bản-án của Tòa-án Hành-chánh lên Tham-Chính-Viện, đương-sự có thể chọn để thi-hành, trong hạn 1 tháng kể từ ngày tổng-đạt án-vấn đối-tịch, hay là ngày mãn hạn kháng-án khuyết-tịch, một trong 2 thủ-tục sau đây :

- 1/ hoặc làm tờ khai kháng-tố tại Văn-Phòng Tổng-Thư-Ký Tòa-án Hành-chánh;
- 2/ hoặc gửi đơn kháng-tố thẳng tới Tham-Chính-Viện.

Theo điều 53 Dự số 2 ngày 5-1-1950 « thời-hạn để Quốc-gia kháng-tố tính từ ngày tuyên-án ». Về điểm này, Tham-Chính-Viện Việt-Nam đã xử rằng : nguyên-tắc chung về thủ-tục tố-tụng là thời-hạn kháng-tố chỉ bắt đầu ngày tổng-đạt án-vấn, vậy điều 53 nói trên phải coi như một ngoại-lệ chỉ áp-dụng cho Quốc-gia đại-diện bởi Chánh-Phủ trung-trương mà thôi, chứ không áp-dụng cho các pháp-nhân hành-chánh khác với Quốc-gia, hoặc các pháp-nhân hành-chánh địa-phương. Đối với các pháp-nhân này, thời-hạn kháng-tố tính từ ngày tổng-đạt án-vấn chiếu theo nguyên-tắc chung đã được trình bày trong điều 51 Dự số 2 ngày 5-1-1950 (án T. C. V. ngày 21-12-1957, vụ Đô-Thành Saigon k/ Công-Ty Bảo-Hiểm « Le Secours », P. L. T. S. đệ nhị tam-cá-nguyệt 1959, trg. 63).

F.— CẤP THẨM HÀNH-CHÁNH.

Trong trường-hợp khẩn-cấp, theo đơn thỉnh cầu của đương-sự, Chánh-Án Tòa-án Hành-Chánh có thể ra án-lệnh cho thi hành ngay mọi biện-pháp thích-ứng để giải quyết mọi vụ tranh-chấp, miễn là án-lệnh này không được ảnh-hưởng đến tình-lý vụ kiện.

Có thể xin kháng-nại án-lệnh này trước Tham-Chính-Viện trong hạn 15 ngày sau khi tổng-đạt.

2.— Thủ-tục trước Tham-Chính-Viện.

A. ĐƠN KHIẾU-NẠI VÀ KHÁNG-NẠI

Đơn khiếu-nại phải do đương-sự hay người thụ-ủy ký tên.

Đơn kháng-nại của các công-sở sẽ do Bộ-Trưởng sở quan ký, hay người công-chức được ủy-nhiệm đứng kháng-nại ký.

Đơn khiếu-nại và kháng-nại cùng bút-lục đính kèm phải gửi tới Phòng Tổng-Thư-Ký Tham-Chính Viện ; cũng có thể gửi thẳng tới Chủ-Tịch Tham-Chính-Viện và được miễn tiền.

Bất cứ trong trường-hợp nào, Tham-Chính-Viện chỉ có thể xét-xử khi nào có một quyết-định của nhà chức trách hành-chánh hay một bản-án của Tòa-án Hành-chánh hay một Pháp-đình Hành-Chánh nào khác.

Nhà chức-trách hành-chánh nào tiếp nhận đơn thỉnh cầu của ai về một việc gì mà lặng thinh trong một thời-gian hai tháng sẽ coi như đã ra quyết-định bác lời thỉnh-cầu đó.

B. THỜI-HẠN KHIẾU-NẠI

1) Trừ trường-hợp có điều luật-định khác, đơn khiếu-nại chỉ được chấp-nận trong hạn hai tháng kể từ ngày công-bố quyết-định hành-chánh bị chỉ-trích, hay kể từ ngày nhận được tống-đạt nếu là quyết-định hành-chánh cá-nhân.

2) Thời-hạn nói trên sẽ được đình-chỉ nếu đương-sự làm đơn xin tiêu-hủy quyết-định hành-chánh hoặc trước nhà chức-trách tác-giả, hoặc trước thượng-cấp của họ. Nếu nhà chức-trách không trả lời, sự im lặng kéo dài trong hai tháng được coi như quyết-định bác-khước ; như vậy, thời-hạn hai tháng ghi ở đoạn I trên đây sẽ tính từ ngày hạn hai tháng sau đã mãn.

C. ĐƠN XIN HOÃN THI-HÀNH.

Việc xin tiêu-hủy một quyết-định hành-chánh trước Tham-Chính-Viện không có hiệu-lực làm đình-chỉ sự thi-hành vấn-kiện đó. Tuy nhiên, nếu xét sự thi-hành một quyết-định hành-chánh có thể gây ra những kết- quả không đến bù được, Chủ-Tịch Tham-Chính-Viện có thể, theo lời yêu-cầu của đương-sự, sau khi báo cho đối-phương biết, ra án-lệnh tạm hoãn thi-hành.

Việc xin hoãn thi-hành phải thỉnh-cầu trong cùng một lá đơn với chánh vụ.

D. THỦ-TỤC THAM-CỨU

Chủ-Tịch cử một Ủy-Viên Thuyết-Trình trong các Cố-vấn, vị này độc-biệt và điều- khiển cuộc thăm-cứu.

Chủ-Tịch ra án-lệnh thông cáo các đơn khiếu-nại cùng bút-lục đính kèm, và định thời-hạn để đối bên đương-sự xuất-trình biện-minh-trạng và kháng-biện-luận.

Khi cuộc thăm-cứu đã hoàn-bị, Ủy-Viên Thuyết-Trình lập tờ-trình và dự-thảo án-văn. Hồ-sơ đầy đủ sẽ chuyển cho Ủy-Viên Chánh-Phủ để làm kết-luận-trạng.

E) PHIÊN TÒA CÔNG-KHAI

Tại phiên Tòa công-khai, Ủy-Viên Thuyết-Trình đọc bản thuyết-trình, các đương-sự khâu-trình nhận xét và Ủy-Viên Chánh-Phủ kết-luận.

Án sẽ tuyên công-khai sau khi Tham-Chính-Viện thảo-luận.

Chỉ có Luật-sư thiết-thọ mới được biện-hộ trước Tham-Chính-Viện.



KẾT - LUẬN

Luật Dân-sự Tố-tụng còn nhiều điều-khoản lỗi thời, không đáp-ứng thực-trạng nước nhà :

1/ Trước nhất hiện-trạng pháp-chế thiếu thuần-nhất ; mỗi Phần đều có một Bộ Luật riêng biệt không tương-dụng với tinh-thần độc-lập của Quốc-gia cùng tính-cách thống-nhất của lãnh-thò. Cho nên từ lâu Bộ Tư-Pháp đã lo xúc-tiến công việc điền-chế. Hiện nay, một dự-án Bộ luật Dân-sự Thương-sự Tố-tụng đã được soạn-thảo xong để đem áp-dụng cho toàn lãnh-thò quốc-gia.

2/ Nhiều Tòa Đặc-Thẩm được thiết-lập với thẩm-quyền khác biệt. Thí-dụ về tai-nạn lao-động, nạn nhân nếu bị bắt-lực vĩnh-viễn mà muốn xin đòi bồi thường thì phải đưa nội vụ ra Tòa Sơ-Thẩm ; nhưng nếu nạn-nhân chỉ muốn xin tiền phụ-cấp hằng ngày, tiền bác-sĩ, tiền thuốc men hay thân-nhân nạn-nhân muốn xin tiền chôn cất thì phải do Thẩm-Phán Hòa-Giải nơi xảy ra tai-nạn xét xử ; về những vụ cá-nhân phân-tranh khác, công-nhân hay thợ-thuyền lại phải khởi-tổ ra Tòa Lao-Động. Nếu kiện lăm Tòa, đơn thưa sẽ bị bác vì vô thẩm-quyền.

3/ Quá nhiều hình-thức phức-tạp chế-tai bằng sự vô-hiệu. Thí-dụ muốn kiện, tụng-nhân phải nộp đơn khởi-tổ tại phòng Lục-sự chứ không được phép nhờ Thừa-phát-lại triệu-hoán đơn ra Tòa. Một thí dụ nữa : trước Tòa Sơ-Thẩm, bị-đơn bị đòi hầu bằng trát do Thừa-phát-lại hay chức-dịch hương-thôn tổng-đặt, nhưng trước Tòa Nhà Phổ trát đòi lại được thay thế bằng thơ bảo-đảm có hồi-báo, có kèm theo một bản sao đơn khởi-tổ.

Trước Tòa thường-tụng, hòa-giải không có tính-cách bắt buộc ; nhưng nếu xử về ly-hôn hay ly-thân hay trước Tòa Nhà-Phổ, hay Tòa Lao-Động, Thẩm-Phán bắt buộc phải hòa-giải hai đảng.

40/ Nhiều thời-hạn được dự-liệu, mỗi thủ-tục có một thời-hạn khác nhau, và ngay trong một thủ-tục thời-hạn áp-dụng cho ở Trung-Phần và Nam-Phần cũng không giống nhau. Như mỗi phương-cách tố-cầu (kháng-tố, kháng-cáo, thượng-tố, phiên-án) đều có thời-hạn riêng biệt, riêng về kháng-cáo thời-hạn là 30 ngày tròn ở Trung mà là 60 ngày tròn ở Nam. Tụng-nhân không theo đúng thời-hạn sẽ bị bác đơn vì không hợp-lệ về hình-thức.

Đành rằng tố-tụng có được tổ-chức chặt-chẽ, tụng-nhân mới có nhiều bảo-dảm, nhưng nếu đặt ra quá nhiều hình-thức rắc-rối, khác biệt cho từng thủ-tục, người dân thường sẽ khó bề theo dõi, luật tố-tụng sẽ trở thành một lãnh-vực chỉ dành riêng cho giới luật-gia mà thôi.

Vì vậy, Ủy Ban soạn-thảo Bộ Dân-sự Thương-sự Tố-tụng chủ-trương giản-dị-hóa, bỏ bớt những hình-thức phức-tạp vô bổ và thống-nhất các thời-hạn thủ-tục đến mức tối-thiểu.



PHỤ BẢN A

LUẬT THƯƠNG-MẠI VIỆT-NAM.

Để thống-nhất và canh-tân luật-pháp, Tổng Bộ Tư-Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa đã cho thành lập các Ủy-ban đặc-trách soạn thảo 5 bộ luật căn-bản cho nền pháp-chế Việt-Nam :

- Hình-Luật
- Hình-Sự Tố-Tụng
- Dân-Luật
- Dân-Sự Tố-Tụng.
- Luật Thương-Mại

Các dự-án luật nói trên đã lần lượt hoàn thành.

Riêng dự-án bộ Luật Thương-Mại gồm 5 quyền, đại cương như sau :

Quyền I : — Điều-khoản tổng quát

— Thương-gia

— Các cửa hàng thương-mại:

Quyền II : — Nói về thương-hội.

Quyền III : Các hành-vi thương-mại.

Quyền IV : Nói về hàng-hải.

Quyền V : Khấu-tiêu và thanh-toán tư-pháp.

Trong việc nghiên-cứu và san-định luật thương-mại, Ủy-ban soạn thảo đã một mặt, tôn-trọng những nguyên-tắc căn-bản về thương-mại quốc-tế, mặt khác, dung-bòa các định-chế xét cần-thiết để cho thích-hợp với tình-trạng kinh-tế xã-hội trong nước.

Nhận thấy Luật Thương-mại có nhiều định-chế tương-dung với định-chế bộ Dân-Luật cùng ảnh-hưởng đến Bộ Luật tố-tụng, nên trong công-tác điều-chế, Ủy-ban đã phối-kiểm các Bộ Dân-Luật và Dân-sự Tố-tụng để tránh những sự trùng-phùng hoặc thiếu sót.

Như về các Hiệp-hội, vì bộ Dân-Luật chỉ qui-định khế-ước lập hội dân-sự, nên bộ Luật Thương-Mại dành trọn quyền II nói về sự tổ-chức và điều-hành các Thương-hội.

Về khế-ước chuyên-chở cùng các loại khế-ước khác có tính-cách thương-mại mà bộ Dân-Luật không đề cập tới, bộ Luật Thương-mại đã qui-định tỉ mỉ trong quyền III.

Về bảo-hiêm, Sắc-lệnh số 015/65 ngày 17.9.1965 đã qui-định đầy đủ chi-tiết về qui-chế các doanh-nghiệp hoạt động về mọi công-tác bảo-hiêm tại Việt-Nam, Bộ Luật Thương-Mại chỉ qui-định riêng về bảo-hiêm hàng-hải trong quyền IV.

Hai vấn-đề có một tầm quan-trọng đặc-biệt là Tòa-Án Thương-Mại và định-chế Trọng-tài không được biên soạn trong bộ Luật Thương-mại, đây không phải là một sự thiếu sót mà là vì Luật Tổ-chức Tư-pháp và Luật Tổ-tụng đã chế-định rồi.

I.— Tòa-Án Thương-Mại.—

Đã từ lâu, tại nhiều quốc-gia trên thế-giới, các luật-gia cũng như chuyên-viên thương-mại thắc-mắc về vấn-đề có nên thiết-lập Tòa-Án Thương-Mại riêng biệt hay để các Tòa-án dân-sự xét xử luôn các việc tranh-tung về thương-sự ?

Có nhiều ý-kiến dị-đồng, đại-đề phân làm 2 loại :

1) — Phải tán thành tổ-chức Tòa-Án Thương-Mại biệt-lập quan-niệm rằng các thương-gia thấu triệt hơn ai hết các tập-tục về thương-mại, mà Thương-luật lại thấm-nhuần sâu-rộng ảnh-hưởng của các tập-tục này, vậy nên chọn thẩm-phán xử việc thương-mại trong hàng ngũ các nhà buôn chuyên-nghiệp.

Mặt khác, thủ-tục trước các Tòa-án Thương-mại cần phải giản-dị, tiện-lợi và mau chóng, hơn là dựa theo các đạo-luật gò bó và phức-tạp.

Vả lại, các thương-gia nếu là thẩm-phán sẽ am-hiêu tường-tận tâm-trạng và nguyện-vọng của các tụng-nhân thuộc giới mình và dễ gây uy-tín đối với họ hơn là các giới ngoài.

Thực-tế cho thấy thường khi các thương-gia thi-hành nhiệm-vụ trọng-tài giải-quyết thỏa đáng các vụ tranh-tung về thương-sự hơn là để cho các thẩm-phán chuyên-môn xét-xử.

2) Trái lại, phải chống đối tổ-chức các tòa-án Thương-mại biệt lập quan-niệm rằng tuy Luật Thương-mại phần nào căn-cứ vào tập-quán, nhưng chiết-yếu vẫn dựa theo các luật-lệ tinh-vi, phức-tạp và rườm rà, mỗi ngày một tiến-triển. Cần am tường luật-pháp mới khỏi lúng túng khi giải-thích và áp-dụng. Do đó, thẩm-phán chuyên-môn có đủ năng-cách hơn các thương-gia để xử các vụ tranh-tụng về thương-mại.

Bằng-cớ là một vài quốc-gia trước kia có tổ-chức các tòa-án thương-mại biệt-lập, mà thành-phần gồm có thương-gia, đã không ngần ngại bỏ hẳn những tòa-án này, như ở Hòa-Lan, Ý-Đại-Lợi, v. v..

Một số quốc-gia khác, như ở Pháp chẳng hạn, tuy có tổ-chức tòa-án thương-mại, nhưng chỉ ở các trung-tâm lớn và ở cấp Sơ-thẩm mà thôi, còn ở khu vực nào không có tòa-án thương-mại thì tòa-án dân-sự thường-tung xét xử luôn các vụ tranh-chấp về thương-mại.

Tại Việt-Nam, trong thời kỳ Pháp-thuộc, theo sắc-lệnh ngày 16-2-1921, ở nơi nào có một tòa Sơ-thẩm hạng nhất cũng có một tòa-án Thương-mại riêng biệt : Hà-nội, Hải-phòng, Saigon.

Tòa-án này gồm có một Chánh-án là một thẩm-phán chuyên môn và hai phụ-thẩm thương-gia chọn trong số 6 phụ-thẩm do các cử-tri Phòng Thương-mại bầu lên với nhiệm-kỳ 2 năm. Ngoài 6 phụ-thẩm chính-thức còn bầu thêm 12 phụ-thẩm dự-khuyết để làm thời thay thế các phụ-thẩm chánh-thức bị cản trở.

Chánh-Án Tòa Thương-mại là vị Chánh-án Tòa Sơ-Thẩm dân-sự sở tại trong trường-hợp vị này mắc bận, Chánh-Án dự-khuyết hay một vị thẩm-phán thay thế.

Ngoại trừ Hà-Nội, Hải-Phòng và Saigon, các Tòa-án dân-sự Sơ-thẩm hoặc Tòa Hòa-giải Rộng-quyền các tỉnh xứ luôn về thương-mại.

Theo Hiệp-định Tư-Pháp Việt-Pháp ký kết ngày 30-12-1919, bên cạnh các Tòa-Án Quốc-Gia Việt-Nam có các Tòa-án Hòa-hợp Việt-Pháp. Theo điều 34 Hiệp-định, Tòa-án Thương-mại hỗn-hợp được tổ-chức tại Hà-Nội, Hải-Phòng và Saigon.

Chánh-Án Tòa-án Thương-mại hòa-hợp là vị Chánh-án Tòa dân-sự sơ-thẩm hỗn-hợp sở tại, hay vị Chánh-án dự-khuyết, có quốc-tịch Pháp hay quốc-tịch Việt-Nam tùy theo luật-pháp áp-dụng. Ngoài ra, có hai phụ-thẩm thương-gia, một có quốc-tịch Việt-Nam, một có quốc-tịch Pháp. Các phụ-thẩm thương-gia được bầu lên do hai cử-tri đoàn Việt-Pháp riêng biệt.

Ngoại trừ Hà-Nội, Hải-Phòng, và Saigon, ở các nơi khác, các tòa-án dân-sự sơ-thẩm hỗn-hợp xứ luôn các vụ tranh-tụng về thương-mại.

Về phía Tòa-Án Quốc-Gia Việt-Nam, theo Dự số 4 ngày 18-10-1949 không có Tòa-án Thương-mại biệt-lập, Tòa-án dân-sự thường-tụng xứ luôn các vụ tranh-chấp về thương-sự.

Hiệp-định Việt-Pháp ký kết 16-9-1954 bãi-bỏ cả: Tòa-án hòa-hợp và trao trả trọn chủ-quyền Tư-pháp cho Quốc-gia Việt-Nam.

Kể từ đó, áp-dụng hệ-thống thuần nhất do Dự số 4 ngày 18-10-1949 qui-định, các Tòa-án dân-sự thường-tụng có quyền toàn-thẩm, xử luôn các vụ thương-mại. Thành-phần Tòa không thay đổi, Công-tố-viện có mặt và không có thẩm-phán thương-gia.

Tuy không có Tòa-án Thương-mại biệt-lập, nhưng về phương-diện thủ-tục có những đặc-điểm, nên cần hoạch-định những vụ nào gọi là tranh-tụng về thương-sự.

Đó là những vụ tranh-tụng giữa các thương-gia hoặc liên-quan đến các hành-vi thương-mại của mọi người, hành-vi thương-mại do bản chất hay hành-vi thương-mại phụ-thuộc, như bộ Luật Thương-mại qui-định.

Nếu có một hành-vi hỗn-tạp liên-quan đến giữa thường nhân và thương-gia thì nội-vụ được đưa ra Tòa dân-sự hay Tòa xử về thương-mại tùy theo tư-cách của bị-đơn.

Những vụ kiện giữa hội-viên một hội buôn, các vụ khánh-tận và các vụ kiện phát-sinh do sự khánh-tận đó đều đưa ra trước Tòa-án xử về thương-mại.

Về thương-sự, việc dẫn chứng được tự-do, trừ phi luật dự-liệu khác.

Vì dự-án bộ luật dân-sự và thương-sự tổ-tụng qui-định chung thẩm-quyền và thủ-tục tổ-tụng trước các Tòa-án xử về dân-sự cũng như về thương-sự, nên dự-án bộ luật Thương-mại không có đề cập tới vấn-đề này. Tuy nhiên, mỗi khi cần áp-dụng một thủ-tục đặc-biệt trong một phạm-vi nào bộ luật Thương-mại cũng có dự-liệu, như về khánh-tận và thanh-toán tư-pháp chẳng hạn.

Một thủ-tục thường được áp-dụng trong các vụ tranh-tụng về thương-mại là thủ-tục trọng-tài được qui-định ngay trong bộ luật dân-sự và thương-sự tổ-tụng.

2.— Định-chế trọng-tài.

Định-chế trọng-tài là một định-chế đặc-biệt rất thường gặp ở các quốc-gia trên thế-giới, nhất là tại các nước trong hệ-thống luật-pháp Anh. Mỹ hoặc bị ảnh-hưởng của khối này.

Đáng lẽ đưa nhau ra kiện-tụng trước Tòa-án, các đương-sự, theo luật, có thể giao trách-nhiệm phân-xử cho một tư-nhân hay một đoàn-thể. Cả nhau hay tập-thể này được chỉ-định làm trọng-tài để giải-quyết sự tranh-tụng của họ chẳng khác nào một cơ-quan tài-phán công-lập.

Đạo-luật ngày 31-12-1925 áp-dụng tại Việt-Nam qui-định thủ-tục trọng-tài riêng cho những việc thương-mại. Dự-án bộ luật dân-sự và thương-sự tổ-tụng dự-liệu chung định-chế trọng-tài trong việc tranh-tụng về dân-sự cũng như về thương-sự.

Trên thực-tế, định-chế trọng-tài thường được áp-dụng trên thương-trường. Cuộc giao-thương quốc-tế càng hành-trướng thì định-chế trọng-tài càng phát-triển.

Trên thị-trường thương-mại quốc-tế, sự trọng-tài được coi như một phương-tiện giải-quyết hiệu-nghiệm và mau lẹ các vụ tranh-chấp, là n cho việc giao-dịch bớt nặng nề, đỡ chậm-chạp rất nhiều.

Tại các nước được kỹ-nghệ hóa, có những sự giao-lễ nội-thương và ngoại-thương phát-triển mạnh, mỗi quốc-gia đều có các Hội-đồng hoặc Ủy-Ban Trọng-tài phân-xử các vụ tranh-tụng có tính-cách tổng-quát hay chuyên-môn cho mỗi ngành.

Theo nguyên-tắc thì hiện nay chưa có hẳn một hệ-thống trọng-tài quốc-tế, vì lẽ chế-độ trọng-tài mỗi nước đều nằm trong khuôn-khổ hệ-thống pháp-lý quốc-gia riêng.

Do hiệp-nghị-thư (protocole) ký kết tại Genève ngày 24.9-1923, một số quốc-gia Tây-phương, cùng với Ba-Tây và Nhật-Bản, cam-kết thừa-nhận giá-trị ước-khoản trung-phán trong cuộc giao-thương.

Để cho việc thi-hành phán-quyết trọng-tài được dễ dàng ở các nước ngoài, nhiều quốc-gia có ký với nhau Hiệp-định Genève ngày 26-9-1927, theo đó phán-quyết trọng-tài được thừa-nhận và sự thi-hành làm theo thủ-tục áp-dụng tại nơi tuyên phán quyết, miễn là hội đủ điều-kiện về hình thức và nội-dung, và phán-quyết phải chung-thâm, không trái với trật-tự công-cộng.

Tại vùng Đông-Nam-Á, Ủy-hội Kinh-tế Á-Châu và Viễn-Đông (E.C.A.F.E.), một cơ-quan thuộc Liên-Hiệp-Quốc, đã thành-lập tại Vọng-Các một trung-tâm phát-triển trọng-phán thương-sự (Centre pour le développement de l'arbitrage commercial) với mục-dịch tập-trung và phổ-biến tài-liệu cần-thiết, tìm h ùu nhu-sầu các quốc-gia tại vùng này trên bản đồ về phương-diện trọng-phán.

Trung-tâm sẽ trợ giúp Phương-tiện kỹ-thuật, nghiên-cứu các vấn-đề Pháp-lý và chuyên-môn để cải-thiện địa-chế trọng-phán sẵn có của các quốc-gia liên-hệ, hoặc thiết-lập các cơ-quan mới.

Mong rằng các quốc-gia thân-bhũ sẽ cộng-tác hữu-hiệu để đem đến thành-quả thiết-thực và bổ-ích trên phương diện này.

Ngoài ra, trên phương-diện giao-dịch thương-mại quốc-tế nói chung, ước mong sao các quốc-gia trên thế-giới tự-do sẽ hợp-tác chặt chẽ để kiện-toàn tổ-chức thương-mại quốc-tế, tìm phương-kế hữu-ích để phát-triển mối bang-giao hữu-nghị giữa các dân-tộc, khuyến-khích công-cuộc trao-đổi thương-mại và những mối liên-lạc kinh-tế xã-hội nhằm mục-dịch xây-dựng và bồi đắp nền thịnh-vượng chung cho được trường-tồn vĩnh-cửu.

Vì sự bang-giao giữa các dân-tộc phải được chế-định theo sự công-bằng, lẽ phải và luật-pháp, và mọi qui-tắc pháp-luật đều nhằm mục-dịch chi-phối đời-sống của con người, bất luận trong khung-cánh quốc-gia hay quốc-tế, nên luật-gia giữ một vai-trò trực-tiếp tích-cực góp-phần vào công cuộc duy-trì một nền trật-tự ổn-cố, tạo điều-kiện thuận-lợi cho sự phát-huy tinh-thần trọng-pháp và củng-cố sự liên-kết giữa các dân-tộc cùng chung một ý-chí.

PHỤ BẢN B

LUẬT-LỆ VỀ QUAN-THUẾ

Thuế quan là một nguồn-lợi quan-trọng cho ngân-sách quốc-gia. Tổng số thu về quan-thuế và công-quản trước đây đã chiếm tới 1/2 ngân sách của Liên-Bang Đông-Dương, và gần đây, phần cung ứng của quan-thuế vào ngân-sách quốc-gia cũng lên tới 1/3 những tài nguyên về thuế khóa. Ví dụ, vào năm 1965 số thuế-quan thu được là 5 tỷ 500 triệu, trong khi toàn thể tài-nguyên ngân-sách chỉ bằng 15 tỷ 500 triệu.

Sự kiện ấy cũng đủ nói lên vai-trò của luật-lệ quan thuế trong sinh-hoạt quốc-gia, luật lệ mà ngoài vai-tướng cố-hữu làm dồi-dào lợi tức, lại còn là phương-tiện để bảo-vệ mậu dịch rất cần-thiết cho Việt-Nam trên đường kỹ nghệ-hóa xứ sở.

Đặc biệt, Nam Việt-Nam có một duyên-hải quan trọng và hầu hết công-việc mậu-dịch được thực-hiện tại nhiều hải-cảng như : Saigon, Nha-Trang, Đà-Nẵng v.v... là nơi lui tới những tàu biển. Việc kiểm-soát hàng hóa, áp-dụng luật-lệ quan-thuế được tổ-chức chu-đáo, rộn rịp tại nơi đây. Chính vì thế mà luật-lệ quan-thuế được đặt song song với luật hàng-hải : Bộ luật quan thuế (sắc-lệnh ngày 2-12-1931), trong thiên thứ bảy có nói đến việc lưu thông hàng-hải, chế độ hành-chánh của thương-thuyền, việc chuyên chở, và giao cho Sở quan-thuế nhiều nhiệm-vụ liên quan đến việc đăng ký tàu bè, đo trọng lượng việc đăng-ký, đề dương thương thuyền, ngoài nhiệm vụ thu mọi sắc thuế liên hệ v.v...

Vì lý do đó, nên trong bài tham-luận này, luật-lệ về quan-thuế và luật hàng-hải được đặt bên cạnh nhau.

I. — Lược-sử các chế-độ quan-thuế

Luật-lệ về quan-thuế chỉ là phương-tiện để thực-hiện chánh-sách quan-thuế của quốc-gia, và chánh-sách này thay đổi tùy theo thể-chế chánh-trị : thuộc địa của một đế quốc, hoặc hoàn toàn tự-trị, hoặc liên kết với các quốc-gia khác.

Nước Việt-Nam đã trải qua nhiều chế-độ quan-thuế, mà ta cần lược-khảo để hiểu rõ tinh thần luật lệ về quan-thuế hiện tại.

a) Dưới thời Pháp thuộc, khi mới chiếm đóng Nam-Bộ, người Pháp không thi hành « Qui-ước thực-dân » (pacte colonial) mà áp-dụng một chánh-

sách quan-thuế rộng rãi, để cho Nam-Bộ tự-do mậu-dịch hoàn toàn, được nhập cảng hàng hóa bất cứ từ đâu tới và xuất-cảng sản-phẩm sang bất cứ nước nào, tùy theo điều-kiện của thị-trường.

b) Đến khi toàn cõi Việt-Nam được sáp nhập vào Liên-Bang Đông-Pháp, đạo-luật ngày 11.1.1892 đã qui-dịnh một chính-sách tương-tự với chính sách áp-dụng tại Pháp; đó là chế-độ đồng-hóa quan-thuế (assimilation douanière), Đạo luật 1892 thiết lập một liên-hiệp quan-thuế giữa Pháp và Đông-Dương mà hậu quả, với sự miễn thuế hàng Pháp nhập cảng, làm tăng-gia những liên lạc thương-mại giữa Đông-Dương và Pháp, nhưng đem lại nhiều tai-hại cho nền kinh-tế Đông-Dương.

c) Sau ngày thất-trận tại Âu-Châu, đường giao-thông giữa Pháp và Đông-Dương gián-đoạn, dưới áp-lực của tinh thần, chính-phủ Pháp phải ban hành chế-độ tự-trị (autonomie douanière) do đạo luật ngày 15.10.1940, theo đó Đông-Dương được quyền đề-nghị một quan-thuế-biểu riêng biệt, nhưng phải có sự chấp-thuận của Chính-Phủ Pháp.

Từ năm 1941, hàng-hóa của Pháp nhập khẩu vào Đông-Dương cũng như hàng Đông-Dương nhập khẩu tại Pháp, đều phải trả thuế quan như hàng hóa của các nước khác, ngoại-trừ một số hàng hóa được hưởng đặc-lộ miễn thuế.

Điều đáng chú ý là bắt đầu từ đây, thuế-biểu áp-dụng tại Đông-Dương được ấn định theo hình thức tòng-giá (ad valorem), nghĩa là căn cứ theo giá khai đơn tính thuế, và cũng từ thời kỳ này việc kiểm soát ngoại-thương và hối-đoái bắt đầu được thi hành tại Đông-Dương.

d) Đến năm 1950, một hiệp-ước ký kết tại Pau (Pháp-quốc) thiết lập một chế độ quan-thuế Việt-Miến-Lào.

Theo hiệp-ước này, Sở Quan-thuế Liên-Bang bị bãi bỏ và thay thế bằng những Nha Quan-Thuế Quốc-gia riêng biệt. Mỗi nước sẽ tự ấn định lấy những thể lệ tổ chức và quản trị ngành quan-thuế. Giữa ba quốc-gia, hàng hóa được tự do lưu thông, mọi khoản thuế có tánh cách thuế quan đều được bãi bỏ. Việc thiết lập hay sửa đổi luật lệ và thuế biểu chung phải được một hội-nghị liên-quốc chấp thuận, theo đề nghị của một ủy-ban nghiên-cứu gồm những chuyên viên đại-diện 3 quốc gia liên kết và đại diện của Pháp.

Tất cả các số thu tại mỗi quốc gia sẽ được nhập thành một khối chung rồi phân theo một tỷ lệ do Hội-Đồng các chánh-phủ thỏa-thuận hàng năm.

Tỷ-lệ chia các lợi tức quan thuế đã được ấn định như sau :

- Việt-Nam : 71%
- Cao.Miến : 22%
- Lào : 7%

Những chi phí về điều hành chung cũng được phân chia theo cùng một tỷ-lệ.

Tựu-trung, trong chế-độ Liên-Hiệp Quan-Thuế, chính-sách áp dụng vẫn nhằm mục đích bảo vệ quyền-lợi của Pháp vì hàng hóa của nước này được hưởng những thuế xuất-ưu-dãi và tự do xuất-nhập cảng không bị những thể thức kiểm-soát ngoại-thương và hối-đoái chi phối.

e) Thời kỳ hiện tại

Sau nhiều cuộc thương thuyết giữa Việt, Miên, Lào và Pháp, một hiệp-định đã được ký kết tại Ba-Lê ngày 29-12-1954, hủy bỏ chế-độ tay tư, do hiệp-ước Pau thiết-lập năm 1950. Bắt đầu từ năm 1955 trở đi, hàng hóa từ Miên Lào nhập nội Việt-Nam hay ngược lại đều phải trả thuế. Các Cơ-quan liên quốc bị bãi bỏ, Việt-Nam được toàn quyền ấn định và thay đổi luật lệ hay thuế biểu về quan-thuế tùy theo nhu-cầu trong nước.

Theo những hiệp-định được ký kết sau này thì Việt-Nam đã thỏa-thuận với Miên Lào trong việc hòa hợp thuế biểu đối với một số hàng cần bản thường được xuất-cảng hay nhập-cảng. Miên và Lào được tự-do lưu thông trên sông Cửu-Long và hưởng nhiều điều-kiện dễ dàng trong việc sử-dụng thương cảng Saigon. Cho đến nay, vì tình hình chính-trị biến chuyển, những sự thỏa thuận trên đây không còn được thi-hành nữa.



II. — Luật-lệ áp-dụng

Trải qua các chế độ quan-thuế kể trên, nhà cầm quyền đã ban hành một hệ-thống luật-pháp và quy tắc hiện vẫn còn hiệu lực, và gồm có :

A) Bộ quan-thuế luật (SL ngày 2-12-1931) được ban hành do nghị-định ngày 3-2-1932. Bộ Luật này đặt ra những qui-lệ chi-phối mọi vụ xuất-cảng hay nhập-cảng, nêu ra những nghĩa-vụ phải tuân theo trên địa-hạt quan-thuế, cùng ghi rõ những hình phạt để trừng trị mọi vi-phạm. Bộ Quan-Thuế-Luật gồm 453 điều luật, chia làm 9 thiên như sau :

- I) Những nguyên tắc tổng quát thi hành luật-lệ quan-thuế.
- II) Nhập khẩu và xuất khẩu
- III) Những chế-độ hoàn thuế (bảo-thuế-khố, xuyên quá và tạm dụng) và những nghiệp-vụ tương tự.

- IV) Những sắc thuế do Nha Quan-Thuế thu.
- V) Những việc nhập khẩu đặc ưu.
- VI) Chế-độ các thuộc địa Pháp.
- VII) Hàng hải
- VIII) Tổ-chức và điều-hành Nha Quan-Thuế
- IX) Tổ-tụng.

Bộ luật được ban hành hơn 30 năm qua, và nội-dung làm bằng toàn Pháp-Văn, nay không còn hợp thời nữa. Một bộ luật quan-thuế mới, được soạn thảo bằng tiếng Việt, với bố cục hợp lý, gọn gàng hơn, và đơn-giản-hóa các thể-thức ; việc soạn thảo đã hoàn thành và chờ đợi ngày công bố.

B) *Cuốn quan-thuế-biểu* (Tarif douanier) ấn-định cho mỗi loại hàng các sắc thuế phải thu hay được miễn, cũng như những sự cấm chỉ phải áp-dụng.

Theo sắc-lệnh số 371-TC ngày 31-12-1964, Quan-thuế-biểu được trình bày theo danh mục Bruxelles. Phần danh mục (nomenclature douanière) là phần chỉ danh những hàng hóa và ấn định cách xếp loại cùng những phương-vị (positions) quan-thuế-biểu. Về thuế-suất (quotité des droits), Dự số 27 ngày 12-4-1965 vẫn còn được áp-dụng, mặc dầu đã được bỏ tức bằng nhiều văn kiện kế tiếp :

- Sắc-luật 19/61 ngày 29-1-1961 nhân cuộc cải-cách thuế khóa toàn diện.
- Sắc-luật 17/65 ngày 22-9-1965 nhưng chỉ áp-dụng riêng đối với một vài thứ hàng được coi là xa xỉ hay là bán xa xỉ.
- Sắc-luật 001-SLV ngày 17-6-1966 qui-định lại hối-suất đồng học Việt-Nam (1\$ US : 80\$00 VN), nhưng vẫn giữ nguyên mức thuế quan trên căn bản 1\$ US : 35\$00 VN.

Dự số 27 nói trên đã nhắc lại nguyên-tắc hệ thống thuế biếu-lương-suất (système du double tarif), gồm có thuế suất tối thiểu và thuế suất phổ thông (tarif général). Thuế-suất phổ thông là thuế-suất thông thường, áp-dụng cho mọi quốc-gia không ký kết thương-ước, còn thuế-suất tối thiểu là thuế-suất ưu đãi, dành cho những quốc-gia đã kết ước, do điều khoản tối-huệ-quốc (clause de la nation la plus favorisée).

C) Tuy nhiên, phần trọng-yếu của luật-lệ về quan-thuế, là những thông tư, chỉ thị của Tổng Giám-Đốc Quan-thuế mà luật pháp dành cho nhiều quyền hạn trong việc suy d.ễn luật-lệ, áp dụng thuế biếu, và điều đình.

Những thông tư, chỉ thị ấy được sưu tập và xếp đặt có hệ thống trong tập « Chú-giải Quan-Thuế-Biểu » và « Chú thích Quan-thuế Biểu ».

1.— *Tập chú giải Quan-Thuế-Biểu* : được gọi trước đây là cuốn nhận xét sơ khởi về thuế-biểu (*observations préliminaires du Tarif*) vì khởi thủ y những nhận xét ấy được ghi trên đầu cuốn Thuế-biểu như phần dẫn nhập và nêu ra những qui tắc cần phải tuân theo trong việc áp-dụng thuế-biểu một cách đúng mức, như việc ấn định thuế suất, việc thiết lập tờ khai, việc định-ngĩa nguyên xứ và lai xứ, việc định nghĩa giá hàng hay là thi-hành những thể thức kiểm-soát ngoại thương và hối đoái, việc ấn định những thể, thức áp-dụng cho các chế-độ hoãn thuế v.v...

Lẽ dĩ nhiên, cuốn chú giải quan-thuế-biểu cũng như tất cả những thông-tư chỉ thị của Tổng Nha Quan-Thuế, chỉ có giá trị tương đối mà thôi, vì những văn-kện này chỉ có hiệu lực : ràng buộc : nhân-viên quan-thuế, còn tư nhân vẫn có quyền nhờ Tòa-án giải-quyết.

2.— *Tập chú-thích Qian-Thuế-Biểu* (*Notes explicatives du Tarif*). Tập này sở dĩ được gọi như thế là vì trước đây dưới mỗi trang của cuốn danh-mục thuế-biểu, có ghi chép những chú thích liên hệ. Sau này những chú thích đó mới được soạn thảo thành một cuốn riêng.

Tóm lại, tập chú-thích thuế-biểu là một quyền về kỹ-thuật bổ túc cho cuốn danh-mục, mô tả hay định rõ những tánh cách đặc biệt của mỗi loại hàng để tiện việc phân loại.

Tuy nhiên, cũng có nhiều trường hợp, có nhiều thứ hàng chưa được xếp loại vào bất cứ phương vị nào của Quan-Thuế Biểu ; do đó, Tổng Giám Đốc Quan-Thuế được quyền ra quyết định đồng hóa loại hàng tranh tụng với những loại hàng tương tự để đánh thuế ; đương sự nếu không tuân theo quyết định xếp hạng của Tổng Nha Quan-Thuế, thì sẽ phải làm thủ tục pháp lý giám định (*expertise légale*) trước khi đem nội vụ ra Tòa-án Tư-pháp để xin quyết-định.

3.— Sau hết, Tổng Nha Quan-Thuế còn có một đặc quyền nữa trong việc áp-dụng luật lệ là quyền điều đình để chấm dứt các vụ tranh tụng về quan thuế (*transaction*), trước và sau khi có án tòa. Nha Quan-thuế cũng được ủy-nhiệm sử-dụng quyền điều đình trong trường hợp có vi phạm luật-lệ hối đoái và luật lệ quan thuế cùng một lúc.

Khi can phạm nhận lỗi và xin điều đình thì nhân viên quan thuế có thể lập chứng thư điều đình, ngoại trừ trường hợp Nha Quan-Thuế không chấp nhận cho điều đình và truy tố nội vụ ra trước Tòa-án xét xử để làm gương.

Chứng-thư điều đình cần phải được cấp hữu-quyền duyệt y mới có hiệu-lực; thẩm-quyền duyệt y các chứng-thư điều đình tùy thuộc tính cách quan-trọng của sự phạm-pháp và đã được ấn-định trong Sắc-lệnh số 16a/TC ngày 18-1-1965.

Sự điều đình có hiệu-lực tiêu diệt quyền công-tố. Khi chứng-thư điều đình được duyệt y và thông báo cho Công-tố-viện, Tòa sẽ ngưng việc xét xử và miễn nghị. Nếu sự điều đình được chấp nhận sau khi có án văn chung thẩm, những khoản phạt tù hay phạt vạ dễ thay thế ngược hình phải thi hành nguyên vẹn và Nha Quan-Thuế chỉ có quyền ân giảm các khoản ngân-hình mà thôi.

Theo Sắc-luật số 4/65 ngày 19-7-1965 bổ túc bởi Sắc-luật số 4/66 ngày 15-2-1966, những vi-phạm các điều 4, 5, 6 của Sắc-luật 4/65 mà trị giá hàng sai áp trên 100.000\$00 đều thuộc quyền xét xử của Tòa-án đặc-biệt. Mọi sự điều giải về các vi-phạm kể trên đều bị đình chỉ.

Quyền điều giải chỉ được áp-dụng cho những vụ vi-phạm mà trị giá hàng sai áp dưới 100.000\$00. Trong trường hợp điều giải bất thành, việc xét xử sẽ thuộc thẩm quyền của Tòa-án Quân-sự Mặt Trận Vùng Chiến Thuật nếu trị giá hàng hóa dưới 50.000\$00, và của Tòa-án Đặc-biệt nếu trị giá hàng trên 50.000\$00.



III. Việc áp-dụng Quan-Thuế luật trong thời-gian và không-gian.

Luật-lệ quan-thuế, liên-quan đến trật-tự công-cộng, được áp-dụng cho tất cả mọi người cư ngụ trên lãnh thổ quốc-gia ngoại trừ những đặc quyền về ngoại-giao.

Theo nguyên-tắc, những đạo-luật về hình-sự có tính cách khoan hồng hơn nghĩa là thủ tiêu hay giảm bớt những hình phạt đã trừ liệu, được áp-dụng cho những vi-phạm đã xảy ra trong quá khứ, nhưng nguyên-tắc hồi tố này không được áp-dụng cho lãnh vực quan thuế, vì lẽ những hình phạt về quan thuế có tánh cách một sự bồi thường.

Nhiều khi đạo-luật mới ban hành còn trừu tượng điều khoản chuyển tiếp để cho những hoạt-động đang thực hiện được hưởng những điều-kiện qui định trong luật cũ mặc dầu những hoạt-động đó chỉ chấm dứt sau khi luật mới được ban hành. Thể-lệ này được ghi nơi điều 6 Bộ Luật Quan-thuế hiện hành. Đó là một đặc lệ về Quan thuế, không làm đảo lộn sự tính toán trước trên thị-trường và cho những hàng hóa đã gửi đi từ trước khi ban hành luật mới, được hưởng thuế-suất hay chế-độ cũng tương đối khoan hồng hơn.



IV.— Hình-Luật Quan-Thuế

Hình-luật quan-thuế có một sắc-thái đặc-biệt, chưa đượg nhiều điểm dị-biệt với nguyên-tắc phổ-thông, với mục: tiêu trừng trị nhanh chóng và hữu hiệu các vụ phạm pháp. Những vụ phạm pháp quan thuế có tính cách vật chất nhiều hơn và tương tự như những tội vi-cảnh trong thường luật. Yếu tố lý trí không được kể tới. Dầu đã hành động vì nhầm lẫn, hay vì không biết việc mình đã làm là trái phép, đương sự vẫn bị coi là đã phạm pháp.

Đối với các vụ phạm pháp quan-thuế, chỉ có 2 loại mà thôi: tội vi-cảnh và khinh-tội, chứ không có trọng tội.

Theo điều 357-QTL, tội vi-cảnh quan-thuế là những vi phạm quan thuế, mà theo luật chỉ bị phạt tiền và tịch thu, các tội vi-cảnh quan thuế thuộc thẩm quyền của Tòa Hòa-Giải.

Theo điều 364-QTL và 179 Hình-sự tố-tụng, khinh-tội quan thuế gồm có các vụ vi phạm vào luật lệ quan-thuế, mà ngoài khoản phạt tiền và tịch thu, còn bị phạt giam.

Thủ tục xét xử, do đó, sẽ nhanh chóng, và luật-pháp qui định những điều khoản khắt khe, hạn chế quyền hành của các vị Thẩm-Phán, quyền bào chữa của bị can và luôn cả quyền hạn của người đệ tam nữa.

1) Điều 374 Quan-Thuế-Luật cấm các vị Thẩm-Phán không được giảm tội cho bị can vì cố không cố ý, chỉ phạm pháp vô tình hay không biết luật mà thôi.

2) điều 374 Quan-Thuế Luật cấm đoán các vị Thẩm-Phán không được hạ bớt tiền thuế, tiền phạt hay tịch thu.

3) điều 373 Quan-Thuế Luật cấm đoán các vị Thẩm-Phán được giải áp hàng hóa bằng một bản án tạm thời. Muốn giải áp hàng hóa, cần phải có một án văn chung thẩm về nội-dung và với điều-kiện là các hàng hóa đó không bị cấm chỉ nhập nội.

4) theo điều 375 Quan-Thuế Luật, Thẩm-Phán không có quyền từ chối không kiểm nhận câu thúc hành-chánh, hay là cấm chỉ hoặc làm chậm trễ việc thi hành các câu-thúc hành-chánh này.

5) trái với nguyên-tắc phổ-thông về việc dẫn chứng theo điều 372 Quan-thuế Luật, trong mọi tranh tụng liên quan tới một vụ sai áp, trách vụ dẫn chứng về phần bị can để chứng minh rằng y vô tội ; điều luật này có hậu quả là nếu có nghi-vấn, thì sự nghi-vấn phải có lợi cho Nha Quan-Thuế.

6) bị can cũng không có quyền dùng những bằng chứng thường, đã được ấn định trong Bộ Dân-Luật nếu vụ phạm pháp đã được chứng thực bằng một biên bản sai áp. Khi biên bản đã được lập ra một cách hợp lệ, bị can chỉ có thể sử-dụng thủ-tục rất khó khăn là thủ-tục đăng ký giả mạo để đánh đổ vi bằng đó.

7) Bộ Quan-Thuế Luật có dự liệu một số trường-hợp ức đoán luật định, có giá-trị tuyệt đối, và không thể dẫn chứng có trái ngược để bác khước, ví dụ : trong hoạt-vực quan-thuế (rayon douanier) những hàng hóa cấm nhập khẩu hay phải trả thuế nhập khẩu khá nặng mà không có tờ khai thì sẽ bị coi như đã nhập khẩu gian lậu ; người tàng trữ hàng lậu bị coi là đã nhập cảng gian lận và phải chịu trách nhiệm về việc này..

8) Ngoài những nguyên-tắc về tổng phạm của hình luật thường, điều 424 Quan-Thuế Luật bao gồm trong danh từ tổng phạm những người có quyền lợi vào việc buôn lậu (les intéressés à la fraude) : « những người đứng ra tổ-chức buôn lậu, những người tham dự vào những tổ chức đó, người đứng ra bảo-hiêm, người đem đi bảo-hiêm, người xuất vốn ra buôn lậu, người sở-hữu-chủ hàng hóa theo điều 424 đều là tổng phạm, đều liên-đời chịu trách-nhiệm nộp phạt tiền và có thể bị lên án phạt giam ... »

Những điểm vừa được lược kê như trên cho thấy rằng Hình-Luật Quan-Thuế là một luật lệ riêng, khác biệt với Hình-Luật thường trên nhiều phương diện. Nhà làm luật có lẽ đã nhận định rằng dư luận quần chúng không coi việc gian lận thuế là một việc nhục nhã làm thương tổn đến danh dự của người có tội, người buôn lậu không bị khinh miệt như những gian phi khác. Đây là tâm-trạng chung, không riêng tư cho một quốc-gia nào cả.



Hiện thời, Việt-Nam có một chế-độ độc-lập về quan-thuế, Tuy nhiên, vì tình-hình quốc-tế, khuynh-hướng chung là có sự liên minh và giải tỏa những sự trở ngại trong việc trao đổi hàng hóa giữa các quốc-gia. Đó là những điều khuyến cáo trong Hiến-Chương La Havane năm 1947 hay theo thỏa-biệp tổng quát về thuế-biêu và thương-mãi (G.A.T.T.).

Hơn nữa, trong khu vực Đông-Nam-Á có nhiều luồng dư luận nêu lên ý-kiến thành lập một thị-trường chung, tương tự với khối cộng-đồng kinh-tế Âu-Châu. Vì thế trong tương lai luật-lệ quan-thuế Việt-Nam sẽ phải chịu nhiều ảnh hưởng của các khuynh-hướng nói trên.



PHỤ BẢN C

LUẬT HÀNG - HẢI

Việt-Nam có một duyên hải quan trọng, dài ngót 1.900 cây số, nằm trên con đường từ Âu sang Á, và được mệnh danh là « Bao-Lưu trên biển Thái-Bình-Dương ». Việt-Nam có nhiều hải cảng : Saigon, Nha-Trang, Đà-Nẵng, và nhất là Cam-Ranh vừa được mở mang và sẽ có một tương-lai huy-hoàng. Nhưng Việt-Nam chưa có một hải-đội thương-thuyền, chỉ có những tàu thuyền nhỏ, trọng tải chung lối 10 ngàn tấn, được độc quyền khai thác duyên hải hàng vận.

Tình trạng này cũng dễ hiểu : gần non một thế-kỷ bị đô hộ, việc vận tải hàng hải do Pháp đảm nhận. Những luật-lệ về hàng hải do Pháp ban hành và áp dụng :

— Nghị-định ngày 21-12-1864 ban hành những điều khoản các bộ luật của Pháp được áp dụng cho xứ Nam-Kỳ, trong đó có bộ luật Thương-Mãi, mà một phần (quyển II) nói về luật hàng hải ;

— « Hiến-chương hàng-hải thực dân » (charte de la Navigation Coloniale) qui-định nơi Sắc-lệnh ngày 21-12-1911 ban hành do Nghị-định ngày 21-2-1912 qui-định quy-thế thương thuyền tại những thuộc địa và xứ bảo-hộ của Pháp, khác hơn là Algérie và Tunisie ; những điều-kiện về việc « pháp hóa » (françisation) và đăng-ký những tàu biển có cứ-cảng ngoài lãnh-thổ Pháp, những điều-kiện về việc điều-khiển tàu, thành phần của những bộ tham-mưu và thủy-thủ đoàn mà phần ưu-tiên phải dành cho những người có quốc-tịch Pháp, thuộc dân Pháp hay do Pháp bảo-hộ.

— Đạo-luật ngày 17-12-1926 qui-định bộ luật về kỹ-luật và hình-luật của hàng-hải thương-thuyền ;

— Sắc-lệnh ngày 19-3-1927 qui-định thủ-tục điều tra về việc đắm tàu, tàu dưng và mọi biến cố khác ;

— Sắc-lệnh ngày 17-4-1928 qui-định những dấu hiệu biểu-kiến về lý-lịch của tàu biển ; cả ba bản văn này được ban hành do Nghị-định ngày 8-8-1929 ;

— Nghị-định ngày 19-5-1942 qui-định công việc làm trên tàu-biển : trách vụ của chủ tàu, của thủy-thủ, vấn-đề lương bổng, tử tuất ;

— Sắc-lệnh ngày 2-11-1931 qui-định bộ Quan-Thuế luật dành một Thiên (Thiên thứ 7) đề nói về sự lưu-thông hàng hải, nhấn mạnh về khía cạnh thuế khóa, và về duyên hải hàng vận (cabotage) ;

— Đạo-luật ngày 2-4-1936 về vận tải theo chế-độ tải-hóa. đơn ban hành do Nghị-định ngày 18-5-1936.

Đại-đề, đây là những luật-lệ căn-bản hàng hải Việt-Nam, được duy trì sau ngày Việt-Nam thâu hồi chủ-quyền vào năm 1954.



1) Về tàu biển :

Trong-tám chi phối của các điều luật kể trên là tàu biển, vì tàu biển là phương-liện chánh của sinh-hoạt hàng hải ; học-thuyết định-nghĩa tàu biển, căn cứ vào dụng-dịch : tàu biển được dùng để thực hiện một hành-vi thương-mãi trên biển cả nên dụng-dịch của tàu biển là hải trình. Vậy hải trình trên biển cả là tiêu-chuẩn xác định tàu biển và để phân biệt tàu biển với những loại khác.

Ngoài ra, tàu biển được đồng-hóa với một cá-nhân, có quốc-tịch, danh-tính, cư-cảng, và những văn-kiện hành-chánh xác nhận lý lịch của nó : văn-tự Việt-Nam hóa, (trước đây là Pháp hóa) tức là văn kiện chánh yếu về quyền sở-hữu và quốc-tịch ; bản danh-sách thủy-thủ đoàn ; giấy phép lưu thông, quyền sở-thương-thuyền (carnet de bord) ; chứng-chỉ được kiểm-soát hợp lệ và ứng-dụng cho việc lưu thông, và bản kê khai tình trạng đăng-ký đề đương.

Tàu biển chẳng những là phương-liện chánh của hoạt-động hàng hải, mà còn là một tài-sản quan trọng, nhưng theo pháp-chế hiện hành, tàu biển không được xếp vào hàng bất-động-sản, mà là tài-sản đăng-ký, không do luật lệ về động-sản chi phối. Sự đăng-ký không phải chỉ là một thẻ-thức hành-chánh, như trường-hợp các xe tự-động, mà có một giá-trị pháp-lý riêng biệt ; do đó, việc mua bán tàu biển cũng như quyền sở-hữu liên hệ phải được công bố như trong vấn-đề bất-động-sản.

Nhờ sự công bố này, chế-độ bảo-chứng đối vật có thể áp dụng cho tàu biển, sự đề-đương tàu biển có thể tổ-chức như đối với bất-động-sản, sự đề-đương ban cho chủ nợ quyền bảo-lưu sở vật cầm thế để bảo đảm món nợ, quyền được trả nợ ưu tiên và quyền truy-tù. Bộ luật Thương-Mãi có dự-liệu những món nợ có ưu quyền được trả ưu tiên hơn nợ đề đương, trên chiếc tàu, trên thủy-cước của chuyên đi đã làm phát sinh món nợ có ưu quyền, như áo phí trong việc phát-mãi chiếc tàu, thuế do trong lượng, thuế bến, tiền trả cho hoa-tiêu, lệ phí gìn giữ tàu biển từ lúc vào hải-cảng sau cùng v. v. . .

Tàu biển cũng có thể bị sai-áp bảo-toàn mà hậu quả là làm chiếc tàu bất-động trong bến để cho chủ nợ đem phát-mãi sau khi được chứng-thư sai-áp chấp-hành.

Sự sai-áp chấp hành, không thể áp dụng cho tàu sắp rời bến hoặc đang di chuyển, được thực hiện theo thủ tục: áp dụng cho việc phát mãi hết động-sản; lệnh truyền cho thuyền-trưởng, vi-băng sai-áp, việc bán đấu giá và sau cùng phân chia tiền bán cho chủ nợ.

✽

II) Về thuyền chủ, thuyền-trưởng.

Chung quanh chiếc tàu biển, một số người quan-thiết tới sự mưu sinh trong sự vận tải hàng-hải gồm có thuyền chủ, thuyền trưởng, và một số đại lý trên bộ của thuyền chủ cung cấp dịch vụ cho khách hàng, dù lắm khi nhơn danh mình, nhưng thực sự hành-động cho thuyền chủ.

Thuyền trưởng là nhân vật đáng chú ý hơn hết, và đó là sản phẩm đặc biệt của luật hàng hải. Trước hết thuyền trưởng là chủ của xã-hội nhỏ sống trên tàu, thuyền trưởng đóng vai trò hộ lại đối với những việc sanh, tử, thay thế chưởng-khế, để thâu nhận những chúc-thư, và là thẩm-vấn-viên mở cuộc điều-tra về trọng tội và khinh tội xảy ra trên tàu.

Thuyền trưởng có quyền hạn đặc biệt để giữ kỷ-luật trên tàu, để trưng dụng người và vật, và sử-dụng các quyền ấy đối với thủy-thủ đoàn cũng như đối với hành-khách.

Thuyền trưởng là nhân-viên tín nhiệm của thuyền chủ, tuyển dụng hoặc bổ túc thủy-thủ đoàn, thâu nhận hàng hóa và cấp phát biên lai, cho kiểm-soát chiếc tàu, làm mọi việc chuẩn bị chuyển đi hoặc làm cho chuyển đi có hiệu quả.

Chính thuyền trưởng thay mặt thuyền chủ trước tụng đình, và nhân danh mình để kết luận, trái với nguyên-tắc không được đại-quyền tố-tung.

Thuyền chủ có thể tự khai thác lấy chiếc tàu hoặc cho người khác trang bị chuyên chở, có quyền bỏ tàu và thủy-cước cho chủ nợ để giải trách, miễn là không có tự mình kết ước.

Thuyền trưởng trong khi điều khiển chiếc tàu có quyền làm mọi hành-vi cần thiết, dù có gây thiệt-hại cho hàng hóa, cho chiếc tàu, như vớt bỏ hàng hóa xuống biển, vớt bỏ một số phụ tùng của chiếc tàu, tự đánh đắm tàu, dù gây thêm phí tổn, như bỏ neo, với mục tiêu đem lại ích lợi chung trong trường hợp nguy hiểm. Những thiệt hại kể trên gọi là thiệt hại chung, và do thuyền chủ, người chủ hàng chung chịu. Các đương sự có thể tiên liệu trường hợp này và viện dẫn những qui ước « York và Anvers » (Règles d'York et d'Anvers) để ấn định phần chung chịu của mình.

✽

III) Về bảo-hiêm hàng-hải.

Để tránh những rủi ro của mọi biển cố xảy ra trên mặt biển, thuyền chủ cũng như người chuyên chở thường hay bảo hiêm tàu và hàng hóa của mình. Sự bảo-hiêm hàng-hải có đặc điểm là có tính cách bồi thường và được chi phối do ba nguyên tắc :

- 1) sự rủi ro hàng-hải phải gây thiệt hại cho người được bảo-hiêm ;
- 2) tiền bồi thường không thể cao hơn trị giá thiệt hại đã gây ra ;
- 3) sự thiệt-hại không thể đền bồi hai lần do hai bảo-hiêm khác nhau.

IV) Về nghĩa-vụ cứu trợ trên mặt biển :

Cuộc mưu sinh trên mặt biển làm phát sinh truyền-thống phải cứu trợ lẫn nhau, và nghĩa-vụ cứu vớt sanh mạng của kẻ khác được chế-tại bằng hình phạt bình-sự đối với thuyền trưởng, dù có gây ra việc dụng tàu hay không. Ngoài ra chiếc tàu cứu nguy còn được quyền đòi thù lao.

V) Về việc dụng tàu :

Trường-hợp thường làm xảy ra nhiều tranh chấp, là thẩm quyền của Tòa-án để xét xử vụ dụng tàu. Theo nguyên tắc, có 3 Tòa án thẩm quyền : Tòa-án bị đơn, Tòa-án nơi xảy ra tai nạn (tất nhiên phải xảy ra trong hải-phận quốc-gia) và Tòa-án nơi ăn nậu của một trong hai chiếc tàu liền sau khi xảy ra tai nạn. Cũng cần nên thêm vào đó Tòa-án nơi chiếc tàu bị sai áp Dấu sao, vấn đề thẩm-quyền phải được quyết-định do một hội-nghị quốc-tế như hội-nghị Bruxelles ngày 10.5-1952.

VI) Việc vận tải hàng hải :

Các sự qui định kể trên của luật hàng hải về tàu biển, quyền lợi, trách vụ của thuyền chủ, thuyền trưởng và thủy-thủ đoàn chưa có cơ hội được áp-dụng trên toàn thế. Vấn đề có tầm quan trọng đặc-biệt cho Việt-Nam hiện tại là việc chuyên chở bằng đường biển theo tải-hóa-đơn được dự liệu nơi đạo luật ngày 2.4-1936. Vì nhu cầu mở mang xứ sở, vì nhu cầu chiến tranh, một hoạt-dộng hàng hải hết sức quan trọng để đem hàng hóa đến Việt-Nam tạo ra nhiều tranh chấp liên quan đến sự áp dụng chế-ước vận tải, và hầu hết những vụ kiện thương-mãi do Tòa-án thu lý đều thuộc về loại trên. Do đó, vấn-đề chuyên chở hàng hóa đáng được đặc biệt lưu tâm.

Đạo luật ngày 2.4-1936 phát sinh nơi hội-nghị quốc-tế Bruxelles năm 1924 sau khi Anh-quốc thất bại trong việc qui định một tải-hóa-đơn kiểu mẫu do đạo luật mệnh danh là «Règles de la Haye» để chống lại đạo luật Harter Act ngày 13-2-1893 của Mỹ, không chỉ phối những chế-ước thuê trọn chiếc tàu, mà chỉ áp-dụng cho sự chuyên chở hàng hải trong giai đoạn từ khi nhận hàng

dưới cần trục cho đến khi giao hàng dưới cần trục và chỉ áp dụng cho việc chuyên chở theo chế độ tải-hóa-đơn là chế độ thông dụng ; đạo luật qui-định sự cấp phát tải-hóa-đơn, trách-vụ của người chuyên-chở và tổ-quyền đòi bồi thường thiệt hại.

Tải-hóa-đơn là khế-ước chuyên chở, là văn-kiện tiêu biểu môn hàng, có mang chữ ký của thuyền trưởng hay đại diện của hãng tàu, và phải ghi chú một số chi tiết bắt buộc như dấu hiệu, số kiện hàng, phẩm-lượng hoặc trọng của hàng-hóa; tải-hóa-đơn ban cho người chấp hữu hợp lệ văn-kiện ấy được quyền đòi hàng, quyền này là quyền trực tiếp và chuyên độc.

Người chuyên chở phải chịu trách-nhiệm những sự mất mát, hư hao hàng hóa trừ khi chứng minh được rằng các sự kiện đó bắt nguồn:

1) từ một lỗi hàng hải (faute nautique) của thuyền trưởng, thủy thủ, hoa tiêu hay các thừa sai;

2) từ một hà ti ẩn nặc của chiếc tàu ;

3) từ những lý do thành tựu một sự ngẫu nhiên hay một trường hợp bất khả kháng;

4) từ một sự đình công hay đóng cửa hàng ;

5) từ một hà ti bản chất của hàng hóa, hà ti của hàng hóa, hà ti của bao bì, từ những thất thoát về khối cũng như về trọng lượng hàng hóa trong giới hạn được thông lệ chấp nhận ;

6) từ một hành động giúp đỡ hay cứu vớt tàu khác.

Những điều-khoản về trách-nhiệm của người chuyên chở có tính cách trật-tự công-cộng và mọi điều khoản của tải-hóa-đơn với mục tiêu miễn trách cho người chuyên chở hoặc làm đảo lộn trách vụ dẫn chứng đều hoàn toàn vô hiệu và vô giá trị.

Tuy nhiên, ngoại trừ trường hợp giá trị hàng hóa được kê khai trong tải hóa đơn, luật-lệ cũng giới hạn trách nhiệm của người chuyên chở đến mức tối đa là 10.000\$ (theo điều 9 hiệp định Bruxelles, giới hạn luật định này là 100 Anh kim vàng) ; giới hạn luật định của hãng tàu được tính theo từng kiện hàng (colis) hay từng đơn vị (unité), và danh từ này phải được hiểu là đơn vị trọng lượng hay đơn-vị khối ghi trong tải-hóa-đơn. Sự hạn chế trên đây có tính cách thật sự, không phải là một nguyên tắc tỷ lệ ; người bị thiệt hại có thể đòi bồi thường tới mức tối đa này, dù cho sự thiệt hại chỉ làm cho hoá mất một phần giá trị mà thôi.

Đề có thể đòi bồi thường thiệt hại người nhận lãnh hàng hoá phải phát biểu mọi đề dặt cần thiết bằng văn tự. Nếu sự hư hao có tính cách hiển nhiên

người nhận hàng phải phản kháng ngay, trong lúc nhận hàng, hoặc trong hạn 3 ngày nếu sự hư hao không được biểu lộ rõ rệt. Quá thời hạn ấy, hàng hoá được suy đoán đã được giao đúng theo tình trạng ghi trong tải-hóa-đơn trừ khi có bằng chứng trái lại.

Vì trách nhiệm nặng nề của người chuyên chở, điều 8 đạo luật ngày 2-4-1936 dự liệu thời tiêu tố quyền đòi bồi thường là một năm kể từ ngày giao hàng. Trong trường hợp hàng hóa bị mất trọn vẹn, thời hạn khởi lưu kể từ ngày mà đúng lý ra hàng phải được giao.

Tuy đạo luật ngày 2-4-1936 không có đề cập đến sự gián đoạn thời tiêu, án lệ chấp nhận làm nguyên do gián đoạn thời tiêu một hành vi khởi tố hoặc một sự nhận nhận trách nhiệm; sau khi bị gián đoạn, một thời tiêu khác sẽ khởi lưu, nhưng đây là thời tiêu 30 năm của thường luật.

Đạo luật ngày 2-4-1936 không có đưa ra một quy tắc đặc biệt nào về thẩm quyền, điều 10 quy chiếu vào những nguyên tắc dân sự tố tụng thông thường, chỉ thêm một trường hợp ngoại lệ, trao thẩm quyền cho Tòa-án Việt-Nam, nếu bến nhận hàng hóa nằm trên lãnh thổ Việt-Nam. Trong trường hợp hàng tàu có đại lý hoặc thu-thác tại Việt-Nam, án lệ chấp nhận rằng hãng tàu được khởi tố hợp lệ tại địa chỉ của người đại lý hay thu-thác.



Những điều luật kể trên, như là những điều khoản của Bộ Luật Thương-Mãi của Pháp, phát sinh từ những qui pháp có cách đây gần ba thế kỷ, có lắm khi lỗi thời so với sinh hoạt của thời đại.

Do đó, một ủy ban đã được Tổng Bộ Tư-Pháp thành lập đã soạn thảo một bộ luật hàng hải tân tiến, căn cứ vào những tập tục quốc-tế, một số án lệ cố-định hoặc một số điều luật của các bộ luật hàng hải Đức, Ý, Nhật, v.v... để bỏ túc những khuyết điểm và những điều-khoản không còn hợp thời nữa. Công tác đã hoàn thành, và đó là đối tượng của quyền IV của Bộ Luật Thương-Mãi vừa được soạn thảo.

CHƯƠNG IX

CANH-TÂN NỀN TƯ-PHÁP VIỆT-NAM

I.— QUAN-NIỆM VẤN-ĐỀ.

Trong cuộc cách-mạng xã-hội đang được thực-hiện trên đất nước chúng ta, nền tư-pháp Việt-Nam có thể và phải đóng một vai-trò quyết-dịnh trong lãnh-vực tranh-thủ nhân-tâm. Muốn góp phần hữu-hiệu vào công cuộc xây-dựng một xã-hội mới, loại-trừ tham-nhũng, cường-bào ác-bá và Cộng-sản len lỏi, đem Công-Lý đến che chở dân-lành, hệ-thống luật-pháp phải phản-ảnh trung-thực tình-trạng xã-hội, đáp-ứng với nguyện-vọng chánh-đáng của dân-chúng, hướng tiến của cộng-đồng quốc-gia đồng nhip với cộng-đồng thế-giới. Các luật-lệ đặt ra phải căn-cứ trên sự công-bằng xã-hội và thể-biện ý-chung của tập-thể qua một chế-độ tự-do dân-chủ. Guồng máy để áp-dụng luật-lệ phải được tổ-chức cho thích-hợp và hoạt-động hữu-hiệu để luật nước được tôn-trọng nghiêm-chỉnh, những nhân-viên tư-pháp phải được thẩm-nhuần lý-tưởng phục-vụ cho đại-chúng, nghĩa là cho quyền lợi quốc-gia và dân-tộc.

Hệ-thống tư-pháp Việt-Nam trong tổ-chức hiện tại, đã chịu ảnh-hưởng sâu rộng của luật-pháp La-Tinh, về phương-diện lý-tưởng cũng như về kỹ-thuật cấu-lạc và giải-thích luật-pháp, về phương-diện tổ-chức guồng máy tư-pháp đối với nhiệm-vụ của mình.

Kể từ khi Việt-Nam thân hồi toàn bộ chủ-quyền quốc gia với sự triệt-thoái quân-đội viễn-chính Pháp và sự giải tán các tòa-án hỗn-hợp bởi Hiệp-Uớc Việt-P áp ngày 16.9.1954 hầu hết các luật-lệ cũ đều được tôn-tại và được áp-dụng trước các tòa-án Việt-Nam. Các luật-lệ ấy, dù ban-hành dưới thời Vua chúa hoặc trong thời-kỳ Pháp-thuộc, không bắt nguồn từ các nguyện-vọng sâu-xa của dân-chúng nên không được sự hậu-thuần của toàn-dân. Người dân có cảm-tưởng rằng các luật-lệ đặt ra không phải để bảo-vệ những quyền-lợi chánh-đáng của họ, mà chỉ nhằm để trừng-trị hoặc đề-củng-cố nền cai-trị của chế-độ đương-thời.

Xã-hội Việt-Nam vốn đã bị phân-hóa sau 1.000 năm lệ thuộc Trung-Hoa và suốt trong thời-kỳ độc-lập trị-vì bởi các vua chúa, lại bị phân-hóa đến tột-độ khi người Pháp, với chánh-sách chia để trị, đem áp-dụng cho mỗi địa-phương một bộ luật riêng biệt, mặc dù dân-tộc Việt-Nam là một dân-tộc thuần-nhất cùng chung một ngôn-ngữ và những phong-tục tập-quán. Sự kiện này đã làm khó khăn không ít cho việc áp-dụng luật-lệ trước các tòa-án. Các vị thẩm-phán khi thay đổi một quán-hạt, phải áp-dụng các luật lệ khác nhau, nên những thiếu sót và sai-lầm khó lòng tránh khỏi.

Cho đến nay sau một thời-gian khá dài đã thấu hồi tron ven chủ-quyền quốc-gia các bộ dân-luật và hình-luật vẫn chưa được thống-nhất, các luật-pháp ban-hành dưới thời Pháp-thuộc mặc dù đã lỗi thời cũng chưa hoàn-toàn được tu-chỉnh.

Tổ-chức guồng máy tư-pháp dựa theo tổ-chức hành-chánh đã tỏ ra không sát với thực-tế về diện-tích cũng như về dân số.

Tại mỗi Quận, có một tòa hòa-giải do Quận-Trưởng Hành-chánh kiêm-nhiệm chức-vụ Thẩm-phán hòa-giải, tại mỗi Tỉnh, một Tòa Hòa-Giải Rộng Quyền hoặc Sơ-Thẩm; và chung cho cả 3 Phần với dân số 15 triệu người chỉ có 2 Tòa Thượng-Thẩm.

Một vài thí-dụ điển-hình cũng đủ chứng minh khuyết điểm tổ-chức như đã nói trên. Tại các Tỉnh Quảng-Nam, Quảng-Tin và Thị-Xã Đà-Nẵng với dân số tổng cộng 1.100.000 người, chỉ có 1 Tòa Sơ-Thẩm. Tại Tỉnh Quảng-Ngãi dân số 510.000 người chỉ có một Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền gồm vốn-ven một vị Chánh-án vừa kiêm-nhiệm luôn chức-vụ Biện-lý và Dự-Thẩm và một vị Thẩm-Phán phụ-tá.

Việc tổ-chức các Tòa-án hòa-giải các Quận do một Quận-Trưởng Hành-kiểm-nhiệm chức-vụ Thẩm-Phán hòa-giải vừa trái với nguyên-tắc phân-quyền, vừa tỏ ra không hữu-hiệu trong việc phục-vụ nền công-lý. Thẩm-quyền quá eo-hẹp của Tòa này cũng như trên thực-tế sự thiếu thì giờ chăm lo công việc tư-pháp của các vị Quận-Trưởng, vừa thiếu khả-năng chuyên-môn, vừa quá bận rộn về công việc hành-chánh, đã làm nản lòng người dân, mỗi khi có vụ tranh tụng, phải đi đến hàng trăm cây số để đi hầu kiện tại Tòa án tỉnh. Trong một địa phương tương-đối an-ninh, với các đường giao-thông còn sử-dụng được thì cũng đã là một vấn-đề khó khăn, tốn kém thì giờ và tiền bạc cho tụng-nhân, huống hồ trong tình-trạng mà Việt-Cộng phá-hoại xóm làng cầu cống đường sá. Khi có kháng-cáo tên Tòa Thượng-Thẩm thì lại càng phức-tạp hơn nữa: tụng-nhân, nếu ở một tỉnh về cực Nam miền Trung, phải đi không dưới 600 cây số để dự một phiên Tòa kháng-cáo.

Tổ-chức nặng nề của guồng máy tư-pháp như đã trình bày, đã khiến cho người dân chán nản không còn tin-tưởng vào nền công-lý quốc-gia và họ có cảm-tưởng rằng nền công-lý là một ưu-đãi chỉ dành riêng cho dân-chúng các đô-thị; và đó cũng là một lý-do để cho sự tham-nhũng, áp-bức của cường-hào ác-bá và sự tham-nhập của Cộng-Sản được lộng hành ở thôn-quê.

Các nhân-viên tư-pháp được huấn-luyện theo hệ-thống pháp-học La-Tinh thường quan-niệm rằng nhiệm-vụ của họ chỉ là áp-dụng luật-lệ để

trừng-trị những kẻ vi-phạm, tự cô-lập mình đóng khung trong các « tháp ngà », không tiếp-xúc với dân-chúng hầu hết rõ nguyện-vọng của họ để có thể cân-nhắc sự việc và áp-dụng luật-lệ một cách thích-dáng.

Quan-niệm phiến-diện ấy có hại cho người giữ nhiệm-vụ cầm cân công-lý nói riêng và cho nền tư-pháp nói chung, nhất là trong giai-đoạn hiện tại mà ta phải đương-đầu với những thủ-đoan tuyên-truyền xuyên-tạc và chia rẽ của Cộng-Sản để kéo dân-chúng về phía họ.

Mọi quyết-định hấp-tấp, mọi việc xử-đoán mà sự giải-thích luật-pháp quá chú-trọng đến văn-từ, quên hẳn cân nhắc sự việc, hoàn cảnh bên ngoài, sẽ là một dịp để cho đối-phương tuyên-truyền xuyên-tạc. Quan-niệm phiến-diện này đã loại hẳn một nhiệm-vụ khác không kém phần cao quý, đó là nhiệm-vụ giáo-dục dân-chúng. Thử hỏi ai có đủ kiến-thức, khả-năng và uy-tín hơn các vị thẩm-phán để thực hiện nhiệm-vụ ấy ?

II. — NHỮNG CẢI-TỒ CẦN PHẢI THỰC-HIỆN.

Tình-trạng của nền tư-pháp Việt-Nam như đã được trình bày ở trên là một chương-ngại cho việc thực-hiện cuộc cách-mạng xã-hội nếu không được kịp thời sửa-chữa và canh-tân. Một sự cải-cách sâu rộng cần phải được thực-hiện về phương-diện tư-chính nền pháp-chế, cải-tồ guồng máy tư-pháp lẫn quan-niệm phục-vụ thì nền tư-pháp mới có thể hoạt-động hữu-hiệu, theo kịp với đà tiến-triển của xã-hội mới và góp phần trọng yếu vào việc chiến-thắng xâm-lãng.

Tổng Bộ Tư-Pháp khi hoạch-định chương-trình hoạt-động cho 2 năm 1967-1968 đã đặt kế-hoạch khắc-phục những khuyết-điểm nêu trên, khả dĩ tạo cho nền tư-pháp Việt-Nam có đủ điều-kiện để đáp-ứng với những đòi hỏi của cuộc cách-mạng xã-hội đang được thực-hiện trong nước cùng để theo kịp trào lưu tiến-hóa của cộng-đồng quốc-tế.

Chương-trình canh-tân được phác-họa trong công-văn đề ngày 6-8-1966, của Ông Tổng Ủy-Viên Tư-Pháp đương-kim gợi cho các Thẩm-Puan và toàn-thể nhân-viên tư-pháp, nhân-dịp tựu-chức lãnh trọng-trách điều-khiển nền tư-pháp quốc-gia.

Chúng ta quan-niệm rằng nhiệm-vụ thiêng-liêng của Tòa-án là bảo tồn tự-do con người, để khả-năng con người được phát-huy đúng mức, nhân-phẩm được nâng-cao, và để cho mỗi người được hưởng đầy đủ nhân-quyền trong khuôn-khổ trật-tự công-cộng, luật-pháp và an-ninh quốc-gia. Muốn

đặt thành nhiệm-vụ hết sức cao quí và cũng là cực kỳ khó khăn ấy. Tòa-án phải hoàn-toàn vô-tư, và phải nhằm vào đại-chúng bằng cách tiến gần dân, đi đến người dân, thay vì tư cô-lập, đứng xa cách đồng-bào đang chờ mong, hy-vọng nơi một « Đồng-nhất khá.ái ».

Tòa sẽ đến với người dân trong những cuộc điều tra, lý-khám trường-sở, trong những phiên xử lưu-động và trong những dịp tiếp-xúc, sẽ trọng tâm gây cho người dân ý-thức về sự cần-thiết tôn-trọng luật-pháp để củng cố nền pháp-trị, đặt luật-pháp và quyền lợi quốc-gia trên mọi áp-lực : của Cộng-sản len lỏi, của cường-hào ác-bá hoặc có khi của một chức-trách địa phương hành-động sai-lầm.

Gây được ý-thức tôn-trọng pháp-luật, tạo được tinh-thần hợp-pháp trong dân-chúng để loại ra khỏi xã-hội những tệ-đoan tham-những áp-bức, lộng-hành, thì nghĩa là gì, nếu không phải là thực-thi dân-chủ trong toàn thể đồng bào là góp phần thiết-lập một căn-bản, một nền tảng vững chắc cho xã-hội tương-lai ».

Chương-trình canh-'ân nền tư-pháp Việt-Nam có thể tóm tắt trong khẩu-hiệu « nền tư-pháp phục-vụ dân-chúng » bằng kế-hoạch « đem công-lý đến gần dân », và nhằm vào ba mục-tiêu chính-yếu :

1) *Thống-nhất và canh-tân luật-pháp để thể-hiện chủ-quyền quốc-gia, đoàn-kết dân-lộc thay thế những luật-lệ lỗi thời bằng những luật-lệ phù-hợp với bản tính và đà tiến-triển của dân-tộc Việt-Nam.*

2) *Cải-tiến guồng máy tư-pháp về phương-diện tổ-chức cơ-cấu và nhân sự, để áp-dụng với đầy đủ hiệu-năng một nền công-lý vì dân, cho dân.*

3) *Mang công-lý đến gần dân, để phục-vụ thiết-thực đồng-bào nông-thôn và gây tinh-thần trọng-pháp trong toàn thể dân chúng, nung-đúc tin-tưởng nơi chánh-ngĩa quốc-gia.*

III.— KẾ-HOẠCH VÀ THỜI-GIAN THỰC-HIỆN CUỘC CANH-TÂN

A.— Thống-nhất và canh-tân luật-pháp :

Công cuộc soạn-thảo những bộ luật mới để thống-nhất và canh-tân luật-pháp là một việc phức-tạp đòi hỏi nhiều thì giờ và sự tham-gia liên-tục của những luật-gia đầy-đủ khả-năng và uy-tín. Mặc dù các Ủy-Ban soạn-thảo các bộ luật cho toàn-quốc đã được thành-lập từ lâu, nhưng công việc của Ủy-Ban bị đình-trệ, một phần vì thiếu phương-tiện hoạt-động, một phần vì tình-hình bất an gây nên bởi các biến-chuyển chính-trị trong những năm qua. Khắc-phục các trở ngại nhờ ở sự cố-gắng và tận-tâm của các hội-viên, nên các Ủy-Ban này cũng đã hoàn-thành trong khoảng cuối năm 1966

các bộ Dân-luật, Hình-luật, Dân-sự và Thương-sự Tố-tụng, và Hình-sự tố-tụng là những bộ luật căn-bản cho nền pháp-chế quốc-gia. Ngoài ra, một số luật-lệ cũ cũng đã được tu-chỉnh hoặc thay thế hợp với tình-trạng nước nhà và hướng tiến của xã-hội. Mặc dù đã được hoàn-tất, các bộ luật này, được soạn-thảo trong khi nước ta chưa có một định-chế rõ rệt, cần phải được cải-tiến cho phù-hợp với các nguyên-tắc chỉ-đạo về thể-chế tự-do dân-chủ đã được thiết-lập bởi Hiến-Pháp mới được ban-hành.

Nhằm mục-dịch ấy, Tổng Bộ Tư-Pháp, trong tinh thần cải-tiến, đã thiết-lập một Ủy-Ban mệnh-danh là « Ủy-Ban Nghiên-Cứu Luật-Pháp », với nhiệm-vụ duyệt lại và làm thời sửa đổi các bộ luật đã soạn xong, để chẳng những không có điều-khoản nào trái ngược mà còn thích-ứng với tinh-thần bản Tán Hiến-Pháp và tiếp-tục công việc của các Ủy-Ban trước là sửa-đổi các luật-lệ lỗi thời.

Ngoài việc điền-chế, sửa đổi luật-lệ cũ, soạn luật-lệ mới, Ủy-Ban này sẽ đảm-trách cả việc canh-tán guồng máy tư-pháp, dự-thảo chương-trình huấn-luyện thẩm-phán cùng đơn-đốc thanh-tra công cuộc huấn-luyện ấy.

« Ủy-Ban Nghiên-Cứu Luật-Pháp » hoạt-động theo một thời-khóa-biên đã được dự-liệu : từ 1-4-1967 đến 31-12-1967 sẽ hoàn-thành công việc điền-chế và sửa-đổi luật-lệ cũ, để trở thành « Trung-Tâm Nghiên-Cứu Luật-Pháp » kể từ đầu năm 1968 với một tầm hoạt-động rộng lớn hơn. Tới nay Ủy-Ban đã đạt được kết-quả như sau :

Tổng số vấn-đề trong đó gồm một hay nhiều đạo-luật, được Ủy-Ban đề-nghị canh-cải là 120 (Tiểu-Ban Hình-Luật: 27, Tiểu-Ban Dân-Luật 39 và Tiểu-Ban Công-Pháp và Hành-Chánh 54). Trung-Tâm sẽ phụ-trách nghiên-cứu các vấn đề phảo-tranh pháp-luật, pháp-học đối-chiếu trên bình-diện quốc-tế, nhằm sửa-đổi luật-pháp quốc-nội theo trào-lưu tiến-bóa chung, mà bản Hiến-Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa ngày 1-4-1967 đã long-trọng xác-nhận các nguyên-tắc trong những điều-khoản sau đây :

Điều 2. — Quốc-gia công nhận và bảo-đảm những quyền căn-bản của mọi công-dân.

Quốc-gia chủ-trương sự bình-đẳng giữa các công-dân không phân biệt nam nữ, tôn-giáo, sắc-tộc, đảng-phái. Đồng-bào Tuiều số được đặc-biệt nâng đỡ để theo kịp đà tiến-bóa chung của dân-lộc.

Điều 4. — Việt-Nam Cộng-Hòa chống lại chủ-nghĩa Cộng-Sản dưới mọi hình-thức.

Mọi hành-vi nhằm mục-dịch tuyên-truyền hay thực-hiện chủ-nghĩa Cộng-Sản đều bị cấm chỉ.

Điều 6.— Quốc-gia tôn-trọng nhân-phẩm.

Luật-pháp bảo-vệ tự-do, sinh-mạng, tài-sản và danh-dự mọi công-dân.

Điều 7.— Quốc-gia tôn-trọng và bảo-vệ quyền an-toàn cá-nhân và quyền hiện-hộ.

Điều 8.— Đời tư, nhà cửa và thư tín của công-dân phải được tôn-trọng.

Điều 9.— Quốc-gia tôn-trọng và bảo-đảm quyền tự-do tín-ngưỡng, tự-do truyền-giáo và hành đạo của mọi công-dân miễn là không xâm-phạm đến quyền-lợi quốc-gia, không phương hại đến an-ninh trật-tự công-cộng và không trái với thuần-phong mỹ-tục.

Điều 10.— Quốc-gia công nhận quyền tự-do giáo-dục.

Điều 12.— Quốc-gia tôn-trọng quyền tự-do tư-tưởng, tự-do ngôn-luận, báo chí và xuất bản, miễn là sự hành sử các quyền này không phương-hại đến danh-dự cá-nhân, an-ninh quốc-phòng hay thuần-phong mỹ-tục.

Điều 13.— Mọi công-dân đều có quyền tự-do hội-hợp và lập hội trong phạm-vi luật-định.

Mọi công-dân đều có quyền bầu-cử, ứng-cử và tham-gia công-vụ trên căn-bản bình-dẳng theo điều-kiện và thể-thức luật định.

Quốc-gia tôn-trọng các quyền chính-trị của mọi công-dân kể cả quyền tự-do thích-nguyện, quyền đối-lập công khai bất bạo-động và hợp-pháp.

Điều 19.— Quốc-gia công-nhận và bảo-đảm quyền tư-hữu.

Điều 20.— Quyền tự-do kinh-doanh và cạnh tranh được công-nhận nhưng không được hành sử để nắm giữ độc-quyền, độc chiếm hay thao túng thị trường.

B. — Cải-tiến guồng máy tư-pháp :

Các luật-lệ mới dù hoàn-bị đến đâu, cũng mất phần hữu hiệu, nếu các Tòa-Án áp-dụng các luật-lệ ấy không được tổ-chức hợp-lý, có đầy đủ phương-tiện để hoạt-động, với những nhân-viên có đầy đủ khả-năng và thẩm-nhuần tinh-thần phục-vụ.

Các Tòa-Án hiện nay thiếu-thốn về mọi phương-diện, cả vật-chất lẫn tinh-thần. Trụ-sở chật hẹp, vật-liệu thiếu-thốn, nhân số khiếm-khuyết không đủ để đáp-ứng với công việc, Thẩm-phán cũng như nhân-viên phục-vụ tại các Tòa-Án xa xôi ít khi nhận được sự thăm viếng, ủy-lạo, đôn-đốc và chỉ-giáo của cấp trên; những thích-nguyện hợp lý ít khi được chú-ý và được thanh-thỏa, tất cả những sự kiện đó đã ảnh-hưởng đến lễ-lối làm việc của

các Tòa-Án, đến sự ứ-động hồ-sơ và trễ nãi trong công-vụ, những sự lầm lỗi không được cấp thời sửa-chữa, hoặc những sự lạm-dung không kịp thời phát-giác và đối-phó, đã làm cho dân-chúng có cảm-tưởng không tốt đối với nền tư-pháp.

Để cải-thiện tình-trạng trên, ngoài việc thanh-thỏa các điều-kiện vật-chất để Tòa-Án có đủ phương-tiện làm việc, như việc nới rộng trụ-sở, bổ thêm nhân-viên, tăng-cường dụng-cụ khi-mãnh, Tổng Bộ Tư-Pháp đã đặc-biệt chú-trọng đến khía cạnh cải-iến lề-lối làm việc của các Tòa-Án, và phổ-biến trong nhân-viên các cấp, quan-niệm mới về nhiệm-vụ của Tòa-Án và nhân-viên tư-pháp.

Để đạt mục-dích trên, Tổng-Bộ đã thiết-lập từ tháng 9 năm 1966 một « Ủy-Ban Cải-cách Tư-Pháp » có nhiệm-vụ nghiên-sứ và đề-nghị các biện-pháp thích-ứng để cải-thiện tổ-chức và điều-hành các cơ-quan tư-pháp trong nước. Cho đến nay hoạt-động của Ủy-Ban đã đạt được nhiều kết-quả đáng-kể : một số đề-nghị đã được cứu-trình nhằm giải- quyết tình-trạng ứ-động hồ-sơ tại các Tòa-Án, nới rộng trụ-sở, tăng-cường nhân-viên, ấn-định kỳ hạn nộp lý-đoán của luật-sư, ban-hành văn-kiện pháp-lý v, v...

Ngoài ra, để thắt chặt hệ-thống tư-pháp từ trung-ương đến địa-phương, các phái-đoàn thanh-tra đã được thành-lập và hoạt-động từ tháng 9-1966 đúng theo một lịch-trình đã được dự-liệu, 27 phái-đoàn thanh-tra mà thành-phần gồm có các vị Thẩm-Phán cao cấp của Tổng Bộ, Tòa Phá-Án, Tham-Chính-Viện, Tòa Thượng-Thẩm và Tòa-Án Hành-Chánh đã lần lượt đến xem xét hoạt-động của 30 Tòa-Án tỉnh.

Các phái-đoàn thanh-tra hành-nhiệm trong tinh-thần xây-dựng, khuyến-đu, đốc-dốc và sửa sai hơn là sát-phạt.

Phạm-vi thanh-tra gồm toàn thể hoạt-động của Tòa-án từ việc quản-trị đến công việc xét xử.

Ngoài việc xem xét phần tổ-chức cơ-sở và cách điều-hành Tòa-Án, các phái-đoàn thanh-tra xem luôn một số hồ-sơ hình, hộ, những trường-hợp cho tại-ngoại hoặc đình-cứu, và dự-kiến một vài phiên xử, một vài cuộc điều-tra để có một nhận-định xác-đáng về cách xét xử của các Tòa-án.

Làm thời, các Thẩm-Phán thanh-tra sẽ thảo-luận riêng với các Thẩm-Phán Tòa-án trong tinh-thần chỉ dẫn lẫn nhau về việc xét xử được thêm chu-đáo về sự việc cũng như về luật-pháp.

Đề phổ-cập quan-niệm về nhiệm-vụ mới của nhân-viên tư-pháp và tòa-án, các phái-đoàn thanh-tra cũng dành thì giờ tiếp xúc với các nhân-viên tòa-án, để giải-thích, huấn-dụ, và nhân dịp, thu-nhận những ý-kiến cũng như những thỉnh-nguyện cá-nhân.

Ngoài ra các phái-đoàn thanh-tra cũng mở các cuộc tiếp xúc với đại-diện chính-quyền địa-phương, Hội-đồng dân-cứ, thân-hào nhân-sĩ trong tỉnh, để thăm dò dư-luận của các giới đối với Tòa-Án và đối với tác-phong của nhân-viên tư-pháp, và để tìm hiểu những nguyện-vọng, những thắc-mắc của đồng-bào về những vấn-đề liên-hệ đến Tòa-Án, ngõ hầu gây thêm sự tin-trưởng nơi nền công-lý và nơi chính-quyền trung-ương.

Tại các Trung-Tâm cải-huấn, các phái-đoàn thanh-tra đã lưu-ý xét các trường-hợp phạm-nhân tư-pháp chưa thành án, xem sự giam giữ có hợp-pháp hay không, có giam giữ riêng biệt nữ phạm-nhân và vị-thành-niên phạm pháp hay không.

Kết-quả mà các phái-đoàn thanh-tra đã đạt được thật vô cùng khích-lệ. Điểm thành-lựu nhất là việc siết chặt sự liên-lạc trong hệ-thống tư-pháp giữa các cấp, thể hiện lòng ân-cần ưu-ái của trung-ương đối với tòa-án hành-nhiệm ở các nơi xa xôi, làm sống-động tinh-thần tương-trợ đề-nâng-cao và kích-ích tinh-thần phục-vụ công-lý theo chủ-trương và đường-lối mới, mà Hiến-Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa đã vạch ra trong những điều-khoản sau đây :

Điều 76.— Quyền Tư-Pháp độc-lập được ủy-nhiệm cho Tối-Cao Pháp-Viện và được hành-sử bởi các Thẩm-Phán xử án.

Một đạo-luật sẽ qui-định sự tổ-chức và điều-hành ngành tư-pháp.

Điều 78.— Thẩm-Phán xử án và Thẩm-Phán công-tố được phân-nhiệm rõ rệt và có qui-chế riêng biệt.

Thẩm-Phán xử án quyết-định theo lương-tâm và pháp-luật dưới sự kiểm-soát của Tối-Cao Pháp-Viện.

Thẩm-Phán Công-Tố theo dõi sự áp-dụng luật-pháp để bảo-vệ trật-tự công-cộng dưới sự kiểm-soát của Bộ Tư-Pháp.

Điều 81.— Tối-Cao Pháp-Viện có thẩm-quyền giải-thích Hiến-Pháp, phán-quyết về tính-cách hợp hiến hay bất hợp-hiến của các đạo-luật, sắc-luật, tính-cách hợp hiến và hợp-pháp của các sắc-lệnh, nghị-định và quyết-định hành-chánh.

Tối cao Pháp-Viện có thẩm-quyền phán-quyết về việc giải tán một chánh-đảng có chủ-trương và hành-động chống lại chánh-thể cộng-hòa.

Điều 83.— Tối cao Pháp-Viện có ngân-sách tự-trị và có quyền lập quy để quản-trị ngành tư-pháp.

Điều 84.— Hội-đồng Thẩm-Phán có nhiệm-vụ :

— Đề-nghị bổ-nhiệm, thăng-thưởng, thuyên-chuyển và chế tài về kỷ-luật các Thẩm-phán xử án.

— Cố-vấn Tối-Cao Pháp-viện về các vấn-đề liên-quan đến ngành tư-pháp.

Hội-Đồng Thẩm-Phán gồm các Thẩm-Phán xử án do các Thẩm-Phán xử án bầu lên.

Điều 85.— Đặc-biệt Pháp-Viện có thêm-quyền truất quyền Tổng-Thống, Phó Tổng-Thống, Thủ-Tướng, các Tổng Bộ Trưởng, các Thẩm-Phán Tối-Cao Pháp-Viện và các Giám-Sát-Viện trong trường-hợp can tội phản quốc và các trọng tội khác.

Trong khuôn khổ chương-trình cải-tiến guồng máy tư-pháp, cũng nên kể luôn chủ-trương tự-do-hóa ngành chương-khế mà một dự-án luật đã được soạn thảo và đang được nghiên-cứu tại Bộ Tư-Pháp.

C.— Dem công-lý đến gần dân :

Với các cuộc thanh-tra các Tòa-Án tỉnh, nền tư-pháp đã đạt được một bước tiến quan-trọng trong việc chuẩn-bị đưa công-lý đến gần dân.

Cứu-cánh là nhân-dân, tất cả các hoạt-động của ngành tư-pháp phải hướng về mục-tiêu xây-dựng nhân-dân, góp phần tạo cho mỗi người cũng như cộng-đồng một nếp sống, một tinh-thần, một lý-tưởng căn-cứ trên những nguyên-tắc dân-chủ, tự-do, công-bình, trong khuôn-khổ kỷ-luật quốc-gia dưới sự che chở của luật-pháp.

Trong giai-đoạn quyết-liệt của chiến-tranh toàn diện để bảo-vệ độc-lập và tự-do, trong khi ta phải dành giữ từng tấc đất, từng người dân, nên công-tác trên đây, nếu thực-hiện đúng mức sẽ là một hình-thức chiến-đấu kiến-hiệu để tranh-thủ nhân-tâm.

Những người dân ở nơi thôn quê heo-lánh, bấy lâu nay vì thời cuộc phải sống xa chánh-quyền, đã phải chịu ảnh-hưởng của những sự tuyên-truyền huyền-hoặc, của những thủ-đoạn gian-trá, mi-dân, của Cộng-Sản cũng như những hành-vi phi-pháp áp bức của kẻ cường-hào ác-bá.

Bởi vậy kế-hoạch kiến-hiệu nhưt để thực-hiện chủ-trương đem công-lý đến gần dân là tổ-chức những phiên Tòa lưu-động của các Tòa Thượng-Thẩm và các Tòa-Án tỉnh, ban đầu tại các Quận, và lần lần tùy tình-trạng an-ninh địa-phương, tại các Xã Ấp.

Việc tổ chức các phiên Tòa lưu-động nhằm phục-vụ thiết-thực đa số đồng-bào, ngăn ngừa tham-nhũng, bãi trừ gian-ác bạo-tàn và gây ý-niệm dân-chủ, tinh-thần trọng pháp trong toàn-thể dân-chúng, gây lòng tin-tưởng của mọi người nơi nền công-lý quốc-gia.

Để đạt các mục-tiên trên, các phiên tòa lưu-động được tổ-chức một cách giản-dị để dân-chúng quen lẫm với khung cảnh Tòa-án là cơ-quan có nhiệm-vụ bảo-vệ quyền-lợi, tài-sản và sinh-mạng của người dân, và đề công-tác này trở thành một công-tác liên-tục phục-vụ cho dân-chúng.

Địa-điểm xử án của các Tòa-án xử lưu-động cũng được lựa chọn và cân-nhắc kỹ càng về điều-kiện địa-dur, nhân-vấn, giao-thông, cốt để các Tòa Thượng-Thẩm làm tròn nhiệm-vụ mà không gặp những khó khăn lớn lao gây trở ngại cho việc xét xử (Nha-Trang đối với Tòa Thượng-Thẩm Huế, Cần-Thơ và Đalat đối với Tòa Thượng-Thẩm Saigon).

Kể từ ngày 16-9-1966 với phiên xử lưu-động đầu tiên tại Quận Long-Điền (Phước-Tuy) cho đến ngày 31-5-1967 đã tổ-chức được 209 phiên xử lưu-động cho các Tòa-Án tỉnh trong toàn-quốc, 9 phiên-xử lưu-động cho Tòa Thượng-Thẩm Saigon (7 kháng-cáo tiêu-bình, 2 kháng-cáo đại-bình) và 2 phiên xử lưu-động cho Tòa Thượng-Thẩm Huế (1 kháng-cáo đại-bình một kháng cáo tiêu bình).

Các việc đem xét xử trong các phiên Tòa lưu-động là những việc giản-dị về hình, họ, hay diên-địa liên-quan đến đời sống đồng-bào tại địa-phương. Các vụ nguyên-đơn xin lên án thế vì hộ-tịch được đặc-biệt chú-trọng để giúp đồng-bào có giấy tờ, giúp trẻ em có khai-sanh đi học mà khỏi mất nhiều thì giờ tốn kém quá đáng vì phải xé-dịch từ làng mạc xa xôi đến trụ-sở Tòa-án.

Các phiên Tòa lưu-động này đã thu lượm được nhiều kết quả tốt đẹp. Đơn cử một tỷ dụ : Trong phiên xử lưu-động của Tòa-án Kiên-Giang tổ-chức tại đảo Phú-Quốc ngày 15-10-1966, mặc dù chỉ dự-dịch đăng đường 2 vụ tiêu bình và ba vụ xin lên án thế vì khai-sanh, nhưng vì thấy đồng bào quá lưu tâm đến phiên xử và theo lời thỉnh-cầu của dân chúng, Ô. Chánh-Án đã chấp-thuận cho thu nhận ngay tại chỗ các đơn xin lên án thế vì khai-sanh mà tổng số lên tới 265 đơn, và đã tuyên án ngay trong ngày hôm ấy cho những đơn này. Hơn thế nữa, buổi chiều, lại có một số đồng-bào vì hay biết chậm trễ, cũng đã đến yêu-cầu Tòa-Án xử thêm một phiên nữa vào ngày hôm sau 16-10-1966, và đã nộp 135 đơn xin lên án thế vì khai-sanh. Ô. Chánh-Án đã chấp thuận ở lại thêm một ngày để thỏa mãn nguyện-vọng của đồng-bào và tuyên-án đầy đủ 135 vụ xin giấy tờ hộ-tịch nói trên.

Một phiên-xử lưu-động khác của Tòa-Án Kiến-Hòa tổ chức ngày 27-4-1967 tại quận Hàm-Long cách tỉnh-lỵ lối 15 km cũng đem lại kết-quả ngoài sự mong ước. Tòa chỉ đáng đường 16 vụ, nhưng khi tới quận, đồng-bào hay biết đã rủ nhau đến dự rất đông và có yêu cầu tòa nhận ngay tại chỗ các đơn xin lên án thế vi khai-sanh, tất cả lối 85 đơn. Ông Chánh-Án đã chấp-thuận lời thỉnh-cầu và đã tuyên, ngoài các vụ đã ấn-định trước, 85 bản án thế vi khai-sanh cho đồng-bào. Một vị đại-diện hội-đồng dân-cử hàng tỉnh, nhân dịp này đã cho biết hiện nay đường đi lại khó khăn, mỗi gia-đình muốn lên tỉnh đến tòa-án xin án thế vi khai-sanh ít nhất cũng phải tiêu tốn lối 800\$ mỗi ngày ăn uống và di-chuyển. Như vậy trong 101 vụ tuyên xử ngày hôm ấy tòa-án đã tiết-kiệm cho đồng-bào ước chừng trên 80.000\$.

Nếu trong nhiệm-vụ xử-đoán, Thẩm-Phán có thể góp phần hướng-dẫn bước tiến của xã-hội bằng cách giải-thích và thi-hành luật-lệ sao cho vừa hợp với pháp-lý, vừa thích ứng với nhu-cầu tiến-triển chung của đời sống cộng-đồng, thì ngoài nhiệm-vụ ấy ra, Thẩm-Phán là một cán-bộ có nhiều điều-kiện và khả-năng để tham-gia đặc-lực vào công-cuộc xây-dựng tinh-thần dân-chủ, ý-niệm trọng pháp, bằng cách chỉ dẫn, phổ-biến qua những cuộc tiếp-xúc, những buổi nói chuyện, cho dân-chúng biết rõ và nhận xét đúng mức những nguyên-tắc căn-bản trong chánh-thể tự-do, những quyền lợi và bổn-phận của người dân trong tổ-chức quốc-gia.

Công-tác giáo-duc dân-chúng là một công-tác vô cùng hệ-trọng, nếu được thi-hành đúng mức và liên-tục sẽ gây một ảnh-hưởng lớn lao trong dân-chúng.

Bởi vậy bên lề các phiên xử lưu-động, Tổng Bộ Tư-Pháp cũng đã chỉ-thị cho các vị Thẩm-Phán tổ-chức những buổi nói chuyện trước hoặc sau phiên xử, về một đề-tài có tính-cách giải-thích các vấn-đề pháp-luật thường thức hoặc công-dân giáo-duc và phổ-biến trong dân-chúng những loại sách nhỏ « Tòa đến với dân » do Bộ soạn-thảo và ấn-hành. Cho đến nay Bộ đã in xong và cho phổ-biến 10 tập sách :

- 1) Cách thức xin chứng-thư và án thế vi hộ-tịch,
- 2) Ít điều cần biết về hộ-tịch,
- 3) Tư-pháp bảo-trợ,
- 4) Ủy-viên hộ-tịch với vấn-đề lập khai-tử,
- 5) Con ngoại hôn,
- 6) Tư-pháp lý-lịch,
- 7) Cẩm-nang của người đi kiện,
- 8) Tử-hệ nghĩa-duơng.

9) — Tai-nạn lưu-thông.

10) — Ly thân, ly hôn.

và sẽ tiếp-tục soạn và ấn-hành thêm những loại sách này trong các vấn-đề khác về pháp-luật thường-thức.

Khi phổ-biến một cuốn sách và sau khi đã giải-thích xong, các vị Thẩm-Phán còn soạn-thảo ra một loạt câu hỏi và các câu trả lời về vấn-đề nêu trên. Súc-tiến và giản-dị phân-phát cho dân-chúng giúp cho họ hiểu thêm và để nhớ.

Bên lề các phiên xử, nếu điều-kiện cho phép, các vị Dự-Thẩm cũng được chỉ-định mở ngay tại địa-phương những cuộc điều-tra, thăm-vấn về các vụ hình: hối-cung nạn-nhân, nhân-chứng, bị can. Công-tác này giúp cho nạn-nhân, nhân-chứng đỡ tổn kém phải xê-dịch đến trụ sở Tòa-án tỉnh, gây tin-tưởng nơi người dân là họ được pháp-luật tận-tình bảo-vệ, và gây tiếng dội báo-động đối với các phần-tử mưu-toan vi-phạm luật-lệ.

KẾT LUẬN

Việc canh-tân nền Tư-Pháp Việt-Nam được thực-thi bắt đầu từ tháng 9/1966 đã đạt được nhiều kết-quả cụ-thể và đã gây được nhiều ảnh-hưởng đối với dân-chúng.

Với các cuộc thanh-tra, tiếp-súc, với các phiên Tòa lưu-động, người dân ở thôn-quê càng thêm vững lòng tin tưởng nơi chính-ngĩa quốc-gia, tin-tưởng nơi sự che chở của pháp-luật, và càng quyết-tâm loại-trừ Cộng-sản xâm-lãng để bảo-vệ đời sống, mái nhà, mảnh vườn, thửa ruộng của họ.



PHIÊN XỬ LƯU-ĐỘNG CỦA TÒA SƠ-THẨM BÌNH-ĐỊNH
tại PHÙ-CÁT ngày 25-4-1967



PHIÊN XỬ LƯU-ĐỘNG CỦA TÒA HGRQ AN-GIANG
tại Xã BÌNH - HÒA



ÔNG CHÁNH-LÂN TÒA SƠ-THẨM BÌNH-ĐỊNH
Giải thích luật-pháp cho dân chúng Quận AN-NHƠN

CHƯƠNG X

PHÂN-TÍCH HIẾN-PHÁP

Hiến-Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa được ban hành ngày 1-4-1967 để thay thế Ước-pháp tạm thời đã chi-phối đất nước từ ngày 19-6-1965.

Hiến-Pháp đã được Quốc-Hội Lập-Hiến dân cử nhóm họp tại Saigon soạn-thảo và biểu-quyết. Một chánh-thề Cộng-hòa thống-nhứt được thiết-lập với một hình-thức chánh-phủ dung-hợp vừa tổng-thống-chế vừa đại-ngự-chế, phản-ảnh tình-trạng riêng biệt của nước nhà. Tổng-Thống được bầu ra trong bốn năm, có quyền bổ-nhiệm Thủ-Tướng, và do đề-ng nghị của Thủ-Tướng, bổ-nhiệm các nhân-viên Chánh-Phủ, không cần phải có sự tấn-phong của quốc-hội. Nội-Các chịu trách-nhiệm trước Quốc-Hội và có thể bị lật đổ do một cuộc bỏ thăm bất tín-nhiệm.

PHẦN THỨ NHỨT

Phân-tích từng-chương

I. — Những điều-khoản căn-bản.

Nguyên-tắc phân quyền được xác nhận bằng cách thiết-lập các ngành riêng biệt lập-pháp, hành-pháp và tư-pháp.

Những điều-khoản căn-bản ban-bổ sự bình-dẳng giữa các công-dân không phân biệt nam nữ, tôn-giáo, sắc-tộc hay đảng phái. Đồng-bào thiểu-số được đặc-biệt nâng đỡ đề theo kịp đà sống chung của dân-tộc. Luật quốc-tế được công-nhận, chủ-nghĩa cộng-sản bị đặt ra ngoài vòng pháp-luật, và mọi hình-thức xâm lược đều bị chống đối.

II. — Nghĩa-vụ

Quyền-lợi và bổn-phận của người công-dân đều hòa-hợp với khuynh-hướng dân-chủ trên thế giới. Sự truy-lãm, bắt bớ, giam giữ, bảo lãnh, quyền được luật-sư biện-hộ và được xét xử công khai và mau chóng và quyền được suy-đoán là vô tội đều được bảo vệ đầy đủ. Quốc-gia bảo đảm quyền tự-do tín-ngưỡng và quốc-gia không thừa nhận một tôn-giáo nào là quốc-giáo. Nền giáo-dục cơ-bản có tính-cách cưỡng-bách và miễn-phí. Tự-do tư-tưởng, tự-do ngôn-luận, báo-chí và xuất bản được dành cho dân-chúng nếu không có gì trái với thuần-phong mỹ-tục, an-rình quốc-gia, v. v...

Quyền tự-do nghiệp-doàn và quyền đình-công được tôn-trọng. Quyền truất-hữu được qui-định. Nông-dân sẽ được giúp đỡ để có ruộng đất canh-tác. Công-nhân có quyền chọn đại-biểu tham-gia quản-trị xí-nghiệp về những vấn-đề liên-quan đến lương-bổng và điều-kiện làm việc đúng theo luật định. Số quân-nhân bị hạn-chế về vấn-đề đăc cử vào các chức-vụ công và sinh-hoạt chính-trị. Các sắc-tộc thiểu số được đặc biệt che chở. Mọi sự hạn-chế các quyền công-dân căn-bản phải do luật qui-định.

III.— Lập-pháp.

Quyền lập-pháp được ủy-nhiệm cho Quốc-Hội gồm hai Viện. Dân-Biểu ở Hạ-Nghị-Viện được bầu theo thể-thức đơn danh, còn Nghị-Sĩ ở Thượng-Nghị-Viện được bầu theo thể-thức liên-danh đa số. Quốc-Hội biểu-quyết các đạo-luật, phê-chuẩn các hiệp-ước và hiệp-định quốc-tế, quyết-định việc tuyên-chiến hay việc tuyên-bố tình-trạng chiến-tranh, kiểm-soát Chánh-Phủ trong việc thi-hành chánh-sách quốc-gia và quyết-định hợp-thức-hóa sự đăc-cử của các dân-biểu và nghị-sĩ.

Mỗi Viện của Quốc-Hội kiểm-soát sự thi-hành chánh-sách quốc-gia, có quyền yêu cầu Thủ-Tướng hay các nhân-viên chánh-phủ ra trước Viện để trình bày về các vấn-đề liên-quan đến các Bộ hay đến sự thi-hành chánh-sách quốc-gia; Thượng-Nghị-Viện có quyền mở cuộc điều-tra về sự thi-hành chánh-sách quốc-gia; và Quốc-Hội có quyền biểu-quyết khuyến-cáo thay thế toàn-thể Chánh-Phủ.

Quốc-Hội có quyền biểu-quyết khuyến-cáo, thay thế từng phần hay toàn-thể chánh-phủ với đa số $\frac{2}{3}$ tổng số dân-biểu và nghị-sĩ và nếu Tổng-Thống khước-từ, Quốc-Hội có quyền chung-quyết sự khuyến-cáo với đa số $\frac{3}{4}$ tổng số dân-biểu và nghị-sĩ.

Dân-Biểu, Nghị-Sĩ và Tổng-Thống đề-nghị các dự-án và dự-thảo luật; các dự-án và dự-thảo này phải được đệ nạp tại văn-phòng Hạ-Nghị-Viện. Trong mọi trường-hợp Hạ-Nghị-Viện chấp-thuận hoặc bác bỏ, dự luật phải được chuyển sang văn-phòng Thượng-Nghị-Viện trong thời-hạn 3 ngày. Nếu Hạ-Nghị-Viện chấp-thuận và Thượng-Nghị-Viện đồng quan-diêm thì dự luật sẽ được chuyển sang Tổng-Thống để ban-hành. Nếu Hạ-Nghị-Viện bác bỏ và Thượng-Nghị-Viện đồng quan-diêm thì dự luật sẽ bị bác bỏ. Nếu Thượng-Nghị-Viện không đồng quan-diêm, dự luật được gửi về văn-phòng Hạ-Nghị-Viện, kèm theo quyết-nghị có viện-dẫn lý-do. Hạ-Nghị-Viện có thể chung-quyết dự luật với đa số $\frac{2}{3}$ tổng số dân-biểu. Nếu Hạ-Nghị-Viện không hội đủ đa số ấy, quan-diêm của Thượng-Nghị-Viện coi

là chung-quyết. Thời gian thảo-luận được ấn-dịnh cho từng giai-đoạn dự luật đi qua mỗi Viện.

Các dự-luật được Quốc-Hội chấp-thuận phải được chuyển sang Tổng-Thống trong thời-hạn 3 ngày kể tiếp đề ban-hành. Nếu Tổng-Thống không ban-hành trong thời-hạn 15 ngày (7 ngày nếu Quốc-Hội tuyên-bố có trường-hợp khẩn cấp), dự-luật đương-nhiên thành luật. Trong thời-hạn ban-hành, Tổng-Thống có quyền yêu cầu Quốc-hội phúc-nghị toàn-thê hay một phần dự-luật và hoàn trả dự luật về văn-phòng Quốc-Hội với tờ thông-diệp có viện dẫn lý do. Trong trường-hợp này, Quốc-Hội sẽ họp khoáng đại lưỡng Viện đề biểu-quyết chấp-thuận hay bác bỏ lời yêu cầu phúc-nghị với đa-số quá bán tổng-số dân-biểu và nghị-sĩ. Trong trường-hợp lời yêu cầu phúc-nghị bị bác bỏ, dự-luật đương-nhiên thành luật và được chuyển sang Tổng-Thống đề ban-hành.

Dự-thảo ngân-sách phải được đệ nạp tại văn-phòng Hạ-Nghị-Viện trước ngày 30 tháng 9. Những đề-nghị các khoản chi mới phải được bù lại bằng những đề nghị các khoản thu mới tương-đương. Hạ-Nghị-Viện phải biểu-quyết dự-thảo ngân-sách trước ngày 30 tháng 11 và chuyển bản văn được chấp-thuận đến văn-phòng Thượng-nghị-Viện chậm nhất là ngày 1 tháng 12. Thượng-Nghị-Viện phải biểu quyết dự-thảo trước ngày 31 tháng 12. Nếu Thượng-Nghị-Viện yêu cầu Hạ-Nghị-Viện phúc-nghị một hay nhiều điều khoản trong dự-thảo, thủ-tục qui-dịnh trước đây (d. 43) phải được áp-dụng. Nếu dự-thảo không được chấp-thuận ngày 31 tháng 12, Tổng-Thống có quyền ký sắc-luật cho thi-hành từng phần ngân-sách tương-đương với 1/2 ngân-sách thuộc tài-khoá trước cho đến khi Hạ-Nghị-Viện chung quyết xong dự-thảo ngân-sách.

Hàng năm, mỗi Viện họp hai lần nhằm ngày thứ hai đầu tiên trong tháng tư và tháng mười. Mỗi khóa họp không thể lâu quá 90 ngày. Hạ-Nghị-Viện có thể triển-hạn khóa-họp, nếu cần, đề chung quyết dự-thảo ngân sách.

Tổng-Thống hay 1/3 tổng số dân-biểu hay nghị-sĩ có thể yêu cầu triệu-tập một khóa họp bất thường. Khi khóa họp do Tổng-Thống yêu cầu triệu-tập, nghị-trình khóa họp do Tổng-Thống ấn-dịnh.

IV. — Hành-Pháp

Quyền hành-pháp được ủy-nhiệm cho Tổng-Thống. Tổng-Thống có quyền :

- a) Hoạch-dịnh chánh-sách quốc-gia
- b) Chủ-tọa Hội-Đồng Tổng-Trưởng

c) Cải tổ toàn bộ hay một phần chánh-phủ, hoặc tự ý hoặc sau khi có khuyến-cáo của Quốc-Hội.

d) Bổ-nhiệm các Trưởng-nhiệm sở ngoại-giao và Viện-Trưởng các Viện Đại-Học với sự chấp thuận của Thượng-Nghị-Viện.

e) Thay mặt Quốc-Gia trong việc giao-thiệp với ngoại-quốc.

f) Ký kết và sau khi được Quốc-Hội phê-chuẩn, ban-hành các hiệp-ước và hiệp-định quốc-tế.

g) Ban-hành các đạo-luật ; ban các loại huy-chương ; ân-xá và ân-giảm hình-phạt các phạm-nhân.

h) Ký sắc-luật, tuyên-bố tình-trạng khẩn-trương v.v... có thể được quyết-định lại sau khi Quốc-Hội được triệu-tập.

i) Lưu-nhiệm một số cơ-quan dân cử và bổ-nhiệm một số tỉnh-trưởng trong tình-trạng chiến-tranh không thể tổ-chức bầu cử được, nếu được 2/3 tổng số dân-biểu và nghị-sĩ chấp-thuận.

j) Chủ-tọa Hội-Đồng An-Ninh Quốc-gia.

k) Giải-nhiệm các cơ-quan dân cử của các tập-thể địa-phương trong trường-hợp vi-phạm Hiến-Pháp v.v...

Ứng cử viên Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống cùng đứng chung một liên-danh và được cử-trị toàn-quốc bầu lên. Ứng-cử-viên phải có ít nhất 35 tuổi tính đến ngày bầu cử, phải liên-tục cư-ngụ trên lãnh-thổ Việt-Nam ít nhất 10 năm, kể luôn thời-gian lưu-vong chánh-trị và công-cán tại ngoại-quốc.

Nhiệm-kỳ Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống là 4 năm. Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống, có thể được tái-cử một lần. Tối-Cao Pháp-Viện lập danh-sách ứng-cử-viên, kiểm-soát tính cách hợp thức của cuộc bầu cử và tuyên-bố kết-quả. Các ứng cử viên được hưởng đồng đều phương tiện trong cuộc vận động tuyên cử. Nhiệm kỳ của Tổng Thống và Phó Tổng Thống có thể chấm dứt trước kỳ hạn vì mệnh chung, từ chức, bị Đặc-biệt Pháp-Viện truất quyền, bị bệnh tật trầm trọng và kéo dài, được 3/4 tổng số dân biểu, và nghị sĩ xác nhận sau một cuộc giám định y-khoa đầy đủ.

Nếu nhiệm-vụ của Tổng-Thống chấm dứt trên một năm trước kỳ-hạn, Phó Tổng-Thống sẽ đảm nhiệm chức-vụ Tổng-Thống trong thời-hạn không quá 3 tháng để tổ-chức cuộc bầu cử tân Tổng-Thống và tân Phó Tổng-Thống cho

nhiệm-kỳ mới. Nếu nhiệm-vụ Tổng-Thống chấm dứt dưới một năm trước kỳ hạn, Phó Tổng-Thống sẽ đảm nhiệm chức-vụ Tổng-Thống đến hết nhiệm-kỳ ngoại trừ trường-hợp Tổng-Thống bị truất quyền. Nếu Phó Tổng-Thống không thể đảm-nhiệm chức-vụ Tổng-Thống, Chủ-Tịch Thượng-Nghị-Viện sẽ đảm-nhiệm chức-vụ này trong thời-hạn không quá 3 tháng.

Nhiệm-vụ thực-thụ duy-nhất của Phó Tổng-thống là chủ-tọa tại Hội-Đồng Tư-Vấn.

Nguyên-tắc địa-phương phân quyền được công nhận cho các tỉnh, thủ-đô, thị-xã và xã; tất cả các tập-thể này đều có những hội-đồng dân-cử và những người chỉ-huy các cơ-quan chấp-hành. Tuy-nhiên Xã-Trưởng có thể do Hội-Đồng Xã bầu lên. Chánh-Phủ bổ-nhiệm hai viên-chức đề phụ-tá về an-ninh và hành-chánh, những người chỉ-huy các cơ-quan chấp-hành cùng những nhân-viên hành-chánh khác ở địa-phương. Như đã nói trước đây, Tổng-Thống có thể giải-nhiệm các viên-chức dân cử ở địa-phương trong trường-hợp vi-phạm Hiến-Pháp, luật-pháp hay chánh-sách quốc-gia.

V. — Tư-Pháp.

Quyền tư-pháp độc-lập được ủy-nhiệm cho Tối-Cao Pháp-Viện, gồm có từ 9 đến 15 thẩm-phán do Tổng-Thống bổ-nhiệm trong một nhiệm-kỳ 6 năm, sau khi được Quốc-Hội tuyển chọn theo một danh-sách 30 người do Thẩm-Phán-Đoàn, Công-Tố-Đoàn và Luật-Sư-Đoàn bầu lên. Thẩm-Phán Tối-Cao Pháp-Viện phải là những Thẩm-Phán hay Luật-Sư đã hành-nghề ít nhất 10 năm trong ngành tư-pháp.

Tối-Cao Pháp-Viện có thẩm-quyền :

a) Giải-thích Hiến-Pháp
b) Phán-quyết về tính-cách hợp-hiến hay bất hợp-hiến của các đạo-luật, sắc-luật; tánh-cách hợp hiến và hợp-pháp của các sắc-lệnh, nghị-định và quyết-định hành-chánh.

c) Phán-quyết về việc giải-tán các chánh đảng chống lại chánh-thể Cộng-hòa, (trong trường-hợp này, các đại-diện hành-pháp và lập-pháp có thể tham-dự để trình bày quan-điểm).

d) Phán-quyết về các vụ thượng-tố các bản án của các Tòa-án cấp dưới. Mọi Tòa-án cấp dưới và Thẩm-Phán xử án được đặt dưới sự kiểm-soát của Tối-Cao Pháp-Viện nhưng Thẩm-Phán xử án quyết-định theo lương-tâm và pháp-luật và chỉ có thể bị giải-nhiệm trong trường-hợp bất lực về tinh-thần hoặc thể-chất, bị kết án, hay vi-phạm kỷ-luật. Thẩm-Phán công-tố được đặt dưới sự kiểm soát của Bộ Tư-Pháp. Tối-Cao Pháp-Viện có ngân-sách tự-trị.

Một Hội-Đồng Thẩm-Phán, gồm các Thẩm-Phán xử-án do Thẩm-Phán Đoàn bầu lên, được thiết-lập để đề-nghị bổ-nhiệm, thăng-thưởng, thuyên-chuyển và chế-tài về kỷ-luật các Thẩm-Phán xử-án. Hội-đồng cũng có nhiệm-vụ cố-vấn Tối-Cao Pháp-Viện về các vấn-đề liên-quan đến ngành tư-pháp.

Những nhiệm-vụ phụ của Tối-Cao Pháp-Viện là :

- a) Chủ-tọa Đặc-Biệt Pháp-Viện (thủ-tục truất-quyền)
- b) Chỉ-định nhân-viên Giám-Sát-Viện.
- c) Đảm trách việc kiểm-kê tài-sản của Chủ-Tịch Giám-Sát-Viện và các Giám-sát-Viện.
- d) Lập danh-sách ứng-cử-viên Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống, kiểm-soát tính-các hợp thức của cuộc bầu cử và tuyên-bố kết-quả.

VI.—Những định-chế đặc-biệt :

Hiến-Pháp thiết-lập sáu định-chế đặc-biệt :

— Đặc-Biệt Pháp-Viện, — Giám-Sát-Viện, — Hội-Đồng Quân-Lực, — Hội-Đồng Văn-Hóa Giáo-Dục, — Hội-Đồng Kinh-Tế Xã-Hội và — Hội-Đồng các Sắc-tộc.

Đặc-Biệt Pháp-Viện do Chủ-Tịch Tối-Cao Pháp-Viện giữ Chức Chánh-Tham và gồm 5 dân-biểu và 5 nghị-sĩ, có thẩm-quyền truất-quyền Tổng-Thống, Phó Tổng-Thống, Thủ-Tướng, các Tổng, Bộ-Trưởng, các Thẩm-Phán Tối-Cao Pháp-Viện và các Giám-Sát-Viện trong trường-hợp can tội phản-quốc và các trọng-tội khác. Sau khi bị truất-quyền, bị-can có thể bị đưa ra tòa-án thường-tung xét-xử.

Một Giám-Sát-Viện gồm từ 9 đến 18 Giám-Sát-Viên, 1/3 do Quốc-Hội, 1/3 do Tổng-Thống và 1/3 do Tối-Cao Pháp-Viện chỉ-định, có đầy đủ thẩm-quyền về mọi hành-vi tham-những, đầu-cơ, hối-mại quyền-thế và mọi hành-vi khác phương hại đến quyền lợi công cộng.

Hội-Đồng Quân-Lực cố-vấn Tổng-Thống về các vấn-đề liên-quan đến quân-lực, đặc-biệt là việc thăng-thưởng, thuyên-chuyển và trừng-phạt quân nhân các cấp.

Ba Hội-Đồng khác do Phó Tổng-Thống chủ-tọa, cố-vấn chánh-phủ về các kế-hoạch, chương-trình và luật-lệ nằm trong phạm-vi riêng biệt của Hội-Đồng. Một Hàn-Lâm-Viện quốc-gia sẽ được thành lập. Một phần ba hội-viên của mỗi Hội-Đồng do Tổng-Thống chỉ-định, 2/3 còn lại do các hiệp-hội và tổ-chức liên-hệ chỉ-định. Nhiệm-kỳ của hội-viên là 4 năm.

VII.— Chánh-đảng và Đối-lập

Các Chánh-Đảng và sự định-chế-hóa đối-lập chánh-trị được thừa-nhận. Quốc-gia khuyến-khích việc tiến tới chế-độ lưỡng-đảng.

VIII.— Thủ-tục tu-chính Hiến-Pháp.

Đề-nghị tu-chính Hiến-Pháp, có viện dẫn lý-do, có thể do Tổng-Thống hay quá bán tổng số dân-biểu hay quá bán tổng số nghị-sĩ đệ nạp tại văn-phòng Thượng-Nghị-Viện.

Sau khi một Ủy-Ban lưỡng-Viện nghiên-cứu và thuyết-trình trong những phiên họp khoáng-đại lưỡng-viện, quyết-dịnh tu-chính phải được 2/3 tổng số dân-biểu và nghị-sĩ chấp-thuận. Tổng-Thống ban-hành đạo luật tu-chính Hiến-Pháp theo thủ-tục đã được qui-định.

IX.— Điều khoản chuyển tiếp

Các điều khoản chuyển tiếp dự phòng sự liên-tục cho chánh-quyền hành-pháp và tư-pháp hiện hữu cho đến khi thiết-lập các cơ-cấu và tổ-chức các cuộc bầu cử qui-định trong Hiến-Pháp.

Quốc-Hội dân cử ngày 11-9-1966 đã hành-sử quyền lập-pháp hạn-chế cho đến khi Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống đầu tiên nhậm chức, và từ đó Quốc-Hội sẽ đảm-nhiệm quyền lập-pháp định trong Hiến-Pháp cho đến khi Quốc-Hội pháp-nhiệm thứ nhất được triệu tập.

Quốc-Hội lâm-thời sẽ kiểm-soát cuộc bầu cử Tổng-Thống và Phó-Tổng-Thống pháp-nhiệm một. Tổng-Thống có thể bổ-nhiệm các Tỉnh-Trưởng trong nhiệm kỳ đầu tiên.

Cuộc bầu cử Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống phải được tổ-chức chậm nhất 6 tháng sau ngày ban-hành Hiến-Pháp. Cuộc bầu-cử Quốc-hội, việc tổ-chức Tối-Cao Pháp-Viện và Giám-Sát Viện phải được thực hiện trong vòng 12 tháng kể từ ngày Tổng-Thống nhiệm-kỳ một nhậm chức. Tất cả các cơ-cấu khác do Hiến-Pháp qui-định phải được thiết-lập trong vòng 2 năm kể từ ngày Quốc-Hội pháp-nhiệm một được thành lập.

PHẦN THỨ HAI Phân-tích các đặc-điểm

1.— Giáo-Dục và Văn-Hóa.

Hiến-Pháp đặt Văn-Hóa Giáo-Dục vào hàng quốc-sách. Tự-do giáo-dục được công-nhận, và nền giáo-dục cơ-bản có tính-cách cưỡng-bách và miễn-phí; những người có khả-năng mà ít phương-tiện sẽ được nâng đỡ để theo đuổi học-vấn.

Quốc-Gia khuyến-khích và nâng đỡ các công-dân trong việc nghiên-cứu và sáng-tác về khoa-học, văn-học và nghệ-thuật. Một ngân-sách thích đáng phải được dành cho việc phát-triển văn-hóa giáo-dục.

Nền giáo-dục đại-học được tự-trị. Viện-Trưởng các viện đại-học phải do Tổng-Thống bổ-nhiệm với sự chấp-thuận của Thượng-Nghị-Viện.

Hiến-pháp thiết-lập một Hội-Đồng Văn-Hóa Giáo-Dục có nhiệm-vụ cố-vấn Chánh-Phủ soạn-thảo và thực-thi chánh-sách văn-hóa giáo-dục. Với sự chấp-thuận của Quốc-Hội, Hội-Đồng Văn-Hóa Giáo-Dục có thể cử đại-diện, thuyết-trình trước Quốc-Hội về các vấn-đề liên-hệ, và có thể tham-gia ý-kiến khi Quốc-Hội thảo-luận các dự-luật liên-quan đến văn hóa giáo-dục.

Một Hàn lâm Viện quốc gia sẽ được thành lập.

Nhiệm-kỳ của Hội-Đồng Văn-Hóa Giáo-Dục là 4 năm. Một phần ba hội-viên do Tổng-Thống (mà nhiệm-kỳ cũng là 4 năm) chỉ-định, hai phần ba hội-viên do các tổ chức văn hóa giáo dục công và tư và các hiệp hội phụ huynh học sinh đề cử. Những chi tiết về sự tổ chức và điều hành Hội Đồng Văn Hóa Giáo Dục sẽ do một đạo luật qui-định.

2.—Đời sống kinh-tế và xã-hội.—

Mọi công-dân đều có quyền và có bổn-phận làm việc và được hưởng thù-lao tương-xứng để bảo-đảm cho bản thân và gia-dình một đời sống hợp với nhân-phẩm. Quốc-gia công nhận và bảo-đảm quyền-tư-hữu. Quyền tự-do kinh-doanh và cạnh-tranh được công nhận nhưng không được hành-sử để nắm giữ độc-quyền hay thao-túng thị-trường. Quốc-gia khuyến-khích và tán-trợ sự hợp-tác kinh-tế có tánh-cách tương-trợ. Quốc gia đặc biệt nâng đỡ những thành phần xã-hội yếu kém về kinh-tế; và Quốc-gia chủ-trương nâng cao đời sống nông dân và đặc biệt giúp đỡ nông-dân có ruộng đất canh tác, Quốc gia chủ trương hữu sản hóa nhân dân. Sở hữu chủ các tài sản bị truất hữu hay bị trưng dụng vì lý do công ích phải được bồi thường nhanh chóng và thỏa đáng theo thời giá.

Quốc-Gia sẽ nỗ-lực tạo công việc làm cho mọi công-dân.

Quyền tự-do nghiệp-doan và quyền đình-công được tôn-trọng trong phạm-vi và thể-thức luật-định. Trên căn-bản bình-đẳng giữa nghĩa-vụ và quyền lợi, công nhân có quyền chọn đại-biêu tham gia quản-trị xí-nghiệp, đặc biệt về những vấn-đề liên-quan đến lương-bổng và điều-kiện làm việc, theo tiêu-chuẩn và thể-thức luật-định.

Quốc-Gia nỗ-lực thiết-lập chế-độ an-ninh xã-hội. Quốc-Gia có nhiệm-vụ thiết-lập chế-độ cứu-trợ xã-hội và y-tế công-cộng, và nâng đỡ đời sống tinh-thần lẫn vật-chất của các chiến-sĩ quốc-gia, bảo-trợ và dưỡng-dục các quốc-gia nghĩa-tử.

Mọi công-dân đều có nghĩa-vụ đóng thuế theo luật-định.

Hiến-Pháp thiết-lập một Hội-Đồng Kinh-Tế Xã-Hội để cố-vấn chánh-phủ về những vấn-đề kinh-tế và Xã-Hội. Một phần ba hội-viên của Hội-Đồng do Tổng-Thống bổ-nhiệm; hai phần ba do các tổ-chức công-kỹ-nghệ, thương-mại, các nghiệp-đoàn, các hiệp-hội có tánh-cách kinh-tế và xã-hội đề cử.

Nhiệm-kỳ của Hội-Đồng là 4 năm. Một đạo-luật sẽ qui-định sự tổ-chức và điều-hành của Hội-Đồng. Với sự chấp-thuận của Quốc-Hội, Hội-Đồng Kinh-Tế Xã-Hội có thể cử đại-diện thuyết-trình trước Quốc-Hội về các vấn-đề liên-hệ, và có thể tham-gia ý-kiến khi Quốc-Hội thảo-luận các dự luật kinh-tế và xã-hội.

Gia-đình được công nhận là nền tảng của Xã-Hội. Quốc-Gia khuyến-khích và nâng đỡ sự thành lập gia-đình, săn sóc sản-phụ và hài nhi. Hôn-nhân được đặt căn-bản trên sự ưng-thuận, sự bình-đẳng và sự hợp-tác giữa vợ và chồng. Sự thuần nhất gia-đình được tán-trợ.

3. — Các Sắc-tộc thiểu-số. —

Quyền tự-do tín-ngưỡng, tự-do truyền giáo và hành-đạo được tôn-trọng và bảo-đảm miễn là không xâm-phạm đến quyền-lợi quốc-gia, và không phương-hại đến an-ninh, trật tự công cộng và không trái với thuần phong mỹ-tục. Quốc-gia vô-tư đối với sự khát triền các tôn giáo và không có một tôn giáo nào được thừa-nhận là quốc giáo.

Sự hiện-hữu của các sắc-tộc thiểu số trong cộng đồng Việt-Nam được công-nhận. Quốc-Hội tôn trọng phong-tục, tập-quán của đồng-bào thiểu-số. Các Tòa-án phong-tục sẽ được thiết-lập để xét xử một số các vụ án phong-tục giữa các đồng-bào thiểu số. Một đạo-luật sẽ qui-định những quyền-lợi đặc biệt để nâng đỡ đồng-bào thiểu số.

Hiến-Pháp thiết lập một Hội-Đồng các Sắc-tộc, đại-diện các sắc-tộc thiểu số sống trên lãnh-tử Việt-Nam. Hội-Đồng có nhiệm-vụ cố-vấn chánh-phủ về các vấn đề liên-quan đến đồng-bào thiểu số. Với sự chấp-thuận của Quốc Hội, Hội-Đồng có thể cử đại-diện thuyết-trình trước Quốc-Hội về các vấn-đề liên-hệ.

Hội-Đồng có thể tham gia ý kiến trước khi các dự luật liên quan đến đồng-bào thiểu-số được đưa ra thảo luận. Một phần ba hội viên sẽ do Tổng-Thống chỉ định, hai phần ba hội viên do các Sắc tộc Thiểu Số bầu ra. nhiệm kỳ của Hội-Đồng là 4 năm; một đạo luật sẽ quy định sự tổ chức và điều hành của Hội-Đồng.

4.— Hành-Chánh địa-phương.

Hiến-Pháp tuyên-bố nguyên-tắc địa-phương phân quyền cho các xã, tỉnh, thị-xã và thủ-đô. Trong mỗi tập thể này, phải có một Hội-Đồng dân cử, và một người chỉ-huy cơ-quan chấp hành của tập thể, cũng do dân cử. Bầu cử theo lối đầu phiếu trực tiếp và kín, riêng ở cấp xã. xã trưởng có thể do Hội Đồng Xã bầu lên trong số các hội viên Hội Đồng Xã. Các cơ quan quyết nghị và các chỉ huy cơ quan chấp hành là :

Ở Cấp Xã : Hội Đồng Xã và Xã trưởng

Ở Cấp Tỉnh : Hội Đồng Tỉnh và Tỉnh Trưởng

Ở Cấp Thị-xã

và Thủ Đô : Hội Đồng Thị-Xã và Thị Trưởng ; Hội-Đồng
Đô Thành và Đô-Trưởng.

Chánh Phủ sẽ bổ nhiệm hai viên chức có nhiệm vụ phụ tá Đô trưởng, Thị Trưởng, Tỉnh Trưởng và xã Trưởng về hành chánh và an ninh, cùng các nhân viên hành chánh khác.

Nhân viên các hội đồng và các người chỉ huy cơ quan chấp hành của tập thể địa-phương có thể bị Tổng Thống giải nhiệm trong trường hợp vi phạm Hiến-pháp, luật pháp quốc gia hay chánh sách quốc gia.

Một đạo luật sẽ qui định sự tổ chức và điều hành nền hành chánh địa phương.

5 — Đạo-Đức trong chánh-giới.—

Dân biểu, Nghị sĩ hay người hôn phối của những vị này không thể tham dự những cuộc đấu thầu hay ký hợp đồng với chánh phủ. Tổng Thống, Phó Tổng Thống, Thủ-Tướng và các nhân viên Chánh phủ không thể kiêm nhiệm một chức vụ nào thuộc lãnh vực tư, dù có thù lao hay không. Người hôn phối của các vị trên đây không được tham dự các cuộc đấu thầu hoặc kết ước với chánh phủ.

Hiến Pháp thiết lập một Giám-sát-viên, có ngân sách tự trị và có quyền lập qui đề tổ chức nội bộ. Một đạo luật sẽ qui định sự tổ-chức và điều hành Giám sát.

Giám-sát-Viện có thẩm quyền thanh tra, kiểm soát, điều tra nhân viên các cơ quan công quyền và tư nhân đồng phạm hay tòng phạm về mọi hành vi tham nhũng, dẫu cơ, hối mại quyền thế hoặc phương hại đến quyền lợi quốc gia. Giám-Sát-Viện sẽ thẩm tra kế toán đối với các cơ-quan công quyền và hợp doanh. Giám-Sát-Viện sẽ kiểm kê tài sản các nhân viên các cơ quan công quyền kể cả Tổng-Thống, Phó Tổng-Thống, Thủ-Tướng, Chủ-Tịch Tối-Cao Pháp-Viện, Dân-Biểu và Nghị-Sĩ. Riêng đối với Chủ-Tịch Giám-Sát-Viện và các giám-sát-viên, việc kiểm kê tài sản sẽ do Tối-Cao Pháp-Viện đảm trách.

Giám-Sát-Viện có quyền đề nghị các biện pháp chế tài về kỷ luật đối với nhân-viên phạm lỗi hoặc yêu cầu truy tố đương sự ra trước Tòa án có thẩm quyền; và Giám-Sát-Viện có quyền công bố kết quả cuộc điều tra, Giám-Sát-Viện sẽ được hưởng những bảo đảm cần thiết để thi-hành nhiệm vụ.

Giám-Sát-Viện sẽ gồm từ 9 đến 18 giám-sát-viên: 1/3 do Quốc-Hội; 1/3 do Tổng-Thống và 1/3 do Tối-Cao Pháp-Viện chỉ-dịnh.

6. — Luật ngân-sách. —

Chánh-Phủ phải đệ nạp dự-thảo ngân-sách tại văn-phòng Hạ-Nghị-Viện trước ngày 30 tháng 9. Dân-Biểu và Nghị-Sĩ có quyền đề-nghị các khoản chi mới nhưng đồng thời phải đề-nghị các khoản thu tương-đương.

Hạ-Nghị-Viện phải biểu-quyết dự-thảo ngân-sách trước ngày 30 tháng 11 và chuyển bản-văn được chấp thuận đến văn-phòng Thượng-Nghị-Viện chậm nhất là ngày 1 tháng 12.

Thượng-Nghị-Viện phải biểu-quyết dự-thảo ngân-sách trước ngày 31 tháng 12. Nếu Thượng-Nghị-Viện không đồng ý với Hạ-Nghị-Viện về một hay nhiều điều khoản trong dự-thảo ngân-sách, dự-luật phải được hoàn về văn-phòng Hạ-Nghị-Viện trong thời-hạn 3 ngày kế tiếp, kèm theo quyết-nghị có viện dẫn lý-do. Hạ-Nghị-Viện có quyền chung-quyết dự-luật với đa số 2/3 tổng số dân-biểu. Nếu Hạ-Nghị-Viện không hội đủ đa số 2/3, quan-điểm của Thượng-Nghị-Viện được coi là chung quyết. Trong trường-hợp dự-thảo ngân-sách không được chung-quyết ngày 31 tháng 12, Tổng-Thống có quyền ký sắc-luật cho thi-hành từng phần ngân-sách tương đương với 1/12 ngân-sách thuộc tài-khoá trước cho đến khi Hạ-Nghị-Viện chung-quyết xong dự-thảo ngân-sách.

PHỤ-LỤC

HIẾN - PHÁP VIỆT-NAM CỘNG-HÒA BAN HÀNH NGÀY 1-4-1967

.....
.....

CHƯƠNG V TƯ - PHÁP ĐIỀU 76

1. — Quyền Tư-Pháp độc-lập, được ủy-nhiệm cho Tối-Cao Pháp-Viện và được hành-xử bởi các Thẩm-phán xử án.

2. — Một đạo-luật sẽ qui-định sự tổ-chức và điều-hành ngành Tư-Pháp.

ĐIỀU 77

Mọi Tòa-án đều phải do một đạo-luật thiết-lập với một thành phần Thẩm-phán xử-án và Thẩm-phán công-tổ chuyên-nghiệp; và theo một thủ-tục tôn-trọng quyền biện-bộ.

ĐIỀU 78

1. — Thẩm-phán xử-án và Thẩm-phán-công-tổ được phân-nhiệm rõ rệt và có quy-chế riêng biệt.

2. — Thẩm-Phán xử án quyết-định theo lương-tâm và pháp-luật dưới sự kiểm-soát của Tối-Cao Pháp-Viện.

3. — Thẩm-Phán Công-Tổ theo dõi sự áp-dụng luật-pháp để bảo-vệ trật-tự công-cộng dưới sự kiểm-soát của Bộ Tư-Pháp.

ĐIỀU 79

Thẩm-phán xử án chỉ có thể bị giải-nhiệm trong trường hợp bị kết án, vi-phạm kỷ-luật hay bắt-lực về tinh-thần hoặc thể-chất.

ĐIỀU 80

1. — Tối-Cao Pháp-Viện gồm từ chín đến mười lăm Thẩm-phán. Tối-Cao Pháp-Viện do Quốc-Hội tuyển chọn và Tổng-Thống bổ-nhiệm theo một danh-sách ba mươi người do Thẩm-phán-đoàn, Công-tổ-đoàn và Luật-sư-đoàn bầu lên.

2. — Thẩm-phán Tối-Cao Pháp-Viện phải là những Thẩm-phán hay Luật-sư đã hành-nghề ít nhất mười năm trong ngành Tư-Pháp.

- 3.— Nhiệm-kỳ của Thẩm-phán Tối-Cao Pháp-Viện là sáu năm.
- 4.— Thành-phần cử-tri thuộc Thẩm-phán-đoàn, Công-tổ-đoàn và Luật-sư-Đoàn phải đồng đều.
- 5.— Một đạo-luật sẽ qui-định sự tổ-chức và điều hành Tối-Cao Pháp-viện

ĐIỀU 81

1. Tối-Cao Pháp-Viện có thẩm quyền giải thích Hiến pháp, phán quyết về tính cách hợp hiến hay bất hợp hiến của các đạo luật, sắc luật; tính cách hợp hiến và hợp pháp của các sắc-lệnh, nghị-định và quyết-định hành-chánh.

2.— Tối-Cao Pháp-Viện có thẩm-quyền phán-quyết về việc giải-tán một chánh-đảng có chủ-trương và hành-động chống lại chánh thể Cộng-Hòa.

3.— Trong những trường-hợp này, Tối-Cao Pháp-Viện sẽ họp khoáng đại toàn viện, các đại-diện Lập-pháp hoặc Hành-pháp có thể tham-dự để trình bày quan-điểm.

4.— Những quyết-định của Tối-Cao Pháp-Viện tuyên bố một đạo-luật bất hợp hiến hoặc giải-tán một chánh-đảng phải hội đủ đa số ba phần tư tổng số Thẩm-phán Tối-Cao Pháp-Viện.

ĐIỀU 82

Tối-Cao Pháp-Viện có thẩm-quyền phán-quyết về các vụ thượng-tổ các bản án chung thẩm.

ĐIỀU 83

Tối-Cao Pháp-viện có ngân-sách tự-trị và có quyền lập-qui để quản-trị ngành Tư-pháp.

ĐIỀU 84

1.— Hội-Đồng Thẩm-phán có nhiệm-vụ

— Đề-nghị bổ-nhiệm, thăng-thưởng, thuyên-chuyển và chế-tài về kỷ-luật các Thẩm-phán xử-án.

— Cống-Vấn Tối-Cao Pháp-Viện về các vấn-đề liên-quan đến ngành Tư-Pháp.

2.— Hội-đồng Thẩm-Phán gồm các Thẩm-Phán xử án do các Thẩm-Phán xử án bầu lên.

3.— Một đạo-luật sẽ qui-định sự tổ-chức và điều-hành Hội-Đồng Thẩm-phán.

CHƯƠNG-TRÌNH HOẠT-ĐỘNG

của

TỔNG BỘ TƯ-PHÁP TRONG NĂM 1967 và 1968

MỤC TIÊU : Nhận-định rằng xã-hội Việt-Nam đã đặt dưới chế-độ pháp-trị theo truyền-thống tự-do, dân-chủ thì hoạt-động của ngành Tư-pháp muốn đáp-ứng với nguyện-vọng của toàn dân, phải hướng về mục tiêu « **Xây-dựng dân-chủ pháp-trị** » để tạo điều-kiện pháp-lý cho mỗi người, phát-huy được khả-năng và giá-trị cá-nhân theo bước tiến chung của cộng-đồng trong khuôn khổ kỷ-luật quốc-gia, dưới sự che chở của luật-pháp.



CHƯƠNG-TRÌNH ĐỂ THỰC-HIỆN MỤC-TIÊU

Đề đạt mục-tiêu trên, chương-trình của Tổng Bộ Tư-Pháp nhằm 3 đối-tượng kể sau :

— Một nền pháp-chế mới để chấm dứt tình-trạng phân-hóa của xã-hội Việt-Nam và để thay thế những luật-lệ lỗi thời.

— Một guồng máy tư-pháp tân-tiến để áp-dụng luật-lệ mới trong tinh-thần bình-đẳng trước pháp-luật.

— Phổ-biến sâu rộng luật-pháp trong dân-chúng để gây tin-tưởng nơi Công-lý Quốc-gia và nơi sự che-chở của luật-pháp.

Ba đối-tượng vừa kể : luật-pháp, định-chế và nhân-dân, sẽ được thực-hiện đồng lượt trong khuôn khổ chương-trình chung của Chánh-Phủ nhằm kiến-tạo một xã-hội mới trên nền tảng công-bình và dân-chủ.

Với những phiên Tòa lưu-động, Công-lý sẽ đến gần dân tại các Quận, Xã nối-tiếp chương-trình bình-định nông-thôn, giúp cho dân-chúng phân-biệt rõ rệt giữa những hành-vi hợp-pháp được che-chở và những hoạt-động bất-hợp-pháp sẽ bị trừng-trị.

I. — THỐNG-NHẤT VÀ CANH-TÂN LUẬT-PHÁP

A. — QUAN-NIỆM

Luật-pháp phải được thống-nhất và canh-tân để thể-hiện chủ-quyền quốc-gia, đoàn-kết dân-tộc và tạo điều-kiện pháp-lý phát-triển xã-hội mới.

B. — KẾ-HOẠCH

- Thành-lập các Ủy-Ban soạn-thảo 5 bộ luật căn-bản cho nền pháp-chế Việt Nam : Hình-luật, Hình-sự tố-tụng, Dân-luật, Dân-sự tố-tụng, Luật Thương-mại.
- Soạn thảo luật lệ khác để sửa đổi hoặc thay thế luật lệ cũ không còn thích-hợp với hiện-trạng nước nhà và hướng-tiến của xã-hội Việt-Nam. Trong công việc này, để góp nhặt những sáng-kiến, thu lượm những tài-liệu, Bộ sẽ :
 - tổ-chức các cuộc hội-thảo giữa các Thẩm-phán,
 - tổ-chức các buổi diễn-thuyết (mời các luật-gia, thẩm-phán trong nước, ngoài nước thuyết-trình về những đề-tài luật-pháp),
 - và sẽ nhờ sự yểm-trợ của những chuyên-viên luật-pháp.

ĐÃ THỰC HIỆN :

Đã trình Phủ Chủ-Tịch Ủy-Ban Hành-Pháp Trung-Ương đề chuyển Ủy-Ban Lãnh-Đạo Quốc-Gia :

- Ba bộ luật (Hình-luật, Hình-sự tố-tụng, Dân-sự tố-tụng), 2 bộ luật còn lại sẽ hoàn-thành trong một ngày gần đây.
- Luật ấn-định mối tương-quan giữa người chủ và người mướn phổ thông-mãi hay kỹ-nghệ.

II. — CẢI-TIẾN GUỒNG-MÁY TƯ-PHÁP (từ cấp Trung-Ương, các Tòa-án, đến các cơ-quan phụ-tá công-lý)

A. — QUAN-NIỆM

Nhiệm-vụ «người xử người» rất khó khăn, tế-nhị, đòi hỏi một mức văn-hóa cao, một học-lực chuyên-môn, nhiều kinh-nghiệm và nhiều đức-tính : sáng-suốt, cương-ngạnh, vô-tư v.v... Hơn nữa, Tòa-án phải xét-xử mau lẹ mới bảo-vệ được hữu-hiệu quyền-lợi chánh-đáng của đồng-bào, và trong việc giải-thích và áp-dụng luật-pháp, phải biết hướng dẫn bước tiến của xã-hội sao cho hợp với trào-lưu tiến-hóa chung.

Guồng máy tư-pháp cần được cải-tiến về phương-diện tổ-chức cơ-cấu và về phương-diện nhân-sự để thể-hiện được một nền công-lý vì dân, cho dân.

B. — KẾ-HOẠCH

a. — Tổ-chức cơ-quan :

1) tại cơ-quan trung-ương :

- Tổ-chức lại các cơ-cấu trung-ương Bộ Tư-Pháp : thiết-lập Nha Tổng Quản-trị Tư-pháp và Nha-Tổng Thanh-tra các Tòa-án để tăng-cường và kiểm-soát hoạt-động các cơ-quan Tư-pháp.

— Tồ-chức Sở Tàng-thư trung-ương và Sở Thống-kê về Hình-sự, Dân-sự, Thương-sự.

2) các Tòa-án :

- Thiết-lập thêm Phòng Hình, Hộ tại các Tòa Thượng-Thẩm Saigon và Huế,
- Thiết-lập thêm Phòng Dự-thẩm tại Tòa Sơ-thẩm Saigon.
- Thiết-lập Tòa-án cho những Tỉnh chưa có.
- Cải-đổi một số Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền thành Tòa Sơ-thẩm và Tòa Hòa-Giải thành Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền.
- Nghiên-cứu việc thiết-lập thêm Tòa Thượng-Thẩm tại các nơi cần-thiết (Phong-Dinh).
- Tồ-chức các Tòa-án Phong-tục Thượng.
- Nghiên-cứu lại việc tồ-chức và điều-hành các Tòa-Án Lao-Động, Thiếu-Nhi.

3) các cơ-quan phụ-tá Công-lý :

- Cử Thừa-phát-lại chính-thức thay thế Thừa-phát-lại tạm-cử (Trường-Ty Cảnh-sát Tỉnh hiện đang kiêm-nhiệm chức-vụ Thừa-phát-lại).

b. — Nhân-sự

- Tăng-cường nhân-số Thẩm-Phán, Lục-sự và nhân-viên thừa-hành để đáp-ứng với nhịp gia-tăng của nhu-cầu công-vụ tại các Tòa-án.
- Nghiên-cứu lại quy-chế các ngạch : Thẩm-Phán, Chương-Khế, Lục-sự.
- Thiết-lập ngạch Chánh Lục-sự.
- Xét lại quy-chế Hồ-giá-viên.
- Lập quy-chế Quản-tài Thanh-toán-viên, Kiểm-soát-viên kế-toán cạnh Tòa Thượng-Thẩm (Commissaire aux Comptes), Giám-định-viên, Cung-thác-viên : tồ-chức về nghề-nghiệp, gia-nhập chức-vụ, kỷ-luật.
- Huấn-luyện và tu-nghiệp nhân-viên tư-pháp các cấp.
- Tồ-chức các cuộc hội-thảo đề thuyết-trình về nhiệm-vụ của Tòa án và của Thẩm-phán theo quan-niệm mới.

c. — Điều-hành

- Giản-dị-hóa thủ-tục hành-chánh.
- Sửa-đổi giá-biểu lệ-phí, hình, hộ.
- Chính-đốn sổ sách tại Phòng Lục-sự.

Một Ủy-ban Cải-cách Tư-Pháp đã được thành-lập do Nghị-định số 875-BTP/NĐ ngày 9-9-1966.

III. — ĐEM CÔNG-LÝ ĐẾN GẦN DÂN VÀ GÂY TINH-THẦN TRỌNG-PHÁP TRONG DÂN CHÚNG.

A. — QUAN-NIỆM

Đề củng-cố nền dân-chủ pháp-trị, Tòa-án phải tiến gần dân, đến với dân, dù ở nơi xa xôi nhằm mục-đích :

- Ngăn ngừa tham-nhũng, bài-trừ cường-hào ác-bá ;
- Phổ-cập công-dân giáo-dục ;
- Gây tin-tưởng nơi sự che chở của luật-pháp.

B. — KẾ-HOẠCH

1. — Tổ-chức các phiên-xử lưu-động :

a) *Tổ-chức các phiên-xử của các Tòa Sơ-thẩm và các Tòa Hòa-Giải Rộng-Quyền :*
 — Tổ-chức trước hết ở Quận, rồi tiến tới Xã, Ấp Tân-sinh tùy theo điều-kiện an-ninh địa-phương.

— Ấn-định rõ ràng lịch-trình tổ-chức (để theo dõi và kiểm-tra).

— Xét xử những vụ giản-dị về hình, hộ hay điền-địa liên-hệ trực-tiếp đến đời sống dân chúng ngụ tại địa-phương.

b) *Tổ-chức các phiên xử của các Tòa Thượng-Thẩm (tại Nha-Trang, Phong-Dinh, Đà-Lạt...)*

c) *Tổ-chức các buổi nói chuyện (sau phiên xử) :*

— Nói chuyện về một đề-tài có tính cách giải-thích các vấn-đề pháp-luật thường-thức hoặc công-dân giáo-dục.

— Chỉ dẫn pháp-luật.

d) *Kiểm-soát và chỉ dẫn :*

— Kiểm-soát và chỉ dẫn các cấp hành-chánh về cách ghi chép và gìn giữ các số bộ và các thẻ-thức thi-hành các văn-kiện tư-pháp.

2. — Phổ-biến luật-lệ thường-thức :

Soạn-thảo và ấn-hành các cuốn sách nhỏ nói về các vấn-đề pháp-luật thường-thức để cho phổ-biến tại các Tỉnh, Quận, Xã, Ấp trong toàn quốc.

— Chiếu bóng,

— Kịch.

3. — Huấn-luyện chuyên-môn :

a) *Huấn-nghiệp :*

— Nhân-viên Hành-Chánh Quận phụ-trách Tư-pháp ;

— Hội-đồng-xã (Ủy-viên hộ-tịch, cảnh-sát) ,

— Nhiệm-vụ thừa-phát-lại tại nông-thôn.

b) *Tu-nghiệp :*

— Mở lớp tu-nghiệp cho các nhân-viên tư pháp (Thẩm-phán, Lục-sự, Thư-ký.)

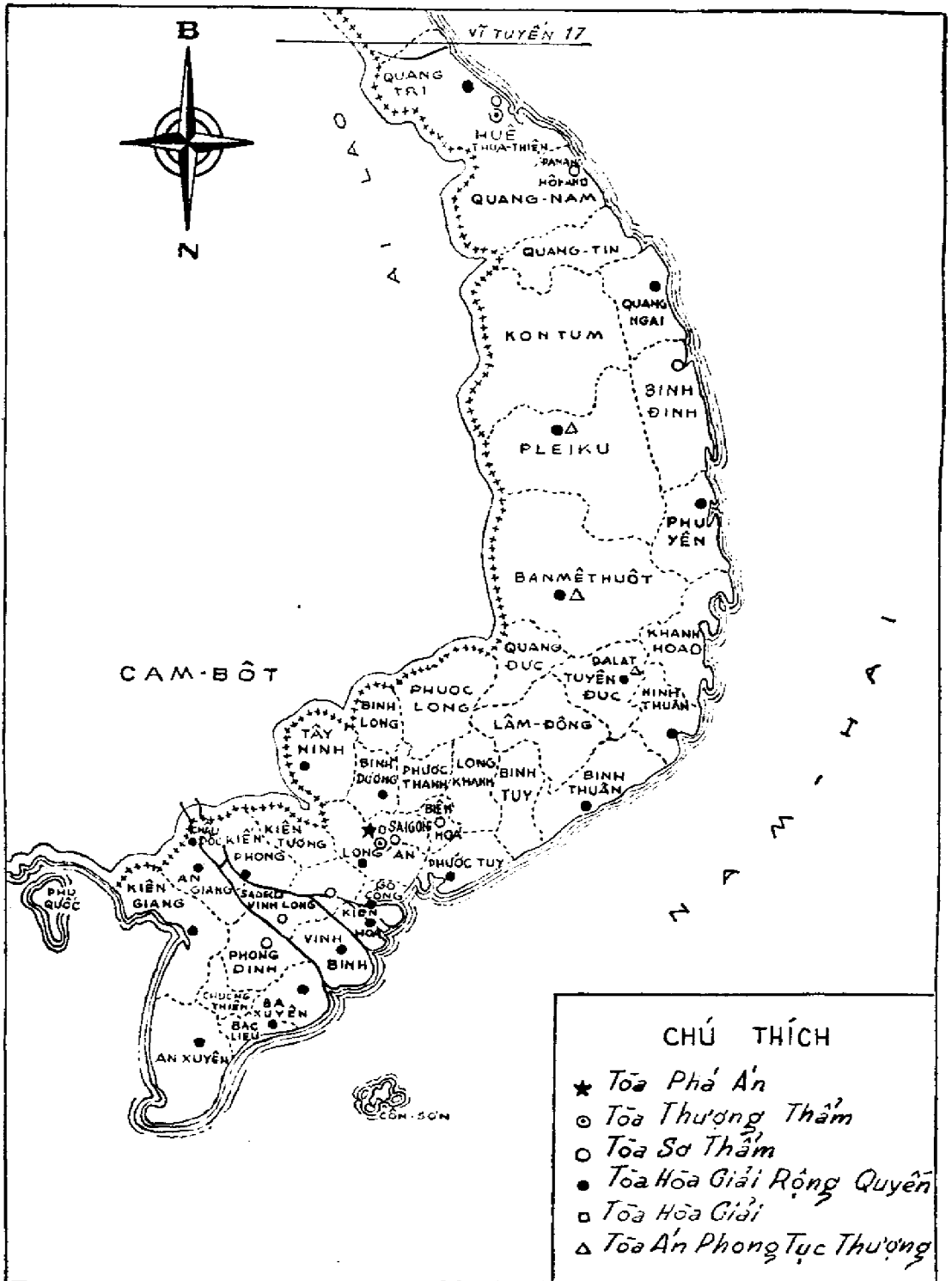
4. — Thanh-tra :

— Tổ-chức thanh-tra thường-xuyên từ Trung-trương đến các Tỉnh, Quận, Xã, Ấp.

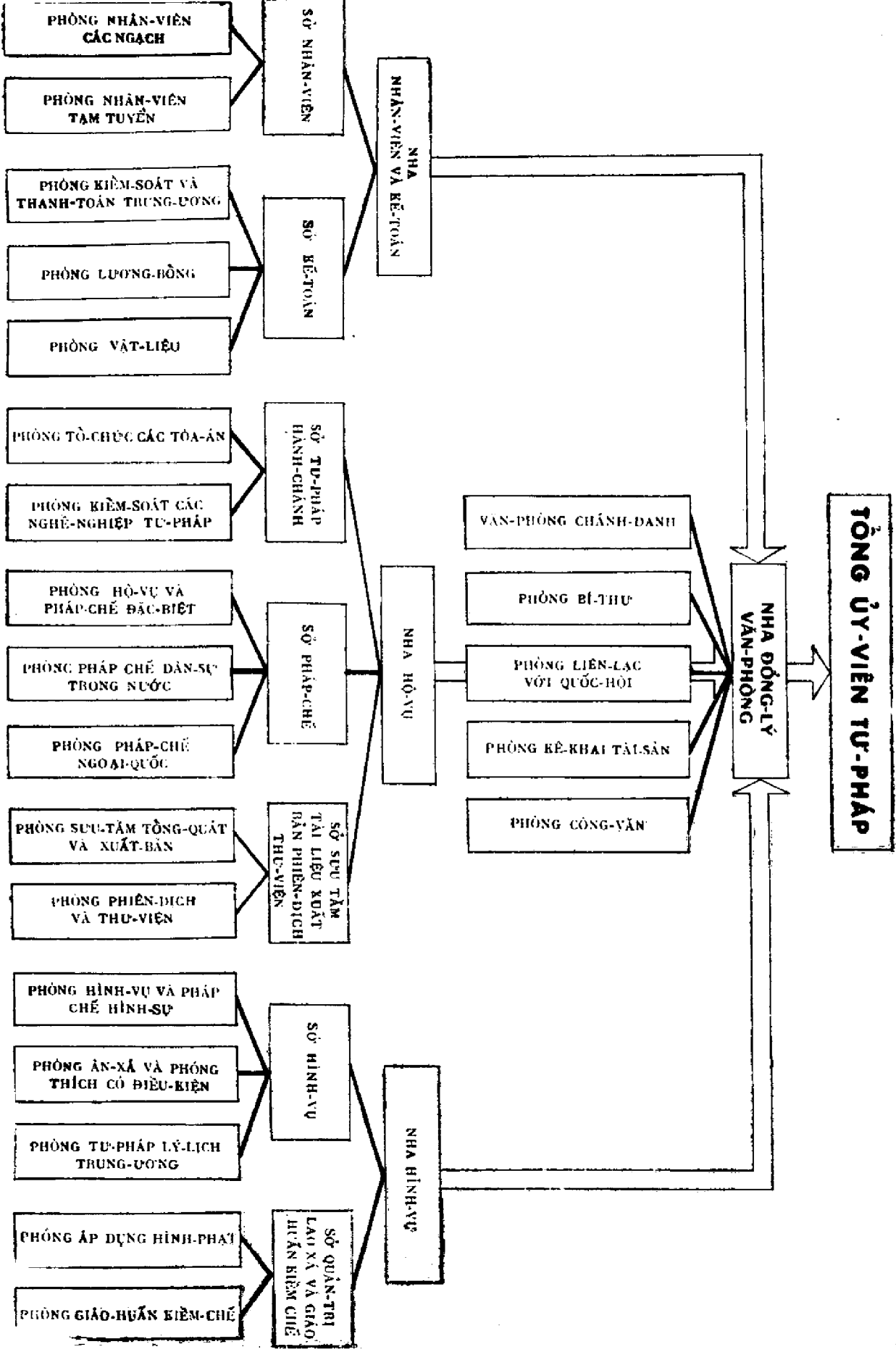
— Thâu-thập nguyện-vọng của dân chúng.



BẢN ĐỒ VỊ - TRÍ CÁC TÒA - ÁN TẠI VIỆT - NAM

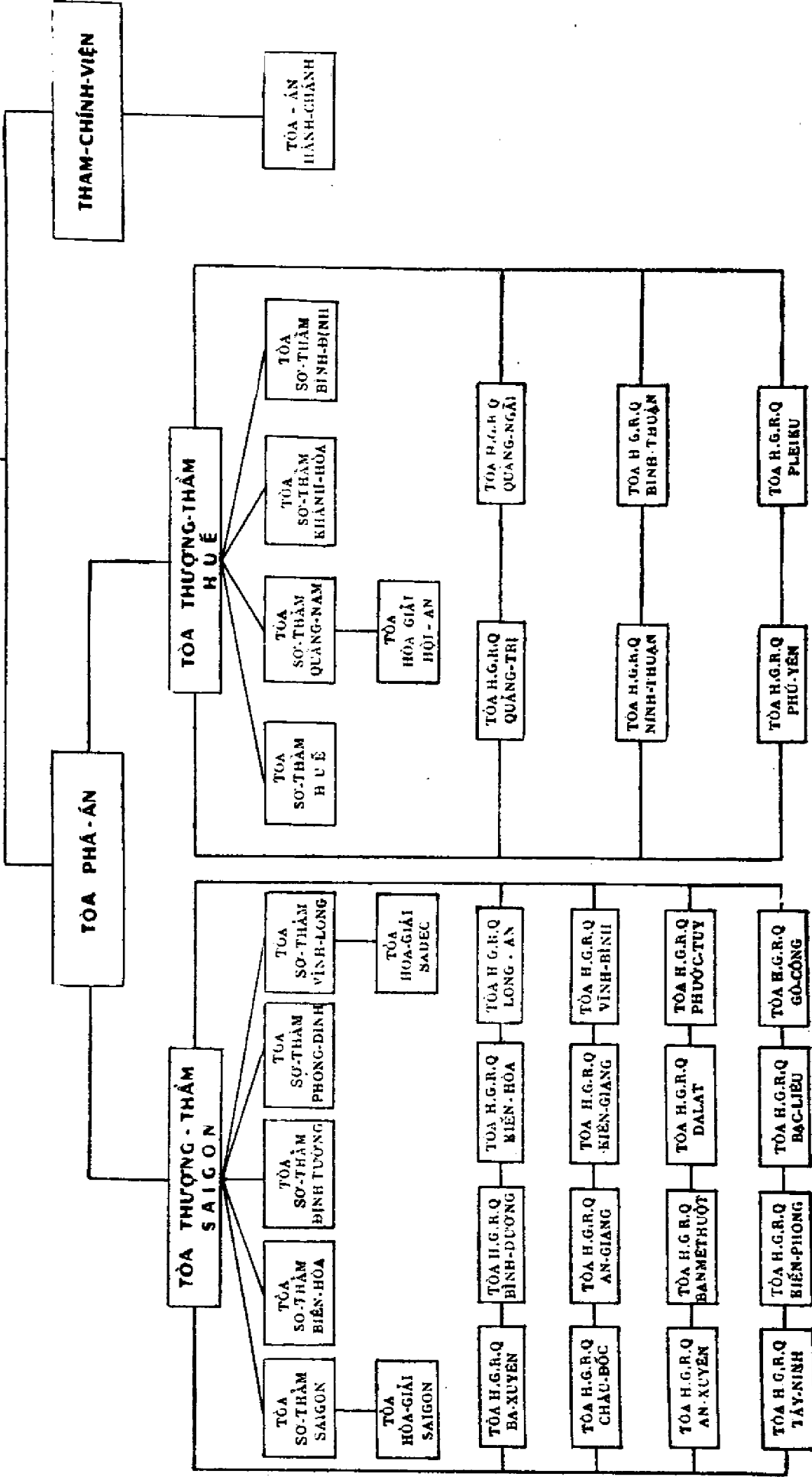


SƠ ĐỒ TỔ-CHỨC CƠ-QUAN TRUNG-ƯƠNG BỘ TƯ-PHÁP



HỆ - THỐNG CÁC TÒA - ÁN VIỆT - NAM

TỔNG BỘ TƯ - PHÁP



CHƯƠNG VII : Hình-sự tố-tụng	90
1 — Sự diễn-tiến của một vụ án hình	91
2 — Những thủ-tục đặc-biệt	98
CHƯƠNG VIII : Dân-sự tố-tụng	105
1 — Nguồn-gốc luật tố-tụng	105
2 — Thẩm-quyền của các cơ-quan tài-phán	107
3 — Thủ-tục tố-tụng trước các cơ-quan tài-phán	119
Phụ-Bản A : Luật Thương-Mại Việt-Nam	143
Phụ-Bản B : Luật Quan-Thuế	148
Phụ-Bản C : Luật Hàng-Hải	157
CHƯƠNG IX : Canh-tân nền Tư-Pháp Việt-Nam	163
1 — Quan-niệm vấn-đề	163
2 — Những cải-tổ cần phải thực-hiện	165
3 — Kế-hoạch và thời-gian thực-hiện cuộc canh-tân	166
CHƯƠNG X : Phân-Tích Hiến-Pháp	175
1 — Phân-tích từng chương	175
2 — Phân-tích các đặc-điểm	181

PHỤ-LỤC

1 — Hiến-Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa (Chương V : Tư-Pháp)	187
2 — Chương-trình hoạt-động trong hai năm 1967 và 1968 của Tổng Bộ Tư-Pháp	189
3 — Bản-đồ vị-trí các Tòa-án Việt-Nam	
4 — Sơ-đồ tổ-chức Bộ Tư-Pháp	
5 — Sơ-đồ tổ-chức các Tòa-án	

